



DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN

Cộng đồng doanh nghiệp đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam
trong thúc đẩy tăng trưởng xanh

PHIÊN CẤP CAO



Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2023

KHUYẾN CÁO

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (“**VBF**”) là một cơ chế đối thoại liên tục và chặt chẽ giữa Chính phủ Việt Nam với cộng đồng các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, nhằm cải thiện các điều kiện kinh doanh cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, thuận lợi hóa môi trường đầu tư, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam.

Tài liệu này được phát hành để phục vụ cho Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên, phiên Cấp cao được tổ chức vào ngày 19/03/2023 tại Hà Nội.

Các kết luận và nhận định đưa ra trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình của đại diện các doanh nghiệp tại Diễn đàn, không thể hiện quan điểm của Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, cũng như các tổ chức đồng chủ tọa VBF bao gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Ngân hàng Thế giới, và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) - thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới. Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, và các tổ chức đồng chủ tọa VBF không đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu được sử dụng trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình nói trên, và không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Tài liệu này không được cho thuê, bán lại hoặc phát hành cho mục đích thương mại.



MỤC LỤC

PHIÊN 1: ĐỒNG HÀNH CÙNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH

- 1.1 Báo cáo của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI
- 1.2 Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu - EuroCham
 - 1.2.1 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu - EuroCham
- 1.3 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ - AmCham
- 1.4 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc - KoCham
- 1.5 Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản - JCCI
- 1.6 Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc - BritCham
 - 1.6.1 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc - BritCham
- 1.7 Bài phát biểu của các Hiệp hội thành viên liên kết
 - 1.7.1 Báo cáo của các Hiệp hội thành viên liên kết

PHIÊN 2: VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

- 2.1 Tái định hình thị trường tài chính ngân hàng
- 2.2 Đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và đa dạng chuỗi cung ứng
- 2.3 Chuẩn bị cho giai đoạn chuyển đổi năng lượng & thúc đẩy kinh tế tuần hoàn

PHỤ LỤC

Tóm tắt Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên, phiên Cấp cao, ngày 21/02/2022



DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN

Thời gian: 7:30 – 11:35, Chủ Nhật, ngày 19 tháng 3 năm 2023

Địa điểm: Crystal Grand Ballroom, Khách sạn Lotte Hà Nội, 54 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP ĐỒNG HÀNH CÙNG CHÍNH PHỦ VIỆT NAM TRONG THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ DỰ KIẾN

PHIÊN CẤP CAO	
7:30 – 8:00	Đăng ký đại biểu
8:00 – 8:15	Phát biểu khai mạc • Bộ Kế hoạch & Đầu tư – Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng • Tổ chức Tài chính Quốc tế – Ông Thomas Jacobs, Giám đốc Quốc gia • Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Phạm Tấn Công, Đồng chủ tịch
8:15 – 8:30	Tóm tắt Phiên Kỹ thuật - Ông Soren Roed Pedersen, Đồng chủ tịch VBF
PHIÊN 1 – ĐỒNG HÀNH CÙNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH	
8:30 – 9:05	Bài trình bày của 07 Hiệp hội doanh nghiệp • Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam • Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam • Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam • Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam • Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam • Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam • Đại diện các Thành viên Liên kết

PHIÊN 2 – VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH	
09:05 – 09:35	<i>Trình bày: 03 diễn giả</i> • Đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và đa dạng chuỗi cung ứng – Nhóm Công tác Kinh tế số • Chuẩn bị cho giai đoạn chuyển đổi năng lượng & thúc đẩy kinh tế tuần hoàn – Nhóm Công tác Điện & Năng lượng, Nhóm Công tác Môi trường • Tái định hình thị trường tài chính ngân hàng – Nhóm Công tác Ngân hàng
09:35 – 09:50	NGHỈ GIẢI LAO
09:50 – 10:45	PHẢN HỒI CỦA ĐẠI DIỆN CÁC BỘ, NGÀNH
10:45 – 11:15	PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA NGÀI PHẠM MINH CHÍNH – THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BẾ MẠC	
11:15 – 11:30	• Ngân hàng Thế giới – Bà Carolyn Turk, Giám đốc Quốc gia • Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Soren Roed Pedersen, Đồng Chủ tịch • Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng
11:30 – 12:00	LỄ KỶ NIỆM 25 NĂM THÀNH LẬP VBF <i>VBF thông báo về việc tổ chức Lễ kỷ niệm</i> • Trình chiếu phim kỷ niệm (8') • Đồng Chủ tịch VBF phát biểu (3') • Trao kỷ niệm chương (15') • Chụp ảnh toàn thể (5')
TIỆC TRƯA	

**ĐỒNG HÀNH CÙNG
VIỆT NAM TRONG
GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN
KINH TẾ XANH**



BÁO CÁO CỦA LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ VÀ THÚC ĐẨY KINH TẾ XANH

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước năm 2022 có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, tác động tiêu cực tới các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước, nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn và trên đà phục hồi tích cực. GDP Việt Nam năm 2022 tăng trưởng 8,02%, quy mô GDP ước đạt khoảng 409 tỷ USD; tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước tăng 11,2%; kim ngạch xuất khẩu tăng 10,6%, ước đạt 371,39 tỷ USD, xuất siêu ước đạt 11,2 tỷ USD; tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường năm 2022 đạt 208,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 30,3% so với năm 2021, trong đó 148,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và 59,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động....

Góp phần quyết định cho việc đạt được những thành quả đó, chính là nỗ lực kiên trì đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát cùng nhiều giải pháp quan trọng khác của Đảng, Quốc hội và Chính phủ. Đây cũng là kết quả từ quyết tâm vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong một năm đầy thử thách, khi số doanh nghiệp buộc phải rút lui khỏi thị trường lên tới 143,2 nghìn, tăng 19,5% so với năm 2021.¹

Theo nhiều dự báo của các tổ chức quốc tế cũng như trong nước, năm 2023 là một năm đầy khó khăn đối với kinh tế toàn cầu cũng như Việt Nam. Trên bình diện quốc tế, đó là những vấn đề như cạnh tranh chiến lược các nước lớn; xung đột quân sự; chiến tranh thương mại; ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu; cùng với tình trạng lạm phát tiếp tục ở mức cao; xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất kéo dài tại nhiều quốc gia; nguy cơ bất ổn về tài chính, tiền tệ, nợ công, bất động sản, an ninh năng lượng, lương thực, thông tin trên toàn cầu gia tăng... Ở trong nước, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đứng trước những thách thức to lớn từ sức ép của lạm phát, tỷ giá, lãi suất, rủi ro trong gián đoạn chuỗi cung ứng, sự cạnh tranh khốc liệt trên các thị trường xuất khẩu và kể cả trên chính sân nhà Việt Nam. Cùng với đó, là những vấn đề liên quan tới thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó dự báo.

Năm 2023 và những năm tới sẽ có những chuyển đổi lớn trên bình diện toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam cần quan tâm tới những xu hướng toàn cầu này:

Xu hướng thứ nhất là xu hướng thích ứng tốt hơn. Sau hai năm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, tình hình thế giới và khu vực năm 2023 dự báo sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, nhiều vấn đề mới nảy sinh. Trong khi đó, biến đổi khí hậu là một nguy cơ toàn cầu. Việt Nam được đánh giá là một trong năm quốc gia dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu. Chính vì vậy các hoạt động đầu tư kinh doanh cần phải chú trọng tăng cường khả năng thích ứng và chống chịu tốt hơn với những bất trắc và nguy cơ.

Xu hướng thứ hai là xu hướng phát triển nhân văn hơn, vì con người hơn. Trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay chúng ta thấy một xu hướng rất rõ là quan tâm đến con người, quan tâm đến sức khỏe hơn. Một số ngành nghề sẽ trở nên quan trọng hơn nữa như y tế, chăm sóc sức khỏe. Các sản phẩm công nghệ cũng hướng đến phục vụ tốt hơn cho cuộc sống con người.

¹ <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2022/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022/>

Xu hướng thứ ba là xu hướng phát triển xanh hơn. Kinh tế xanh đang trở thành xu hướng phát triển chung trên thế giới, nhiều quốc gia hiện đang theo đuổi mục tiêu vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa giải quyết những thách thức về ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Các thị trường quốc tế lớn như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu ... đều đưa ra những tiêu chuẩn cao về sản phẩm “xanh”. Các tổ chức quốc tế hiện nay ưu tiên vốn tín dụng cho các dự án xanh, thân thiện với môi trường. Đầu tư FDI thời gian tới của Việt Nam sẽ phải chú trọng chọn lọc các dự án có công nghệ thân thiện môi trường, công nghệ cao. Các doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường năng lực, điều chỉnh mô hình sản xuất kinh doanh để tiếp cận các thị trường và nguồn vốn tín dụng xanh. Môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam cần phát triển để không chỉ thuận lợi về thủ tục mà phải thúc đẩy kinh tế xanh, phát triển khu vực tư nhân bền vững.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm và tích cực thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững. Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách định hướng phát triển kinh tế theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài FDI, chú trọng thu hút các dự án mới “xanh” và có chất lượng cao hơn. Có thể kể đến những định hướng lớn như Kết luận 56 của Bộ Chính trị về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (tháng 8/2019), Nghị quyết 50/NQ-TW về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 (tháng 8/2019), Nghị quyết 55/NQ-TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách những năm vừa qua được tích cực triển khai theo định hướng này, nhiều đạo luật quan trọng như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Bảo vệ môi trường, các nghị định hướng dẫn đã theo định hướng phát triển xanh và bảo vệ môi trường.

Tháng 10/2021, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050” thể hiện mục tiêu mạnh mẽ của nước ta về tái cơ cấu mô hình tăng trưởng hướng tới kinh tế xanh. Tại Hội nghị Khí hậu COP 26, Việt Nam cam kết mạnh mẽ đến năm 2050 đạt phát thải ròng bằng 0, nâng tỉ lệ năng lượng tái tạo trên 30% trong tổng nguồn cung năng lượng sơ cấp và tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 43%. Mới đây, ngày 14/12/2022, Chính phủ Việt Nam chính thức thông qua Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng với các đối tác quốc tế (JETP) cùng Nhóm các Đối tác quốc tế nhằm hiện thực hóa các cam kết của Việt Nam về mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và chuyển đổi năng lượng từ than sang năng lượng sạch.

Điều này thể hiện cam kết chính trị và quyết tâm rất lớn của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong việc đẩy mạnh chuyển đổi nền kinh tế, góp phần giải quyết những thách thức lớn toàn cầu về biến đổi khí hậu và vấn đề môi trường hiện nay. Đây là một bước đi quan trọng tiếp theo của tiến trình hội nhập mạnh mẽ khi Việt Nam đã là một thành viên chủ động và tích cực của thế giới, tham gia nhiều hiệp định thương mại quốc tế đa phương và song phương quan trọng như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA)... trong đó nhiều yêu cầu thuận lợi hoá thương mại đi cùng với cam kết bảo vệ môi trường.

Việc hiện thực hóa các định hướng chính sách quốc gia và các cam kết quốc tế của Việt Nam hướng tới đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 cần sự chung tay của tất cả các bên – chính quyền trung ương và địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân, các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính trị-xã hội. Với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, thách thức hiện nay là không nhỏ:

- Thứ nhất, mức độ hiểu biết, quy định môi trường của doanh nghiệp Việt Nam mới ở giai đoạn ban đầu. Khảo sát doanh nghiệp của VCCI cho thấy mặc dù ô nhiễm môi trường ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh song mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về các quy định môi trường còn thấp. Chỉ có 31,8% doanh nghiệp tư nhân trong

nước cho biết họ hiểu rõ các quy định môi trường. Bên cạnh đó, có đến 68% doanh nghiệp cho biết đã bị ảnh hưởng tiêu cực bởi biến đổi khí hậu.

- Thứ hai, mức độ tuân thủ quy định môi trường chưa cao dù đang được cải thiện, lý do là bởi khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhiều doanh nghiệp chưa nhận thức được trách nhiệm với môi trường bởi cho rằng quy mô doanh nghiệp quá nhỏ để gây hại cho môi trường, nhiều doanh nghiệp không có nhân lực am hiểu về pháp luật môi trường trong khi các quy định môi trường còn phức tạp, chưa dễ tiếp cận, chi phí tuân thủ các quy định môi trường còn cao. Chi phí đầu tư cho sản xuất “xanh”, vận hành, kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường rất lớn khiến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bị giảm trước mắt. Số liệu khảo sát của VCCI cho thấy 44% doanh nghiệp trong nước và 38% doanh nghiệp FDI thừa nhận chưa tuân thủ đầy đủ các quy định môi trường. Mức độ tham gia các chương trình bảo vệ môi trường tại địa phương của doanh nghiệp còn hạn chế (37%). Đáng chú ý là mặc dù tới 91% doanh nghiệp cho rằng bảo vệ môi trường là trách nhiệm của chính quyền địa phương nhưng tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chính họ cũng cần có trách nhiệm lại thấp hơn.
- Thứ ba, mức độ đầu tư của doanh nghiệp cho đổi mới, thực hành xanh mới ở mức độ khởi đầu. Theo báo cáo năm 2021 của UNDP, ngay cả trong các lĩnh vực thâm dụng năng lượng như sản xuất, vận tải, xây dựng, cũng chỉ có khoảng 1/2 doanh nghiệp áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên.

Để góp phần hiện thực hóa các định hướng phát triển và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp mà Chính phủ đã đặt ra hướng tới kinh tế xanh và phát triển bền vững, VCCI và cộng đồng doanh nghiệp có một số kiến nghị như sau:

(1) Tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật, quy định về môi trường, tới kinh tế xanh và phát triển bền vững: Thực tế đã cho thấy việc tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, người dân trong quá trình tham vấn xây dựng hoàn thiện chính sách, pháp luật góp phần quan trọng cho việc nâng cao, cải thiện chất lượng quy định pháp luật. Cùng với đó, là nâng cao tính khả thi của quy định trong quá trình triển khai thực thi trên thực tế.

(2) Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin chính sách, quy định về môi trường, kinh tế xanh và phát triển bền vững cho doanh nghiệp: Các cơ quan nhà nước cần nâng cao hiệu quả công tác phổ biến các chính sách, quy định để các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, nhỏ) dễ dàng tiếp cận thông tin. Hiện nay, các quy định, chính sách trong lĩnh vực này nằm ở nhiều văn bản pháp luật, dẫn đến khó tra cứu, tìm hiểu. Việc phổ biến chính sách, quy định cần thực hiện theo hướng tập trung trên cổng thông tin của chính quyền tỉnh, thành phố, cơ quan quản lý chuyên ngành về môi trường, đầu tư, kinh doanh là cần thiết, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao hiểu biết về quy định môi trường thuận tiện, dễ dàng và đầy đủ. Bên cạnh đó, cần có hình thức phù hợp, hiệu quả để truyền thông, nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật về bảo vệ môi trường, vận động doanh nghiệp tham gia các chương trình về môi trường.

(3) Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách về tăng trưởng xanh, các chính sách khuyến khích, ưu đãi nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ cao, công nghệ sạch: Hiện nay khung pháp lý về tăng trưởng xanh đang ngày càng được hoàn thiện ở cấp trung ương nhưng ở cấp địa phương vẫn ở giai đoạn sơ khởi. Chính quyền các tỉnh, thành phố cần xây dựng kế hoạch, chiến lược tăng trưởng xanh triển khai khung chính sách, chiến lược cấp trung ương, bao gồm Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm với các giải pháp cụ thể đảm bảo huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp. Bên cạnh việc xây dựng khung chính sách, các cơ quan nhà nước cần xây dựng, phát triển, đa dạng hóa các chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án tiềm năng và đang hoạt động nhằm khuyến khích sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, ít tiêu hao năng lượng, tài nguyên, phát thải thấp, thân thiện với

môi trường. Việc xây dựng và ban hành các bộ tiêu chí đầy đủ, đồng bộ, tập trung cũng rất cần thiết để hỗ trợ các tỉnh, thành phố trong việc lựa chọn, đánh giá các nhà đầu tư, dự án tiềm năng sử dụng công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, đổi mới công nghệ, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực mà Việt Nam ưu tiên phát triển, có lợi thế so sánh, phát thải các bon cao như nông nghiệp, du lịch, năng lượng ...

(4) Theo dõi, đánh giá thực thi chính sách về kinh tế xanh, phát triển bền vững ở cấp địa phương. VCCI đang xây dựng và sẽ công bố Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) trong năm 2023. Từ góc nhìn của doanh nghiệp, đây là bộ chỉ số độc lập đánh giá môi trường kinh doanh xanh cấp tỉnh, mức độ tuân thủ pháp luật về môi trường, thực trạng ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường của các doanh nghiệp tại địa phương, trình độ quản lý và ứng xử với môi trường của doanh nghiệp, mức độ quan tâm, chính sách khuyến khích hoạt động đầu tư xanh của chính quyền địa phương và nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến môi trường. Việc xây dựng, công bố Chỉ số Xanh cũng nhằm cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước trung ương và địa phương sử dụng trong hoạch định chính sách về đầu tư và môi trường, trong điều hành, quản lý nhà nước; thúc đẩy tiến trình chuyển đổi xanh của các địa phương. Chỉ số Xanh cấp tỉnh sử dụng cách tiếp cận từ dưới lên đã đạt nhiều thành công qua Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI.

(5) Tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho tăng trưởng xanh cho doanh nghiệp: Theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Thế giới, Việt Nam dự kiến cần khoảng 30 tỷ USD để thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh đến năm 2030, trong đó hiện nay ngân sách Nhà nước chỉ có thể đáp ứng tối đa 30% nguồn lực và chủ yếu tập trung cho đầu tư hạ tầng giao thông vận tải và nhiều mục tiêu ưu tiên khác. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy đầu tư công không phải là nguồn vốn chủ đạo trong tăng trưởng xanh, mà nguồn đầu tư tư nhân mới đóng vai trò quyết định. Do đó, các cơ quan nhà nước cần xây dựng cơ chế để thúc đẩy hơn nữa các chương trình tín dụng xanh từ các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, ưu tiên cho các dự án có mô hình tăng trưởng xanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các công cụ tài chính xanh như tín chỉ các-bon, trái phiếu xanh, thị trường mua bán các-bon.

(6) Tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, với trọng tâm là cải cách về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp. Tập trung cải cách một số lĩnh vực TTHC còn nhiều phiền hà theo phản ánh từ các doanh nghiệp: đất đai, thuế, bảo hiểm xã hội, xây dựng, quản lý thị trường, giao thông, phòng cháy, môi trường, kho bạc và lao động... Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành tiếp tục rà soát, tối ưu hóa quy trình thủ tục hành chính liên ngành, đặc biệt là nhóm các thủ tục liên quan tới đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường. Hướng tới việc tạo lập và kết nối liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước cơ sở dữ liệu doanh nghiệp để đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách quy định về điều kiện kinh doanh. Tiếp tục giảm thiểu gánh nặng thanh, kiểm tra doanh nghiệp, theo hướng áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong thực hiện thanh tra, kiểm tra. Cải cách mạnh mẽ hơn về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

Trong bối cảnh tương lai có nhiều yếu tố rất bất ổn, Việt Nam cần đưa ra thông điệp mạnh mẽ về đảm bảo ổn định chính sách trong nước, lấy ổn định chính sách trong nước để bù đắp cho những bất ổn trên thế giới. Đây là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bứt phá của Việt Nam trong thời gian tới./.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP ĐỒNG HÀNH CÙNG CHÍNH PHỦ VIỆT NAM TRONG THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH

Kính thưa Ngài Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ CHXHCN Việt Nam,
Kính thưa ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
Kính thưa ông Phạm Tân Công – và ông Soren Roed Pedersen – Đồng chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam,
Kính thưa các lãnh đạo cơ quan Việt Nam và các vị khách quý!

Tôi rất vinh dự được có mặt hôm nay với tư cách là Chủ tịch mới được bầu của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam (**EuroCham**). Sứ mệnh của chúng tôi là thúc đẩy thương mại và đầu tư song phương giữa Châu Âu và Việt Nam. Với 1.300 thành viên và 9 hiệp hội doanh nghiệp quốc gia, chúng công hiến hết mình cho mục đích này. Tôi tự hào tiếp bước người tiền nhiệm Alain Cany, người đã tham gia phái đoàn tháp tùng Ngài Thủ tướng Chính phủ tại COP26 khi Ngài đã đưa ra cam kết lịch sử của Việt Nam đưa phát thải ròng về “0” vào năm 2050.

Để theo đuổi việc thực hiện đầy đủ sứ mệnh của mình, chúng tôi đã cùng làm việc để xác định các lĩnh vực cần có tiền bộ mạnh mẽ, chia sẻ công nghệ tiên tiến của châu Âu và thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao. Hôm nay, tôi rất vui mừng được chia sẻ một số khuyến nghị chính sách sẽ giúp đạt được điều này và mở đường hướng tới sự thịnh vượng xanh và chuyển đổi kinh tế của Việt Nam, đồng thời tận dụng đầy đủ các lợi ích của EVFTA và đẩy nhanh việc phê chuẩn EVIPA của tất cả các quốc gia thành viên EU.

Vấn đề đầu tiên và cũng quan trọng nhất cần thảo luận hôm nay đó là **tăng trưởng xanh**. Ngày nay, chúng ta đang trên đỉnh của một cuộc cách mạng xanh và Việt Nam có tiềm năng mở đường tới một tương lai bền vững và thịnh vượng. Ý tưởng này đã khiến EuroCham tổ chức Diễn đàn & Triển lãm Kinh tế Xanh vào cuối năm 2022. Sự kiện này thể hiện tiềm năng to lớn của Việt Nam và chúng tôi rất vui mừng được gặp Ngài Thủ tướng Chính phủ cùng một số bộ trưởng tại đó. Sắp tới, với đà phát triển này, chúng tôi hy vọng sẽ tổ chức sự kiện này một lần nữa vào năm 2024, và có sự hỗ trợ toàn diện từ các cơ quan chức năng của Việt Nam.

Để chuẩn bị sẵn sàng cho tương lai, việc sử dụng **năng lượng tái tạo** là nhiệm vụ cấp bách và mang tính bước ngoặt nhất đối với chúng ta. Để làm được điều này, chính phủ cần cho phép và khuyến khích tất cả các bên tiêu dùng điện tiếp cận và đầu tư vào năng lượng tái tạo bên cạnh việc thực hiện sử dụng năng lượng hiệu quả. Để giảm lượng khí thải carbon và thúc đẩy một tỷ lệ sử dụng năng lượng sạch hơn, điều cần thiết là phải xây dựng và thực hiện Quy hoạch Phát triển Điện lực 8 và tất cả các quy định cần thiết, với việc sớm đưa vào một chiến lược bù đắp năng lượng điện than. Với nguồn năng lượng mặt trời và gió dồi dào của Việt Nam, điều quan trọng là phải điều chỉnh thể chế và cơ sở hạ tầng để có thể chuyển đổi hoàn toàn sang năng lượng tái tạo. Điều này bao gồm cả việc sử dụng hydro xanh, có thể được hỗ trợ bởi các hệ thống lưu trữ năng lượng tiên tiến.

Các vấn đề về rác thải và thiếu nước cũng có thể được giải quyết với mô hình **kinh tế tuần hoàn**. Mặc dù có tiến bộ trong việc triển khai luật về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, chúng tôi khuyến nghị tăng cường xử phạt đối với việc thực thi các quy định về chất thải và thúc đẩy các vật liệu thay thế hoặc nhựa phân hủy cho đến khi giảm đáng kể chất thải nhựa.

Để hỗ trợ mục tiêu trở thành quốc gia đi đầu trong lĩnh vực khoa học đời sống của Việt Nam, EuroCham nhấn mạnh đến việc tăng cường khả năng **tiếp cận được phẩm và thiết bị y tế** thông qua các quy trình quản lý được tối ưu hóa và các thông lệ tốt nhất toàn cầu. Điều này đòi hỏi các chính sách mua sắm và tài trợ dựa trên giá trị phải được sửa đổi bởi Luật Dược. Mặc dù Nghị định 07 và Nghị quyết 30 đã loại bỏ các rào cản và cải thiện việc thanh toán bảo hiểm y tế, nhưng việc Bộ Y tế nhanh chóng phê duyệt cấp phép lưu hành cho các thiết bị y tế loại C và D là rất quan trọng để tiếp tục giảm tình trạng thiếu hụt trang thiết bị và vật tư y tế.

Trong thị trường toàn cầu ngày nay, Việt Nam cũng cần thu hút và giữ chân người tài. Để làm được điều đó, các thủ tục **giấy phép lao động** hiện tại cần được đơn giản hóa. Cần lưu ý rằng đầu tư nước ngoài chất lượng cao là điều cần thiết cho sự thành công của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta không thể thu hút những nhà đầu tư này nếu chúng ta không thể tuyển dụng và giữ chân những người giỏi. Dễ thấy rằng sẽ không hợp lý chút nào khi những người nước ngoài đã sống, làm việc và đầu tư tại Việt Nam trong nhiều năm, đã từng được cấp nhiều giấy phép lao động mà lại đang bị từ chối gia hạn giấy phép lao động chỉ vì một số vấn đề nhỏ về thủ tục. Để khai thác hoàn toàn tiềm năng của lực lượng lao động đa dạng và tài năng của chúng ta, chúng ta cần đơn giản hóa các rào cản về thủ tục hành chính và mở đường dẫn đến thành công. Điều này có thể đạt được thông qua sửa đổi Luật Lao động và Nghị định 152.

Tiếp theo, thiên nhiên tươi đẹp cùng di sản văn hóa giàu có khiến Việt Nam trở thành một điểm đến hàng đầu cho khách du lịch. Để khai thác tối đa tiềm năng này, việc **miễn thị thực** một tháng nên được mở rộng cho tất cả các nước EU và các nước có nhiều khách du lịch khác. Hơn nữa, việc thực hiện một chương trình riêng cấp thị thực cho những người về hưu tự túc trong ba đến sáu tháng có thể là chất xúc tác cho ngành du lịch phát triển mạnh, giống như sự thành công của các quốc gia láng giềng cạnh chúng ta.

Tiếp theo, điều quan trọng đối với chính phủ là tiếp tục ưu tiên **chuyển đổi số** toàn diện. Để làm được điều này, điều quan trọng là phải tạo ra sự tương thích thực tế cho các doanh nghiệp châu Âu đang hoạt động tại Việt Nam để tuân thủ cả Luật an ninh mạng của Việt Nam và Quy định bảo vệ dữ liệu chung của Châu Âu (GDPR). Điều này đòi hỏi có sự hài hòa giữa luật bảo vệ dữ liệu cá nhân của Việt Nam với luật pháp quốc tế để tạo điều kiện trao đổi dữ liệu giữa các công ty Việt Nam và các công ty đa quốc gia. Chúng tôi cũng khuyến nghị rằng chữ ký sống và nhận dạng cá nhân nên được thay thế bằng chứng nhận chữ ký điện tử được quốc tế công nhận. Ngoài ra, việc áp dụng các chính sách ưu tiên đám mây đổi mới phải đi kèm với các biện pháp bảo mật, tuân thủ và xác nhận được quốc tế công nhận.

Về **thuế**, để khắc phục tác động của thuế suất tối thiểu toàn cầu (GMT) sắp tới, chúng tôi đề xuất các biện pháp khuyến khích đầu tư mà có thể bao gồm miễn thuế nhập khẩu, kéo dài thời gian miễn thuế đất và ưu đãi dựa trên chi phí, đặc biệt là chi phí nghiên cứu và phát triển.

Về **thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)**, chúng ta phải đảm bảo rằng việc xóa bỏ thuế nhập khẩu theo EVFTA không bị mất tác dụng do thuế TTĐB lại tăng để bù lại, vì nó sẽ làm suy giảm mục đích thúc đẩy thương mại song phương của hiệp định thương mại tự do. Để giảm thiểu tác động bảo hộ của thuế TTĐB, chính phủ có thể xem xét áp dụng hệ thống thuế TTĐB hỗn hợp đối với rượu vang và rượu mạnh, đồng thời miễn thuế TTĐB cho các sản phẩm dinh dưỡng tốt cho sức khỏe để phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, chúng tôi kêu gọi chính phủ Việt Nam giảm hoặc miễn thuế TTĐB cho các ngành công nghiệp thân thiện với môi trường và đối với phương tiện giao thông thải ra ít carbon như xe điện.

Để kết thúc bài phát biểu của mình hôm nay, tôi muốn nhấn mạnh rằng EuroCham tự hào sát cánh cùng các đối tác Việt Nam, đoàn kết trong sứ mệnh xây dựng một tương lai tươi sáng hơn. Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng bằng cách hợp tác với nhau, chúng ta có thể tạo ra một tương lai tươi sáng đó cho mọi người dân Việt Nam. Người xưa có câu “**Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao**”. Tương tự như vậy, bằng cách cùng hợp tác và kết hợp các nỗ lực của mình, chúng ta có thể đạt được những điều tuyệt vời và xây dựng một tương lai bền vững cho các thế hệ mai sau. Chúng ta hãy tiếp tục làm việc cùng nhau và tạo dựng mối quan hệ đối tác bền vững với thời gian vì lợi ích của Việt Nam và người dân Việt Nam.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM

Kính thưa ngài Thủ tướng Phạm Minh Chính,
Kính thưa các Bộ trưởng và lãnh đạo Chính phủ, Giám đốc Quốc gia của Ngân hàng Thế giới và
Tổ chức Tài chính Quốc tế, các đồng nghiệp tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam và các Hiệp hội
Thương mại,

Ngay cả khi giá hàng hóa toàn cầu tăng đột biến, lạm phát và gián đoạn chuỗi cung ứng vào năm 2022, Việt Nam vẫn giữ vững vị trí là một trong những nền kinh tế tăng trưởng hàng đầu thế giới. Việt Nam hiện đang ở vị trí thuận lợi để cho thế giới thấy tiềm năng của mình với tư cách là quốc gia dẫn đầu toàn cầu về phát triển kinh tế bền vững. Để có được kết quả này, các lãnh đạo trong chính phủ Việt Nam và các nhà lãnh đạo doanh nghiệp châu Âu cần tiếp tục đối thoại hiệu quả điều mà tất cả chúng ta đã thực hiện hiệu quả ngay từ khi thành lập EuroCham vào năm 1998 tới nay.

Sau khi Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (EVFTA) có hiệu lực cách đây hai năm rưỡi, thương mại giữa châu Âu và Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ. Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu với EU trong năm đầu tiên và năm thứ hai sau khi thực thi EVFTA lần lượt là 54,9 tỷ USD và 61,4 tỷ USD, tăng trưởng 11,9%/năm. Năm 2021, xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 45,8 tỷ USD, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước bất chấp tác động của dịch COVID-19. Xuất khẩu sang EU chiếm 43,5 tỷ USD trong 11 tháng đầu năm 2022, tăng 21% so với năm 2021. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng phục hồi, với vốn đăng ký cấp mới và vốn đăng ký bổ sung đều tăng, cho thấy các nhà đầu tư EU tiếp tục yên tâm về môi trường đầu tư Việt Nam. Tính đến tháng 8 năm 2022, 25 trong số 27 Quốc gia Thành viên EU đã đầu tư hơn 27,6 tỷ USD vào 2.384 dự án tại Việt Nam. Đến ngày 20 tháng 12 năm 2022, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh, vốn góp, mua cổ phần của nhà đầu tư EU đạt 2,46 tỷ USD, chiếm 8,87% tổng vốn đầu tư nước ngoài.

Xu hướng phát triển này đã diễn ra trong gần hai năm rưỡi sau khi Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam được phê chuẩn. Mặc dù Việt Nam cũng đã phê chuẩn Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam-EU (EVIPA), nhưng vấn đề nằm chỗ cần có sự phê chuẩn của từng quốc gia thành viên EU mà hiện tại chỉ mới có 12 trong số 27 Quốc gia Thành viên EU phê chuẩn hiệp định này. Các nước EU cần tiếp tục hỗ trợ việc phê chuẩn EVIPA càng sớm càng tốt để phát huy toàn diện các tiềm năng của EVFTA.

Mặc dù các chỉ số đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI của Việt Nam khả quan, nhưng nhận thức của các bên liên quan là doanh nghiệp châu Âu về môi trường kinh doanh của quốc gia này đã giảm xuống 48,0 trong quý 4 năm 2022, theo Chỉ số Môi trường Kinh doanh (BCI) do EuroCham công bố và YouGov Decision Lab đưa ra. Đây là mức giảm 14,2 điểm so với ba tháng trước và 25 điểm so với quý đầu tiên của năm. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng 5,92% trong quý 4 năm 2022 và 8,02% cho cả năm, nhưng dữ liệu được đưa ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục biến động do một số yếu tố, bao gồm tăng trưởng toàn cầu chậm lại, lãi suất tăng, lạm phát kéo dài và niềm tin của người tiêu dùng bị tổn hại. Trong bối cảnh đầy thách thức này, chúng tôi tin rằng cách hiệu quả nhất để Việt Nam tiếp tục phát triển và xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai là tập trung vào nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.

EuroCham đã truyền đi rộng rãi thông điệp này thông qua nhiều kênh, nổi bật nhất là thông qua Diễn đàn và Triển lãm Kinh tế Xanh (GEFE) 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại GEFE 2022, có gần 6.000 đại biểu tham dự, cùng các quan chức cấp cao tiêu biểu như Thủ tướng Phạm Minh Chính; Ngài Ủy viên Châu Âu về Môi trường, Đại dương và Nghề cá Virginijus Sinkevičius; và Ngài Bộ trưởng Ngoại thương và Hợp tác Phát triển Hà Lan Liesje Schreinemacher. Tổng cộng có hơn 30 phiên hội nghị chất lượng cao được tổ chức trong ba ngày liên tiếp và có 165 nhà triển lãm quốc tế có mặt. Khi chúng tôi hướng tới con số phát thải ròng bằng không, chúng tôi chân thành hy vọng rằng sự kiện này, cùng với các sáng kiến khác của EuroCham, sẽ hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu đầy tham vọng của mình.

Nhân dịp này, EuroCham và 18 Tiểu ban ngành nghề và Ban Giám đốc của chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ Việt Nam với chúng tôi trong việc xây dựng các chính sách và quy định để hỗ trợ doanh nghiệp. Chẳng hạn, việc giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) trong những ngày khó khăn của đại dịch và việc ban hành kịp thời nghị quyết về việc gia hạn tự động giấy phép lưu hành thuốc, những chính sách này đã làm giảm bớt khó khăn mà cộng đồng doanh nghiệp gặp phải.

Để duy trì động lực mà chính phủ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp châu Âu đã thiết lập, chúng tôi xin đề xuất các vấn đề, thách thức và khuyến nghị từ 18 tiểu ban ngành nghề của chúng tôi đối với chính phủ Việt Nam dưới đây. Những đề xuất này được nhóm thành năm chủ đề chính:

- (i) Môi trường kinh doanh/Thương mại và nền kinh tế;
- (ii) Phát triển bền vững;
- (iii) Lựa chọn của người tiêu dùng;
- (iv) Sức khỏe và Sắc đẹp; và
- (v) Giải quyết tranh chấp.

Những nhận xét và khuyến nghị này nhằm tăng sức hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư quốc tế và góp phần phát triển nền kinh tế xanh.

I. Môi Trường Kinh Doanh/ Thương Mại Và Kinh Tế

A. Kỹ Thuật Số

1. Hải hòa các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Việt Nam với các quy định của EU

Chúng tôi đề xuất việc có sự hải hòa các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Việt Nam với GDPR của EU, Đạo luật Dịch vụ kỹ thuật số, Đạo luật Thị trường kỹ thuật số và các luật bảo vệ dữ liệu cá nhân quốc tế khác; Mục tiêu là đảm bảo sự an toàn của người dùng trong không gian kỹ thuật số thông qua quy định của các nền tảng công nghệ lớn.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho phép các trao đổi dữ liệu tự do giữa các doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam và đa quốc gia/ châu Âu theo cách an toàn và bảo mật, chẳng hạn như công nhận các chứng chỉ về bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư và quản lý thông tin của bên thứ ba có uy tín quốc tế

Chúng tôi mong Chính phủ sớm trình bày rõ hơn về các mức độ quan trọng khác nhau của dữ liệu và các nghĩa vụ tương ứng với từng mức độ quan trọng để các tổ chức có liên quan có thể chuẩn bị cho nghĩa vụ này. Hơn nữa, chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT và các cơ quan nhà nước có liên quan đảm bảo tính nhất quán giữa các văn bản pháp lý khác nhau (ví dụ: Dự thảo Nghị định về Dữ liệu Cá nhân, Luật An ninh mạng, v.v.). Chúng tôi mong muốn được thấy các quy định chi tiết về phân loại mức độ quan trọng của dữ liệu, cũng như quy trình, thủ tục đánh giá bảo đảm an toàn dữ liệu sẽ vừa phù hợp với nhu cầu thực tiễn về bảo đảm an toàn dữ liệu, vừa bảo đảm cho các doanh nghiệp một môi trường kinh doanh thông thoáng về mặt pháp lý.

3. Công nhận các chứng thư chữ ký điện tử để cung cấp các giải pháp điện tử thay thế cho chữ ký sống và định danh Cá nhân

Chúng tôi khuyến nghị Bộ TTTT hỗ trợ công nhận các chứng thư chữ ký điện tử để cung cấp các giải pháp điện tử thay thế cho chữ ký sống và định danh Cá nhân.

4. Áp dụng các chính sách ưu tiên đám mây đổi mới với các cơ chế bảo mật, tuân thủ và chứng nhận đám mây được quốc tế công nhận

Với khả năng ứng dụng nhanh và hợp tác toàn cầu, các chính sách số hiện có như Luật An ninh mạng, Nghị định 53 hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng, Dự thảo Nghị định Bảo vệ dữ liệu cá nhân, sửa đổi Nghị định 72 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, cũng như Luật Công nghiệp- Công nghệ số được đề xuất cần được soạn thảo lại và xây dựng để đảm bảo Việt Nam đi theo con đường tăng trưởng bền vững mới được thúc đẩy bởi quá trình chuyển đổi kỹ thuật số mạnh mẽ với các thiết lập chính sách quan trọng cởi mở, minh bạch, tập trung vào khu vực và nhất quán trên toàn cầu. Hướng tới mục tiêu đó, việc đối thoại và tham vấn thường xuyên với cộng đồng doanh nghiệp để trao đổi các thông lệ tốt nhất của quốc tế hoặc khu vực trong quá trình soạn thảo và thực thi luật và quy định là rất cần thiết.

B. Quyền Sở Hữu Trí Tuệ (SHTT)

1. Khởi tố hình sự các hành vi vi phạm quyền SHTT

Mức độ vi phạm quyền SHTT hiện nay trên cả môi trường trực tuyến và ngoại tuyến đã gây ra thiệt hại đáng kể cho chủ sở hữu quyền SHTT cũng như tác động tiêu cực đến quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng. Nhiều hàng giả cũng được sản xuất tại Việt Nam khi nguồn cung ứng bị gián đoạn bởi các biện pháp đóng cửa biên giới nghiêm ngặt của Trung Quốc do COVID-19. Một trong những giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề này là phải có một biện pháp thực thi pháp luật mạnh mẽ đối với các vụ việc vi phạm quyền SHTT nghiêm trọng. Điều này không chỉ có lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài vốn thường xuyên bị ảnh hưởng bởi vấn đề này mà ngày càng có lợi cho các công ty trong nước khi hoạt động kinh doanh của họ bắt đầu bị tác động bởi hành vi xâm phạm quyền SHTT. Nhiều vụ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến mạng lưới có tổ chức của bên vi phạm xảy ra ở khắp các tỉnh.

Chúng tôi đề xuất:

- Tòa án Nhân dân Tối cao cần ban hành hướng dẫn chính thức về truy tố hình sự các hành vi vi phạm quyền SHTT để cung cấp hướng dẫn kịp thời cho tất cả các cơ quan thi hành.
- Cơ quan chức năng nên cân nhắc áp dụng các chế tài mạnh hơn đối với các hành vi vi phạm quyền SHTT và về lâu dài, thành lập các tòa án chuyên trách về SHTT tại Việt Nam, làm việc với các thành viên Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham để thảo luận về những khó khăn gặp phải, và thường xuyên tổ chức các buổi chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các cơ quan chức năng trong thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự các tội phạm về sở hữu trí tuệ. Cảnh sát kinh tế cần đi đầu trong việc hành động chống tội phạm sở hữu trí tuệ và hướng dẫn các cơ quan chức năng khác.

2. Yêu cầu đăng ký quyền tác giả phức tạp và khó thực thi

Hiện tại, việc đăng ký bản quyền được thực hiện với Cục Bản quyền Tác giả Việt Nam (COV) với một số yêu cầu rất khó thực hiện đối với chủ sở hữu quyền SHTT. Chẳng hạn như yêu cầu phải có các tài liệu như hộ chiếu/ chứng minh thư của tác giả/ người sáng tạo và hợp đồng lao động có thể chứa thông tin cá nhân, bí mật kinh doanh và thông tin mật. Yêu cầu tờ khai cũng cần phải có chữ ký của tác giả/ người sáng tạo. Điều này đôi khi khó thực hiện vì họ có thể không còn làm

việc với công ty hoặc đã qua đời. Không có lựa chọn thay thế nào cho giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả được chấp nhận là bằng chứng về quyền sở hữu của chủ sở hữu quyền SHTT. Chúng tôi đề xuất nên linh hoạt trong việc xem xét các phương án chứng minh quyền tác giả khác thay cho giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.

3. Yêu cầu ý kiến chuyên gia từ các cơ quan chuyên trách về SHTT của Việt Nam

Yêu cầu lấy ý kiến chuyên gia làm giảm đáng kể hiệu quả của các hành động thực thi do ý kiến đưa ra thường mất nhiều thời gian và không chắc chắn, cũng như do các cơ quan thực thi không sẵn sàng xem xét các lựa chọn thay thế khác. Về thời gian đưa ra ý kiến, mặc dù đã có cải thiện ở một số cơ quan chuyên trách về SHTT nhưng thời gian để đưa ra ý kiến có xu hướng kéo dài và không thể đoán trước. Có những yêu cầu lấy ý kiến đã hơn một năm vẫn chưa nhận được phản hồi.

4. Quyền tác giả

Việc thiếu hướng dẫn chi tiết về ba khái niệm này có thể dẫn đến (i) tác động tiêu cực đến quyền của chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được sao chép và (ii) khó khăn trong việc xác định liệu một trường hợp trích dẫn tác phẩm đã công bố có cần xin phép chủ sở hữu quyền tác giả hoặc trả tiền bản quyền hay không.

Chúng tôi kiến nghị các hướng dẫn dưới đây cần được đưa vào Nghị định hướng dẫn thi hành Luật SHTT Sửa đổi:

- Một giới hạn có thể xác định/đo lường được về phạm vi mà tác phẩm có thể được sao chép để sử dụng trong nghiên cứu khoa học, làm thông tin tham khảo cho mục đích cá nhân hoặc phi thương mại.
- Hướng dẫn chi tiết về các khái niệm “trích dẫn hợp lý” và “không gây hiểu nhầm dụng ý của tác giả”.

5. Sáng chế

Quy định không rõ ràng có thể gây khó khăn cho chủ sở hữu quyền SHTT vì có thể xảy ra xung đột giữa nghĩa vụ theo yêu cầu của Việt Nam và yêu cầu của các quốc gia khác. Ví dụ, khi một sáng chế được tạo ra một phần ở Việt Nam và một phần ở các quốc gia khác cũng có yêu cầu nộp đơn đầu tiên. Nếu “được tạo ra” có nghĩa là “được tạo ra một phần” và nếu các quốc gia khác cũng có quy định tương tự, thì chủ sở hữu quyền SHTT phải tuân theo nghĩa vụ nào? Xung đột tiềm ẩn tương tự sẽ phát sinh nếu quyền đăng ký sáng chế/ giải pháp hữu ích thuộc về cả pháp nhân nước ngoài và pháp nhân Việt Nam như đã nêu ở trên.

Nếu chủ sở hữu quyền SHTT không quan tâm đến việc nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam, yêu cầu phải nộp đơn đăng ký sáng chế đầu tiên tại đây vốn chỉ để đáp ứng các quy định về kiểm soát an ninh sẽ khiến quy trình đăng ký trở nên phức tạp hơn cho chủ sở hữu quyền SHTT và đặt ra gánh nặng xét nghiệm cho Cục Sở hữu Trí tuệ. Đó là vì sau khi mất nhiều thời gian, công sức và chi phí cho việc nộp đơn đăng ký tại Việt Nam, chủ sở hữu quyền SHTT chắc chắn sẽ từ bỏ đăng ký này. Điều này cũng gây lãng phí thời gian của Cục Sở hữu Trí tuệ khi phải tuân theo thủ tục thông thường là thẩm định chính thức đơn đăng ký sáng chế, một quy trình trên thực tế là nghiêm ngặt hơn nhiều nước. Chúng tôi đề xuất:

- Ban hành hướng dẫn về những yếu tố quyết định một sáng chế/ giải pháp hữu ích “được tạo ra tại Việt Nam”. Chúng tôi khuyến nghị giới hạn việc “được tạo ra” tại Việt Nam trong bối cảnh này là “hoàn toàn được tạo ra” để tránh xung đột tiềm ẩn với các quy định tương tự ở các quốc gia khác.

- Hướng dẫn cũng cần nêu rõ trường hợp quyền đăng ký sáng chế/ giải pháp hữu ích thuộc về cả tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức Việt Nam, trong đó nêu rõ việc có phải tuân thủ nghĩa vụ nộp đơn đầu tiên hay không.
- Hướng dẫn cần quy định rõ những lĩnh vực kỹ thuật nào được coi là có tác động đến an ninh quốc phòng của Việt Nam.
- Hướng dẫn cần cung cấp hai quy trình để chủ sở hữu quyền SHTT lựa chọn:
 - Nếu chủ sở hữu quyền SHTT không muốn nộp đơn đăng ký sáng chế như vậy tại Việt Nam, thì thủ tục đối với yêu cầu nộp đơn đầu tiên cần đơn giản hơn. Cụ thể là thông số kỹ thuật của sáng chế phải đơn giản hơn nhiều so với thủ tục nộp đơn đăng ký sáng chế thông thường để được bảo hộ bằng sáng chế. Ngoài ra, Cục Sở hữu Trí tuệ không nên yêu cầu bản dịch các thông số kỹ thuật sang tiếng Việt. Thông số kỹ thuật của sáng chế đối với các yêu cầu nộp đơn đầu tiên cần ngắn gọn để các cơ quan hữu quan có thể xác định xem sáng chế/giải pháp hữu ích đó có được coi là có tác động đến an ninh quốc phòng của Việt Nam hay không.
 - Nếu chủ sở hữu quyền SHTT muốn nộp đơn đăng ký sáng chế đó tại Việt Nam, họ có thể thực hiện thủ tục nộp đơn đăng ký sáng chế thông thường để được bảo hộ bằng sáng chế.

C. Mua Bán Và Sáp Nhập

1. Mua bán và sáp nhập (M&A) - Tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG)

Mặc dù thị trường M&A tại Việt Nam đang phát triển rất nhanh, các quy định ESG trong nước vẫn còn ít và nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, thường không cụ thể và không có bất kỳ hướng dẫn hoặc phân bổ trách nhiệm pháp lý rõ ràng nào. Sự thiếu chắc chắn này có khả năng cản trở các quyết định đầu tư và đòi hỏi phải tăng thêm nguồn lực và chi tiêu cho khía cạnh thẩm định môi trường của các thương vụ M&A.

Để duy trì khả năng cạnh tranh, Việt Nam cần thiết lập các tiêu chuẩn rõ ràng và đẩy nhanh tốc độ ban hành các văn bản pháp luật hỗ trợ các cam kết mạnh mẽ của COP26 về tính bền vững và phát thải ròng bằng không.

Chúng tôi kiến nghị hợp nhất các tiêu chuẩn ESG hiện có thành các nguồn luật toàn diện và cụ thể và thông qua các luật bổ sung để khắc phục những lỗ hổng hiện có và tạo ra tình huống rõ ràng hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, cần nâng cao nhận thức giữa các bên liên quan thuộc khu vực tư nhân và nhà nước về tầm quan trọng của các tiêu chuẩn ESG trong đầu tư M&A.

Tính minh bạch, bền vững và bảo vệ môi trường trong toàn bộ khu vực hành chính nhà nước cần được chú trọng thông qua hành chính công và hướng đầu tư M&A vào các mục tiêu phát thải ròng bằng không của Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện cho nhà đầu tư tìm hiểu về các tác động môi trường của việc đầu tư vào Việt Nam.

2. Kiểm soát sáp nhập

Pháp luật về cạnh tranh của Việt Nam áp dụng chế độ “Kiểm soát Sáp nhập” đối với một số giao dịch vượt qua ngưỡng pháp lý, theo định nghĩa của pháp luật về cạnh tranh (Luật Cạnh tranh 2018 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2019 và Nghị định 35). Theo các quy định này, mọi giao dịch M&A thuộc phạm vi của các quy định liên quan đều bị cấm. Ngoài ra, việc này có thể yêu cầu phải thông báo và được phê duyệt bởi cơ quan cạnh tranh của Việt Nam trước khi tiến hành cũng như phải được kiểm tra về mức độ “tập trung kinh tế”. Ủy ban Cạnh Tranh Quốc gia trực thuộc Bộ Công Thương là cơ quan ra quyết định về kiểm soát sáp nhập.

Hệ thống Kiểm soát Sáp nhập (không có bất kỳ trường hợp miễn trừ khả thi nào) kết hợp với ngưỡng “tập trung kinh tế” quá thấp theo luật cạnh tranh của Việt Nam là một luận điểm gây bất lợi lớn khi xem xét hiệu quả của các giao dịch M&A.

Nếu Việt Nam điều chỉnh chế độ Kiểm soát Sáp nhập để phù hợp hơn với các thực hành tốt nhất và tiêu chuẩn quốc tế, thị trường M&A trong nước có khả năng bỏ xa các nước khác trong khu vực. Giảm số trường hợp cần xử lý tại các cơ quan phê duyệt cũng sẽ làm tăng hiệu quả tổng thể của các thương vụ M&A trong cả nước.

Chúng tôi khuyến nghị loại trừ hoạt động tái cấu trúc nội bộ tập đoàn khỏi chế độ Kiểm soát Sáp nhập. Tăng giá trị của các ngưỡng theo quy định về Kiểm soát Sáp nhập liên quan làm phát sinh các giao dịch phải được thông báo. Bên cạnh đó, xem xét xét làm rõ và thu hẹp các định nghĩa của luật cạnh tranh và luật đầu tư làm hạn chế số lượng thương vụ M&A tại Việt Nam (ví dụ: “doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp liên kết mà doanh nghiệp đó là thành viên”, “thị trường Việt Nam”, v.v.).

D. Bất Động Sản

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nước ngoài

Sự chậm trễ kéo dài của các cơ quan hữu quan trong việc cấp Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng Đất (GCNQSDĐ) cho người nước ngoài đã ảnh hưởng đáng kể đến quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài bởi người mua nhà ở không có GCNQSDĐ có thể phải gánh chịu hậu quả nếu phát sinh tranh chấp với người bán có GCNQSDĐ. Sự chậm trễ trong việc cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài cũng có thể khiến các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến việc mua nhà ở Việt Nam ngần ngại đầu tư thêm vào thị trường bất động sản. Ngoài ra, nếu không có Danh mục Dự án Cấm Sở hữu Nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền có thể bị nhầm lẫn trong việc cấp hoặc trì hoãn việc cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài.

Chúng tôi kiến nghị đẩy nhanh việc cấp GCNQSDĐ và ban hành Danh mục Dự án Không cho phép Sở hữu Nước ngoài để cho phép cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài đã mua nhà ở tại Việt Nam.

E. Thuế Và Chuyển Giá

1. Việc triển khai Trụ cột 2 - Thuế tối thiểu toàn cầu - tại Việt Nam

Các quy định hiện hành về ưu đãi thuế quan của Việt Nam cho các dự án đủ điều kiện hưởng ưu đãi chủ yếu tập trung vào ba mảng chính:

- Ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN), bao gồm: ưu đãi về thuế suất (10%, 15%, 17%), ưu đãi về số năm miễn thuế và giảm thuế;
- Ưu đãi về miễn thuế nhập khẩu;
- Ưu đãi tiền thuế đất, mặt nước.

Hiện tại, chưa có quyết định cũng như quy định cụ thể về việc áp dụng và triển khai Trụ cột 2 của OECD tại Việt Nam.

Vào tháng 10 năm 2021, G7, G20 và 136 quốc gia và khu vực tài phán tham gia đàm phán do OECD tổ chức đã đồng ý với Giải pháp cải cách thuế hai trụ cột, bao gồm Trụ cột 2 về Thuế tối thiểu toàn cầu (GMT) là 15%. Các quốc gia là thành viên của OECD cũng như thành viên của Diễn đàn hợp tác chung (Inclusive Framework) đang trong quá trình xây dựng và thay đổi chính sách trong nước để đối phó với việc thực hiện Trụ cột thứ hai từ năm 2024.

Chúng tôi đề nghị Chính phủ Việt Nam nghiên cứu ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu đến lợi ích của nhà đầu tư, và môi trường kinh doanh tại Việt Nam; và có những giải pháp thiết thực, hiệu quả và kịp thời để đảm bảo đầu tư, bù đắp các lợi ích cho doanh nghiệp trong trường hợp các ưu đãi thuế bị giảm hoặc mất đi tác dụng do tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu.

2. Chính sách ưu đãi về chi phí

Hiện tại, các chính sách ưu đãi thuế TNDN chủ yếu là hình thức ưu đãi trên thu nhập, tức là chỉ khi doanh nghiệp kinh doanh có lãi, có thu nhập chịu thuế thì khi ấy mới có thể hưởng các lợi ích từ ưu đãi thuế. Trong khi đó, các hình thức ưu đãi trực tiếp về mặt chi phí chưa phổ biến theo quy định tại Việt Nam. Các doanh nghiệp thường chưa có lãi trong các năm đầu hoạt động do chi phí cố định phát sinh lớn đối với các dự án đầu tư về cơ sở hạ tầng, công nghệ, nghiên cứu phát triển, theo đó những doanh nghiệp này sẽ cần các hình thức ưu đãi trực tiếp hơn, như ưu đãi hỗ trợ về mặt chi phí, ví dụ như hỗ trợ chi phí đối với các khoản đầu tư vào hạ tầng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoặc chuyển giao công nghệ, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện nhiều hơn các hoạt động đầu tư, nghiên cứu phát triển, cũng như chuyển giao công nghệ tại Việt Nam.

Chúng tôi khuyến nghị cân nhắc bổ sung các chính sách ưu đãi về mặt chi phí (ví dụ như hỗ trợ chi phí đối với các khoản đầu tư vào hạ tầng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoặc chuyển giao công nghệ) để khuyến khích các dự án trong các lĩnh vực ưu tiên có chọn lọc, ví dụ như:

- Các dự án có vốn đầu tư lớn, đầu tư nhiều vào cơ sở vật chất (nhà xưởng, máy móc, v.v...)
- Các dự án phát sinh các chi phí đầu tư lớn công nghệ, nghiên cứu phát triển lớn, ví dụ trong lĩnh vực công nghệ cao, dự án nghiên cứu phát triển, sản xuất phương tiện chạy bằng điện.

3. Ưu đãi thuế đối với dự án sản xuất phương tiện chạy bằng điện

Hiện tại, quy định về thuế TNDN không có ưu đãi đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm phương tiện chạy bằng điện (ví dụ ô tô điện).

Hiện nay, lĩnh vực sản xuất phương tiện chạy bằng điện là ngành công nghiệp đột phá trên thế giới, có tiềm năng kinh tế cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Lĩnh vực này đang và dự kiến sẽ thu hút sự quan tâm cũng như nguồn vốn đầu tư lớn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, kéo theo sự phát triển của chuỗi cung ứng nguyên vật liệu và linh, phụ kiện, theo đó có tiềm năng đóng góp quan trọng cho sự phát triển các ngành công nghiệp tại Việt Nam.

Ngoài ra, về mặt môi trường, phương tiện chạy bằng điện đóng góp quan trọng vào việc bảo vệ môi trường thông qua việc hạn chế khí thải ra môi trường. Lĩnh vực này cũng rất phù hợp với chiến lược phát triển xanh của Việt Nam cũng như việc thực hiện các cam kết COP26.

Theo đó, lĩnh vực sản xuất phương tiện chạy bằng điện nên được khuyến khích và hưởng ưu đãi thuế TNDN ở mức cao.

Chúng tôi khuyến nghị cân nhắc bổ sung ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm phương tiện chạy bằng điện ở mức ưu đãi cao – tương đương với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường như sau:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong 15 năm; và
- Miễn thuế trong 04 năm, giảm 50% thuế trong 09 năm tiếp theo.

4. Việc áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với lĩnh vực công nghệ cao

Theo hướng dẫn tại Luật thuế TNDN 32/2013/QH13 và Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn về thuế TNDN, thời gian áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao.

Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Thông tư 78/2014/TT-BTC và Thông tư 96/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế TNDN, thời gian áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ năm được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao.

Đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, hướng dẫn về thời điểm bắt đầu tính thời gian áp dụng ưu đãi thuế TNDN đang không thống nhất giữa Luật, Nghị định, và Thông tư hướng dẫn thuế TNDN. Đặc biệt, đối với hướng dẫn tại Luật, Nghị định thuế TNDN, thời gian ưu đãi được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận sẽ gây vướng mắc trên thực tế đối với các doanh nghiệp khi áp dụng, do hiện tại không có quy định về việc phân bổ thu nhập được hưởng ưu đãi theo các khoảng thời gian khác nhau trong cùng một năm. Việc áp dụng thời điểm bắt đầu tính thời gian áp dụng ưu đãi tính từ năm được cấp giấy chứng nhận sẽ thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc tính toán, kê khai ưu đãi thuế TNDN.

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ nên sửa đổi quy định để hướng dẫn thống nhất về thời gian áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ năm được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao.

5. Hoạt động chuyển nhượng vốn trực tiếp

Khoản 1, Điều 14 Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn kê khai thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn quy định:

“Trường hợp doanh nghiệp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản và kê khai theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (mẫu số 08) ban hành kèm theo Thông tư này.”

Trước ngày 1/1/2022, theo quy định tại Điều 16 Thông tư 151/2014/TT-BTC sửa đổi Điều 12, Thông tư số 156/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật quản lý thuế:

7. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn

a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp được coi là một khoản thu nhập khác, doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn vào tờ khai quyết toán theo năm.

Trường hợp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì nộp thuế theo từng lần phát sinh và kê khai theo mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này và quyết toán năm tại nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.

b) Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn thì khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh.

Hồ sơ khai thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp về chuyển nhượng vốn (theo Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC);” Thông tư 80/2021/TT-BTC không quy định cụ thể mẫu kê khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn cho từng trường hợp.

Mặc dù tại Thông tư 78/2014/TT-BTC và trước ngày 1/1/2022 tại Thông tư 151/2014/TT-BTC có quy định về việc sử dụng mẫu 06/TNDN khi kê khai thuế TNDN trong trường hợp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản, các văn bản luật thuế liên quan không quy định cụ thể trường hợp nào được xem là “chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản”.

Điều này dẫn đến việc doanh nghiệp gặp khó khăn khi chọn mẫu kê khai thuế chuyển nhượng vốn đặc biệt khi công ty có sở hữu bất động sản trong cơ cấu tài sản của công ty (ví dụ: đất thuê và nhà xưởng là tài sản gắn liền với đất cũng được xem là bất động sản). Cũng cần lưu ý rằng cách thức kê khai các chỉ tiêu tại Mẫu 05/TNDN và Mẫu 06/TNDN là rất khác nhau.

Ngoài ra quy định hiện hành tại Thông tư 80/2021/TT-BTC không quy định cụ thể biểu mẫu kê khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn cho từng trường hợp như quy định trước đây.

Đề nghị Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn liên quan đến mẫu biểu kê khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn cho từng trường hợp, đồng thời quy định hoặc định nghĩa cụ thể trường hợp nào được xem là “chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản” để doanh nghiệp thực hiện phù hợp.

6. Hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp

Điểm 2d, Điều 2, Luật Thuế TNDN 2008 quy định “Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam”. Điều 1, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định: “3. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các Điểm c, d Khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam từ hoạt động cung ứng dịch vụ, cung cấp và phân phối hàng hóa, cho vay vốn, tiền bản quyền cho tổ chức cá nhân Việt Nam hoặc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đang kinh doanh tại Việt Nam hoặc từ chuyển nhượng vốn, dự án đầu tư, quyền góp vốn, quyền tham gia các dự án đầu tư, quyền thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.”

Có thể thấy từ năm 2015, Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định rộng hơn về thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam từ các hoạt động kinh doanh bao gồm hoạt động chuyển nhượng vốn. Hiện tại Việt Nam đang đánh thuế các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp theo nguyên tắc các thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam đều thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam.

Căn cứ theo nguyên tắc trên, nhiều trường hợp (i) việc chuyển nhượng vốn với mục đích để chuyển nhượng công ty ở nước ngoài (Công ty Việt Nam thuộc sở hữu gián tiếp của công ty được chuyển nhượng và chiếm một tỷ trọng rất nhỏ), hoặc (ii) việc chuyển nhượng vốn chỉ nhằm mục đích tái cấu trúc doanh nghiệp, hoặc (iii) các giao dịch mua bán cổ phiếu của công ty mẹ ở nước ngoài được thực hiện trên sàn chứng khoán nước ngoài, đều được xem là giao dịch chuyển nhượng vốn và phải kê khai và nộp thuế tại Việt Nam.

Từ năm 2016 đến nay, Tổng Cục thuế đã ban hành nhiều công văn hướng dẫn cho hoạt động “chuyển nhượng vốn gián tiếp” (chuyển nhượng vốn trong công ty mẹ của một công ty tại Việt Nam), ví dụ Công văn 766/TCT-DNL ngày 29/2/2019, Công văn 866/TCT-CS ngày 2/3/2020, Công văn 4950/TCT-TTKT ngày 19/11/2020, trong đó khẳng định hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp thuộc diện chịu thuế TNDN tại Việt Nam.

Tuy nhiên, quy định hiện hành tại Nghị định 12/2015 và tại các công văn hướng dẫn nêu trên, cách thức xác định thu nhập chịu thuế và phương pháp tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp không được đề cập cụ thể, dẫn đến khó khăn trong thực tế trong vấn đề xác định đúng nghĩa vụ thuế cũng như kê khai và nộp thuế.

Khi tham khảo kinh nghiệm quốc tế, chúng tôi nhận thấy:

- Nhiều quốc gia không đánh thuế trên giao dịch chuyển nhượng cổ phần trong một công ty nước ngoài gián tiếp sở hữu vốn tại công ty ở quốc gia đó;
- Đối với số ít các quốc gia có đánh thuế trên các giao dịch này thì chỉ đánh thuế nếu giao dịch thỏa mãn một số điều kiện (ví dụ: công ty mẹ được thành lập chỉ nhằm mục đích nắm giữ vốn tại công ty con; giá trị công ty con vượt mức tỷ lệ nhất định trên tổng giá trị tài sản của công ty mẹ; v.v.). Ví dụ:
 - Thái Lan: không đánh thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp
 - Ấn Độ: chỉ đánh thuế nếu Công ty con tại Ấn Độ chiếm chủ yếu (trên 50%) giá trị của Công ty mẹ - là công ty có vốn được chuyển nhượng
 - Trung Quốc: chỉ đánh thuế nếu giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại nước ngoài được coi là không theo các nguyên tắc thương mại thông thường mà chỉ nhằm mục đích tránh thuế. Ví dụ:
 - Ít nhất 90% tài sản (không bao gồm tiền mặt) hoặc thu nhập của công ty mẹ nước ngoài hình thành từ việc đầu tư ở Trung Quốc;
 - Ít nhất 75% giá trị cổ phần của công ty mẹ nước ngoài được hình thành từ tài sản của công ty con ở Trung Quốc;
 - Hoạt động và rủi ro của công ty mẹ và các công ty con trực tiếp hay gián tiếp là không đáng kể và không đủ để chứng minh khía cạnh kinh tế.

Chúng tôi đề xuất Bộ Tài chính nên có những quy định và hướng dẫn cụ thể về các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp. Đồng thời Bộ Tài chính cũng nên cân nhắc các trường hợp ngoại lệ như thông lệ quốc tế, ví dụ:

- Giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán ở nước ngoài nơi Công ty mẹ hoặc Công ty mẹ tối cao được niêm yết;
- Tái cấu trúc trong nội bộ Tập đoàn không làm thay đổi cơ cấu vốn của các công ty trong giao dịch tái cơ cấu;
- Mức tối thiểu (về mặt giá trị chuyển nhượng và/hoặc tỷ lệ vốn chuyển nhượng) cho việc chuyển nhượng phải chịu thuế.

Vì vậy chúng tôi khuyến nghị Luật thuế TNDN mới cân nhắc bổ sung/ điều chỉnh: “Khoản 2, Điều 3. Thu nhập chịu thuế” quy định cụ thể hơn đối với các trường hợp chuyển nhượng vốn gián tiếp cũng như bổ sung/hướng dẫn cho các trường hợp loại trừ.

E. Du Lịch Và Nhà Hàng-Khách Sạn

1. Miễn thị thực

Nhóm ngành khách sạn tại Việt Nam phụ thuộc phần lớn vào lượng khách du lịch khổng lồ từ Trung Quốc, và Ukraina. Chúng tôi hiện thấy không có chính sách nào hướng tới những thị trường này, gây nên tổn thất lớn cho ngành khách sạn.

Bên cạnh đó, thị trường Úc và New Zealand, cũng như các quốc gia khác thuộc Liên minh châu Âu đều là thị trường tiềm năng với sức chi lớn, khoảng từ 100 – 150 USD/ ngày. Tuy nhiên vẫn chính sách miễn thị thực vẫn chưa thực sự thỏa đáng với các quốc gia này

- Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ và những cơ quan có thẩm quyền mở rộng chính sách miễn thị thực cho tất cả các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU) cũng như có lộ trình rõ ràng và thủ tục công khai minh bạch để thực thi chính sách miễn thị thực.
- Đối với Úc và New Zealand, chúng tôi khuyến nghị cấp visa miễn thị thực với thời hạn 14 ngày và có thể tăng lên tối đa là 21 ngày, hoặc cấp visa tại sân bay với phí định trước không quá 20 USD/ người.

Hành vi du lịch của du khách đã thay đổi: do sự tác động của đại dịch COVID-19, giờ đây du khách đi du lịch với tần suất ít hơn song lại dành nhiều thời gian hơn tại mỗi điểm đến. Do đó, thời gian miễn thị thực thông thường không đủ để đẩy mạnh việc phục hồi ngành du lịch

- Chúng tôi kiến nghị rằng Việt Nam kéo dài thời hạn miễn thị thực lên 30 ngày để bắt kịp với xu hướng mới trong du lịch.

2. Quảng bá hình ảnh Việt Nam tại thị trường quốc tế là yếu tố thiết yếu để đạt được mục tiêu hồi phục

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ thành lập Hội đồng Du lịch Việt Nam – chịu trách nhiệm chính về hoạt động truyền thông quảng bá du lịch Việt Nam. Hội đồng sẽ đảm bảo rằng du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn thông qua việc xây dựng quan hệ hợp tác, cập nhật chính sách du lịch và hỗ trợ các bên liên quan tại nước ngoài. Chúng tôi cũng mong muốn kiến nghị thành lập các văn phòng nước ngoài của Hội đồng này tại các thị trường chính của du lịch Việt Nam, với nhiệm vụ trở thành một trung tâm thông tin để kết nối và hỗ trợ các bên liên quan tại đất nước sở tại.

3. Cải thiện chất lượng dịch vụ quầy thủ tục xuất nhập cảnh tại các sân bay

Khách du lịch, cả khách hạng Phổ thông và hạng Thương gia, đều phải xếp hàng trong nhiều giờ để làm thủ tục xuất nhập cảnh. Sự thiếu hụt quầy thủ tục hạng thương gia, không có lựa chọn mua dịch vụ ưu tiên làm thủ tục và thái độ chần chừ của nhân viên dịch vụ mặt đất càng làm cho tình hình này tồi tệ hơn. Chúng tôi lo ngại rằng tình trạng tắc nghẽn như vậy có thể làm suy giảm trải nghiệm du lịch và/hoặc gây ra hậu quả tiêu cực cho toàn bộ hệ sinh thái kinh doanh du lịch.

Chúng tôi khuyến nghị nhanh chóng mở lại các quầy thủ tục ưu tiên cũng như lập ra các quầy thủ tục dành riêng cho cư dân thành phố, bao gồm cả người nước ngoài có thể cư dân, để đẩy nhanh quá trình thủ tục.

F. Vận Tải Và Hậu Cần

1. Nạo vét

Liên quan cụ thể đến vấn đề nạo vét, quy trình hiện nay để được cấp phép thực hiện nạo vét thông thường cho các bến tàu thường mất nhiều thời gian. Quy trình này nên được đơn giản hóa bằng cách cho phép nạo vét trong thời gian 10 năm thay vì chỉ cho từng trường hợp cụ thể.

Rào cản lớn thứ hai là tình trạng thiếu kho bãi/khu đất hậu cần để tạo điều kiện phát triển các trung tâm phân phối/hậu cần có chất lượng, đặc biệt là khu vực ngoại ô Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Trong khi đó, người tiêu dùng Việt Nam ngày càng yêu cầu hàng hóa chất lượng cao hơn, đa dạng hơn và giao hàng nhanh hơn¹

¹ Quyết định 1012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Theo quan điểm của chúng tôi, vai trò giám sát của Chính phủ không chỉ được nhấn mạnh để đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả mà còn đảm bảo an toàn và bền vững về môi trường của các công trình này. Điều này cũng góp phần tạo niềm tin cho doanh nghiệp và xã hội, cũng như nâng tầm hình ảnh Việt Nam để tiếp tục thu hút đầu tư.

Chúng tôi kiến nghị:

- Chính phủ cần mạnh mẽ thực hiện vai trò giám sát và điều phối để không chỉ đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả mà còn đảm bảo tính an toàn và bền vững với môi trường của các công trình hạ tầng trong khi vẫn tạo ra tính minh bạch và cạnh tranh công bằng trong lĩnh vực logistics.
- Thực hiện các đề xuất đã đề ra trước đây về khu kho bãi, giá đất, chủ sở hữu khu công nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ.
- Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Quyết định 1012.
- Đơn giản hóa thủ tục nạo vét cho các bến và xin giấy phép phê duyệt nạo vét 10 năm thay vì phê duyệt theo từng trường hợp.

2. Có một số loại thuế quan ưu đãi với thủ tục áp dụng khác nhau cho mỗi loại

Trên thực tế, các nhà nhập khẩu có thể chưa chuẩn bị tốt cho việc áp dụng các mức thuế khác nhau tương ứng với từng loại hàng hóa nhập khẩu và có thể vô tình sai sót trong quá trình thông quan hàng hóa. Trong một số trường hợp, các thay đổi đối với hàng hoá nhập khẩu cũng dẫn đến việc áp dụng các biểu thuế khác nhau cho hàng hoá đó.

Chúng tôi kiến nghị:

- Quy định cụ thể về nhiều loại phương tiện chứa phần mềm hoặc kích hoạt phần mềm để nhà nhập khẩu dễ dàng phân loại và khai báo trị giá hải quan của phần mềm.
- Áp dụng phương pháp xác định trị giá hải quan tương ứng.
- Quy định cơ sở chính xác để cơ quan hải quan nghi ngờ và sau đó từ chối áp dụng trị giá được khai báo.
- Quy định rõ danh mục các chứng từ cần thiết trong trường hợp người khai hải quan nộp chứng từ chứng minh mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến giá.

3. Trị giá hải quan

Việt Nam là thành viên của WTO và đã ký Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA), trong đó có một số biện pháp có thể giúp các cơ quan chức năng và các công ty đang gặp phải những vấn đề về trị giá hải quan khi nhập khẩu tại Việt Nam.

Điều 3 TFA quy định mỗi Thành viên WTO phải cung cấp văn bản xác định trước (advance rulings) trong một khoảng thời gian hợp lý sau khi người nộp đơn đã gửi yêu cầu bằng văn bản kèm theo tất cả các thông tin cần thiết.

Quy định của Việt Nam bao gồm một loại cơ chế xác định trước trị giá hải quan trong Nghị định 08, theo đó cơ quan hải quan có thể đưa ra quyết định có tính ràng buộc nhằm đảm bảo hàng hóa nhập khẩu được áp dụng quyết định này trong tương lai. Tuy nhiên, phạm vi áp dụng của cơ chế này vẫn giới hạn trong một số trường hợp hàng hóa lần đầu tiên được nhập khẩu vào Việt Nam hoặc giá cả bị ảnh hưởng bởi một thay đổi lớn hoặc đột xuất. Hiện tại Việt Nam chưa có cơ chế tổng thể để xác định trước trị giá hải quan để giúp các doanh nghiệp đảm bảo việc nhập khẩu hàng hóa tránh phát sinh các vấn đề pháp lý (xác định phương pháp xác định trị giá liên quan, nghĩa vụ thuế của các khoản hỗ trợ, điều chỉnh giá).

Chúng tôi đề xuất chính phủ

- Thực hiện chính sách liên kết thủ tục hải quan giữa các cảng để tạo thuận lợi cho việc trung chuyển hàng hóa từ cảng này sang cảng khác (cả trong nội địa và giai đoạn 2 giữa các khu vực hải quan) trong trường hợp có yêu cầu hoạt động của bến hoặc tàu của người vận chuyển.
- Ban hành một quy định rõ ràng và chắc chắn về cơ chế tổng thể để xác định trước trị giá hải quan.

4. Tư vấn giá

Trong quá trình tham vấn giá, Hải quan thường sẽ tham chiếu đến cơ sở dữ liệu trị giá. Những cơ sở dữ liệu này sau đó được sử dụng để kiểm định tính xác thực của trị giá do nhà nhập khẩu khai báo. Các nhà nhập khẩu thường được yêu cầu giải trình về sự khác biệt giữa giá tham chiếu của Hải quan và giá khai báo. Nếu nhà nhập khẩu không giải trình được thì giá trị khai báo sẽ được nâng lên để khớp với giá trị trong cơ sở dữ liệu của Hải quan. Đây là các giá trị – mặc dù Hải quan đảm bảo rằng các giá trị cơ sở dữ liệu chỉ là một điểm tham chiếu.

Trong quá trình tham vấn giá, khi nhà nhập khẩu yêu cầu Hải quan cung cấp cơ sở tính giá tham chiếu, yêu cầu này đã bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp cho các nhà nhập khẩu cơ sở xác định giá tham chiếu của Hải quan làm suy yếu nguyên tắc “tham vấn”, tạo ra những tranh chấp không đáng có và dẫn đến việc thiếu tin tưởng vào tính khách quan của quá trình tham vấn giá.

Kể từ khi Quyết định 1304 về “tham vấn một lần, sử dụng kết quả tham vấn nhiều lần” được ban hành, rất ít nhà nhập khẩu đăng ký chương trình này và chỉ một tỷ lệ nhỏ người nộp đơn được chấp thuận.

Chúng tôi kiến nghị:

- Để các cán bộ Hải quan thực hiện tham vấn giá nắm được cơ sở xác định các giá trị của cơ sở dữ liệu và ủy quyền cho họ tiết lộ thông tin đó cho các nhà nhập khẩu để tạo điều kiện cho quá trình tham vấn giá minh bạch và hiệu quả hơn.
- Tăng cường các hoạt động khuyến khích để các công ty đăng ký tham gia chương trình ‘tư vấn giá một lần sử dụng nhiều lần’ trong đó có hướng dẫn chi tiết thực hiện.
- Đảm bảo kết quả tham vấn trị giá hải quan sẽ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng, với điều kiện là giá trị khai báo trong khoảng thời gian 12 tháng không vượt quá ngưỡng giới hạn (ví dụ +/-5%) thì không yêu cầu doanh nghiệp tham vấn lại.

II. Phát Triển Bền Vững

A. Điện Lực và Năng Lượng

1. Cần có lộ trình rõ ràng cho điện gió

Dự thảo Quy hoạch Điện Quốc gia 8 (PDP8) hiện tại đặt mục tiêu xây dựng 7GW điện gió ngoài khơi vào năm 2030 và sẽ mất từ 6-8 năm để phát triển một dự án điện gió ngoài khơi sau khi chọn được nhà đầu tư; tuy nhiên, nhiều quy định cần thiết để hỗ trợ mục tiêu vẫn chưa được phát triển. Kinh nghiệm toàn cầu đã chỉ ra rằng, một ngành công nghiệp điện gió ngoài khơi ổn định cho phép chính phủ, nhà cung cấp và nhà phát triển học hỏi ở các thị trường mới, được phát triển tốt nhất bằng cách khởi xướng các dự án thí điểm.

Quy hoạch không gian biển và các quy định về môi trường đối với điện gió ngoài khơi cần được xây dựng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc cho thuê đáy biển, tuy nhiên để có những điều này có

thể mất thời gian, do đó, một phương pháp tiếp cận kết hợp nên được xem xét để cho phép khởi xướng các dự án điện gió ngoài khơi đầu tiên nhằm đáp ứng các mục tiêu của PDP8 năm 2030. FiT thương mại/khung chính sách thay thế cho Điện gió nổi ngoài khơi (OFW) cần được phát triển. Mặc dù có vai trò quan trọng trong việc khởi động ngành công nghiệp điện gió ngoài khơi, nhưng như kinh nghiệm thực tế đã chứng minh, không có dự án điện gió ngoài khơi nào ở Việt Nam nhận được ưu đãi đầu tư từ cơ chế FIT.

Các cơ chế Hợp đồng mua bán điện có từ trước đến nay ở Việt Nam không phù hợp với mục đích liên quan đến điện gió ngoài khơi, vì chúng không quy định đến việc cắt giảm, chấm dứt và rủi ro phân xử trong số các cơ chế khác. Để đảm bảo các nhà đầu tư có thể đóng góp tài chính và cấp vốn cho dự án, vấn đề này cần được giải quyết.

Chúng tôi kiến nghị:

- Chính phủ, Bộ TNMT và Bộ Công thương công bố các khuôn khổ hỗ trợ để đẩy nhanh mục tiêu phát triển điện gió ngoài khơi tại VN theo một số dự thảo của Quy hoạch phát triển điện lực 8.
- Chính phủ nên tìm cách thúc đẩy 2-3GW đầu tiên trong mục tiêu 7GW năm 2030 dưới dạng các dự án thí điểm (hoặc từ 500MW-1GW) để tạo ra một khởi đầu ổn định cho ngành công nghiệp điện gió ngoài khơi và thực hiện các quy trình pháp lý phù hợp.
- Quy hoạch Không gian Biển (MSP) cần nhấn mạnh khả năng cùng tồn tại của các dự án gió và dầu khí ngoài khơi, cũng như các ngành thủy sản, du lịch và vận tải. MSP cần được nhanh chóng hoàn thiện và phê duyệt để phục vụ như một khuôn khổ tổng thể cho việc lập kế hoạch và thực hiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến biển.
- Giá điện FiT với giới hạn công suất (khoảng 5GW-7GW đầu tiên), thay vì cấu trúc dựa trên thời gian, là một cơ chế chính sách quan trọng để cân bằng giữa việc khởi động ngành và đảm bảo khả năng chi trả.
- Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ Việt Nam khẩn trương hoàn thiện các quy định về chấp thuận khảo sát ngoài khơi, cũng như xem xét và phê duyệt đơn xin phép khảo sát ngoài khơi của các nhà phát triển để đáp ứng mục tiêu 7GW điện gió ngoài khơi vào năm 2030.
- Chúng tôi khuyến nghị sửa đổi đầy đủ Hợp đồng Mua bán Điện (PPA) để xem xét các yêu cầu khác nhau của ngành công nghiệp điện gió ngoài khơi thâm dụng vốn cao nhằm quản lý các vấn đề có khả năng ngăn cản mức yêu cầu tài chính cao của dự án.

2. Giá điện

Các mức giá trần của Quyết định 21/QĐ-BCT của Bộ Công Thương năm 2023 thể hiện mức giảm 20%-25% so với các mức FiT trước đó (đối với điện gió, dựa trên tỷ giá hối đoái hiện tại) và giảm gần 40% đối với điện mặt trời nổi đất.

Các dự án chuyển đổi đã được xây dựng có thể không có lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận các mức giá này hoặc đối mặt với phá sản (lựa chọn thay thế duy nhất là doanh thu bằng 0). Các dự án điện gió chuyển tiếp chưa được xây dựng sẽ không thể huy động tài chính với các mức giá này, vì hiện đang phải đối mặt với việc định giá tua-bin trên thị trường thế giới cao hơn 30% so với thời điểm hết hạn FiT trước đó, cũng như lãi suất cho vay và lãi suất bảo hiểm cao hơn.

Chúng tôi lưu ý rằng biểu giá này tương tự như biểu giá do EVN đề xuất vào cuối năm ngoái (tại CV 6570). Tài liệu đó giả định rằng lãi suất cho vay nước ngoài là 4,62%/năm, mà chúng tôi hiểu là lãi suất nợ cao cấp bằng USD gộp (cơ sở + ký quỹ). Lãi suất này là rất thấp so với mức nhìn thấy trên thị trường, đặc biệt là:

- i. môi trường tỷ giá hiện tại (Lãi suất hoán đổi 10 năm của Ngân khố Hoa Kỳ là 3,7% và tỷ suất lợi nhuận USD thường thấy ở mức [c. 3% - 3,5%] mỗi năm), và

- ii. thực tế là các dự án tài trợ vốn vay USD ở Việt Nam thường yêu cầu bảo lãnh hoặc LC dự phòng với Phí bảo lãnh khoảng ca. [2% - 2,5%] mỗi năm. Khoản phí này cũng sẽ được tính vào lãi suất tổng thể.

Do đó, lãi suất tổng thể ước tính [8,7% - 9,7%] cần thiết so với lãi suất vay nước ngoài giả định của EVN là 4,62%.

Việc lấy giá trị thấp nhất làm giá trần là không hợp lý. Các mức giá trần này gây ra ưu tiên tiêu cực cho các dự án điện tái tạo sắp tới và tạo ra thách thức lớn cho Việt Nam trên hành trình đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Việc thẩm định giá cho các dự án trong tương lai (không phải quá trình chuyển đổi) cần tính đến các điều kiện kinh tế vĩ mô hiện tại (vốn đầu tư cao hơn, chi phí lãi suất, ách tắc chuỗi cung ứng) mà nhiều dự án chuyển đổi đã xây dựng chưa đối mặt hết. BCT nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia độc lập để kiểm chứng các giả định và phương pháp luận đưa ra trước khi hoàn thiện các khung giá.

3. Không có hướng dẫn rõ ràng từ Sở TNMT và Bộ TNMT đối với các dự án điện mặt trời áp mái

Hiện tại, các điểm sản xuất sử dụng đất tại địa điểm theo quy định, và vì mục tiêu phát triển bền vững, họ đang cố gắng tận dụng diện tích mái nhà để lắp đặt các tấm pin mặt trời với mục đích tự tiêu thụ. Tuy nhiên, không có hướng dẫn rõ ràng từ các Sở TNMT và Bộ TNMT cho hoạt động này.

Chính quyền địa phương nên xem xét và có hướng dẫn rõ ràng đối với các dự án điện mặt trời áp mái (RTS) chỉ cung cấp điện tái tạo cho các địa điểm sản xuất của họ và cung cấp lên lưới điện.

B. Phát Triển Xanh

1. Quy định thêm nội dung tái chế bắt buộc

Quy định của luật về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR) hiện hành chỉ mới quy định tỷ lệ tái chế bắt buộc. Điều này sẽ dẫn đến việc vật liệu tái chế tràn ngập thị trường mà không có người mua. Chúng tôi muốn khuyến nghị luật EPR cũng quy định thêm về tỷ lệ hàm lượng tái chế bắt buộc trong sản phẩm đưa vào thị trường Việt Nam.

2. Cần có danh sách các tiêu chí rõ ràng áp dụng cho nhà tái chế

Các nhà tái chế cần phải đăng ký để được ủy quyền hoạt động với tư cách là nhà tái chế cho các nhà sản xuất/nhập khẩu bao bì. Ví dụ, ngày nay nhiều nhà tái chế không có hệ thống xử lý nước thải thích hợp.

Chúng tôi muốn đề nghị công bố một danh sách các tiêu chí rõ ràng (bao gồm cả tiêu chí về môi trường) xem xét các tiêu chuẩn quốc tế mà các nhà tái chế phải đáp ứng để được đăng ký là nhà tái chế.

Có nhiều hệ thống để theo dõi chất thải (thành phần, độ bền, đặc tính, nguồn, v.v.) được hỗ trợ bởi một hệ thống chứng nhận. Hiện tại không có cầu nối nào được công bố cho các chương trình chứng nhận hiện có trên toàn cầu.

Chúng tôi muốn khuyến nghị xây dựng một cơ chế thừa nhận lẫn nhau giữa các cơ chế chứng nhận quốc tế và báo cáo dữ liệu về việc thu gom chất thải và đầu vào/đầu ra của tái chế.

3. Công trình xanh

Để thúc đẩy sự phát triển của công trình xanh tại Việt Nam, cần nhanh chóng hoàn thiện và/hoặc cập nhật khung pháp lý và nâng cao nhận thức của các bên liên quan, chủ yếu là các Cơ quan Chính phủ, do hệ thống pháp luật hiện hành ở Việt Nam gần như không có các ưu đãi cho các nhà phát triển.

Các rào cản quan trọng của Việt Nam đối với việc áp dụng công trình xanh bao gồm thiếu hỗ trợ đầy đủ về chính sách, thiếu chuyên gia về công trình xanh và chi phí đầu tư ban đầu cao hơn. Theo Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam (VGBC), thông tin sai lệch là một trong những lý do khiến Việt Nam trước đây trì hoãn việc áp dụng các công trình xanh, với nhận thức về phí bảo hiểm 25% cho việc xây dựng một công trình xanh tương đương.

Chúng tôi xin kiến nghị:

1. Đưa thuật ngữ “Công trình xanh” vào các quy định dưới luật của luật xây dựng.
2. Thực thi và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp vật liệu xây dựng bền vững thông qua Hiệp hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam.
3. Lấy chứng nhận tối thiểu làm điều kiện tiên quyết để cấp phép cho một số loại tòa nhà bất kể mục đích sử dụng của chúng và khuyến khích các cấp chứng nhận cao hơn.
4. Chuẩn bị một giới thiệu quy hoạch đô thị rõ ràng, bao gồm các công trình xanh và các giải pháp cải thiện sinh kế về nước, chất thải, giao thông và môi trường.

C. Nhân Lực và Đào Tạo

I. Thực Hiện Các Quy Định Mới Về Thị Thực Và Giấy Phép Lao Động

Trong thời kỳ COVID (từ tháng 4 năm 2020 đến ngày 15 tháng 3 năm 2022), việc xin cấp giấy phép lao động và thị thực gặp nhiều khó khăn khác nhau. Tuy nhiên, ngay từ khi dịch bắt đầu bùng phát, Chính phủ đã có nhiều chính sách “đột phá” trong phòng, chống dịch COVID-19, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động trôi chảy ngay cả trong tình hình dịch bệnh lây lan cao.

Đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong thời điểm khó khăn như vậy, Chính phủ cũng đã thể hiện sự quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp bằng việc ban hành Nghị quyết 105 đưa ra các quy định điều chỉnh, nói lỏng so với Nghị định 152/2020/NĐ- CP, với mục đích giúp quy trình xin giấy phép lao động được sắp xếp hợp lý hơn.

Trong giai đoạn bình thường mới, mặc dù các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát COVID-19 (gây ra gánh nặng cho doanh nghiệp như phê duyệt nhập cảnh, kiểm dịch và xét nghiệm COVID-19 khi nhập cảnh, v.v.) đã được gỡ bỏ, và các quy trình cấp thị thực và giấy phép lao động theo đó được kỳ vọng sẽ diễn ra suôn sẻ hơn. Tuy nhiên, thủ tục xin visa và giấy phép lao động của lao động nước ngoài hiện bị siết chặt hơn và gặp nhiều trở ngại hơn so với giai đoạn trước COVID, nhất là khi các quy định nói lỏng theo Nghị quyết 105/NQ-CP hết hiệu lực từ ngày 31/12 2022. Cụ thể:

1. Về thị thực:

- **Người nộp hồ sơ phải là nhân viên của bên bảo lãnh**

Cục Quản lý xuất nhập cảnh không còn cho phép các nhà cung cấp bên thứ ba xử lý các hồ sơ xin thị thực trực tiếp thay mặt cho bên bảo lãnh ngay cả khi có giấy ủy quyền. Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp phải tìm nhân lực chuyên nghiệp và thường xuyên tiếp xúc với khách hàng từ mỗi đơn vị của họ tại Việt Nam để dành nhiều giờ mỗi ngày để xếp hàng và nộp hồ sơ, cũng như liên lạc và yêu cầu cập nhật trạng thái với Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Điều này sẽ dẫn đến tình trạng các công ty mới thành lập không có nhân viên địa phương tại Việt Nam không thể xin thị

thực lao động cho người nước ngoài (rất có thể là đại diện hợp pháp của công ty địa phương hoặc đại diện được ủy quyền của nhà đầu tư) đến Việt Nam sau khi thành lập.

Một lưu ý liên quan, Cục quản lý xuất nhập cảnh hiện đang yêu cầu và kiểm tra nghiêm ngặt tư cách của người nộp đơn. Đáng chú ý, người nộp hồ sơ phải xuất trình hồ sơ đăng ký Bảo hiểm xã hội Việt Nam (VssID) trên điện thoại di động thể hiện đã tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty bảo lãnh để chứng minh đủ điều kiện về tình trạng việc làm. Như vậy, các đối tượng khác như người được ủy quyền không phải là nhân viên của công ty, cá nhân chưa đăng ký sử dụng VssID, hay kể cả những đối tượng là nhân viên của công ty và đã đăng ký trên VssID - nhưng do lỗi từ ứng dụng VssID mà họ bị không được thể hiện như tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty bảo lãnh, vv không được phép nộp hồ sơ.

- **Thời hạn của visa thương mại được cấp ngắn**

Hầu hết các cục xuất nhập cảnh ở Việt Nam hiện nay chỉ cấp visa thương mại trong tối đa 30 ngày. Theo đó, khi hết thời hạn 30 ngày, người nước ngoài phải xuất cảnh nếu chưa có giấy phép lao động. Cách làm này gây tốn kém chi phí/thời gian cho doanh nghiệp, điều này càng ảnh hưởng đến hoạt động hàng ngày của công ty khi các nhân viên thiết yếu phải đi vắng.

- **Việc xét duyệt hồ sơ visa phức tạp**

Trên thực tế, Cục quản lý xuất nhập cảnh yêu cầu nhiều giấy tờ/bước hơn so với quy định trong luật (ví dụ: báo cáo thuế của công ty bảo lãnh, hoặc gặp đại diện hợp pháp của công ty bảo lãnh để yêu cầu), gây khó khăn cho công ty bảo lãnh và đương đơn khi chuẩn bị hồ sơ. Việc lấy số thứ tự, xếp hàng nộp hồ sơ tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh vốn đã rất khó khăn và mất nhiều thời gian nên đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo xác định của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì người nộp hồ sơ bắt buộc phải nộp hồ sơ lại. Điều này gây trở ngại rất lớn về mặt thời gian chuẩn bị. Hơn nữa, các cơ quan chức năng yêu cầu một nhân viên của văn phòng Việt Nam ký vào các giấy tờ nhập cư. Đây không phải là cách tiếp cận phù hợp với các công ty đa quốc gia có các bên ký kết phù hợp với các tài liệu đang cư trú ở nước ngoài.

- **Quy trình kéo dài**

Quy trình từ đầu đến cuối ở Việt Nam dài hơn mức trung bình. Có nhiều bước (hợp pháp hóa, xin thị thực nhập cảnh, giấy phép lao động và cuối cùng là thẻ tạm trú) trước khi một nhân viên được coi là sẵn sàng làm việc và điều này không cho phép các doanh nghiệp triển khai nhân lực tại Việt Nam theo nhu cầu khẩn cấp. Nó làm gián đoạn hoạt động và khiến việc coi Việt Nam là một địa điểm để mở rộng trở nên khó khăn chỉ vì những điều không chắc chắn xung quanh các chính sách và quy trình nhập cảnh.

- **Visa nhập cảnh sân bay hiện được kiểm soát chặt chẽ và chỉ được coi là phù hợp với những trường hợp rất cụ thể**

Trước và trong thời kỳ khủng hoảng COVID-19, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Việt Nam đã cho phép “visa nhập cảnh sân bay” đối với một số trường hợp khác do khó xin thị thực tại các Đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên, thời gian gần đây, có dấu hiệu cho thấy việc cấp thị thực tại cửa khẩu (visa nhập cảnh sân bay) được kiểm soát chặt chẽ và chỉ cấp cho một số trường hợp cụ thể. Điều này gây khó khăn cho nhân viên nước ngoài vì không phải lúc nào họ cũng thuận tiện hoặc có thể đến thăm Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Việt Nam ở bất kỳ quốc gia nào trước khi đến, đặc biệt trong trường hợp Đại sứ quán / Lãnh sự quán ở xa.

Chúng tôi xin kiến nghị như sau:

- Phòng quản lý xuất nhập cảnh cấp thị thực kinh doanh dài hơn và cho phép gia hạn thị thực kinh doanh ít nhất một lần trong trường hợp giấy phép lao động đang được hoàn thiện. Thời hạn thị thực dài hơn là cần thiết, đặc biệt là khi quy trình xin giấy phép lao động đã bị thất bại và kéo dài.

- Cho phép bên thứ ba đại diện làm việc với Cục xuất nhập cảnh về các hồ sơ xin thị thực, đồng thời cơ quan xuất nhập cảnh cũng hợp lý hóa các thủ tục nộp đơn.
- Cải tiến thủ tục nộp hồ sơ tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh để tiết kiệm thời gian và công sức cho người nộp hồ sơ (tăng số lượng cán bộ xử lý hoặc đăng ký nhận sổ thứ tự, đặt lịch trước qua mạng).
- Cho phép chuyển đổi visa trong một số trường hợp cụ thể mà không cần phải xuất cảnh.
- Loại bỏ những yêu cầu vượt ra ngoài yêu cầu của pháp luật hiện hành.
- Số hóa thủ tục cấp thị thực để giải quyết tình trạng quá tải tại cổng thông tin một cửa.

2. Về giấy phép lao động:

Gần đây, một số sở LĐTBXH TP.HCM (ví dụ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) đã thay đổi quy trình phê duyệt và có các yêu cầu bổ sung Bước 1 như sau:

- Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài: Thay đổi mẫu tờ trình: trước đây Mẫu số 01/PLI (Giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài) được sử dụng chung cho tất cả các trường hợp và Mẫu số 02/PLI (Giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài) được sử dụng trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào với kế hoạch ban đầu. Tuy nhiên, từ tháng 10/2022, Mẫu số 01/PLI chỉ được chấp nhận đối với các doanh nghiệp từ trước đến nay chưa sử dụng lao động nước ngoài và sẽ sử dụng Mẫu số 02/PLI khi doanh nghiệp có nhu cầu mới. Việc thay đổi này không phù hợp với nội dung hướng dẫn của Nghị định 152.
- Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài: Đặt thêm yêu cầu mới: (cụ thể là Sở LĐTBXH thành phố Hồ Chí Minh) trong quá trình phê duyệt Bước 1 khi sử dụng lao động nước ngoài, thay vì “xác định nhu cầu lao động nước ngoài cho từng vị trí công việc mà lao động Việt Nam không đáp ứng được”, các thành viên của chúng tôi giờ đây phải chứng minh lao động Việt Nam không đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trước khi gửi yêu cầu sử dụng lao động nước ngoài bằng cách cung cấp thông báo tuyển dụng, kế hoạch tuyển dụng và phương án đào tạo lao động Việt Nam để đảm bảo trong tương lai người lao động Việt Nam sẽ có thể thay thế vị trí của người lao động nước ngoài đó.

Chúng tôi đánh giá cao sự phối hợp tác của Sở LĐTBXH thành phố Hồ Chí Minh trong việc giải quyết các vướng mắc trong thủ tục xin cấp Giấy phép lao động nước ngoài. Theo đó Sở LĐTBXH thành phố Hồ Chí Minh không yêu cầu phải nộp 3 tài liệu bổ sung nêu trên kèm theo báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài. Tuy nhiên một số khó khăn vẫn còn trong Nghị định 152 ví dụ, ở các trường quốc tế, trong khi một số giáo viên Việt Nam có thể có bộ kỹ năng phù hợp, thì việc các trường quốc tế có thể chuyển đổi vị trí giảng dạy cho chương trình giảng dạy quốc tế sang thuê người địa phương là điều cực kỳ khó xảy ra và không thể tránh khỏi. Do đó, các trường quốc tế có thể giữ lại các nhà giáo dục chuyên nghiệp nước ngoài miễn là chương trình giảng dạy của trường đảm bảo.

Chúng tôi xin kiến nghị như sau:

- Quay trở lại cách sử dụng Mẫu số 01/PLI trước đây để tránh liệt kê những thông tin không cần thiết hoặc giảm bớt lượng thông tin không cần thiết mà Mẫu số 02/PLI hiện đang yêu cầu
- Hướng dẫn cụ thể, rõ ràng hơn về quy trình phê duyệt trước (Phê duyệt Bước 1), có xem xét đến mối quan tâm của các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, tránh tình trạng nộp bổ sung hồ sơ nhiều lần gây tốn thêm thời gian, chi phí và nguồn lực cho doanh nghiệp
- Có cách diễn giải luật mang tính xây dựng để tạo sự linh hoạt đối với các tài liệu yêu cầu nộp.

II. Tổ Chức Đại Diện Người Lao Động Và Phí Công Đoàn

1. Thiếu nghị định hướng dẫn về tổ chức đại diện người lao động

Bộ luật Lao động hiện hành (“BLLĐ 2019”) lần đầu tiên ghi nhận sự tồn tại của tổ chức người lao động tại doanh nghiệp. Cụ thể, Điều 3.3 Bộ luật Lao động 2019 hiện nay xác định “tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở” bao gồm “công đoàn cơ sở” và “tổ chức của người lao động”, có quyền và trách nhiệm ngang nhau trong việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Khoản 4, Điều 172 và Khoản 2, Điều 174 của BLLĐ 2019 giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số vấn đề về tổ chức của người lao động. Ngoài ra, theo Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2021, nghị định về vấn đề này đã phải được ban hành trong giai đoạn 2020 – 2021. Tuy nhiên, đến nay nghị định hướng dẫn Bộ luật Lao động 2019 về tổ chức đại diện người lao động vẫn chưa có, nên trên thực tế chưa có tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp được thành lập. Chúng tôi kiến nghị chính phủ/Bộ LĐTBXH cần ban hành nghị định này càng sớm càng tốt để tạo tiền đề cho việc thành lập và hoạt động của tổ chức người lao động và để chứng minh nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết trong EVFTA về vấn đề này.

2. Về vấn đề đoàn phí công đoàn theo quy định của pháp luật

Theo Nghị quyết số 549/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 31 tháng 7 năm 2018, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công đoàn (“Luật Công đoàn sửa đổi”) dự kiến sẽ được trình Quốc hội để thông qua trong năm 2018-2019. Sau đó, Nghị quyết số 106/2020/QH14 của Quốc hội ngày 10 tháng 6 năm 2020 bổ sung Luật Công đoàn sửa đổi trong dự kiến để Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa 14 (tháng 11/2020). Tuy nhiên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sau đó đã ban hành Nghị quyết số 1033/2020/UBTVQH14 loại bỏ Luật này ra khỏi chương trình nghị sự.

Cho đến thời điểm này, Luật Công đoàn sửa đổi chưa được ban hành nên một số quy định không còn phù hợp với pháp luật lao động hiện hành vẫn có hiệu lực.

Theo thông tin thì Dự thảo Luật Công đoàn sửa đổi vẫn đang được chỉnh sửa để trình Quốc hội trong thời gian tới. Cụ thể, chiều ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại Hội nghị lần thứ 31 Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (“TLĐLĐVN”) (khóa XII), Phó Chủ tịch Ngọ Duy Hiểu đã trình bày Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung về Công đoàn. Theo kế hoạch, hồ sơ sửa đổi, bổ sung Luật Công đoàn 2012 sẽ được trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV (dự kiến ngày 10/10/2024). Đề nghị TLĐLĐVN và Chính phủ tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo Luật Công đoàn sửa đổi để có cách tiếp cận phù hợp hơn, nhất là về sửa đổi chế độ đoàn phí, vì theo Bộ luật Lao động mới 2019, công đoàn không còn là tổ chức duy nhất đại diện người lao động.

Trước đây, theo Bộ luật Lao động cũ, tại doanh nghiệp, công đoàn cơ sở hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đại diện cho toàn thể người lao động – kể cả những người không phải là đoàn viên – trong mọi vấn đề về việc làm (ví dụ: đại diện cho những người không phải là đoàn viên trong các kỷ luật lao động). Tuy nhiên, Bộ luật Lao động mới 2019 đã thay đổi khái niệm “tổ chức đại diện người lao động”, hiện nay bao gồm “công đoàn” và một loại hình mới được bổ sung - “tổ chức của người lao động”.

Theo quy định của Bộ luật Lao động 2019, người lao động trong doanh nghiệp hiện có thể được chia thành ba nhóm: (i) người lao động là đoàn viên công đoàn; (ii) người lao động là thành viên của loại hình tổ chức đại diện người lao động mới – “tổ chức của người lao động”; và (iii) nhân viên không tham gia hội (nhân viên không tham gia công đoàn hoặc tổ chức của người lao động). Theo đó, tổ chức công đoàn hiện nay chỉ đại diện cho đoàn viên trong nhóm (i).

Tuy nhiên, theo Luật Công đoàn hiện hành đang được áp dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ đóng kinh phí công đoàn bằng 2% trên tổng số tiền lương của doanh nghiệp để làm căn cứ tính đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, không phân biệt có công đoàn hay không (không đề cập rằng bảng lương này cũng bao gồm cả nhân viên nước ngoài không được phép là thành viên của công đoàn). Giả sử tại doanh nghiệp có tổ chức của người lao động thì kinh phí công đoàn vẫn do tổ chức công đoàn thu và quản lý. Quy định như vậy của Luật Công đoàn hiện hành là không phù hợp với tinh thần của Bộ luật Lao động 2019 quy định về sự đối xử bình đẳng giữa tổ chức công đoàn và người lao động. Vì vậy, việc sửa đổi Luật Công đoàn hiện hành cho phù hợp với pháp luật lao động là rất cần thiết.

Chúng tôi kiến nghị:

Về quy định tổ chức đại diện người lao động:

Chính phủ/Bộ LĐTBXH cần ban hành nghị định này càng sớm càng tốt để tạo tiền đề cho việc thành lập và hoạt động của tổ chức NLĐ và để chứng minh nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết trong EVFTA về vấn đề này.

Chúng tôi kiến nghị Luật Công đoàn sửa đổi cần sớm được ban hành để hài hòa một số vấn đề với Bộ luật Lao động 2019.

Đặc biệt:

- Luật Công đoàn sửa đổi nên thay đổi phí công đoàn thành một tên mới: ví dụ: hỗ trợ hiệp hội người lao động.
- Luật Công đoàn sửa đổi và các quy định liên quan nên giảm mức hỗ trợ của hiệp hội người lao động xuống mức thấp hơn. Cụ thể, mức đóng kinh phí công đoàn hiện nay là 2% trên tổng số tiền lương làm căn cứ tính đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Tuy nhiên, trên thực tế nên giảm xuống chỉ còn 0,5 hoặc 1% vì nó phản ánh nhu cầu thực tế của người lao động đối với các hoạt động bên cạnh các hoạt động khác do người sử dụng lao động tổ chức.
- Về phí công đoàn, hay là đề xuất “hỗ trợ hiệp hội người lao động”, Luật Công đoàn sửa đổi và các văn bản liên quan cần quy định theo hướng: không nên đóng phí công đoàn hàng tháng do người sử dụng lao động đóng cho cơ quan công đoàn cấp trên, mà nộp trực tiếp và toàn bộ cho các tổ chức đại diện của người lao động ở cấp cơ sở, bao gồm cả "(các) *tổ chức của người lao động*" và "công đoàn", và được phân chia giữa mỗi tổ chức dựa trên tỷ lệ thành viên của người lao động mà họ đại diện. Tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở phải có quyền sử dụng toàn bộ kinh phí công đoàn do người sử dụng lao động đóng góp và đoàn phí công đoàn do người lao động đóng góp.

Ví dụ, trong một doanh nghiệp có 50% nhân viên là thành viên công đoàn và 50% nhân viên còn lại là thành viên của tổ chức của người lao động, hỗ trợ của hiệp hội người lao động sẽ được đóng góp bằng nhau cho mỗi hiệp hội, tức là 50% cho mỗi tổ chức.

III. Chỉ Số Chất Lượng Không Khí (AQI)

Trong khi an toàn, an ninh và sự sẵn có của nền giáo dục quốc tế có chất lượng là tất cả những yếu tố khiến Việt Nam trở thành "thân thiện với các gia đình", thì chất lượng không khí kém đang cản trở Việt Nam như một điểm đến lành mạnh cho các gia đình ngoại giao và kiều bào quốc tế. Do đó, AQI kém có nguy cơ làm suy yếu toàn bộ lĩnh vực giáo dục quốc tế, bởi vì nếu các nhà ngoại giao, nhà đầu tư và chuyên gia chọn không chuyên gia đình họ đến Việt Nam do chất lượng không khí kém, các trường quốc tế sẽ mất cơ sở học sinh quốc tế và đến lượt học sinh Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng khi ngày càng có ít chỗ học ở trường quốc tế, và bản thân các trường quốc tế trở thành lĩnh vực kinh doanh không bền vững đối với các nhà đầu tư.

Chúng tôi kiến nghị để đảm bảo việc tiếp tục cung cấp nền giáo dục có chất lượng tại Việt Nam, chúng tôi kiến nghị Chính phủ giải quyết vấn đề AQL.

D. Phụ Nữ Trong Kinh Doanh

1. Tăng thời gian nghỉ thai sản cho người cha

Hiện nay, nam giới chỉ được nghỉ chế độ chăm con từ 5 đến 14 ngày làm việc khi sinh con. Chúng tôi khuyến khích Chính phủ sửa đổi Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội để nam giới có nhiều thời gian nghỉ hơn khi sinh con. Chúng tôi lưu ý rằng chính phủ đang trong quá trình sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội, vì vậy đây là thời điểm thích hợp để cải cách quyền được nghỉ thai sản của nam giới.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc người cha có nhiều thời gian nghỉ thai sản hơn có tác động trực tiếp đến việc làm giảm đáng kể khoảng cách tiền lương theo giới. Ở giai đoạn tuyển dụng, các nhà tuyển dụng sẽ nhận thấy rằng các ứng viên nam cũng có thể nghỉ phép dài ngày khi sinh con, vì vậy các ứng viên nữ sẽ ít thiệt thòi hơn về mặt đó. Các ông bố cũng sẽ hình thành mối liên kết chặt chẽ hơn với con cái thông qua việc tăng thời gian nghỉ sinh con, vì vậy trong tương lai, họ sẽ chia sẻ trách nhiệm gia đình với vợ một cách bình đẳng hơn. Ngoài ra, mối liên kết bền chặt hơn giữa người cha và con cái của họ sẽ dẫn đến những đứa trẻ hạnh phúc và gia đình gắn bó hơn.

Chúng tôi khuyến nghị tăng dần thời gian nghỉ sinh con để nam giới được hưởng chế độ nghỉ tối thiểu 01 tháng theo Luật Bảo hiểm Xã hội mới.

2. Cấm tuyển dụng dựa trên giới tính

Chúng tôi cũng khuyến khích Chính phủ lên án và nghiêm cấm tuyển dụng dựa trên giới tính, đồng thời chỉ đạo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tích cực thực hiện các quy định cấm hiện hành trong Bộ luật Lao động 2019 đối với hành vi này.

Chúng tôi khuyến khích sự thực thi tích cực hơn nữa từ Chính phủ đối với vấn đề này.

3. Ưu đãi thuế thu nhập dành cho người sử dụng lao động tạo thuận lợi cho nữ giới

Cần nhấn mạnh vào việc khen thưởng các công ty thực hiện đào tạo và chính sách thăng tiến và bổ nhiệm phụ nữ vào các vị trí quản lý cấp cao, thay vì khuyến khích dựa trên số lượng phụ nữ được tuyển dụng. Thay vào đó, các ưu đãi về thuế nên dựa trên tỷ lệ phụ nữ giữ các vị trí lãnh đạo tại doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng khuyến nghị Chính phủ thay đổi chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với những người sử dụng lao động tạo thuận lợi cho phụ nữ và chính sách này cần được áp dụng cho tất cả các ngành nghề tại Việt Nam. Cần đặc biệt nhấn mạnh vào việc khen thưởng các công ty thực hiện việc đào tạo và áp dụng các chính sách trong việc thúc đẩy và đề bạt phụ nữ vào các vị trí quản lý bậc cao.

III. Lựa Chọn Của Người tiêu dùng

A. Thực Phẩm, Nông Nghiệp và Nuôi Trồng Thủy Sản

1. Điều chỉnh khung pháp lý để đề quy định về các nguyên liệu thô mới và sáng tạo cho sản xuất thức ăn chăn nuôi theo tình hình thị trường hiện tại và nâng cao tính bền vững

Việc đăng ký thức ăn chăn nuôi hiện nay phụ thuộc vào mức protein thô tối thiểu trong khẩu phần, điều này không hoàn toàn thể hiện chất lượng thực tế của thức ăn. Nghiên cứu gần đây trong đánh giá hiệu quả của thức ăn chăn nuôi cho thấy protein dễ tiêu và thành phần axit amin của protein quan trọng hơn hàm lượng protein thô. Giảm giới hạn protein thô tối thiểu trong thức ăn chăn nuôi và thủy sản sẽ giúp tiết kiệm đáng kể chi phí cho toàn ngành, giảm khả năng gây ô nhiễm, và cải thiện sức khỏe vật nuôi.

Chúng tôi khuyến nghị giảm bớt các yêu cầu về đăng ký khẩu phần ăn; Thể hiện rõ ràng và giám sát giám sát lợi ích thực tế về việc sử dụng thức ăn hiệu quả hơn và tác động tích cực của nó đối với việc tăng tính bền vững của ngành nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

2. Áp dụng quan điểm và cách tiếp cận một sức khỏe trong nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi để đảm bảo sử dụng kháng sinh thận trọng

Do ảnh hưởng lan rộng của đại dịch COVID-19, chúng tôi lưu ý tầm quan trọng của hoạt động phối hợp liên ngành để bảo vệ vật nuôi, môi trường và người tiêu dùng - một khái niệm được gọi là cách tiếp cận Một sức khỏe (One Health). Phương pháp tiếp cận Một sức khỏe toàn diện đã được nhiều quốc gia và các cơ quan quốc tế đưa vào kế hoạch hành động quốc gia về chống kháng kháng sinh, nhằm) khuyến cáo nông dân và các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi ngừng việc sử dụng thuốc kháng sinh thường xuyên để tăng cường khả năng sinh trưởng và ngăn ngừa bệnh tật ở vật nuôi khỏe mạnh. Mục đích của các hướng dẫn này là giúp duy trì hiệu quả của các loại thuốc kháng sinh cần thiết cho việc điều trị ở người bằng cách giảm sử dụng chúng trên động vật.

Chúng tôi khuyến nghị cải thiện việc thực thi các quy định hiện hành và kiểm tra nhân sản phẩm kháng sinh; Hạn chế sử dụng các thuốc kháng sinh thiết yếu đối với sức khỏe con người để chữa trị cho vật nuôi.

3. Tiếp tục tập trung triển khai và khai thác lợi ích từ EVFTA

Là một FTA thế hệ mới, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020, EVFTA bắt đầu một kỷ nguyên mới của thương mại EU-Việt Nam thông qua việc từng bước xóa bỏ thuế quan và mở cửa thị trường cho cả hai bên. EU đã giảm 94% trong số 547 dòng thuế áp dụng cho rau quả tươi và đã qua chế biến xuống 0%. Ngoài ra, EVFTA giúp Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong khuôn khổ pháp lý, các quy định về môi trường và môi trường đầu tư của Việt Nam.

Hợp tác để đảm bảo các doanh nghiệp Việt Nam và Châu Âu đang làm việc tại Việt Nam cải thiện điều kiện sản xuất và những điều chỉnh quy định từ chính phủ Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam nên cải tiến sản phẩm, hợp lý hóa quy trình và trở nên hấp dẫn hơn trên thị trường toàn cầu. Chính phủ cần xây dựng các quy định rõ ràng về an toàn thực phẩm áp dụng cho cả sản phẩm trong nước và xuất khẩu, không nên sử dụng hai hệ thống quy định riêng cho thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

Để đảm bảo tính bền vững và an toàn thực phẩm, các sản phẩm thực phẩm, nông nghiệp và thủy sản phải có khả năng truy xuất nguồn gốc. Chính phủ và ngành nông nghiệp cần tham gia đối thoại để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc chứ thay vì dựa vào các tổ chức phi chính phủ.

B. Ô Tô

1. Luật Bảo vệ Môi trường 2020

Với mục tiêu bảo vệ môi trường, Bộ Luật đã quy định nghĩa vụ của tổ chức, các nhân sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm và bao bì “có giá trị tái chế” phải thực hiện tái chế theo “tỷ lệ và quy cách

tái chế bắt buộc”. Các tổ chức, cá nhân hoặc phải tự tổ chức tái chế sản phẩm, bao bì hoặc đóng góp tài chính.²

Nghị định 08/2022/ND-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 hướng dẫn chi tiết một số điều khoản của Luật. Theo Nghị định, quy định tái chế cho ô tô như sau:

Sản phẩm	Lộ trình áp dụng	Tỷ lệ tái chế bắt buộc (%)	Phương pháp tái chế
Sản phẩm ắc quy chì	01.01.2024	12%	Đối với các linh kiện phụ tùng/dầu nhớt cho động cơ: Thu hồi, tái sử dụng sau khi xử lý như tháo dỡ, phân loại, sản xuất nguyên vật liệu tái chế.
Pin sạc (nhiều lần)	01.01.2024	8%	
Dầu nhớt cho động cơ	01.01.2024	15%	
Săm lốp	01.01.2024	5%	Đối với xe ô tô: Thu hồi các xe thải bỏ, tái sử dụng các bộ phận, thiết bị đảm bảo theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, các linh kiện khác được tái chế sau khi phân loại theo chủng loại vật liệu như nêu trên.
Điều hòa không khí	01.01.2025	5%	
TV, màn hình	01.01.2025	9%	
Bóng đèn	01.01.2025	8%	
Xe ô tô	01.01.2027	0.5%	

Thách thức để thực hiện nghĩa vụ tái chế chính là thực tế hiện nay không có quy định pháp lý đối³ với người sở hữu xe ô tô nhằm đảm bảo người sở hữu xe sẽ mang xe thải bỏ tới các điểm thu hồi chính thức. Mặt khác, Nghị định lại quy định tỷ lệ thu gom/tái chế là 0.5% tính trên khối lượng ô tô sản xuất được đưa ra thị trường và nhập khẩu trong năm thực hiện trách nhiệm tính từ 1.1.2027. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ sớm ban hành quy định chặt chẽ đối với việc thải bỏ phương tiện giao thông vì sẽ khó thực hiện nghĩa vụ tái chế xe ô tô nếu không có quy định này.

2. Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn EURO 4 cho xe hai bánh

Tại COP26, Thủ tướng Chính phủ cam kết Việt Nam sẽ đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Theo đó, các Bộ, Ngành liên quan xây dựng kế hoạch hành động hướng tới mục tiêu, trong đó có nhiều chính sách nhằm thực hiện cam kết trên. Một trong những hành động có thể giúp giảm thiểu CO2 là áp dụng các tiêu chuẩn nhiên liệu ở mức cao hơn như áp dụng EU4 cho xe máy. Kế hoạch này đã không được thực hiện từ năm 2020 nhưng đến nay EURO 4 vẫn chưa thể áp dụng do các vấn đề sau:

- Chưa phân định rõ Bộ nào sẽ theo dõi/phụ trách chính công việc này.
- Chưa có lộ trình thực hiện rõ ràng.
- Chưa hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật như QCVN để thử nghiệm áp dụng EURO4.

² Mức đóng góp tài chính: $F = R \times V \times F_s$

F: Tổng số tiền mà nhà sản xuất, nhập khẩu phải đóng cho Quỹ Bảo Vệ môi trường Việt nam theo từng loại sản phẩm bao bì(VND)

R: là tỷ lệ tái chế bắt buộc của từng loại sản phẩm, bao bì (%)

V: Khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất đưa ra thị trường và nhập khẩu trong năm thực hiện trách nhiệm tái chế (kg)

Fs: Định mức tái chế (VND/kg)

³ Quy định việc thải bỏ phương tiện giao thông phải được ban hành trước ngày 01.01.2025.

Chúng tôi khuyến nghị chính phủ đẩy nhanh việc áp dụng EU4 và trong tương lai có kế hoạch áp dụng tiêu chuẩn nhiên liệu cao hơn như EURO5 đến EURO 10 hoặc bất kỳ nhiên liệu sinh học nào khác giúp giảm mạnh lượng khí thải.

Về việc đẩy nhanh tiến độ áp dụng EURO 4, Chính phủ có thể xem xét:

- Phân quyền rõ ràng cho Bộ chủ trì, theo dõi công tác này (Bộ TNMT hoặc Bộ GTVT hoặc cả hai Bộ nhưng phân cấp, phân công rõ ràng);
- Ban hành một lộ trình rõ ràng bao gồm cả thời gian cho:
 - i. Ban hành QCVN thử nghiệm và áp dụng EURO 4 và
 - ii. Áp dụng tiêu chuẩn EURO 4 cho xe 2 bánh.

Trong đó:

- 2 năm kể từ ngày ban hành QCVN: áp dụng cho xe 2 bánh mới.
- 4 năm kể từ ngày ban hành QCVN: áp dụng cho xe -2 bánh đang lưu hành.

C. Dinh Dưỡng và Sữa Công Thức

Dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi bao gồm “Đồ uống có đường” và “nước giải khát không cồn”. Hiện có 7 điểm bất cập trong dự thảo liên quan đến “Đồ uống có đường”:

1. Cụm từ “đồ uống có đường” là một khái niệm rất rộng và không rõ ràng, có thể hiểu là tất cả các sản phẩm dùng để uống được và có đường, không những chồng chéo lên nhóm “nước giải khát không cồn” trong dự thảo, mà còn bao gồm cả các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe: sữa và sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ em (bao gồm cả sữa cho trẻ nhỏ, sữa học đường), dinh dưỡng y tế cho bệnh nhân, dinh dưỡng cho các đối tượng đặc biệt như người già/phụ nữ có thai, thực phẩm bảo vệ sức khỏe...rất thiết yếu cho đời sống nhân dân, được sử dụng hàng ngày ở mọi gia đình. Nếu bị đánh thuế tiêu thụ đặc biệt, giá các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe này sẽ tăng lên, hạn chế sự tiêu dùng của người dân, dẫn đến suy giảm sức khỏe như thấp còi ở trẻ em, suy dinh dưỡng ở trẻ em và người già, chậm hồi phục, tăng tỷ lệ tử vong ở bệnh nhân..., đi ngược lại mục tiêu của sắc thuế là hạn chế các sản phẩm có hại cho sức khỏe.

2. Không chính xác về khoa học:

4 tài liệu nghiên cứu mà Báo cáo tác động và Bộ y tế trích dẫn để làm cơ sở trong Báo cáo đánh giá tác động, đều nghiên cứu trên “**Nước giải khát bổ sung đường để làm ngọt**” (**Sugar-sweetened beverages**), cụ thể nêu rõ bao gồm nước giải khát có ga và không ga, nước trái cây và trà, nước uống thể thao-tăng lực, được bổ sung đường (không tính đường tự nhiên có sẵn trong sản phẩm), chứ không dùng từ “**Sugared drink**” (**Đồ uống có đường**) như trong Dự thảo Luật.

3. Việc áp thuế TTĐB lên các sản phẩm dinh dưỡng thiết yếu và có lợi cho sức khỏe trên đây là không phù hợp với Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, theo đó đã chỉ đạo “tăng thuế TTĐB đối với các hàng hóa có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng” và “Cấp uỷ, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu”. Đề xuất này cũng không phù hợp với **Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2045** – điểm b, mục 2, khoản III - Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: “Khuyến khích các tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp tham gia... sản xuất các sản phẩm có lợi cho sức khỏe”

4. Báo cáo của Hội đồng Cấp cao Độc lập của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tháng 6/2018 về Các bệnh không lây nhiễm (trong đó có béo phì), chỉ khuyến cáo đánh thuế rượu, thuế thuốc

lá, cải thiện hợp lý chế độ ăn và tăng cường vận động, không khuyến cáo đánh thuế lên các sản phẩm có đường

5. Báo cáo đánh giá tác động cho rằng «phù hợp với thông lệ quốc tế» là không chính xác: Báo cáo nêu trong số 193 nước trên thế giới, có gần 50 nước, tức khoảng 1/4 số quốc gia trên thế giới, đánh thuế lên nước giải khát bổ sung đường.

Với 3/4 các quốc gia không đánh thuế, 1/4 số còn lại đánh thuế chủ yếu lên nước giải khát (tức là không bao gồm các sản phẩm dinh dưỡng), thì rõ ràng việc đánh thuế lên cả đồ uống có đường là không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Cũng chưa có bất kỳ số liệu thống kê nào cho thấy việc đánh thuế này ở 1/4 số quốc gia trên thế giới này đem lại hiệu quả trong việc giảm tình trạng béo phì. Đan Mạch đã phải rút bỏ thuế này vào năm 2013 do tác động tiêu cực lên kinh tế mà không thấy có lợi gì về sức khỏe sau 83 năm thực hiện.

6. Bất cập về phân loại theo mã HS, gây khó khăn cho thực thi: Theo bảng mã HS, nhóm Đồ uống chỉ thuộc về chương 22, nên việc dự thảo Luật đưa ra từ «Đồ uống có đường» mà chưa có định nghĩa chính xác và mã HS rõ ràng sẽ rất dễ gây hiểu lầm và rất khó thực thi.

7. Việc mở rộng thuế tiêu thụ đặc biệt lên các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như các sản phẩm dinh dưỡng không những không phù hợp với chủ trương chăm sóc sức khỏe nhân dân của Chính phủ, mà còn không phù hợp với tình hình kinh tế hiện tại: người tiêu dùng và doanh nghiệp đang chịu rất nhiều khó khăn do các tác động hậu đại dịch Covid và chiến tranh Nga-Ucraina gây đứt gãy chuỗi cung ứng và lạm phát tăng cao, nhiều người lao động thiếu việc làm, thu nhập giảm trong khi thuế tăng với các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu sẽ làm giá cả các mặt hàng này tăng cao, đời sống nhân dân và doanh nghiệp thêm khó khăn.

Chúng tôi khuyến nghị:

- i. Bỏ “*Đồ uống có đường*” khỏi dự thảo để tránh chồng chéo và nhầm lẫn. Thay từ “*nước giải khát không cồn*” bằng từ “*nước giải khát bổ sung đường*” (với ghi chú: nước giải khát được định nghĩa tại TCVN 12818 : 2019). Cần đưa kèm mã HS (chương 22 kèm 6 số nhóm/phân nhóm) khi ban hành Luật để thuận lợi cho thực thi.
Lý do: TCVN 12818 : 2019 đã có định nghĩa rõ ràng về nước giải khát, nêu rõ chúng không chứa cồn; và các sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này hoàn toàn phù hợp với các sản phẩm trong các nghiên cứu khoa học được dẫn chứng trong Báo cáo tác động.
- ii. Không sử dụng từ “*đồ uống có đường*” trong các văn bản vì chưa có định nghĩa trong hệ thống pháp luật của Việt Nam, không rõ ràng, không phù hợp với từ ngữ sử dụng trong các nghiên cứu khoa học. Khi dẫn chứng các nghiên cứu về Sugar-sweetened beverages để xây dựng chính sách, nên dịch đúng là “*nước giải khát bổ sung đường*” kèm tên các nhóm sản phẩm cụ thể (nước giải khát có ga và không ga/nước trái cây và trà/nước uống thể thao-tăng lực, được bổ sung đường) để tránh gây hiểu nhầm. Chỉ đưa những sản phẩm đã có bằng chứng khoa học chứng minh là có hại cho sức khỏe vào đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, để đúng với mục tiêu của sắc thuế.
- iii. Không đánh thuế tiêu thụ đặc biệt các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe như sữa và sản phẩm sữa (có thành phần chính từ sữa), sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ em tới 36 tháng tuổi, sản phẩm dinh dưỡng y học cho bệnh nhân, thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt cho các đối tượng đặc biệt như người già, phụ nữ có thai, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thuốc uống dạng lỏng, để phù hợp với quốc tế và không gây ảnh hưởng có hại đến

sức khỏe và đời sống nhân dân. Cục an toàn thực phẩm đã có công văn số 3946/ATTP-KHTC gửi tới Bộ Tài Chính ngày 6/12/2019 nêu rõ quan điểm này.

- iv. Các chính sách liên quan đến thực phẩm cần đảm bảo sự nhất quán trong hệ thống chính sách và chiến lược hiện hành, bao gồm việc chỉ hạn chế các sản phẩm *có hại* cho sức khỏe như đã nêu trong **Nghị quyết 20-NQ/TW** ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đồng thời *khuyến khích sản xuất sản phẩm dinh dưỡng*, như được nêu trong **Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2045**.

Các chính sách này cần được xây dựng dựa trên những bằng chứng khoa học cụ thể và sâu sắc, theo đúng nhóm sản phẩm mà nghiên cứu khoa học đã chỉ ra, chứ không tùy tiện mở rộng.

D. Rượu Vang và Rượu Mạnh

1. Ổn định chính sách

Trong vòng 02 năm qua, đại dịch COVID-19 đã có những tác động tiêu cực đặc biệt nghiêm trọng đối với ngành đồ uống có cồn. Những đứt gãy nghiêm trọng của chuỗi cung ứng, việc tạm dừng các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch, và giải trí, cũng như những biện pháp phòng, chống dịch cần thiết như hạn chế đi lại và đóng cửa hàng, quán, đã ảnh hưởng đặc biệt lên hoạt động kinh doanh của ngành.

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ (i) tiếp tục đồng hành và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp và (ii) quan trọng hơn hết là, đảm bảo một môi trường chính sách ổn định, dễ đoán định, đặc biệt là giữ nguyên những chính sách thuế để đảm bảo các doanh nghiệp yên tâm kinh doanh, từ đó có thể phục hồi sau COVID-19 một cách nhanh chóng và bền vững.

2. Quản lý việc kinh doanh đồ uống có cồn bất hợp pháp để bảo vệ sức khỏe cộng đồng

Đối với các sản phẩm đồ uống có cồn, mục tiêu chính của việc quản lý và kiểm soát đồ uống có cồn là nhằm hạn chế việc lạm dụng, gây tổn hại đến sức khỏe và phát sinh chi phí khác cho xã hội. Tuy nhiên, vấn đề chính mà Việt Nam đang gặp phải lại là các sản phẩm rượu không chính thức, không được ghi nhận và không bị đánh thuế, phần lớn do hộ cá thể sản xuất. Sản lượng của khu vực đồ uống có cồn không chính thức này chiếm tới hơn 70% tổng sản lượng trên thị trường⁴. Bên cạnh việc gây thất thoát cho khoản thu từ thuế cho ngân sách Nhà nước, vấn đề này đe dọa nghiêm trọng đến việc thực hiện mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Chúng tôi kiến nghị:

(1) Chính phủ cần có những giải pháp toàn diện, căn bản đối với khu vực rượu phi chính thức nhằm (từng bước) chính thức hóa việc sản xuất rượu thủ công, từ đó giúp (i) giảm nguy cơ mất an toàn thực phẩm và (ii) tăng nguồn thu cho ngân sách và chống thất thu thuế.

(2) Chính phủ nên khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh đồ uống có cồn thực hiện công tác định hướng cho người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm đồ uống có cồn chính hãng, hợp pháp, và đạt chuẩn. Người tiêu dùng cần được tuyên truyền rằng sử dụng đồ uống có cồn bất hợp pháp hoặc không chính thức có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe. Đồng thời, người tiêu dùng cần có nhiều thông tin hơn trong việc làm sao phân biệt được đâu là sản phẩm chính hãng và nơi mua các sản phẩm chính hãng. Để làm được điều này, Chính phủ cần phân biệt rõ đâu là hoạt động giới thiệu

⁴ Theo kết quả nghiên cứu độc lập của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM)

về doanh nghiệp và sản phẩm và đây là hoạt động quảng cáo để thúc đẩy việc kinh doanh sản phẩm.

3. Quảng cáo và khuyến mại sản phẩm Rượu vang và Rượu mạnh

Cùng với việc Luật Phòng chống tác hại Rượu bia ra đời, chúng ta đang có mâu thuẫn giữa các quy định về quảng cáo và khuyến mãi các sản phẩm rượu vang và rượu mạnh theo Luật này và hai đạo luật là Luật Thương mại năm 2005 và Luật Quảng cáo năm 2012. Tương tự, định nghĩa quảng cáo cần phải xem xét lại để đảm bảo không đánh đồng quảng cáo với hoạt động giới thiệu sản phẩm và thương hiệu vì đây là xương sống của tất cả các doanh nghiệp kinh doanh hàng tiêu dùng.

Đáng chú ý là việc cấm khuyến mại đối với sản phẩm rượu hiện nay đang mâu thuẫn với Luật phòng chống tác hại Rượu bia vì luật này chỉ cấm khuyến mại các sản phẩm rượu có trên 15 độ cồn. Để đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng và bền vững, các hạn chế đối với sản phẩm có cồn thực chất chỉ nên áp dụng trên cơ sở độ cồn của sản phẩm, mà không nên theo loại sản phẩm (ví dụ như bia hiện nay không chịu bất kỳ hạn chế nào về khuyến mại).

Cuối cùng, việc cấm đoán hoàn toàn quảng cáo và khuyến mại đối với các sản phẩm rượu mạnh dẫn đến dễ phát triển việc tiêu thụ các sản phẩm rượu bất hợp pháp và không chính thức, từ đó gia tăng nguy cơ đối với sức khỏe của người tiêu dùng và đe dọa hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh rượu chân chính.

Chính phủ cần:

- Đảm bảo sự thống nhất của các quy định về quảng cáo và khuyến mãi các sản phẩm rượu vang và rượu mạnh giữa Luật Quảng cáo 2012 và Luật Thương mại 2005 với Luật phòng chống tác hại Rượu bia để không tạo ra quá nhiều gánh nặng cho các doanh nghiệp trong ngành rượu.
- Xem xét lại định nghĩa của quảng cáo trong các luật có liên quan để hợp pháp hóa các hoạt động về giới thiệu sản phẩm và doanh nghiệp của các công ty kinh doanh rượu với một hành lang pháp lý rõ ràng.

4. Cải cách Thuế tiêu thụ đặc biệt

Mức thuế TTĐB càng cao áp dụng đối với rượu chính thức sẽ dẫn đến giá bán đến người tiêu dùng càng cao, và như thế lại càng khiến người tiêu dùng chuyển sang sử dụng các sản phẩm không chính thức, không bị đánh thuế, có giá rẻ. Từ đó, càng tiềm ẩn nhiều nguy cơ về an toàn thực phẩm ảnh hưởng sức khỏe của người tiêu dùng. Hệ quả của vấn đề này là mục tiêu chính sách của Chính phủ về bảo vệ sức khỏe, về ngân sách nhà nước không đạt được. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp làm ăn chân chính, có đầy đủ số liệu kinh doanh và thực hiện nộp thuế đúng, đủ lại phải đối mặt với những gánh nặng chi phí trong bối cảnh đầy chông gai sau Covid 19 như hiện nay. Việc tăng mức thuế TTĐB vì vậy sẽ dễ dẫn đến tâm lý quan ngại khi thực hiện đầu tư lâu dài tại Việt Nam. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh trực thuộc Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam trong năm 2022 đã phối hợp cùng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương để thực hiện báo cáo nghiên cứu "Báo cáo đánh giá định lượng tác động của thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ngành đồ uống có cồn" nhằm mục đích đánh giá tính hiệu quả của các phương pháp tính thuế khác nhau so với phương pháp thuế tương đối hiện hành.

Báo cáo nghiên cứu này cho thấy phương pháp thuế hỗn hợp (kết hợp giữa thuế tuyệt đối và tương đối) có hiệu quả cao hơn so với phương pháp thuế tương đối hiện hành trong việc giảm thiểu lạm dụng đồ uống có cồn và đồng thời đảm bảo nguồn thu ngân sách. Hơn nữa, việc áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp cũng sẽ mang lại hiệu ứng ‘trading-up’ – theo đó, người tiêu dùng sẽ chuyển sang sử dụng các sản phẩm đồ uống có cồn có giá thành cao hơn và có chất lượng đảm bảo hơn

thay vì các sản phẩm giá thành thấp, không rõ nguồn gốc, và không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Khi Chính phủ quyết định sửa đổi Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt tại một thời điểm thích hợp trong tương lai, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xem xét, nghiên cứu áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp (bao gồm cấu phần thuế tương đối kết hợp với thuế tuyệt đối tính trên số lít cồn nguyên chất) thay vì chỉ áp dụng phương pháp tính thuế tương đối như hiện hành. Phương pháp thuế hỗn hợp là một phương pháp phù hợp với điều kiện phát triển hiện tại của Việt Nam, và sẽ có khả năng giúp Chính phủ đạt được những mục tiêu quản lý nhà nước cả về mặt bảo đảm sức khỏe cộng đồng và nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

IV. Chăm Sóc Sức Khỏe và Làm Đẹp

A. Thuốc chất lượng Quốc tế (IQMED)- Generic và Sinh phẩm tương tự

1. Quốc hội công bố Nghị quyết 80/2023/QH15 về gia hạn Giấy đăng ký lưu hành thuốc hết thời hạn hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 được tiếp tục sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tại phiên họp bất thường của Quốc hội từ ngày 05 đến ngày 09 tháng 01 năm 2023, Quốc hội đã thông qua nghị quyết cho phép thuốc có Giấy đăng ký lưu hành hết thời hạn hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 được tiếp tục sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, Nghị quyết 80/2023/QH15 đã được ban hành. Bộ Y tế sẽ ban hành và công bố danh mục Giấy đăng ký lưu hành được gia hạn theo nghị quyết.

Gần đây Bộ Y tế đã công bố Quyết định 62/QĐ-QLD ngày 8 tháng 2 năm 2023 và Quyết định 136/QĐ-QLD ngày 1 tháng 3 năm 2023 danh mục Giấy đăng ký lưu hành đã hết thời hạn hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết 28 tháng 2 năm 2023 được phép gia hạn đến hết 31 tháng 12 năm 2024.

Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Bộ y tế để tránh tình trạng thiếu nguồn cung thuốc. Tuy nhiên việc ra danh mục hàng tháng sau khi thuốc đã hết hạn sẽ hạn chế sự chủ động sản xuất và nhập khẩu của doanh nghiệp. Thay vì công bố danh mục duy trì hàng tháng, chúng tôi mong muốn Bộ y tế xem xét để quyết định phê duyệt duy trì sớm cho tất cả các thuốc hết hạn đến 31 tháng 12 năm 2024.

2. Xem xét sửa đổi Luật Dược

5 vấn đề lớn cần sửa đổi thông qua sửa đổi Luật Dược:

(1) Gia hạn giấy đăng ký lưu hành 5 năm một lần. Loại bỏ quy trình thẩm định hồ sơ đăng ký gia hạn cho các sản phẩm dược phẩm. Nếu sản phẩm đã lưu thông trên thị trường mà không có vấn đề gì về chất lượng thì được tiếp tục lưu hành.

Quyết định 1661 của Chính phủ về việc bãi bỏ một số thủ tục hành chính đã phê duyệt việc bãi bỏ quy trình gia hạn Giấy đăng ký lưu hành với thời hạn thực hiện là trong năm 2022-2023. Vì vậy việc sửa đổi Luật Dược là rất cần thiết và cấp bách để hiện thực hóa Quyết định 1661 nêu trên.

Chúng tôi đề xuất hạn chế tối đa hồ sơ xin gia hạn Giấy đăng ký lưu hành theo đó chỉ cần nộp đơn xin gia hạn Giấy đăng ký lưu hành, báo cáo lưu hành thuốc và giấy phép của nhà sản xuất, và được tự động cấp phép gia hạn. Tăng cường Hậu kiểm có thể được tiến hành để đảm bảo thuốc được gia hạn hợp pháp.

(2) Khuyến khích chuyển giao công nghệ và xuất khẩu các sản phẩm sản xuất trong nước bằng cách giảm các thủ tục hành chính không cần thiết và tăng cường quyền phân phối các sản phẩm được chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (“FIE”).

Luật dược phẩm 2016 nhằm tăng cường sản xuất thuốc generic trong nước. Các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi trong Luật Dược chưa phù hợp với nhu cầu cung ứng thuốc hiện nay của Việt Nam, chưa khuyến khích đầu tư, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến tại Việt Nam.

Chúng tôi kiến nghị sửa đổi một số nội dung cho phù hợp, quy định ưu đãi đầu tư để khuyến khích chuyển giao công nghệ và xuất khẩu sản phẩm sản xuất trong nước bằng cách cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết và tăng cường quyền phân phối sản phẩm được chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp FIE.

(3) Làm rõ quyền của các doanh nghiệp FIE trong việc mua lại và bán trọn lô các sản phẩm gia công tại địa phương hoặc sản phẩm được chuyển giao công nghệ thông qua nhà phân phối được cấp phép, mà họ là bên giao hợp đồng, giống như nhà sản xuất.

Quy định liên quan đến quyền phân phối thuốc và nguyên liệu làm thuốc của công ty nước ngoài chỉ được đề cập tại điều 91 Nghị định 54/2017/NĐ-CP. Những quy định này hiện chưa rõ ràng cho việc triển khai và chưa được đề cập trong Luật Dược 2016, do đó quy định này cần được thêm vào Luật Dược sửa đổi.

Doanh nghiệp FIE, với vai trò là bên giao hợp đồng, là đơn vị chuyển giao công nghệ cho công ty địa phương để sản xuất sản phẩm của họ, cũng là chủ sở hữu giấy đăng ký lưu hành của sản phẩm, cần nên có quyền mua lại và bán trọn lô các sản phẩm gia công tại địa phương hoặc sản phẩm được chuyển giao công nghệ cho nhà phân phối được cấp phép của họ để phân phối sản phẩm ra thị trường.

(4) Thực hiện cơ chế hài hòa và công nhận dữ liệu/hồ sơ đăng ký giữa các quốc gia

Công nhận lẫn nhau trong quy trình cấp phép dược phẩm: bất kỳ loại thuốc nào đã được cấp Giấy đăng ký lưu hành bởi các cơ quan quản lý nghiêm ngặt (SRA) đều (i) tự động được cấp Giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hoặc (ii) được đưa vào quy trình cấp phép nhanh chóng.

Việt Nam nên ký kết thỏa thuận đồng bộ hóa và công nhận dữ liệu/hồ sơ đăng ký giữa các nước Châu Á: bất kỳ thuốc nào đã được cấp Giấy đăng ký lưu hành tại một nước Châu Á sẽ tự động được cấp MA tại bất kỳ nước Châu Á nào khác.

(5) Rà soát quy trình quản lý thuốc phải kiểm soát, thuốc độc theo hướng bỏ giấy phép con, tăng cường hậu kiểm. Cho phép các công ty xuất khẩu các sản phẩm được kiểm soát (ma túy, hướng thần, tiền chất) mà không cần đăng ký sản phẩm tại Việt Nam.

Việc tiền kiểm bằng hình thức cấp phép nhập khẩu thuốc độc không phải là giải pháp chính trong việc đảm bảo sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh mà gây lãng phí nguồn lực cho cơ quan quản lý Nhà nước, làm tăng chi phí sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp, làm tăng giá thành sản phẩm, từ đó làm tăng giá thành thuốc phục vụ nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của người dân.

Để nâng cao hiệu quả quản lý xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và thông lệ quốc tế, chúng tôi kiến nghị bỏ loại giấy phép con nhập khẩu này. Cho phép các công ty xuất khẩu các sản phẩm phải kiểm soát (ma túy, hướng thần, tiền chất) mà

không cần đăng ký sản phẩm tại Việt Nam. Tăng cường hậu kiểm có thể là bước tiếp theo để đảm bảo rằng thuốc được nhập khẩu hợp pháp.

B. Trang Thiết Bị Y Tế và Chẩn Đoán

1. Đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy phép lưu hành (MA) cho trang thiết bị y tế

Đối với trang thiết bị y tế loại C và D, số lượng hồ sơ đăng ký Giấy phép lưu hành đã nộp từ ngày 01/01/2022 và tiếp tục được nộp theo Nghị định 98 ước tính khoảng 4.000 – 5.000 hồ sơ. Cho đến tháng 1 năm 2023, số lượng hồ sơ đã được thẩm định vẫn còn rất thấp (ước tính chỉ 12% Giấy phép lưu hành được cấp trong tổng số hồ sơ đã nộp).

Chúng tôi kính đề nghị Bộ Y tế đẩy nhanh quy trình thẩm định và cấp giấy phép đối với trang thiết bị y tế loại C và D.

2. Mô hình đặt máy tại các cơ sở y tế

Chúng tôi đánh giá cao việc Quốc hội đã ban hành Luật Khám, chữa bệnh sửa đổi, trong đó đề cập đến mô hình đặt máy, mượn máy. Điều này sẽ tạo ra tác động tích cực đến các công ty thành viên của EuroCham và những thay đổi lớn đối với việc chăm sóc sức khỏe của người dân. Với chính sách mới về xã hội hóa, các bệnh viện và doanh nghiệp có thể lựa chọn mô hình đầu tư trang thiết bị y tế phù hợp. Từ đó, các trang thiết bị y tế hiện đại sẽ được đầu tư, tạo môi trường thuận lợi để triển khai các kỹ thuật tiên tiến trong khám, chữa bệnh, hướng tới chẩn đoán và điều trị bệnh tốt hơn.

Do luật sẽ có hiệu lực từ ngày 1/1/2024 nên chỉ còn 9 tháng để chuẩn bị và triển khai các điều khoản mới. Chúng tôi mong Chính phủ, Bộ Y tế và các ban ngành liên quan sớm biên soạn và ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành. Đồng thời, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan sẽ được rà soát chặt chẽ để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Luật Khám, chữa bệnh sửa đổi.

3. Nghị định 07/2023/NĐ-CP và Nghị quyết 30/NQ-CP

Chúng tôi rất hoan nghênh chính phủ Việt Nam đã ban hành: Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế có hiệu lực từ ngày 03/03/2023 và Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 04/03/2023 tháo gỡ rào cản cho mô hình đặt máy, thanh toán bảo hiểm y tế cho máy đặt, máy mượn và đấu thầu trong ngành thiết bị y tế, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu hụt vật tư y tế, gián đoạn xét nghiệm, chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện công ở Việt Nam thời gian qua.

Nghị định 07 và Nghị quyết 30 đã tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc mà bệnh viện, người bệnh và doanh nghiệp đang gặp phải. Để quá trình triển khai diễn ra suôn sẻ và tránh những vướng mắc có thể xảy ra. Chúng tôi khuyến nghị các nội dung sau:

1. Chúng tôi rất vui mừng khi biết rằng Nghị định 07 đã gia hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu và giấy phép lưu hành trang thiết bị y tế loại C và D đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, chúng tôi đề nghị Bộ Y tế cũng xem xét và đẩy nhanh tốc độ thẩm định và cấp giấy phép lưu hành.

2. Nghị quyết 30 cho phép tiếp tục thanh toán chi phí BHYT liên quan đến các dịch vụ chụp chiếu, xét nghiệm thực hiện qua máy đặt và máy mượn. Chúng tôi đề nghị sự vào cuộc, trách nhiệm và sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa của Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để giải quyết dứt điểm các vấn đề ở cấp độ Luật hoặc Nghị định để việc thực thi pháp luật có hiệu quả và thiết thực, tránh chồng chéo trách nhiệm trong quản lý điều hành.

3. Nghị quyết 30 cũng đề cập đến giá thị trường khi xác định giá dự thầu. Không còn yêu cầu tối thiểu 3 bản báo giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong thời gian tối thiểu 10 ngày, chủ đầu tư có thể căn cứ vào số lượng bản báo giá nhận được để làm cơ sở xây dựng giá gói thầu. Chúng tôi kiến nghị cần có cơ chế đấu thầu cụ thể đối với trang thiết bị, vật tư tiêu hao y tế trong Luật Đấu thầu (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn đã thống nhất giữa Bộ Y tế và Bộ Tài chính.

C. Dược Phẩm Phát minh

Pharma Group đại diện cho tiếng nói của ngành công nghiệp dược phẩm phát minh với 22 công ty thành viên từ Châu Âu, Hoa Kỳ và Nhật Bản, tất cả đều có chung sứ mệnh đảm bảo khả năng tiếp cận nhanh chóng và bền vững với các loại thuốc chất lượng cao và sáng tạo và cam kết hợp tác với Chính phủ trong việc phát triển lĩnh vực dược phẩm lấy bệnh nhân và đổi mới làm trung tâm.

Chúng tôi chia sẻ tham vọng của Việt Nam, như đã nêu trong 2 tài liệu quan trọng gần đây:

- **Nghị quyết 29** (ngày 17 tháng 11 năm 2022) tại Phiên họp toàn thể lần thứ 6 của Đảng Cộng sản Việt Nam nhắc lại kế hoạch chi tiết của đất nước cho các mục tiêu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Nghị quyết này nhấn mạnh vai trò chính của *đổi mới sáng tạo*⁵ trong việc giúp Việt Nam giải quyết các thách thức hiện tại và tương lai. Nghị quyết cũng xác định *dược phẩm* là một trong những lĩnh vực ưu tiên sẽ cho phép và thúc đẩy đổi mới.
- **Nghị quyết 36** (30/01/2023) của Bộ Chính trị đặt mục tiêu Việt Nam sẽ trở thành một đối tác quan trọng trong lĩnh vực khoa học đời sống toàn cầu, đặc biệt là trung tâm về công nghệ sinh học ở châu Á và lấy ngành công nghiệp này làm động lực kinh tế quan trọng.

Đại diện cho ngành công nghiệp dược phẩm phát minh, **Pharma Group sẵn sàng và cam kết hỗ trợ Chính phủ trong việc xây dựng kế hoạch hành động⁶ để thực hiện Nghị quyết 29 và Nghị quyết 36 về các chủ đề Dược phẩm**. Chúng tôi khuyến nghị như sau:

1. Thực hiện thành công các Nghị quyết 29 & 36 (để phát triển ngành và đạt được tầm nhìn của Việt Nam): Chúng tôi tin rằng một lộ trình rõ ràng, có thời hạn với các mục tiêu có thể định lượng sẽ rất quan trọng. Chúng tôi đề nghị tích hợp những phát hiện chính của KPMG về Giá trị mà ngành dược phẩm phát minh có thể đóng góp cho Việt Nam trên 8 khía cạnh⁷, cũng như 10 yếu tố quan trọng được IFPMA công nhận trên toàn cầu⁸ để thu hút đầu tư vào lĩnh vực này.
2. Trước đó, điều quan trọng là phải đảm bảo các cải tiến trong các chính sách và quy trình được thực hiện để:
 - a. **Tăng tốc độ cung cấp** các loại thuốc mới và phát minh, bằng cách giảm thời gian phê duyệt Đăng ký lưu hành và danh sách Hoàn trả;
 - b. **Cải thiện khả năng tiếp cận cho bệnh nhân**: bằng cách đảm bảo các loại thuốc này có sẵn thông qua các kênh khác nhau, cả công và tư, cũng như tạo điều kiện cho các chương trình hỗ trợ bệnh nhân;
 - c. **Ngăn chặn tình trạng thiếu thuốc** bằng cách loại bỏ các rào cản hành chính đối với tính liên tục của chuỗi cung ứng và cung cấp khả năng dự đoán cho việc mua sắm;

⁵ Đã đề cập 26 lần trong Nghị quyết

⁶ Công văn 8386/VPCP-CN ngày 14/12/2022 về việc giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự thảo kế hoạch hành động của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 trong thời hạn tháng 2 năm 2023.

⁷ KPMG: Báo cáo giá trị đổi mới – 2022: (1) Lợi ích sức khỏe; (2) Phát triển ngành dược phẩm địa phương; (3) Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp; (4) Phát triển chuyên môn R & D / thử nghiệm lâm sàng trong nước; (5) Đào tạo lực lượng lao động/nguồn nhân lực; (6) Xây dựng năng lực chuyên môn chăm sóc sức khỏe; (7) Hợp tác công tư, CSR; (8) FDI, Thuế.

⁸ Hiệp hội các nhà sản xuất dược phẩm quốc tế (IFPMA): Sự kiện và số liệu - 2022: (1) Nhà nước pháp quyền được thiết lập và thực thi; (2) Ổn định chính trị và quản trị kinh tế minh bạch; (3) Một đối tác đáng tin cậy tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao; (4) Một thị trường địa phương khá thi và dễ tiếp cận; (5) Thị trường vốn thích hợp; (6) Môi trường thân thiện với đổi mới với quyền SHTT âm thanh; (7) Truy cập thông tin thích hợp; (8) Tuân thủ các tiêu chuẩn quy định cao; (9) Lực lượng lao động có tay nghề cao; (10) Các ưu tiên phát triển kinh tế rõ ràng.

- d. **Tăng cường hệ thống** quản lý bằng cách điều chỉnh các thông lệ tốt nhất toàn cầu để cải thiện các quy trình quản lý và tối ưu hóa các nguồn lực, đồng thời duy trì giám sát chất lượng, an toàn và hiệu quả của thuốc;
- e. **Đạt được tài chính y tế bền vững** thông qua việc áp dụng cách tiếp cận dựa trên giá trị đối với các chính sách tài chính mua sắm công và chăm sóc sức khỏe vì lợi ích của bệnh nhân, chính phủ và ngành công nghiệp;
- f. **Tạo môi trường thuận lợi và hấp dẫn** cho các công ty được hoạt động và đầu tư hơn nữa, từ đó sẽ thúc đẩy sự phát triển của ngành dược phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam trong ASEAN.

Pharma Group tái khẳng định cam kết hỗ trợ Chính phủ xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện Nghị quyết 29 và Nghị quyết 36 về các chủ đề Dược phẩm.

V. Giải Quyết Tranh Chấp

1. Tòa án và cơ quan quản lý cạnh tranh

Trong ấn bản mới nhất của Báo cáo Thường niên Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới,⁹ Việt Nam xếp thứ 89 trong số 141 quốc gia được xếp hạng trong hạng mục “thể chế”, hạng mục này bao gồm một số lĩnh vực như tính độc lập của hệ thống tư pháp và tính hiệu quả của khung pháp lý trong công tác giải quyết tranh chấp và trong việc phản biện các quy định và định hướng tương lai của Chính phủ. Tuy nhiên, báo cáo này đã không được cập nhật đối với danh mục liên quan kể từ khi bắt đầu đại dịch COVID-19.¹⁰ Khi lên kế hoạch đầu tư ở nước ngoài, một trong những yếu tố quan trọng mà nhà đầu tư nước ngoài quan tâm là hệ thống tư pháp có hiệu quả và minh bạch hay không.

Chúng tôi kiến nghị duy trì khả năng dự đoán và tính ổn định của hệ thống pháp luật hiện hành để đảm bảo khung pháp lý phù hợp. Tiếp tục công bố các bản án của Tòa án các cấp. Công bố tất cả các quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh. Sửa đổi Luật Luật sư để cho phép các luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam ngay cả khi họ đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài.

2. Trọng tài ở Việt Nam

Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) xác nhận sự gia tăng tổng giá trị tranh chấp trong những năm trước đại dịch,¹¹ các thành viên của chúng tôi tiếp tục báo cáo một số vấn đề nghiêm trọng trong thủ tục trọng tài do VIAC quản lý

Quan ngại chính là sự can thiệp của tòa án Việt Nam không chỉ trước khi phán quyết cuối cùng được đưa ra (dẫn đến việc hội đồng trọng tài VIAC không có thẩm quyền xét xử và phải chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài) mà còn bằng cách bác phán quyết cuối cùng mà hội đồng trọng tài VIAC đưa ra.

Việc không có quyền khiếu nại đối với quyết định bỏ phán quyết trọng tài sẽ góp phần làm cho việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài ở Việt Nam trở nên minh bạch và độc lập hơn và do đó, được áp dụng phổ biến hơn.

⁹ K. Schwab, “Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2019”, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, 2019. Xem tại: <<https://www.weforum.org/reports/how-to-end-a-decade-of-lost-productivity-growth>> truy cập lần cuối ngày 22 tháng 7 năm 2022

¹⁰ Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã “tạm dừng” cuộc khảo sát và báo cáo thường niên theo định dạng thông thường do đại dịch COVID-19. Trong ấn bản đặc biệt năm 2020, các tác giả chỉ ra rằng báo cáo sẽ trở lại với nhiệm vụ so sánh đối chuẩn vào năm 2021 - tuy nhiên, báo cáo năm 2021 vẫn chưa thực hiện điều này (<<https://imd.elcld.bz/IMD-World-Competitiveness-Booklet-2022/12/>>, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 8 năm 2022).

¹¹ “Báo cáo thường niên 2019”, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, 2019. Xem tại: <www.viac.vn/en/annual-report.html> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 8 năm 2022.

3. Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

Các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài quốc tế nếu các hợp đồng có giá trị lớn. Tuy thủ tục trọng tài quốc tế thường tốn kém và mất nhiều thời gian, phán quyết của trọng tài quốc tế thường được thi hành ở hầu hết các quốc gia trên thế giới theo Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài¹² (NYC) mà Việt Nam là thành viên trong Công ước này.

Một trong những khó khăn gặp phải là đảo ngược nghĩa vụ chứng minh. Trên thực tế, các tòa án Việt Nam lại đảo ngược nghĩa vụ chứng minh này và buộc bên được thi hành phán quyết phải chứng minh rằng mọi sự phản đối của bên phải thi hành là không có căn cứ hoặc không phù hợp. Một khó khăn khác là việc tòa án Việt Nam bác đơn xin công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài quốc tế vì các lý do trái với với NYC. Chẳng hạn, trong nhiều trường hợp, tòa án Việt Nam đã quyết định rằng bên nước ngoài trong thỏa thuận trọng tài không có đủ năng lực ký kết hợp đồng do sai lầm khi dẫn chiếu pháp luật Việt Nam thay vì dẫn chiếu pháp luật của quốc gia của bên nước ngoài đó.

Việc Việt Nam không áp dụng các quy định của NYC làm giảm tính hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài vì bất kỳ thủ tục công nhận và thực thi nào đều không chắc chắn và thường xuyên dẫn đến quyết định có thể khác với các bên khác trong NYC (được chứng minh bằng các số liệu do Bộ Tư pháp công bố và thảo luận ở trên).

Chúng tôi kiến nghị tiếp tục công bố số liệu cập nhật về hồ sơ đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài để tiếp tục công bố số liệu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự để quy định về việc áp dụng chặt chẽ các quy định của NYC. Áp dụng cơ chế tự động chuyển sang Tòa án Nhân dân cấp trên đối với những vụ việc mà Tòa Sơ thẩm đã bác đơn. Tổ chức thêm các khóa đào tạo, hội thảo để đảm bảo các thẩm phán được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phù hợp với luật pháp Việt Nam và Công ước New York.

¹² Công ước về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài năm 1958 của Ủy ban Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HOA KỲ TẠI VIỆT NAM

Chúng tôi xin bày tỏ sự cảm kích trước cơ hội được trình bày quan điểm của Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ về thúc đẩy môi trường kinh doanh sáng tạo và bền vững tại Việt Nam. Diễn đàn VBF lần này diễn ra vào thời điểm quan trọng đối với cả doanh nghiệp trong và ngoài nước và là cơ hội để chuẩn bị cho một tương lai đầy triển vọng.

AmCham đại diện cho hơn 650 công ty hội viên và 2500 cá nhân đại diện doanh nghiệp trên toàn Việt Nam, đóng góp hàng tỷ đô la đầu tư nước ngoài, tuyển dụng hàng chục nghìn lao động trực tiếp, hàng trăm nghìn lao động gián tiếp và đóng vai trò quan trọng trong xuất khẩu, doanh thu thuế của Việt Nam. Các hội viên của chúng tôi đã và đang đóng vai trò mang tính chuyển đổi trong hành trình phát triển của Việt Nam. Từ thực tiễn quản lý và công nghệ đến tiêu chuẩn dịch vụ và đạo đức kinh doanh, cộng đồng doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam đã mang đến những tác động tích cực. Hoa Kỳ là một trong những nhà đầu tư lớn nhất vào sản xuất và cơ sở hạ tầng, cung cấp hàng tiêu dùng chất lượng cao, sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp, công nghệ và dịch vụ tại Việt Nam. Hoa Kỳ đồng thời cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam.

Cơ hội và Thách thức trong năm 2023

AmCham và các công ty hội viên của chúng tôi xin chúc mừng chính phủ Việt Nam vì những thành công trong quản lý kinh tế và phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch. Thành công của Việt Nam trong việc kiểm soát lạm phát và duy trì sự ổn định tương đối của đồng Việt Nam rất đáng ghi nhận so với các nước trong khu vực.

Việt Nam có vị thế thuận lợi để tiếp tục phát huy những thành công đó trong năm 2023. Năng suất tăng trong cơ sở sản xuất và chi phí vận tải quốc tế quay trở lại mức trước đại dịch Covid là tín hiệu tốt cho sự tăng trưởng liên tục về năng lực xuất khẩu của Việt Nam trong năm nay. Tỷ lệ nợ trên GDP có xu hướng giảm của Việt Nam sẽ tạo dư địa để ứng phó với đợt suy thoái tiếp theo của nền kinh tế toàn cầu.

Trên thực tế, môi trường kinh tế toàn cầu hiện đang tiềm ẩn một số rủi ro cho năm mới. Nhu cầu người tiêu dùng giảm ở Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu đã tạo ra lượng hàng tồn kho lớn, dẫn đến giảm đơn đặt hàng của nhà máy. Nhu cầu quốc tế cùng với nhu cầu nội địa tại Việt Nam giảm, có thể dẫn đến tốc độ tăng trưởng GDP chậm hơn trong năm 2023. Mức giảm này sẽ được bù đắp, ít nhất là một phần, nhờ lợi ích từ phía cung do dòng vốn FDI dự kiến sẽ tăng mạnh hỗ trợ mục tiêu đầy tham vọng của Việt Nam về chỉ tiêu 30 tỷ USD cho cơ sở hạ tầng mới trong năm.

Việt Nam sẽ cần ứng phó quyết đoán với một số thách thức trên thị trường toàn cầu năm 2023. Đây là thời điểm tốt để cải thiện khả năng tiếp cận và tạo cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là khi Việt Nam củng cố cam kết cho phép các nhà sản xuất tiếp cận năng lượng tái tạo và chuyển đổi sang năng lượng sạch hơn nói chung. AmCham cũng khuyến khích chính phủ tiếp tục đưa ra cơ chế thuế phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế và làm rõ những yếu tố của luật pháp Việt Nam hiện đang cản trở việc triển khai hiệu quả đầu tư nước ngoài. Chúng tôi hy vọng rằng chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam có thể khẩn trương hoàn tất hiệp định thuế song phương.

Chúng tôi khuyến khích Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng lộ trình xóa bỏ hạn mức lãi suất 0% đối với tiền gửi bằng đô la Mỹ. Lãi suất đô la Mỹ tăng và duy trì ổn định đã tạo ra mối lo ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài cùng các tập đoàn đa quốc gia lớn khi không có được lợi nhuận từ tài sản đô la ở đây. Việc xóa bỏ hạn mức sẽ giúp thu hút và giữ lại nhiều đô la Mỹ hơn ở Việt Nam. Bên cạnh đó, gia tăng dự trữ ngoại hối cũng sẽ giúp quản lý tỷ giá hối đoái và lạm phát tốt hơn.

Việt Nam cũng sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ việc chuyển giao kiến thức về đổi mới kỹ thuật và quản trị doanh nghiệp nhờ sự hiện diện của các doanh nghiệp Hoa Kỳ. Tinh giản quy trình nhập cảnh, nhất là đối với doanh nhân, sẽ có tác động trực tiếp, tích cực đến thương mại quốc tế.

AmCham mong muốn tiếp tục hợp tác với Chính phủ để thu hút đầu tư và thúc đẩy đổi mới trong cơ sở hạ tầng thiết yếu nhằm hỗ trợ tăng trưởng bền vững, ban hành các chính sách để tiếp tục thu hút ngành sản xuất có giá trị cao và nâng cao vai trò của nền kinh tế số tại Việt Nam.

Các hội viên của chúng tôi lo ngại về gánh nặng hành chính ngày càng tăng và vấn đề chậm ra quyết định. Quy trình, thủ tục pháp lý còn chưa nhất quán, đặc biệt liên quan đến định nghĩa thể nào là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DNĐTNN) và thể nào là công ty trong nước. Các Bộ ngành hiện cũng đang đưa ra những quyết định trái ngược nhau. Cùng một công ty có thể được coi là công ty nước ngoài theo các quy định về được phẩm – do đó được miễn quyền phân phối – và đồng thời được coi là công ty trong nước theo luật an ninh mạng.

Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sang năng lượng sạch và tái tạo

Tăng trưởng GDP ấn tượng của Việt Nam trong năm 2022 cho thấy nhu cầu cấp thiết phải đẩy nhanh quá trình chuyển dịch năng lượng khỏi sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Thực tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong lĩnh vực Điện & Năng lượng trong năm 2022.

Để đáp ứng nhu cầu gia tăng sau đại dịch Covid, các dự án lưới điện mới có thể thu hút đầu tư và mở rộng công suất các nguồn năng lượng tái tạo của Việt Nam, cung cấp nguồn năng lượng an toàn và đáng tin cậy cho tất cả người dân và người tiêu dùng thương mại. Chúng tôi đánh giá cao việc Chính phủ xem xét các góp ý và khuyến nghị của AmCham, cũng như của các hiệp hội doanh nghiệp khác trong quá trình xây dựng Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030. AmCham đặc biệt quan tâm đến các kế hoạch trước mắt để hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận năng lượng tái tạo trong thời gian ngắn nhằm đáp ứng các mục tiêu sản xuất.

Việc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch năng lượng tại Việt Nam trở nên cấp thiết bởi tốc độ tăng trưởng nhanh của nền kinh tế, cùng với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đang diễn ra. Việc chuyển dịch sang năng lượng tái tạo sẽ là động cơ lâu dài cho vấn đề việc làm, đồng thời là cách để giải quyết ô nhiễm không khí.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên gia hạn đóng góp do quốc gia tự quyết định đối với Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu năm 2020, cam kết giảm phát thải khí nhà kính. Để đạt được mục tiêu phát thải ròng cacbon bằng 0 vào năm 2050, cần phải ưu tiên các nguồn năng lượng có giá cả phải chăng và bền vững về mặt xã hội. Quá trình này sẽ yêu cầu hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các nguồn lực bên ngoài.

Phát huy những cam kết tại COP26, việc ký kết Chương trình Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng (JETP) giữa Nhóm Đối tác Quốc tế và Việt Nam vào tháng 12 năm 2022 phản ánh sự hỗ trợ thiết thực đối với các mục tiêu khí hậu đầy tham vọng của quốc gia, bao gồm cả việc tăng đáng kể tỷ trọng năng lượng tái tạo đến năm 2030. Các mục tiêu này của JETP đã được lồng ghép trong dự thảo gần đây của Quy hoạch Điện VIII vào tháng 12 năm 2022, ước tính chi phí đầu tư

là 142 tỷ USD (126 tỷ USD cho nguồn/phát điện và 16 tỷ USD cho lưới điện truyền tải) trong giai đoạn 2021-2030. Ngoài ra, có thể nhanh chóng huy động khoản đầu tư lớn theo dự án từ khu vực tư nhân nếu cơ chế quản lý cho phép.

Chúng tôi cũng kêu gọi các cơ quan chức năng tiếp tục cho phép các khu công nghiệp tạo điều kiện tiếp cận năng lượng tái tạo cho các doanh nghiệp thuê bên trong. Tiêu chí quan trọng đối với nhiều nhà sản xuất Hoa Kỳ khi quyết định lựa chọn Việt Nam hay các quốc gia khác là khả năng nhanh chóng tiếp cận nguồn năng lượng tái tạo. Kế hoạch mở rộng các cơ sở hiện tại hoặc di chuyển chuỗi cung ứng phải bao gồm năng lượng xanh.

Hợp đồng Mua bán Điện Trực tiếp (DPPA) được đề xuất là một cơ chế quan trọng để thu hút các nhà đầu tư và đầu tư tư nhân, không chỉ trong lĩnh vực năng lượng mà còn trong các lĩnh vực khác với cam kết của các công ty trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, giảm phát thải cacbon và phát triển bền vững. DPPA này đã được thiết kế và xem xét trong khoảng 6 năm, đây là cơ chế đã được sử dụng ở nhiều quốc gia và chúng tôi hy vọng có thể có hiệu lực trong năm nay. Năm 2022, các công ty tư nhân ở Châu Á Thái Bình Dương đã ký Hợp đồng Mua bán Điện trực tiếp với công suất ký lục 7GW, tăng 80% so với năm 2021, thể hiện sự sẵn sàng thúc đẩy đầu tư năng lượng sạch mới. Việc phê duyệt cơ chế DPPA có thể mang lại hàng tỷ đô la đầu tư từ khu vực tư nhân.

Ngoài ra còn có nhiều nguồn lực khác để hỗ trợ tài chính cho việc Việt Nam loại bỏ nhiên liệu hóa thạch. Chúng tôi khuyến khích các cơ quan có thẩm quyền xem xét thêm khung pháp lý phù hợp, dễ tiếp cận để cung cấp các dự án điện khí ngoài khơi, LNG, điện gió, điện mặt trời và hệ thống truyền tải chất lượng cao với nhu cầu vốn đáng kể từ thị trường quốc tế.

Điều quan trọng để thu hút đầu tư trong nước và quốc tế là các hợp đồng mua bán điện có khả năng vay vốn ngân hàng (PPA) đối với nguồn năng lượng bền vững. Tín dụng xanh cung cấp mức giá ưu đãi cho các nhà đầu tư tư nhân để giảm thiểu phát thải CO₂, nhưng khung pháp lý cần được cập nhật để làm rõ các tiêu chí phê duyệt tín dụng xanh.

Đầu tư tư nhân tiếp tục tăng trưởng trong các dự án điện chưa nối lưới, nhất là các hệ thống điện mặt trời trên mái nhà dưới hình thức PPA phục vụ cho tiêu thụ tại chỗ của doanh nghiệp. Các dự án này cho thấy nhà sản xuất và người sử dụng có thể xây dựng các thỏa thuận dài hạn bền vững, hỗ trợ cho lập luận ủng hộ việc cho phép EVN tính giá sử dụng lưới điện quốc gia. Bên cạnh đó, việc phê duyệt kịp thời cơ chế PPA phục vụ cho tiêu thụ tại chỗ của doanh nghiệp vào Q1 năm 2023 được ngành hưởng ứng mạnh mẽ như là cơ chế quan trọng để thu hút đầu tư tư nhân.

Điện gió ngoài khơi mang đến cơ hội tuyệt vời với vai trò là nguồn đóng góp phụ tải nền cho lưới điện quốc gia. Một lần nữa, Việt Nam phải giải quyết những bất cập trong hệ thống pháp lý hiện tại để giải phóng nguồn vốn quốc tế đáng kể hiện đang chưa được khai thác hiệu quả. Trong trường hợp không có quyền tài sản phù hợp, PPA và các cam kết nối lưới, các chủ đầu tư dự án có thể không được sử dụng khu vực biển làm tài sản thế chấp (trong khuôn khổ gói tài sản đảm bảo) với các đơn vị cho vay.

Mạng lưới truyền tải là yếu tố thiết yếu để đảm bảo toàn bộ hệ thống vận hành suôn sẻ. Pin lưu trữ sẽ đóng vai trò quan trọng trong ngành năng lượng và truyền tải của Việt Nam. Pin lưu trữ năng lượng sạch, bền vững có thể là yếu tố chính trong việc cho phép tích hợp nhiều hơn năng lượng mặt trời, gió và năng lượng phân tán, đồng thời tăng cường sự ổn định của lưới điện. Hy vọng Chính phủ sớm xây dựng khung pháp lý và cơ chế thị trường để phát triển pin lưu trữ năng lượng sạch, bền vững tại Việt Nam. Việt Nam cũng sẽ được hưởng lợi từ pin sắt/nước muối bằng nguyên liệu trong nước, đắt hiếm an toàn với môi trường, giá cả cạnh tranh cần thiết để sản xuất pin lưu trữ năng lượng.

Hydro có thể là một phần trong giải pháp lâu dài. Mặc dù giá vẫn còn quá đắt để sử dụng tại nhà máy điện hiện nay, nhưng hydro đã mang lại hiệu quả về mặt chi phí khi sử dụng trong công nghiệp và nông nghiệp. Việt Nam cần đảm bảo các tua-bin LNG, hệ thống đường ống và các dự án điện gió ngoài khơi được xây dựng có tính đến hydro, nhưng yêu cầu cấp thiết nhất hiện nay là bổ sung thêm các nguồn năng lượng tái tạo.

Phát huy tối đa tiềm năng của nền kinh tế số và sáng tạo

AmCham đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ khi hỗ trợ Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế số và chuyển đổi số sâu rộng hơn. Các doanh nghiệp hội viên của chúng tôi đã chủ động phối hợp để hỗ trợ quá trình chuyển đổi này, cả với các đối tác Việt Nam và thông qua các dự án của chính họ. Để Việt Nam có thể khai thác tối đa tiềm năng của tương lai kỹ thuật số, chúng tôi kêu gọi Chính phủ áp dụng cách tiếp cận toàn diện để xây dựng khuôn khổ pháp lý về kỹ thuật số.

Lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới và đảm bảo người dùng Việt Nam có thể tiếp cận các dịch vụ hàng đầu trong ngành và cơ chế bảo mật dữ liệu theo tiêu chuẩn toàn cầu được cung cấp bởi cả các công ty quốc tế và trong nước là những yếu tố quan trọng để đảm bảo chuyển đổi số thành công.

Chúng tôi hoan nghênh những nỗ lực của Việt Nam nhằm tạo ra một cơ chế bảo mật dữ liệu toàn diện có thể bảo vệ quyền riêng tư của người dùng và tạo sự ổn định, chắc chắn, dễ dự đoán cho các doanh nghiệp. Khả năng truyền dữ liệu và truy cập thông tin xuyên biên giới là điều cần thiết cho các doanh nghiệp thuộc mọi quy mô, lĩnh vực và khu vực địa lý. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế, vận tải, sản xuất, khách sạn, bán lẻ, công nghệ thông tin, logistic và dịch vụ tài chính, v.v. dựa vào công nghệ truyền dữ liệu để thường xuyên truy cập các dịch vụ cung cấp trên toàn cầu và tiến hành giao dịch, vận hành trên các thị trường cũng như thực hiện nghiên cứu và phát triển. Tính chất thiết yếu của việc lưu chuyển dữ liệu được công nhận trong các nghĩa vụ thương mại quốc tế của Việt Nam và trong các thông lệ tốt nhất toàn cầu về bảo mật dữ liệu.

Sự phát triển của nền kinh tế số tại Việt Nam đòi hỏi phát triển hạ tầng và dịch vụ kỹ thuật số chẳng hạn như dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu. Khoảng cách hiện tại giữa tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế về dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu đang cản trở các công ty Hoa Kỳ đầu tư và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực này. Việt Nam cần hài hòa các tiêu chuẩn trong nước với tiêu chuẩn quốc tế để tạo thuận lợi cho đầu tư quốc tế vào dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu.

Trong khi đó, quy trình nhập khẩu thiết bị và thiết bị kỹ thuật số lại rất phức tạp và tốn nhiều thời gian. Ví dụ, quy trình chứng nhận chất lượng sản phẩm đòi hỏi phải nộp nhiều tài liệu kỹ thuật ở dạng bản cứng, điều này làm mất nhiều thời gian - không chỉ đối với doanh nghiệp chuẩn bị mà còn với các cơ quan xét duyệt. Quy trình rườm rà này thậm chí còn bắt buộc đối với các sản phẩm đã được chứng nhận trước đây hoặc được công nhận và lưu hành ở các thị trường khác có trình độ phát triển công nghệ tiên tiến. Chúng tôi khuyến nghị đơn giản hóa các quy trình nhập khẩu này và cho phép chấp nhận các chứng chỉ chất lượng do một số quốc gia cấp.

Các công nghệ băng thông rộng trên vệ tinh quỹ đạo tầm thấp có nhiều tiềm năng để phục vụ các cộng đồng và ngành công nghiệp ở Việt Nam, nhất là ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa. Công nghệ này cũng sẽ hữu ích trong trường hợp các tuyến cáp quang biển kết nối Việt Nam với thế giới thường xuyên bị gián đoạn. Khả năng cung cấp dịch vụ này của các công ty nước ngoài tại Việt Nam bị cản trở bởi các hạn chế về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và hoạt động dịch vụ viễn thông tại đây. Những hạn chế này ngăn cản việc khai thác lợi ích kinh tế của các công nghệ vệ tinh thế hệ tiếp theo. Chúng tôi khuyến nghị mở rộng quyền truy cập cho các công nghệ và dịch vụ băng rộng vệ tinh có vốn đầu tư nước ngoài trong dự thảo Luật Viễn thông.

Việt Nam có cơ hội lớn để hiện đại hóa các quy định về kinh tế số, mặc dù đã có một số thay đổi tích cực, nhưng các hội viên của chúng tôi vẫn còn những lo ngại đáng kể về việc liệu các quy định được đưa ra hiện nay có nhất quán với mục tiêu của Chính phủ là phát triển nền kinh tế số năng động và cạnh tranh hay không. AmCham đã tham gia góp ý về một số dự thảo Luật, Nghị định quan trọng đối với nền kinh tế số và sáng tạo. Các dự thảo bao gồm Luật Viễn thông, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Giao dịch điện tử, Dịch vụ Phát thanh và Truyền hình, Dịch vụ Internet và Thông tin trực tuyến, các quy định về phim ảnh/video. Chúng tôi cùng chung mục tiêu với chính phủ là phát triển nền kinh tế số năng động và cạnh tranh tại Việt Nam, đồng thời cũng đánh giá cao cơ hội được hợp tác trong nỗ lực đó. AmCham hy vọng rằng trong quá trình tiếp tục xây dựng các quy định liên quan, Chính phủ sẽ tích cực tham vấn cộng đồng doanh nghiệp số quốc tế - bao gồm cả việc chia sẻ các dự thảo để lấy ý kiến. AmCham cũng hy vọng Chính phủ sẽ đảm bảo rằng các quy định đưa ra khả thi đối với doanh nghiệp và phù hợp với các thông lệ tốt nhất trên toàn cầu. Các hội viên của chúng tôi mong muốn được cùng phối hợp trong các khung chính sách nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Sức khỏe thể chất và tinh thần là vấn đề chính cho phát triển bền vững

Nhu cầu về được phẩm tăng nhanh tại Việt Nam chủ yếu là do khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe được cải thiện, bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, thu nhập cá nhân tăng, cũng như ý thức và quản lý sức khỏe tốt hơn. Trên cơ sở ghi nhận về giá trị của đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp y tế của Hoa Kỳ liên tục đầu tư vào các hoạt động giúp tăng khả năng tiếp cận của địa phương với nhiều loại dịch vụ chăm sóc sức khỏe, điều trị sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, sản xuất và chuyển giao công nghệ trong nước, đồng thời tiếp tục nỗ lực mở rộng quy mô để hỗ trợ hạ tầng chăm sóc sức khỏe kỹ thuật số. Các hội viên của chúng tôi trong lĩnh vực này đã và đang tích cực đóng góp vào các nỗ lực của Chính phủ thông qua các chương trình đối tác Công - Tư khác nhau, giải quyết các vấn đề y tế quan trọng trong nước như nỗ lực cứu trợ COVID-19, cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân ở các khu vực khó khăn, đồng thời nâng cao kiến thức, giáo dục về chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và nhân viên y tế.

Các hội viên của chúng tôi cũng như các đối tác trong hệ thống y tế đang phải đối mặt với khó khăn, thách thức liên quan đến các hạn chế và quy trình phê duyệt kéo dài đối với hoạt động nhập khẩu, phân phối các sản phẩm và công nghệ chăm sóc sức khỏe cấp thiết cho Việt Nam. AmCham hoan nghênh hành động gần đây của Quốc hội thông qua Nghị quyết 80 cho phép tự động gia hạn giấy đăng ký lưu hành đối với các loại thuốc và vắc-xin hết hạn vào đầu năm nay. Điều này đã giúp giảm thiểu sự gián đoạn trong việc cung cấp các loại thuốc và thiết bị y tế quan trọng. Vào tháng 2 vừa qua, chúng tôi rất vui mừng khi Bộ Y tế công bố và ban hành Quyết định 62/QĐ-QLD gia hạn giấy đăng ký lưu hành cho nhiều loại thuốc đến hết năm 2024. Chúng tôi khuyến nghị cần thực hiện giải pháp bền vững hơn để giải quyết những thách thức đang diễn ra này, bao gồm sửa đổi Luật Dược, dỡ bỏ các hạn chế về lưu kho và vận chuyển đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, từng bước mở cửa phân phối thuốc cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để tăng khả năng tiếp cận nguồn cung ứng thuốc, loại bỏ các yêu cầu đặc thù của quốc gia để hài hòa quy trình của Việt Nam với các tiêu chuẩn khu vực và toàn cầu. Các chính sách phù hợp cũng như cam kết của chính phủ trong việc thực hiện các chính sách đó đóng vai trò rất quan trọng cho sự phát triển của ngành dược phẩm.

Chúng tôi khuyến khích thực hiện các lộ trình dựa trên khuyến nghị của WHO để thúc đẩy việc đăng ký và khả năng tiếp cận của bệnh nhân với các loại thuốc, vắc xin và thiết bị y tế tiên tiến. Chúng tôi cũng khuyến khích áp dụng cơ chế chuyển giao công nghệ khả thi nhằm khuyến khích thay vì cản trở đầu tư chuyển giao công nghệ, đưa vào áp dụng quy trình đàm phán giá có thể dự đoán và bền vững đối với biệt dược gốc và sẵn sàng tìm kiếm các nguồn tài trợ/các mô hình tài chính thay thế bao gồm thỏa thuận đầu vào có quản lý để hỗ trợ bệnh nhân tiếp cận. Các hội viên của chúng tôi mong muốn được chia sẻ kinh nghiệm và các thông lệ quốc tế tốt nhất về cơ chế tài

chính y tế sáng tạo cũng như bảo mật giá trong hợp đồng mua bán thuốc với nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp khi thuốc được thanh toán bằng ngân sách nhà nước hoặc quỹ bảo hiểm y tế.

Hiện vẫn mất khoảng 8 năm để một loại thuốc mới được cấp phép và đưa vào Danh mục Thuốc thuộc phạm vi Thanh toán của Quỹ BHYT (NRDL). Khoảng thời gian này dài hơn nhiều so với các quốc gia khác. Ngoài ra, NRDL chỉ được cập nhật trung bình 4 năm một lần, điều này làm chậm khả năng tiếp cận của bệnh nhân với các loại thuốc mới thông qua bảo hiểm y tế - nhất là các loại thuốc điều trị mới như thuốc miễn dịch trong điều trị ung thư hoặc thuốc kháng sinh mới. Để phục vụ tốt hơn nhu cầu của bệnh nhân Việt Nam, chúng tôi khuyến khích bắt đầu vòng đánh giá NRDL mới cũng như xem xét cơ chế mới, nhanh gọn hơn để cho phép cập nhật NRDL thường xuyên hơn.

Đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh để hỗ trợ trao đổi kinh doanh quốc tế

Các yêu cầu cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài vẫn còn nhiều điểm chưa rõ ràng. Nhiều tổ chức nước ngoài đang có kế hoạch thành lập đại diện thương mại tại Việt Nam chưa có người bảo lãnh để xin cấp thị thực vào Việt Nam cho lao động nước ngoài của mình. Chúng tôi đề xuất đơn giản hóa các thủ tục hành chính, bao gồm:

- Bỏ quy định phải hợp pháp hóa hồ sơ để xin giấy phép lao động;
- Chấp nhận rằng người nộp sẽ xuất trình thư ủy quyền từ công ty bảo lãnh và chứng minh thư của họ cho nhân viên của cơ quan nhập cảnh với mục đích nộp tài liệu. Cơ quan có thẩm quyền không yêu cầu thêm tài liệu nào khác để nhận dạng cá nhân cho mục đích này;
- Giữ nguyên thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định hiện hành và bỏ các yêu cầu của bước tiền đề để làm hồ sơ cấp giấy phép lao động, bao gồm đăng tin tuyển dụng, kế hoạch sử dụng lao động, đào tạo nhân sự;
- Mở rộng chính sách cấp thị thực điện tử và miễn thị thực để tạo điều kiện đi công tác;
- Mở rộng cơ hội chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thị thực cá nhân (Luật số 51/2019/QH14), cụ thể là cho phép người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo diện thị thực điện tử, miễn thị thực, thị thực công tác/thị thực lao động/Thẻ tạm trú có công ty bảo lãnh được chuyển đổi sang thị thực cá nhân/Thẻ tạm trú của một công ty tài trợ khác khi cấp giấy phép lao động mới cho họ theo công ty đó mà không cần phải rời khỏi Việt Nam;
- Khôi phục khả năng gia hạn thị thực trong nước trong quá trình chờ xử lý giấy phép lao động. Hiện tại, việc gia hạn thị thực chỉ được phép kéo dài thêm 15 ngày, sau đó người đăng ký phải rời khỏi đất nước. Gánh nặng không đáng có này vừa gây tổn kém vừa lãng phí thời gian cho người nộp đơn và người sử dụng lao động của họ;
- Tăng cường nhân viên nhập cư tiếp nhận đơn xin thị thực và giấy phép lao động để giảm thời gian chờ đợi quá lâu;
- Mở rộng điều kiện để người nước ngoài có thể nhận thị thực tại sân bay Việt Nam HOẶC đưa ra hai phương án để người nước ngoài nhận thị thực tại cơ quan lãnh sự quán Việt Nam hoặc tại sân bay Việt Nam khi nhập cảnh;
- Cải thiện quy trình đóng dấu thị thực tại các sân bay vì đôi khi cơ quan chức năng đóng dấu miễn thị thực vào hộ chiếu khi người nhập cảnh có công văn thị thực làm việc;
- Mở rộng thời hạn tối đa của thị thực kinh doanh hiện nay là 30 ngày; và
- Cho phép gia hạn thị thực kinh doanh trong nước.

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý rằng Nghị quyết 105/NQ-CP vừa hết hiệu lực đang gây khó khăn cho các công ty trong việc giữ chân lao động nước ngoài hiện tại đang làm việc tại Việt Nam và huy động thêm lao động nước ngoài mới do các quy định cải tiến về giấy phép lao động hiện đã chuyển sang các quy định nặng nề hơn theo Nghị định 152. AmCham khuyến nghị giữ nguyên các điều khoản sau của Nghị quyết 105:

- Không nên gắn tiêu chí bằng đại học trở lên với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài sẽ đảm nhận tại Việt Nam để người lao động nước ngoài có thể xin giấy phép lao động dưới dạng “chuyên gia”;
- Lĩnh vực đào tạo của kỹ thuật viên nước ngoài không được gắn với vai trò hoặc kinh nghiệm liên quan nếu người đó xin giấy phép lao động có chứng nhận kinh nghiệm;
- Chấp nhận giấy phép lao động đã được cấp trước đó đã là tài liệu khẳng định kinh nghiệm của một chuyên gia kỹ thuật. Như vậy, cá nhân làm việc lâu dài tại Việt Nam sẽ không cần xin giấy xác nhận kinh nghiệm làm việc của doanh nghiệp ở nước ngoài để xin cấp mới giấy phép lao động tại Việt Nam;
- Chấp nhận cá nhân có giấy phép lao động hợp lệ đi làm việc ở tỉnh khác trong thời hạn không quá 6 tháng mà không cần xin cấp lại giấy phép lao động để từ đó, công ty có thể điều động lao động đi làm việc tại các tỉnh khác mà không cần thành lập hiện diện thương mại có đăng ký tại các tỉnh đó. Điều này sẽ loại bỏ gánh nặng về hành chính tốn kém thường vô ích vì hiện diện thương mại chỉ được thành lập với mục đích bảo lãnh giấy phép lao động;
- Nên chấp nhận dùng bản sao hộ chiếu để xin giấy phép lao động thay vì cần phải có bản sao hộ chiếu có chứng thực từ cơ quan công chứng. Theo quy định về lao động, giấy phép lao động phải được cấp chậm nhất là 15 ngày trước khi người lao động nước ngoài bắt đầu hoạt động làm việc tại Việt Nam, nhưng bản sao có chứng thực chỉ lấy được sau khi người nước ngoài đến Việt Nam và xuất trình hộ chiếu để công chứng.

Hài hòa chính sách thuế và hải quan với các tiêu chuẩn quốc tế

Hoàn thành Hiệp ước thuế song phương

Hoa Kỳ và Việt Nam đã đạt được thỏa thuận về hiệp định thuế trước những thay đổi về luật thuế của Hoa Kỳ vào năm 2019. Cả hai quốc gia đang trong quá trình tiến tới ký kết một thỏa thuận sửa đổi một phần nhỏ và chúng tôi hy vọng sẽ kết thúc đàm phán trong năm nay. Điều này rất quan trọng đối với công dân và các công ty Hoa Kỳ đang làm việc tại Việt Nam.

Thực hiện Trụ cột 2: Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu

Xin cảm ơn chính phủ đã cho chúng tôi tham gia các cuộc thảo luận gần đây về quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu và hoan nghênh Nhóm công tác đánh giá việc thực hiện. Các câu hỏi chúng tôi đặt ra liên quan đến các quy định hiện hành về ưu đãi đầu tư:

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện tại và tương lai, bao gồm thuế suất ưu đãi và miễn thuế
- Miễn thuế nhập khẩu; và
- Ưu đãi thuê đất, thuê mặt nước.

Vào tháng 10 năm 2021, 136 quốc gia đã tham gia các cuộc đàm phán do OECD tổ chức và đồng ý với Giải pháp cải cách thuế hai trụ cột, bao gồm Trụ cột 2 về Mức thuế tối thiểu toàn cầu (MTTTC) là 15%. Các quốc gia thành viên của OECD và các thành viên của Khuôn khổ toàn diện hiện đang sửa đổi luật pháp trong nước của họ để đảm bảo tuân thủ vào năm 2024.

Các tập đoàn đa quốc gia (MNC) đang hoạt động tại Việt Nam cũng như các tập đoàn Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài lo ngại về tác động của Trụ cột 2, cụ thể:

- (i) Liệu việc áp dụng MTTTC có làm giảm hoặc mất đi các ưu đãi về thuế (đặc biệt là thuế TNDN) mà các doanh nghiệp này đang được hưởng theo quy định hiện hành hay không; và
- (ii) Liệu Chính phủ Việt Nam có đền bù trong trường hợp các ưu đãi thuế TNDN kém thuận lợi hơn hoặc trở nên kém hiệu quả do áp dụng MTTTC hay không.

Chính phủ Việt Nam nên nghiên cứu tác động cuối cùng của MTTTTC đối với các nhà đầu tư và công ty tại Việt Nam, và các giải pháp tiềm năng để đền bù cho những doanh nghiệp có ưu đãi thuế TNDN kém thuận lợi hơn hoặc kém hiệu quả do áp dụng MTTTTC.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chính sách ưu đãi thuế TNDN hiện hành hầu như chỉ áp dụng cho lợi nhuận của công ty. Các hình thức ưu đãi trực tiếp khác như ưu đãi chi phí công ty hầu như không có trong luật thuế. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ nên lồng ghép thêm các ưu đãi dựa trên chi phí để khuyến khích các dự án mới trong các lĩnh vực đầu tư có chọn lọc (ví dụ: hỗ trợ chi phí cho năng lượng tái tạo, phúc lợi cho người lao động, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu & phát triển, và chuyển giao công nghệ).

Các ưu đãi hiện tại không tính đến việc sản xuất xe điện. Do xe điện đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển xanh của Việt Nam và các cam kết COP26, việc sản xuất xe điện cần được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN, tương tự như các ưu đãi dành cho các dự án bảo vệ môi trường (mức ưu đãi, miễn thuế, v.v.).

Theo hướng dẫn của Luật 32/2013/QH13 và Nghị định 218/2013/NĐ-CP về thuế TNDN, thời gian áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp công nghệ cao được tính kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Thông tư 78/2014/TT-BTC và Thông tư 96/2015/TT-BTC về thuế TNDN, thời điểm áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ năm cấp Giấy chứng nhận. Chúng tôi đề nghị nên sửa đổi để thống nhất các quy định này.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Vì lợi ích sức khỏe cộng đồng, Bộ Tài chính đang xem xét đề xuất áp dụng Thuế tiêu thụ đặc biệt (“TTĐB”) đối với nước giải khát có đường. Kinh nghiệm quốc tế chỉ ra rằng thuế TTĐB đối với đồ uống có đường không chứng minh được hiệu quả trong việc giảm béo phì và tiểu đường, trong khi đó lại có những tác động kinh tế và xã hội đáng kể. Do trên thị trường có nhiều loại thực phẩm có hàm lượng calo cao và trẻ em trong độ tuổi đi học chưa tích cực hoạt động thể chất, đồ uống có đường không phải là nguyên nhân chính gây béo phì. Trong khi đó, nếu đề xuất này được thông qua, ngành đồ uống vốn chịu thiệt hại nặng nề từ đại dịch Covid-19 và đang chật vật phục hồi sẽ phải đối mặt thêm gánh nặng tài chính. Ngoài ra, các ngành công nghiệp liên quan khác như mía đường, bán lẻ, đóng gói và logistic cũng sẽ bị ảnh hưởng. Chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính xem xét hiệu quả và tác động tiềm ẩn của đề xuất đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng để tránh những hậu quả không mong muốn và tránh phân biệt đối xử giữa nước giải khát có đường với đồ uống hoặc thực phẩm khác có chứa đường.

Thuế đối với nhà thầu nước ngoài hoạt động trên nền tảng kỹ thuật số

Chính phủ đã đưa ra các quy định quản lý thuế đối với các nhà cung cấp nước ngoài kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh số và các dịch vụ khác tại Việt Nam mà không có Cơ sở thường trú.

Các nhà cung cấp nước ngoài không có Cơ sở thường trú tại Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và kỹ thuật số tại Việt Nam (“nhà cung cấp nước ngoài”) có nghĩa vụ trực tiếp đăng ký, kê khai và nộp thuế tại Việt Nam.

Các quy định trong vấn đề này không rõ ràng về việc đăng ký, kê khai và nộp thuế của các nhà cung cấp nước ngoài, dẫn đến khó khăn trong việc tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế.

Chúng tôi đề nghị Chính phủ xem xét những quan ngại trên của các nhà cung cấp nước ngoài và các bên liên quan khác và đưa ra hướng dẫn làm rõ phù hợp.

Chuyển nhượng vốn trực tiếp

Điều 14 Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn về khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn. Tuy nhiên, Thông tư không quy định rõ ràng đối với chuyển nhượng vốn gắn liền với bất động sản. Cụ thể, Thông tư không quy định cụ thể, không định nghĩa những trường hợp nào được coi là “chuyển nhượng vốn gắn liền với bất động sản”. Điều này gây khó khăn cho các công ty trong việc xác định hình thức khai thuế lãi vốn thích hợp để sử dụng.

Kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn quy định các trường hợp cụ thể được coi là “chuyển nhượng vốn gắn liền với bất động sản” để doanh nghiệp thực hiện đúng.

Chuyển nhượng vốn gián tiếp

Điều 2 Luật thuế TNDN 2008 quy định “Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam phải nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam”. Tuy nhiên, các phương pháp xác định thu nhập chịu thuế và cách tính số thuế cuối cùng phải nộp đối với các doanh nghiệp nước ngoài này không đầy đủ chi tiết, gây khó khăn trong việc tính nghĩa vụ thuế và nộp thuế.

Nhiều quốc gia khác không đánh thuế đối với chuyển nhượng vốn gián tiếp, cũng có những quốc gia chỉ đánh thuế nếu giao dịch đáp ứng các điều kiện nhất định.

Kính đề nghị Bộ Tài chính ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể đối với các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp và xem xét các ngoại lệ hợp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Chi phí được khấu trừ thuế TNDN

Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC quy định về các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Theo quan điểm của một số cơ quan thuế địa phương, chi phí bán hàng cho khách hàng gián tiếp (tức là chi cho khách hàng là khách hàng của công ty) không liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty nên không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN của công ty.

Chúng tôi đề nghị các cơ quan thuế địa phương rằng, theo thông lệ quốc tế, được phép khấu trừ thuế đối với các chi phí phát sinh trong việc phát triển các kênh phân phối của công ty.

Chi phí khuyến mại

Doanh nghiệp phải chuẩn bị chứng từ thanh toán khi tặng quà khuyến mại cho khách hàng. Tuy nhiên, trường hợp tổ chức khuyến mại không tuân thủ quy định tại Điểm 1a Điều 16 và Điều 17 Nghị định 81/2018/NĐ-CP thì ngoài việc bị xử phạt hành chính, công ty phải lập hóa đơn GTGT và kê khai thuế GTGT đầu ra cho các mặt hàng khuyến mại.

Hiện một số cơ quan thuế có quan điểm không được trừ khoản chi phí này.

Chúng tôi đề xuất sửa đổi luật thuế TNDN để cho phép khấu trừ chi phí khuyến mại rõ ràng, bao gồm những trường hợp không tuân thủ luật thương mại.

Khấu trừ tiền lương ngừng việc của người lao động

Theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Lao động 2019, người lao động và người sử dụng lao động được quyền thỏa thuận về tiền lương ngừng việc cho người lao động. Riêng điểm 1 Điều 4 khuyến khích người sử dụng lao động mở rộng nhiều quyền lợi hơn cho người lao động.

Tuy nhiên, định nghĩa về chi phí không tương ứng với doanh thu chịu thuế không đề cập đến khoản trả lương ngừng việc cho người lao động (xem Điểm 2.31, Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC).

Kính đề nghị cơ quan thuế cho phép khấu trừ chi phí tiền lương thực tế (và các khoản bảo hiểm bắt buộc) trong thời gian ngừng việc tương ứng.

Số ngày nghỉ hàng năm chưa nghỉ hết

Khoản 3, Điều 113, Bộ luật Lao động 2019 quy định việc trả lương cho những ngày chưa nghỉ của người lao động chỉ trong hai trường hợp là thôi việc và bị mất việc. Tuy nhiên, điểm 1 Điều 4 khuyến khích những thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại Điểm 2.31 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC không đề cập đến việc trừ chi phí tiền lương đã trả cho những ngày chưa nghỉ của người lao động.

Vì luật khuyến khích các thỏa thuận quyền lợi có lợi hơn cho người lao động, chúng tôi đề xuất rằng Bộ luật được sửa đổi để cho phép khấu trừ chi phí tiền lương phải trả cho những ngày chưa nghỉ của người lao động theo thỏa thuận cuối cùng giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Chi phí làm thêm giờ quá mức

Chúng tôi hiểu rằng, trong những trường hợp tự nguyện làm thêm giờ do NSDLĐ không bố trí được người thay thế thì cần khuyến khích trả tiền lương làm thêm giờ như là quyền lợi của NLĐ, nhất là trong bối cảnh hậu Covid (Khoản 1, Điều 4, BLLĐ 2019, bao gồm trường hợp vượt quá 200 giờ hoặc 300 giờ trong một năm).

Tuy nhiên, các cục thuế địa phương thường không đồng ý coi tiền lương làm thêm giờ đó là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Rất mong cơ quan thuế xem xét lại tầm quan trọng của chi phí làm thêm giờ và cho phép khấu trừ phần chi phí làm thêm giờ vượt quá mức quy định tại Điều 107.

Cách tiếp cận của hải quan công bố cơ chế và hướng dẫn xử lý điều chỉnh giá chuyển nhượng

Tính đến tháng 10/2022, Việt Nam ghi nhận mức tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài cao nhất kể từ năm 2018, với tỷ lệ doanh nghiệp FDI thực hiện trên vốn đăng ký được ghi nhận là 82,3%. Khu vực FDI chủ yếu là của các công ty đa quốc gia. Để tuân thủ các hướng dẫn của OECD và áp dụng các thông lệ quốc tế chung, các MNC áp dụng nguyên tắc xác định giá chuyển nhượng như một cơ chế chính thức giúp điều chỉnh chính sách giá của hàng hóa được giao dịch giữa các bên liên quan.

Theo quan sát của chúng tôi, các quốc gia ASEAN khác như Philippines, Singapore, Thái Lan, v.v. đã nhận ra mối tương quan giữa xác định giá chuyển nhượng và trị giá hải quan, từ đó đưa ra các cơ chế quản lý việc điều chỉnh giá chuyển nhượng và việc các công ty tự nguyện công bố thông tin để tuân thủ Hải quan.

Theo đó, chúng tôi đề xuất cơ quan Hải quan và Thuế Việt Nam rà soát, xem xét xây dựng và ban hành cơ sở pháp lý/cơ chế chính thức để quản lý các sửa đổi tờ khai Hải quan dựa trên xác định

giá chuyển nhượng và ban hành hướng dẫn tiêu chuẩn để doanh nghiệp tuân thủ. Cơ chế quản lý các sửa đổi tờ khai hải quan do điều chỉnh giá chuyển nhượng sẽ khuyến khích việc tuân thủ.

Quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan (tức Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15/11/2021) do Bộ Tài chính ban hành

Để khuyến khích các công ty đăng ký chương trình thương mại tin cậy và quản lý hiệu quả mức độ tuân thủ, chúng tôi khuyến nghị Hải quan Việt Nam xem xét những bất cập hiện tại và quy định rõ ràng hơn cho doanh nghiệp, đặc biệt là về:

- Sự phù hợp/mối liên kết giữa hồ sơ rủi ro và xếp hạng tuân thủ hải quan của công ty; và
- Tỷ lệ kiểm tra hải quan tương ứng mà công ty có thể phải chấp hành.

Cải cách thị trường vốn để thúc đẩy đầu tư

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ thực hiện cải cách lĩnh vực tài chính, đặc biệt là nâng Giới hạn tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài, điều này hỗ trợ việc nâng hạng thị trường vốn Việt Nam từ “Thị trường cận biên” lên “Thị trường mới nổi” trong đánh giá của MSCI và FTSE. Chúng tôi cũng hoan nghênh các cải cách giúp nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia lên mức Đầu tư. Việc nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia lên mức Đầu tư và chuyển từ trạng thái Thị trường cận biên sang Thị trường mới nổi sẽ thu hút nhiều vốn quốc tế hơn vào Việt Nam, tạo ra một vòng tròn phát triển: triển vọng tích cực hơn về nền kinh tế sẽ thu hút đầu tư trực tiếp và thương mại nhiều hơn, dẫn đến tăng trưởng kinh tế nhanh hơn. Chúng tôi hoan nghênh Luật Bảo hiểm mới và mong Bộ Tài chính tiếp tục phối hợp với các bộ ngành để xây dựng các quy định nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bảo hiểm và tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm.

Đối tác bù trừ trung tâm cho Thị trường chứng khoán Việt Nam

AmCham hỗ trợ và khuyến khích các sáng kiến hướng tới tương lai nhằm thúc đẩy quá trình nâng hạng thị trường vốn Việt Nam lên “Thị trường mới nổi” Việc giới thiệu một Đối tác bù trừ trung tâm (CCP) thực sự cho thị trường chứng khoán thứ cấp là một bước quan trọng hướng tới việc giúp phát triển hạ tầng thị trường vốn của Việt Nam mạnh mẽ hơn và thân thiện với nhà đầu tư hơn bằng cách giảm thiểu rủi ro đối tác và hoạt động thiếu hiệu quả, chẳng hạn như yêu cầu ký quỹ trước giao dịch. Mô hình CCP nên kết hợp các thông lệ tốt nhất toàn cầu về quản lý rủi ro, vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan.

Các nhà đầu tư và tổ chức trung gian toàn cầu hiện đang lo ngại về mô hình được đề xuất liên quan đến ký quỹ trước giao dịch và yêu cầu các ngân hàng lưu ký trở thành thành viên bù trừ cho CCP, điều này trái với thông lệ tốt nhất toàn cầu. Yêu cầu ký quỹ trước giao dịch làm mất đi một trong những lợi ích chính được các nhà đầu tư toàn cầu hoan nghênh và phá vỡ việc đảm bảo các nguyên tắc cơ bản về chuyển giao chứng khoán đồng thời với việc thanh toán tiền (DVP) nhằm bảo vệ tất cả các bên. Đồng thời, yêu cầu các ngân hàng lưu ký trở thành thành viên bù trừ của CCP thay mặt cho tất cả các khách hàng lưu ký của mình cũng không phù hợp với mô hình và thông lệ tốt nhất quốc tế, đồng thời mang lại khả năng tiếp cận thị trường vốn cao hơn cho các ngân hàng lưu ký, điều này bị hầu hết các ngân hàng trung ương cố gắng ngăn ngành ngân hàng do tính chất nhạy cảm đối với sự ổn định tài chính tổng thể.

Do việc triển khai CCP tại Việt Nam sẽ tác động đến toàn bộ hệ sinh thái thị trường chứng khoán, chúng tôi cho rằng mô hình này chỉ nên được triển khai khi quan điểm của tất cả những thành viên thị trường (những thành viên thị trường trong và ngoài nước, nhà đầu tư và đơn vị trung gian của họ – bên lưu ký, ngân hàng lưu lý toàn cầu, công ty môi giới kinh doanh quốc tế, v.v.) được thống nhất.

Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang tiến hành sửa đổi Luật Các tổ chức tín dụng và đề nghị cho phép các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho vay tối đa bằng hạn mức cho vay của ngân hàng mẹ. Các chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nên hoạt động trên cơ sở hợp nhất bao gồm quản trị, báo cáo theo quy định và tỷ lệ bảo đảm an toàn theo thông lệ quốc tế tốt nhất.

Chúng tôi đề xuất NHNN nên dần bỏ kiểm soát hành chính trong việc thiết lập hạn mức tăng trưởng tín dụng cho toàn hệ thống ngân hàng và thay vào đó sử dụng công cụ khác như kiểm tra sức chịu đựng để kiểm soát tăng trưởng tín dụng. Tổ chức tài chính nên được giám sát dựa trên các tỷ lệ bảo đảm an toàn. Công cụ này sẽ cho phép NHNN chủ động hơn trong việc quản lý lĩnh vực này, đồng thời có được đủ tính linh hoạt cho các ngân hàng có mức tài sản thấp và danh mục đầu tư chất lượng cao.

Tạo môi trường kinh doanh hấp dẫn, minh bạch và ổn định hơn

Chúng tôi coi trọng quan hệ đối tác và đối thoại với Chính phủ và đánh giá cao những nỗ lực của Việt Nam trong cải cách hành chính nhằm cải thiện môi trường pháp lý trong nước. Mặc dù chúng tôi ghi nhận việc loại bỏ và đơn giản hóa một số thủ tục hành chính đang được thực hiện, các luật và quy định gần đây vẫn tiếp tục đưa ra các thủ tục hành chính mới như cấp phép, phê duyệt và các yêu cầu báo cáo công kênh. Chúng tôi khuyến nghị xem xét cẩn trọng và tránh mọi gánh nặng hành chính bổ sung nào có thể trong các dự thảo luật và quy định.

Với tư cách là những nhà đầu tư lớn ở thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp Hoa Kỳ luôn kỳ vọng Việt Nam sẽ tiếp tục thành công. Các vấn đề nêu ra trong báo cáo này nêu rõ niềm tin của chúng tôi rằng có thể hỗ trợ môi trường kinh doanh tốt nhất bằng các hành động giúp tăng năng suất và giảm chi phí cũng như rủi ro khi kinh doanh tại Việt Nam. Quan trọng hơn, việc giảm chi phí và sự phức tạp trong kinh doanh sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp do Việt Nam làm chủ, phần đông là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp kinh doanh, từ đó sẽ đảm bảo khả năng cạnh tranh và tăng trưởng trong tương lai của Việt Nam. AmCham cam kết đạt được tăng trưởng bền vững phù hợp với các giá trị Môi trường, Xã hội và Quản trị. Chúng tôi sẽ tiếp tục đóng vai trò xây dựng, không chỉ để khiếu nại mà để xác định và thực hiện các giải pháp, đồng thời tích cực ủng hộ cho một môi trường kinh doanh tốt hơn và khu vực tư nhân phát triển mạnh hơn ở Việt Nam.

Cuối cùng, tôi xin thay mặt cho Hiệp hội doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam gửi lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công tới các vị lãnh đạo, các vị khách quý và các thành viên có mặt trong Diễn đàn doanh nghiệp hôm nay, một lần nữa xin cảm ơn đã cho tôi cơ hội trình bày những khuyến nghị này.

BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM

1. Liên quan đến Giấy phép lao động / thị thực / thẻ tạm trú:

Vấn đề về việc thời gian cấp Giấy phép lao động kéo dài: Liên quan đến quy trình cấp Giấy phép lao động, KOCHAM đã nhận được phản ánh vướng mắc về việc quá trình từ lúc nộp hồ sơ đến khi được cấp giấy phép mất rất nhiều thời gian. Ngay cả sau khi nộp hồ sơ lần đầu, nhiều trường hợp phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ dẫn đến thông thường phải mất 2-3 tháng mới được cấp Giấy phép lao động, thậm chí có những trường hợp mất hơn 6 tháng do phải thực hiện các thủ tục bổ sung. Trường hợp phải bổ sung hồ sơ, doanh nghiệp sẽ xử lý nhanh hơn nếu được hướng dẫn nhất quán ngay từ đầu. Do đó, Hiệp hội kính đề nghị Cơ quan liên quan ban hành hướng dẫn chính xác, nhất quán liên quan đến hồ sơ phải nộp.

Kể từ tháng 2/2021, điều kiện cấp giấy phép lao động đã được thắt chặt hơn theo quy định của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. Điều này dẫn đến việc người lao động sẽ không được cấp ‘Giấy phép lao động theo diện chuyên gia’ nếu kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tương ứng không đủ từ 3 năm trở lên.

Ngoài ra, liên quan đến cộng đồng Hàn Quốc, những học viên hoàn thành Khóa đào tạo nhà quản lý và nghiệp vụ trong thời gian 1 năm theo Chương trình K-Move School do Chính phủ Hàn Quốc tổ chức nhằm hỗ trợ các nhân lực trẻ không được cấp ‘Giấy phép lao động diện chuyên gia’ do không đáp ứng đủ số năm kinh nghiệm làm việc.

Dù thời gian đào tạo của Chương trình K-Move School ngắn, tuy nhiên những người được lựa chọn đào tạo nghiệp vụ tập trung theo Chương trình này có đầy đủ năng lực ngang tầm chuyên gia. Do đó, Chúng tôi kính đề nghị Chính phủ Việt Nam hỗ trợ cấp ‘Giấy phép lao động diện chuyên gia’ cho những người đã hoàn thành Chương trình này. Trường hợp việc cấp ‘Giấy phép lao động diện chuyên gia’ gặp khó khăn, đề nghị Chính phủ tạo điều kiện để họ được cấp ‘Giấy phép lao động diện giám đốc điều hành’ do Họ đa phần là những người đảm nhận vai trò **Người đứng đầu** trong doanh nghiệp.

Điều 9 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP nêu cụ thể văn bản, giấy tờ cần thiết để chứng minh là chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật, tuy nhiên không có hướng dẫn cụ thể về văn bản, giấy tờ chứng minh là nhà quản lý và giám đốc điều hành. Do đó, có nhiều trường hợp bị trả lại hồ sơ khi đăng ký cấp phép Giấy phép lao động diện nhà quản lý và giám đốc điều hành do không đầy đủ giấy tờ, hoặc doanh nghiệp cũng gặp khó khăn khi xin cấp thị thực do mỗi địa phương yêu cầu văn bản, giấy tờ khác nhau.

Cần có hướng dẫn cụ thể về văn bản, giấy tờ xin cấp Giấy phép lao động diện nhà quản lý và chuyên gia, đồng thời cần xem xét để thống nhất các văn bản, giấy tờ ở tất cả các địa phương.

2. Liên quan đến việc thắt chặt quy định của Luân Phòng cháy, chữa cháy:

Trong thời gian qua xảy ra một số vụ hỏa hoạn tại doanh nghiệp địa phương và cơ sở kinh doanh rượu ở trung tâm thành phố, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Do đó, Chính phủ Việt Nam đã chỉ đạo quyết liệt về việc thắt chặt các quy định, quản lý liên quan đến phòng cháy chữa cháy. Theo đó, doanh nghiệp phải thực hiện biện pháp điều chỉnh đối với hoạt động xây dựng công trình và cấp phép phòng cháy chữa cháy vốn được tiến hành theo các quy định và thông lệ cũ thì hiện nay, việc xây dựng mới nhà máy hoặc mở rộng nhà máy cũng phải áp dụng quy định

ng nghiêm ngặt hơn. (Ngày 23/1/2023, Thủ tướng có Chỉ thị chỉ đạo các Bộ ngành và địa phương tăng cường công tác quản lý phòng cháy chữa cháy)

KoCham đã tiếp nhận nhiều nội dung vướng mắc trong quá trình đầu tư mới và đầu tư mở rộng của doanh nghiệp do yêu cầu thực hiện quy định mới nghiêm ngặt liên quan đến cấp phép (quản lý) phòng cháy chữa cháy. Đặc biệt, những vướng mắc liên quan đến cấp phép phòng cháy chữa cháy chủ yếu tập trung tại tỉnh Vĩnh Phúc và Bắc Ninh.

Luật Phòng cháy chữa cháy hiện đang được thực thi tại Việt Nam là Luật Phòng cháy chữa cháy được sửa đổi, bổ sung năm 2013 (số 40/2013/QH13) và công tác thẩm định, cấp phép cho đến nay vẫn thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương. Thời gian trước đây, Doanh nghiệp khi lựa chọn doanh nghiệp thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy chỉ định bởi Cơ quan hữu quan địa phương đều được cấp phép Giấy phép phòng cháy chữa cháy mà không gặp bất cứ trở ngại gì dù khi thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy được thực hiện ở tiêu chuẩn thấp hơn so với quy định ban đầu như cung cấp tường lửa UTM (Đây cũng là cách doanh nghiệp thường xuyên áp dụng nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp).

Vấn đề phát sinh gần đây là khi mở rộng nhà máy đang hoạt động, giấy phép phòng cháy chữa cháy và giấy phép hoàn công đã được cấp khi xây dựng nhà máy ban đầu mâu thuẫn với quy định quản lý hiện hành đã được thắt chặt.

Ví dụ: Trước đây, ngay cả khi sử dụng tấm thạch cao đơn giản hoặc sơn chống cháy cho tường chống cháy của nhà máy cũng không gặp trở ngại gì trong việc xin cấp phép phòng cháy chữa cháy, nhưng đến nay phải sử dụng tấm thạch cao có tính chịu lửa. Do đó, khi doanh nghiệp xây dựng mở rộng nhà máy, chi phí thi công tăng lên và doanh nghiệp buộc phải thực hiện quy định hiện hành đối với cả nhà máy đã xây dựng trước đây và đang trong quá trình vận hành.

Khi áp dụng quy định, có nhiều trường hợp áp dụng cách diễn giải tùy tiện của cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương, điều này dẫn đến có những trường hợp mất hơn 50 ngày mới được cấp phép phòng cháy chữa cháy. Theo ý kiến của các doanh nghiệp thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy thực tế, quy định sử dụng tấm thạch cao có khả năng chống cháy riêng trong khi bản thân tấm thạch cao đã có tính chịu lửa là cách diễn giải thái quá.

3. Liên quan đến Luật an ninh mạng:

Nghị định số 53/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 53) đã có hiệu lực từ tháng 10/2022. Một số nội dung chính của Nghị định được quy định như sau:

- Doanh nghiệp thuộc đối tượng thực hiện nghĩa vụ liên quan đến nội địa hóa dữ liệu (Localization) là doanh nghiệp quản lý, vận hành thông tin như thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến, trung gian thanh toán, dịch vụ kết nối vận chuyển, mạng xã hội và truyền thông xã hội, trò chơi điện tử trực tuyến.
- Trường hợp có thông báo cảnh cáo của Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Bộ Công an đối với hành vi vi phạm Luật An ninh mạng của các doanh nghiệp nước ngoài này, sẽ áp dụng việc thực hiện nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam đối với doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp sẽ phải thực hiện nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam trong vòng 12 tháng kể từ sau khi nhận được Quyết định của Bộ Công an Việt Nam.
- Kể cả có điều khoản quy định về lý do bất khả kháng là trường hợp ngoại lệ của việc áp dụng nghĩa vụ liên quan đến nội địa hóa dữ liệu, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi

phát sinh lý do bất khả kháng, doanh nghiệp phải được Bộ Công an kiểm tra tính xác thực của lý do bất khả kháng này.

- Hình thức lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam được quy định là do doanh nghiệp quyết định, tuy nhiên lại không có hình thức lưu trữ cụ thể nào được nêu, gây bối rối cho doanh nghiệp.
- Nghị định quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định một số biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định về xử lý dữ liệu cá nhân:
 - Khoản 1 của Điều 22 quy định phạt tiền từ 50 triệu ~ 80 triệu đồng đối với các hành vi vi phạm quy định và nghĩa vụ tại khoản này.
 - Khoản 2 quy định phạt tiền từ 80 triệu ~ 100 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau: không áp dụng biện pháp kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; không xây dựng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; vi phạm quy định về đăng ký xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm; vi phạm quy định về chuyển dữ liệu cá nhân qua biên giới; vi phạm lần 2 đối với những hành vi được quy định tại khoản 1 Điều này.
 - Khoản 3 áp dụng đối với trường hợp vi phạm lần 3 đối với những hành vi được quy định tại khoản 1 Điều này và vi phạm lần 2 đối với những hành vi được quy định tại khoản 2 Điều này, mức phạt tiền tối đa bằng 5% tổng doanh thu của Bên xử lý dữ liệu cá nhân (doanh nghiệp).
 - Khoản 4 là hình thức xử phạt bổ sung, quy định đình chỉ việc sử dụng / xử lý dữ liệu cá nhân (từ 1~3 tháng) đối với hành vi vi phạm quy định của khoản 2 và có thể tước quyền sử dụng văn bản đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm và chuyển dữ liệu cá nhân ra khỏi biên giới lãnh thổ Việt Nam.
 - KoCham đã tiếp nhận phản ánh về việc một số điều khoản còn chưa rõ ràng và mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định ở mức quá nặng.

4. Liên quan đến ưu đãi hỗ trợ ngành công nghiệp hỗ trợ của nhà đầu tư nước ngoài:

Ngày 11/8/2020, Việt Nam đã ban hành Nghị quyết về các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ vào ngày 11/8/2020, thể hiện định hướng chính sách coi thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ là động lực chính để phát triển các ngành công nghiệp trong nước. (Năm 2015, Việt Nam đã ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về các chính sách ưu đãi nhằm hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, là một phần của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ)

Bên cạnh đó, liên quan đến vấn đề ưu đãi giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, Việt Nam đã ban hành Nghị định số 57/2021/NĐ-CP để triển khai thuận lợi chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Từ năm 2016, thời điểm Nghị định đầu tiên có hiệu lực, Chính phủ Việt Nam đã tuyên truyền rộng rãi về chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, tuy nhiên trên thực tế không có nhiều nhà đầu tư nước ngoài được hưởng ưu đãi đầu tư này.

Nhà đầu tư số 1 vào lĩnh vực sản xuất của Việt Nam là các doanh nghiệp Hàn Quốc cũng mong muốn được hưởng các chính sách ưu đãi này, tuy nhiên đa số các doanh nghiệp chưa tận dụng được chính sách hỗ trợ do tiêu chuẩn cấp phép và thẩm định chưa rõ ràng.

Cần ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết hơn Nghị định, đồng thời cần hướng dẫn các cơ quan phụ trách để doanh nghiệp có nhu cầu trực tiếp đăng ký và được thẩm định. Trên thực tế, ngay cả doanh nghiệp nghiên cứu đầy đủ Nghị định cũng gặp khó khăn trong việc nắm bắt thủ tục chính xác, hồ sơ cần chuẩn bị và các tiêu chuẩn liên quan, ngay cả khi yêu cầu các cơ quan phụ trách hướng dẫn cũng không được giải thích chính xác.

Có thể nói rằng hiện trạng này chưa đáp ứng được mục tiêu ban đầu của Chính phủ Việt Nam là “Tăng cường năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp trong nước thông qua thu hút đầu tư của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nước ngoài có năng lực”.

<Nội dung về chính sách ưu đãi, hỗ trợ công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam>

• **Đối tượng:**

- Là doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ do Chính phủ chỉ định, bao gồm các doanh nghiệp đầu tư sản xuất vào 6 lĩnh vực: 1) Lĩnh vực cơ khí, 2) Lĩnh vực công nghệ thông tin điện tử, 3) Lĩnh vực sản xuất và lắp ráp ô tô, 4) Lĩnh vực dệt may, 5) Lĩnh vực da giày, 6) Lĩnh vực công nghệ cao hoặc doanh nghiệp mong muốn đầu tư theo hình thức chuyển giao công nghệ (áp dụng quy định của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP và Thông tư số 55/2015/TT-BCT về hỗ trợ công nghiệp hỗ trợ).

• **Nội dung hỗ trợ:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm bắt đầu dự án.
- Thuế nhập khẩu: Miễn thuế nhập khẩu đối với các danh mục hàng hoá bao gồm: xe ô tô 24 chỗ ngồi, phụ tùng, khuôn mẫu, linh kiện, nguyên vật liệu và vật liệu xây dựng trong nước không sản xuất được.
- Hỗ trợ vốn đầu tư: Hỗ trợ vay 70% vốn đầu tư với lãi suất thấp thông qua bảo lãnh của cơ quan bảo lãnh tín dụng trong trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Hỗ trợ đặc biệt về chuyển giao công nghệ: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, Chính phủ hỗ trợ tối đa 75% chi phí chuyển giao công nghệ đối với dự án sản xuất sản phẩm có sử dụng trên 85% nguyên liệu là quặng kim loại, quặng phi kim loại và sản phẩm hóa dầu.

5. Liên quan đến thẩm định cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ:

Trong quá trình cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ cho hàng hoá xuất khẩu, do cách diễn giải tiêu chí để xác định nguồn gốc xuất xứ của mỗi cơ quan quản lý nguồn gốc xuất xứ địa phương khác nhau, gây ra khó khăn cho doanh nghiệp khi xin cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ.

• **Xác định tiêu chí nguồn gốc xuất xứ áp dụng:**

Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc đang lấy danh mục HS năm 2017 làm tiêu chuẩn, tuy nhiên do danh mục HS 2022 mới có hiệu lực gần đây, một số mã HS đã bị thay đổi hoặc phát sinh vấn đề về tiêu chí xác định nguồn gốc xuất xứ theo từng danh mục có thể áp dụng cho các sản phẩm mới.

• **Liên quan đến diễn giải tiêu chí xác định nguồn gốc xuất xứ:**

Trong quá trình áp dụng tiêu chí xác định nguồn gốc xuất xứ quy định trong Hiệp định, đã xảy ra những khác biệt trong cách diễn giải. Còn tồn tại những vấn đề về khác biệt trong cách diễn giải như phủ nhận giá xuất khẩu cuối cùng của sản phẩm hoàn chỉnh và tính theo giá xuất xưởng, hoặc diễn giải mở rộng phạm vi của nguyên liệu có xuất xứ quy định trong Hiệp định.

6. Liên quan đến ký Thỏa thuận Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) nhằm chuyển đổi năng lượng của Việt Nam:

Tháng 12/2022, Việt Nam đã cùng 9 quốc gia, trong đó có các nước G7, ký Thỏa thuận Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) và đạt được thỏa thuận về việc nhận khoản hỗ trợ khoảng 15,5 tỷ USD của nước ngoài cho việc chuyển đổi năng lượng sạch.

Bằng việc ký JETP, Việt Nam đã điều chỉnh các mục tiêu, như: rút ngắn thời gian đỉnh điểm phát thải carbon từ 35 năm xuống còn 30 năm; giảm công suất của các nhà máy nhiệt điện than từ mục tiêu trước đó là 37GW xuống còn 30GW vào năm 2030 nhằm đạt được mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính khoảng 500 triệu tấn; nâng tỷ lệ sản xuất năng lượng tái tạo từ 36% lên 47%.

Là đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam, Chính phủ Hàn Quốc ủng hộ tích cực nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính, đồng thời sẽ tăng cường hợp tác hơn nữa, bao gồm hỗ trợ cả về công nghệ và nhân lực để thúc đẩy thuận lợi các mục tiêu thực hiện Thỏa thuận JETP.

Xét đến mục tiêu giảm công suất của các nhà máy nhiệt điện than vào năm 2030, việc chuyển sang sử dụng nhiên liệu và thay đổi quyền kinh doanh đối với 4 nhà máy nhiệt điện than hiện đang được triển khai xây dựng là điều tất yếu và điều này cần có sự đồng ý và chấp thuận của các cơ quan chính phủ Việt Nam. Các dự án nhiệt điện than do các công ty điện lực Hàn Quốc đang triển khai xây dựng cũng thuộc diện này, đề nghị Chính phủ Việt Nam tích cực hỗ trợ để quá trình chuyển đổi sang năng lượng sạch được diễn ra thuận lợi.

7. Liên quan đến cấp Thẻ đi lại doanh nhân APEC (ABTC):

Thẻ đi lại doanh nhân APEC (ABTC) là biện pháp nhằm mở rộng giao lưu kinh tế giữa các nước thành viên APEC, đồng thời là chính sách tạo thuận lợi về thị thực cho các doanh nhân và đảm bảo hoạt động xuất nhập cảnh nhanh chóng thông qua các lối đi riêng tại sân bay. Việt Nam cũng đang thực hiện phê duyệt cấp thẻ với tư cách là một trong 19 quốc gia tham gia ABTC.

Thẻ ABTC được cấp với sự chấp thuận riêng của 19 nước thành viên, tuy nhiên việc gần đây cơ quan chức năng phía Việt Nam chưa giải quyết xét duyệt cấp thẻ này gây bất tiện cho doanh nhân các nước thành viên đang có giao dịch với Việt Nam.

Theo số liệu của Bộ Tư pháp Hàn Quốc, Chính phủ Việt Nam đã thông báo tạm dừng công việc phê duyệt từ tháng 2/2020 và nối lại công tác này từ tháng 4/2022. Theo số liệu dưới đây, tình hình phê duyệt gần đây không đáng kể. Đề nghị Việt Nam nhanh chóng phê duyệt thẻ ABTC để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao lưu kinh tế của Việt Nam, một trong những trục lớn của nền kinh tế APEC.

*** Tình hình phê duyệt theo từng giai đoạn tiếp nhận của Chính phủ Việt Nam**

- Tháng 1~5/2021 : Đã phê duyệt toàn bộ hồ sơ tiếp nhận
- Tháng 6/2021~12/2022: Phê duyệt dưới 10 hồ sơ.

Trong trường hợp của Hàn Quốc, căn cứ theo quy định của “Luật xúc tiến đầu tư nước ngoài”, ngay cả nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Hàn Quốc số vốn từ 1 triệu USD trở lên cũng có thể đăng ký thẻ ABTC. Ngược lại, quy định về thẻ ABTC của Chính phủ Việt Nam chỉ cấp cho Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước hoặc trong trường hợp cần thiết khác do Bộ trưởng Bộ Công An cấp xét.

Do các điều kiện cơ bản để đăng ký thẻ ABTC được thực hiện tại quốc gia nơi công ty đặt trụ sở, đề nghị Chính phủ Việt Nam cải thiện các yếu tố phân biệt đối xử đối với doanh nghiệp FDI và cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam cũng được đăng ký thẻ ABTC tại Việt Nam.

8. Thuế tối thiểu toàn cầu

Chúng tôi yêu cầu sớm đưa vào hoạt động lực lượng biệt phái của chính phủ liên quan đến thuế tối thiểu toàn cầu, đồng thời mong muốn nhanh chóng triển khai các nghiên cứu lập pháp và thủ tục lập pháp.

9. Nâng cao tiêu chí đánh giá tác động môi trường

Theo Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam sửa đổi, khi cơ quan phê duyệt đánh giá tác động môi trường được thay đổi từ chính quyền cấp tỉnh hiện tại thành cơ quan chính quyền trung ương tùy thuộc vào khả năng phát sinh chất ô nhiễm và khối lượng sản xuất, thời gian và chi phí cấp phép lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tăng lên, tạo gánh nặng cho hoạt động kinh doanh.

Phụ lục của Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi (08/2022/NĐ-CP) quy định danh mục các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khả năng gây ô nhiễm môi trường nếu đạt tiêu chuẩn này (khối lượng 1.000 tấn hoặc sản lượng trên một triệu chiếc mỗi năm) vượt quá, phải được sự chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường bất kể có gây ô nhiễm môi trường hay không.

Ngành điện và điện tử thường sản xuất trên 1 triệu sản phẩm/năm nên hầu hết các công ty điện và điện tử, bất kể cơ sở mới hay cơ sở mở rộng đều phải xin phép lại chính quyền trung ương ngay cả khi trước đó họ đã nhận được đánh giá tác động môi trường từ chính quyền địa phương.

Do không được phép tiến hành các hoạt động sản xuất trước khi được cấp phép nên có lo ngại rằng sẽ tốn quá nhiều thời gian và chi phí trong quá trình đánh giá tác động môi trường. Để tham khảo, chúng tôi đã tìm hiểu thấy cần xin phép lại đánh giá tác động môi trường từ chính quyền trung ương, tư vấn của doanh nghiệp chuyên nghiệp (2-3 tháng) → Nộp hồ sơ và xem xét (2-3 tháng) → Phê duyệt (3-4 tháng)

Trong quá trình đánh giá tác động môi trường, đề nghị chính quyền trung ương điều chỉnh một cách sát thực tế các tiêu chí thẩm định.

Quy trình xem xét và phê duyệt đánh giá tác động môi trường hiện tại

- Thời gian giải quyết: 30-40 ngày
- Tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh và Ban quản lý các khu công nghiệp
- Quy trình: Sở Kế hoạch Đầu tư và Ban quản lý các khu công nghiệp tiếp nhận (1 ngày) → Chuyển lên Sở Tài nguyên và Môi trường (25 ngày) → UBND tỉnh xem xét lần cuối (3 ngày) → Phê duyệt để xem xét (1 ngày)

10. Bãi bỏ quy định về lãi suất tiền gửi USD

Do quy định lãi suất huy động USD của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (lãi suất 0%) có hiệu lực từ tháng 12/2015, các công ty hoạt động tại Việt Nam liên tục chịu chi phí cơ hội liên quan đến tiền gửi USD. (Quyết định số 2589-QĐ-NHNN ngày 17/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các công ty sản xuất của Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam thường nhập khẩu nguyên liệu thô từ bên ngoài Việt Nam và sau đó xuất khẩu thành phẩm ra nước ngoài, vì vậy việc giữ một mức ký

quỹ nhất định bằng đô la Mỹ là điều cần thiết.

Khi Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ tăng lãi suất (0,25→4,50%) vào năm 2022 và các đợt tăng tiếp theo vào năm 2023, lãi suất cao dự kiến sẽ tiếp tục trong một khoảng thời gian đáng kể, chi phí cơ hội của tiền gửi USD đối với các công ty Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam đang tăng nhanh, trở thành gánh nặng cho hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi đề nghị bãi bỏ quy định về lãi tiền gửi USD (lãi suất tối đa 0%) đối với các doanh nghiệp đang gửi USD hoặc đầu tư trực tiếp (FDI) của tiền gửi USD ở một quy mô nhất định hoặc trên một quy mô nhất định nhưng vẫn tuân thủ nền tảng và mục đích của các quy định liên quan.

11. Về việc lưu trú của Lao Động Nước Ngoài tại ký túc xá của doanh nghiệp

Căn cứ vào nghị định số 35/2022/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 05 năm 2022; Ngày 13 tháng 07 năm 2022, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai đã ban hành công văn số 2124/KCNĐN-LĐ về việc thực hiện quy định về lưu trú của lao động nước ngoài tại doanh nghiệp, công văn yêu cầu phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an Tỉnh Đồng Nai thực hiện nội dung của nghị định dẫn đến một số khó khăn.

Theo đó, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định “*Cơ sở lưu trú được xây dựng tại **phần diện tích đất dịch vụ của khu công nghiệp**; bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm an ninh, trật tự và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp*”.

- Kể từ ngày 15/07/2022, xem xét dừng đăng ký lưu trú mới đối với LĐNN có đề nghị lưu trú trong các doanh nghiệp khu công nghiệp.
- Đối với LĐNN hiện đang lưu trú tại Doanh Nghiệp theo Quyết Định 07/2016/QĐ-UBND ngày 04/2/2016 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai, Ban quản Lý sẽ phối hợp với Các Ngành và Công an tỉnh báo cáo UBND xem xét, thực hiện việc lưu trú theo quy định hoặc đề xuất cho phép lưu trú đến 15/07/2023 , sau đó Doanh Nghiệp sẽ chấm dứt lưu trú tại Doanh Nghiệp theo Nghị Định số 35/2022/NĐ-CP.

Do nội dung công văn như trên, nên hiện tại Phòng xuất nhập cảnh Công an tỉnh Đồng Nai và Công an Khu Công Nghiệp tạm dừng đăng ký tạm trú mới cho người lao động nước ngoài và người lao động nước ngoài chuyển công tác từ đơn vị khác(Cùng tập đoàn) qua làm việc, ảnh hưởng tới việc cấp mới hoặc gia hạn Giấy phép lao động/ Thẻ tạm trú.

Phần lớn các khu công nghiệp đều ở các vị trí xa khu trung tâm, vì vậy khi Doanh nghiệp cân nhắc nơi ở cho Lao động người nước ngoài, phải cân nhắc rất nhiều yếu tố như: phương tiện di chuyển, đi lại từ nơi lưu trú tới công ty/Vấn đề an ninh trật tự cho người lao động nước ngoài/ Cân nhắc nhưng nơi đảm bảo cơ sở vật chất cho cuộc sống sinh hoạt của Lao động người nước ngoài. Hiện tại rất nhiều nhà máy có Ký Túc Xá cho người lao động nước ngoài lưu trú ngay tại doanh nghiệp , vì vậy nội dung nghị định này có tác động rất lớn và gây ra nhiều khó khăn cho nhiều bộ phận doanh nghiệp.

Về hoạt động của ký túc xá cho người nước ngoài trong Khu công nghiệp, thông tư hiện hành của tỉnh Đồng Nai (cơ sở lưu trú được bố trí ở khu vực phải tách biệt với nơi làm việc sản xuất, và cơ sở lưu trú chỉ cần tách biệt với khu nhà xưởng) và Nghị định ban hành ngày 28 tháng 5 năm ngoái (Điều 25: Cơ sở lưu trú được lắp đặt trong khu đất dịch vụ của khu công nghiệp, không chỉ tách biệt với khu nhà xưởng mà được bố trí ở một không gian riêng biệt bên ngoài khuôn viên nhà máy)

có nhiều nội dung xung đột dẫn tới phát sinh vấn đề.

Sau khi Nghị định hiện hành có hiệu lực, luật được hiểu là chỉ cho phép người lao động nước ngoài được ở trong những không gian được phép như khu nhà ở trong khu công nghiệp, nên khi có hướng dẫn thi hành và tỉnh Đồng Nai áp dụng quy định này trước so với các tỉnh, thành phố khác bất chấp những vấn đề trên thì đã phát sinh vấn đề về chi phí lưu trú, chi phí ở của lao động người nước ngoài cho các doanh nghiệp có ký túc xá.

Hơn nữa, Hiện nay chưa có quy định chính xác về thủ tục cấp phép xây dựng tại phần diện tích đất dịch vụ của khu công nghiệp cũng như kế hoạch mua đất mới trên diện tích khu công nghiệp sẵn có vì đa phần các công ty đều đã xây dựng ký túc xá hoặc không có khu công nghiệp nào được cấp phép. Điều này dẫn đến tình trạng hỗn loạn do đối tượng áp dụng chủ yếu là các doanh nghiệp có pháp nhân, đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.

Theo đó, giống như trước khi Nghị định của chính phủ có hiệu lực, chúng tôi đề nghị các cơ quan chức năng hợp tác để các doanh nghiệp có thể hoạt động một cách bình thường, đảm bảo quyền lợi lưu trú và đăng ký lưu trú hợp pháp của lao động người nước ngoài đang làm việc tại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Cụ thể, nếu ký túc xá hoặc cơ sở nghỉ dưỡng cho người lao động theo ca đã được đăng ký từ trước khi thi hành Nghị định, thì có thể cung cấp chỗ ở cho người nước ngoài được phép cư trú và đã đăng ký cư trú. Ngoài ra, nếu ký hiệu trên sổ cái xây dựng ghi “cơ sở không phải ký túc xá” và có thể được sử dụng làm cơ sở phòng cháy chữa cháy theo luật pháp Việt Nam và cơ sở nhà ở theo các quy định khác nhau, chúng tôi đề nghị cho phép lao động người nước ngoài được phép đến cư trú và khai báo cư trú bình thường.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

Kính thưa Ngài Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính
Kính thưa Quý vị!

Tôi tên là Nagaoka, Chủ tịch Hiệp hội Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam (gọi tắt là JCCI).

Tại sự kiện ngày hôm nay, tôi rất vinh dự có cơ hội được phát biểu trong một vài phút trên quan điểm của doanh nghiệp Nhật.

Hôm nay, tôi mong muốn đề cập đến mối quan hệ hợp tác giữa Nhật Bản và Việt Nam để thúc đẩy tăng trưởng xanh. Nhật Bản hoan nghênh cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Chính phủ Việt Nam.

Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra “Sáng kiến chuyển đổi năng lượng châu Á (AETI)”, bao gồm chia sẻ kiến thức, phát triển công nghệ và thực hiện các giải pháp hướng tới mục tiêu trung hòa carbon, đồng thời hỗ trợ tài chính 10 tỷ USD để thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng. Ngoài ra, Thủ tướng Kishida đã đề xuất sáng kiến “Cộng đồng không phát thải châu Á (AZEC)” với Thủ tướng Phạm Minh Chính trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 4 vừa qua.

Trong sáng kiến này, để thúc đẩy tăng trưởng bền vững và hướng tới mục tiêu trung hòa carbon trong bối cảnh nhu cầu năng lượng ngày càng tăng ở các nước châu Á, Chính phủ Nhật Bản sẵn sàng hợp tác với các nước ASEAN trong quá trình chuyển đổi năng lượng bằng cách cung cấp nhiều hỗ trợ tài chính và kỹ thuật để thử nghiệm, áp dụng các công nghệ giảm phát thải.

Theo đó, các doanh nghiệp Nhật Bản mong muốn đóng góp vào quá trình chuyển đổi năng lượng hiệu quả ở Việt Nam bằng cách tăng cường đầu tư tư nhân và ứng dụng các công nghệ giảm phát thải, hướng đến mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng 0.

Mới đây, Bộ Công Thương Việt Nam, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam và JCCI đã phối hợp tổ chức hội thảo hợp tác Việt Nam-Nhật Bản về phát triển ngành điện và năng lượng để cắt giảm lượng phát thải trong các lĩnh vực này.

Tại sự kiện đó, chúng ta đã chia sẻ thông tin, thảo luận về các khía cạnh khác nhau trong chiến lược năng lượng của Nhật Bản nhằm hướng tới mục tiêu trung hòa carbon, các công nghệ tiên tiến cung cấp năng lượng sạch và các phương thức tài trợ vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng.

Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng về cấu trúc và an ninh năng lượng với Việt Nam, do đó, tôi cho rằng các biện pháp được Nhật Bản áp dụng nhằm hướng tới mục tiêu trung hòa carbon như công nghệ nhiệt điện không phát thải, công nghệ tiết kiệm năng lượng từ góc độ người tiêu dùng cũng như sản xuất và lưu trữ điện tại chỗ khá phù hợp với chính sách năng lượng của Việt Nam.

Để thúc đẩy hợp tác hơn nữa với chính phủ Việt Nam trong tương lai, chúng tôi có 4 khuyến nghị như sau.

Thứ nhất, sớm công bố chính thức Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn tiếp theo (còn gọi là Quy hoạch điện 8).

Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng, Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng thiếu điện, đặc biệt là tại các khu công nghiệp ở phía Bắc. Vì vậy, việc sớm ban hành Quy hoạch điện 8 sẽ đảm bảo nguồn lực đầu tư vào sản xuất điện phù hợp với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Trong những năm gần đây, doanh nghiệp Nhật Bản đã và đang tăng cường đầu tư vào Việt Nam để đáp ứng nhu cầu sản xuất năng lượng tái tạo ngày càng tăng. Tuy nhiên, do Quy hoạch điện 8 chưa được ban hành chính thức, hoạt động của các nhà máy điện tái tạo và những ngành công nghiệp có liên quan như sản xuất nhiên liệu sinh khối cũng bị ảnh hưởng rất lớn. Do đó, chúng tôi mong muốn Chính phủ sớm ban hành chính thức Quy hoạch này.

Thứ hai, sớm triển khai các dự án điện khí

Sản xuất điện khí góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng cũng như thúc đẩy áp dụng năng lượng tái tạo.

Thứ ba, sửa đổi luật đầu tư và luật PPP hiện hành

Doanh nghiệp và các tổ chức ngân hàng trong nước khó có thể thực hiện độc lập những dự án phát điện quy mô lớn, bao gồm dự án điện khí và điện gió ngoài khơi, xét trên khía cạnh công nghệ và tài chính, do đó, Việt Nam cần phải thu hút doanh nghiệp và tổ chức tài chính nước ngoài.

Tuy nhiên, cơ chế chính sách hiện nay chưa đảm bảo chắc chắn những hỗ trợ cần thiết cho nhà đầu tư, làm giảm khả năng tiếp cận vốn của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

Cuối cùng, phát triển điện mặt trời áp mái và sớm ban hành cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) nhằm thúc đẩy thị trường năng lượng tái tạo.

Chúng tôi cũng mong muốn Chính phủ nới lỏng các điều kiện đối tượng tham gia theo cơ chế mua bán điện trực tiếp như hiện tại, bao gồm tiêu chí công suất lắp đặt tối thiểu 30 MW.

Năm 2023 sẽ đánh dấu kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản. Trong suốt thời gian qua, hai quốc gia luôn duy trì, phát triển bền chặt mối quan hệ hợp tác hai bên cùng có lợi.

Chúng tôi sẽ tiếp tục đóng góp thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta theo phương châm “Việt Nhật đồng hành, Hướng tới tương lai – Vươn tầm thế giới”.

Trên đây là một số ý kiến, khuyến nghị của tôi thay mặt cho JCCI.

Chúng tôi rất mong nhận được sự hỗ trợ và ý kiến đóng góp từ Ngài Thủ tướng Chính phủ.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ANH QUỐC TẠI VIỆT NAM

Kính thưa Ngài Thủ tướng Phạm Minh Chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng, các vị khách quý và đồng nghiệp,

Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến chính phủ và các bộ ngành, cơ quan liên quan vì đã luôn hỗ trợ cho sự phát triển và thành công của cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam, đặc biệt vào thời điểm khó khăn này.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Vương quốc Anh và Việt Nam và là năm đầu tiên thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do, chúng tôi rất vui khi kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng trưởng mạnh trên 16% dù chịu tác động của đại dịch. Doanh nghiệp Anh mong muốn các hoạt động thương mại, đầu tư sẽ tiếp tục tăng trưởng và Vương quốc Anh sẽ sớm gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Chúng tôi xin hoan nghênh cam kết phát thải ròng bằng 0 mà Việt Nam đưa ra tại COP26 cũng như những nỗ lực của Chính phủ để hiện thực hóa mục tiêu này. Đó là cơ sở để doanh nghiệp Anh đang tăng cường đầu tư vào năng lượng tái tạo tại Việt Nam, điển hình là các dự án điện gió ngoài khơi. Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam luôn mong muốn Việt Nam sớm hoàn thiện Quy hoạch điện 8, trong đó ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo để giảm thiểu tác động tiêu cực của sản xuất điện đối với môi trường.

Chúng tôi rất vui mừng khi chứng kiến Việt Nam và các đối tác quốc tế đã đạt được thỏa thuận lịch sử về chương trình Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP). Doanh nghiệp Anh đã cam kết hỗ trợ thu xếp nguồn vốn cho các dự án bền vững tại Việt Nam.

Để đạt được các mục tiêu đầy tham vọng, chúng tôi cũng kiến nghị Chính phủ có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp sản xuất/nhập khẩu chuyển đổi sử dụng bao bì làm từ nhựa tái sinh (PCR) sang nhựa nguyên sinh; cung cấp tín dụng carbon cho những doanh nghiệp thực hiện các sáng kiến trung hòa carbon.

Quyết định sớm mở cửa đường biên giới của Việt Nam có vai trò rất quan trọng để giúp doanh nghiệp phục hồi sau giai đoạn 2020-2021. Tuy nhiên, một vấn đề lớn hơn mà nhà đầu tư từ Vương quốc Anh cũng như các quốc gia khác đang gặp phải là việc áp dụng nghiêm ngặt các quy định liên quan đến thị thực và giấy phép lao động, khiến một bộ phận các nhà đầu tư đang mất niềm tin vào cam kết của chính phủ Việt Nam về việc tạo điều kiện cho lao động nước ngoài được nhập cảnh, làm việc tại các doanh nghiệp Anh quốc.

BritCham ủng hộ các nỗ lực của chính phủ Việt Nam nhằm thúc đẩy các hoạt động du lịch bền vững. Chú trọng phát triển bền vững sẽ giúp đưa Việt Nam trở thành điểm đến hàng đầu về du lịch sinh thái, mang lại lợi ích cho môi trường, cộng đồng địa phương và ngành du lịch.

Chúng tôi cũng nhận thấy tiềm năng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và kêu gọi chính phủ cải thiện khả năng tiếp cận với các loại thuốc tiên tiến, thúc đẩy y tế số, khuyến khích thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam, cũng như tăng cường chuyển giao công nghệ để sản xuất thuốc trong nước.

Chúng tôi hoan nghênh những điều chỉnh trong hệ thống pháp luật để đảm bảo các quy định của Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt là việc sửa đổi Luật Dược, Luật Bảo hiểm Y tế, Luật Đấu thầu, Luật Giá và Luật Bảo vệ Người tiêu dùng. Chúng tôi hy vọng rằng những điều chỉnh này sẽ tăng cường hơn nữa khả năng tiếp cận thuốc của người dân, thông qua các quy trình đơn giản, công bằng hơn trong đăng ký thuốc, đấu thầu, thanh toán và thực thi hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ.

Chúng tôi khuyến nghị cần tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành và ban hành quy trình xin cấp phép rõ ràng, bao gồm khung thời gian thực hiện cụ thể và thông tin về đường dây khiếu nại để tháo gỡ những rào cản làm ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành giáo dục.

Cuối cùng, cộng đồng doanh nghiệp Anh quốc xin khẳng định sự lạc quan về khả năng đóng góp vào quá trình tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực. Để tối ưu khả năng đóng góp này, chúng tôi mong Chính phủ sẽ đưa ra những chính sách hiệu quả, nhất quán để doanh nghiệp có thể tăng trưởng và phát triển ổn định.

Chúc tất cả quý vị một năm Tân Mão nhiều thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ANH QUỐC TẠI VIỆT NAM

Kính thưa Ngài Thủ tướng Phạm Minh Chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng, các vị khách quý và đồng nghiệp,

Thay mặt Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến chính phủ và các bộ ngành, cơ quan liên quan vì đã luôn hỗ trợ cho sự phát triển và thành công của cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam, đặc biệt vào thời điểm khó khăn này.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Vương quốc Anh và Việt Nam và là năm đầu tiên thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do, chúng tôi rất vui khi kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng trưởng mạnh trên 16% dù chịu tác động của đại dịch. Doanh nghiệp Anh mong muốn các hoạt động thương mại, đầu tư sẽ tiếp tục tăng trưởng và Vương quốc Anh sẽ sớm gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, nhằm thúc đẩy hơn nữa thương mại Anh-Việt Nam và tạo tiền đề cho các chuyến thăm song phương cấp cao.

Nhân cơ hội này, Hiệp hội một lần nữa xin hoan nghênh cam kết đưa mức phát thải ròng bằng 0 mà Việt Nam đưa ra tại COP26 cũng như những nỗ lực của Ngài Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành để hướng tới mục tiêu này. Đó là cơ sở để doanh nghiệp Anh đang tăng cường đầu tư vào năng lượng tái tạo tại Việt Nam, điển hình là các dự án điện gió ngoài khơi, cũng là lĩnh vực mà Vương quốc Anh là một trong những quốc gia đi đầu. Giống như nhiều đơn vị khác, Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam luôn mong muốn Việt Nam sớm hoàn thiện Quy hoạch điện 8, trong đó ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo để giảm thiểu tác động tiêu cực của sản xuất điện đối với môi trường. Bên cạnh đó, DPPA (Hợp đồng mua bán điện trực tiếp) là một cơ chế quan trọng để thu hút đầu tư tư nhân vào các dự án năng lượng xanh. Việc phê duyệt DPPA có thể mở ra nguồn tài chính khổng lồ từ khu vực tư nhân.

Chúng tôi rất vui khi chứng kiến Việt Nam và các đối tác quốc tế, bao gồm Liên minh Châu Âu, Chính phủ các nước: Vương quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Italia, Canada, Nhật Bản, Đan Mạch và Na Uy, đã đạt được thỏa thuận lịch sử về Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng vào ngày 14/12/2022. Theo ước tính, nguồn lực tài chính cần thiết để thực hiện mục tiêu thỏa thuận vào khoảng 15 - 16 tỷ USD mỗi năm cho đến năm 2030. Đây là con số tương đối lớn, đòi hỏi phải có sự phối hợp công-tư.

Doanh nghiệp Anh quốc đã nhìn nhận rõ và hành động cụ thể hơn theo định hướng của Chính phủ. Một số ngân hàng đã cam kết hỗ trợ thu xếp nguồn vốn trực tiếp và gián tiếp cho các dự án, doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam (Ngân hàng Standard Chartered đã ký Biên bản ghi nhớ cam kết tài trợ 8,5 tỷ USD và ngân hàng HSBC đã cam kết tài trợ 12 tỷ USD đến năm 2030).

Để đạt được các mục tiêu đầy tham vọng, chúng tôi cũng kiến nghị Chính phủ có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp sản xuất/nhập khẩu chuyển đổi sử dụng bao bì làm từ nhựa tái sinh (PCR) sang nhựa nguyên sinh, đây là yếu tố chính tạo điều kiện cho nền kinh tế tuần hoàn trong ngành nhựa phát triển; cung cấp tín dụng carbon cho những doanh nghiệp thực hiện các sáng kiến trung hòa carbon, ví dụ như trồng cây xanh.

Quyết định sớm mở cửa đường biên giới của Việt Nam có vai trò rất quan trọng, đặc biệt giúp doanh nghiệp nói chung phục hồi sau giai đoạn 2020-2021. Vương quốc Anh đánh giá cao chính

sách miễn thị thực cho công dân Vương quốc Anh cùng với bốn quốc gia châu Âu khác. Tuy nhiên, một vấn đề lớn hơn mà nhà đầu tư từ Vương quốc Anh cũng như các quốc gia khác đang gặp phải là việc áp dụng nghiêm ngặt các quy định liên quan đến thị thực, giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho người lao động cũng như nhà đầu tư nước ngoài. Điều này khiến một bộ phận các nhà đầu tư đang mất niềm tin vào cam kết của chính phủ Việt Nam về việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và tạo điều kiện cho lao động nước ngoài được nhập cảnh, làm việc tại các doanh nghiệp Anh quốc.

Khi đại dịch xảy ra, nhiều doanh nghiệp đã bị ảnh hưởng nặng nề. Chúng tôi hoan nghênh những hành động kịp thời, thiết thực của Chính phủ, Quốc hội để vực dậy nền kinh tế và giúp cộng đồng doanh nghiệp vượt qua khó khăn do chịu tác động của dịch bệnh. Để giúp doanh nghiệp phục hồi và phát triển bền vững, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xem xét gia hạn thêm một năm đối với chính sách giảm thuế GTGT 2%.

Trong suốt giai đoạn đại dịch diễn ra, chúng ta đều nhận rõ y tế là một trong những lĩnh vực có tác động to lớn đến xã hội và nền kinh tế. Đây cũng là lĩnh vực mà Việt Nam và Vương quốc Anh đã xây dựng mối quan hệ đối tác sâu rộng và bền vững. Chúng tôi tin tưởng rằng Việt Nam có tiềm năng để trở thành trung tâm khoa học đời sống tại khu vực Đông Nam Á, một trung tâm R&D của khu vực và một trung tâm sản xuất thuốc tiên tiến trong tương lai gần, nếu Việt Nam xây dựng, thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút đầu tư. Những chỉ tiêu quan trọng bao gồm cải thiện khả năng tiếp cận của người dân với các loại thuốc tiên tiến, thúc đẩy y tế số, khuyến khích thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam, cũng như tăng cường chuyển giao công nghệ để sản xuất thuốc trong nước.

Chúng tôi vui mừng khi khả năng tiếp cận đã được mở rộng và rất kỳ vọng vào những điều chỉnh trong hệ thống luật, bao gồm sửa đổi Luật Dược, Luật Bảo hiểm Y tế, Luật Đầu thầu, Luật Giá và Luật Bảo vệ Người tiêu dùng, đẩy nhanh việc sửa đổi các quy định về quảng cáo mỹ phẩm để đảm bảo các quy định của Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế. Chúng tôi thực sự hy vọng rằng những điều chỉnh này sẽ tăng cường hơn nữa khả năng tiếp cận thuốc của người dân, thông qua các quy trình đơn giản, công bằng hơn trong đăng ký thuốc, đấu thầu, thanh toán và thực thi hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, chúng tôi cũng hi vọng vào sự phát triển của thị trường vốn nhờ hệ thống quy định chặt chẽ hơn và sản phẩm đa dạng hơn. Chúng tôi cũng hy vọng tình trạng thanh kiểm tra doanh nghiệp sẽ được kiểm soát để tránh trùng lặp, đồng thời doanh nghiệp sẽ được thực hiện quyền kháng cáo ngoài tòa án với những quyết định phạt không có căn cứ rõ ràng.

Trước tình hình lạm phát và lãi suất gia tăng ở Việt Nam hiện nay, có ý kiến lo ngại về quy định không áp dụng tính lãi đối với tài khoản ngoại tệ. Với quy định này, các doanh nghiệp xuất khẩu sẽ có xu hướng chuyển tiền ra nước ngoài khi nhận được những khoản ngoại tệ lớn thay vì để trong một tài khoản không có lãi hoặc chuyển đổi khoản tiền đó sang Việt Nam đồng. Đây đang là một quan ngại đối với nhiều tập đoàn đa quốc gia đang hoạt động trong nước. Do đó, chúng tôi đề nghị xem xét lại các quy định này để đảm bảo môi trường cạnh tranh.

Giáo dục luôn là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong quan hệ đối tác chiến lược giữa Vương quốc Anh và Việt Nam. Tuy nhiên, thủ tục xin cấp phép thành lập, vận hành các cơ sở giáo dục còn kéo dài, phức tạp hay các đơn vị quản lý khác nhau còn chưa hành động phối hợp, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển và độ mở của lĩnh vực này với doanh nghiệp quốc tế. Chúng tôi khuyến nghị cần tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành và ban hành quy trình xin cấp phép rõ ràng, bao gồm khung thời gian thực hiện cụ thể và thông tin về đường dây khiếu nại.

Cuối cùng, kính thưa Ngài Thủ tướng Chính phủ, doanh nghiệp Anh quốc có nhiều tiềm năng đóng góp vào quá trình phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực.

Chìa khóa để tối ưu khả năng đóng góp này chính là các chính sách hiệu quả, nhất quán để doanh nghiệp có thể tăng trưởng và phát triển ổn định.

Thay mặt cho Hiệp hội cũng như cộng đồng cộng đồng doanh nghiệp Anh quốc, tôi xin chúc tất cả quý vị có mặt tại sự kiện này một năm Tân Mão nhiều thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA CÁC HIỆP HỘI THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

Tôi đến từ Auscham và hôm nay tôi cũng vinh dự được đại diện cho các Thành viên Hiệp hội Liên kết của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam.

Về mặt cá nhân, chúng tôi không có sức mạnh kinh tế và số lượng như các Phòng thành viên lớn của Hiệp hội, nhưng chúng tôi có tổng cộng 9 Phòng Thương mại và Hiệp hội Doanh nghiệp với tổng số thành viên khoảng 4.500, đại diện cho Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài trị giá hàng tỷ đô la vào Việt Nam kể từ năm 1998.

Bạn đã nghe từ các đồng nghiệp của tôi đại diện cho các thành viên Liên danh của VBF và nhiều vấn đề được nêu ra đều có thể áp dụng như nhau đối với các thành viên Phòng liên kết.

Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam phải đổi mới, thích nghi và kiên cường. Chắc chắn, những vấn đề mà các nhà đầu tư nước ngoài là doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam phải đối mặt trong và sau đại dịch COVID 19, đặc biệt khó khăn.

Vào năm 2022, chúng ta chứng kiến giá cước vận chuyển, nhiên liệu và chi phí vận chuyển, cũng như chi phí sản xuất nói chung tiếp tục tăng. Và tất nhiên, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã đòi hỏi phải chuyển trọng tâm thị trường ra khỏi Đông Âu.

Tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, bao gồm tiếp tục cải cách hành chính, với các chức năng chung và hành chính được tối ưu hóa về tốc độ và tính linh hoạt bằng cách loại bỏ các rào cản xảy ra giữa các bộ phận khác nhau, là một yêu cầu cấp thiết (điều này sẽ thúc đẩy sự phối hợp giữa các bộ phận tốt hơn và cho phép các nhà lãnh đạo sắp xếp lại) nhân viên hiệu quả hơn), và việc sử dụng cơ chế một cửa trong tất cả các dịch vụ của chính phủ về cơ bản là những vấn đề cần được quan tâm hơn nữa đối với tất cả các doanh nghiệp nước ngoài.

Chi phí hoạt động như tăng chi phí sản xuất do áp lực lạm phát và chi phí nguyên vật liệu cao hơn đã ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực sản xuất nói riêng.

Những khó khăn đáng kể trong và sau COVID đã trải qua, tuy nhiên, trong vài tháng cuối năm 2022 và quý 1 năm 2023 đã có dấu hiệu phục hồi, cụ thể là sự quay trở lại của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, mang đến cơ hội cho các ngành dịch vụ đặc biệt.

Năm 2023 sẽ giải quyết triệt để một số vấn đề quan trọng liên quan đến kinh doanh đối với chúng ta, trong đó không kém phần quan trọng là trách nhiệm và quản lý môi trường hiệu quả. Yêu cầu ESG và sử dụng các phương pháp xử lý “xanh”. Tất cả chúng ta đều nhận thức được nhu cầu hợp tác với chính phủ Việt Nam để thúc đẩy Tăng trưởng Xanh trong tất cả các ngành công nghiệp của chúng ta.

Sẽ rất hữu ích nếu chính phủ xem xét giảm hoặc loại bỏ các loại thuế và phí nhiên liệu; Đẩy nhanh thủ tục thông quan, nâng cao năng lực xếp dỡ hàng hóa thông qua nâng cao năng lực tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu chính. Chúng tôi tìm kiếm sự hỗ trợ của chính phủ đối với các doanh nghiệp đầu ngành và doanh nghiệp FDI trong các lĩnh vực quan trọng như hàng không, vận tải, xây dựng và phân phối.

Tổ chức Lao động Quốc tế ước tính tỷ lệ thất nghiệp sẽ gia tăng rất lớn do đại dịch COVID. Chúng ta cần tập trung giải quyết việc làm và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn cho các dự án trọng điểm để giải quyết vấn đề này.

Các thành viên và công ty của họ thiếu nhân lực lành nghề với kiến thức vận hành và kỹ thuật tốt để có thể tiến lên trong những thời điểm khó khăn này. Cơ hội đào tạo nghề và kỹ thuật là rất cần thiết.

Chúng ta cần tăng cường đầu tư cho các dự án giao thông và cơ sở hạ tầng, phát triển các tuyến đường nối các trung tâm dân cư lớn và ưu tiên các dự án khí hậu, môi trường và an ninh lương thực, chẳng hạn như chống xâm nhập mặn ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

COVID-19 đã chỉ ra rằng một nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào chuỗi giá trị ở các quốc gia khác sẽ rất dễ bị tổn thương một khi chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Và chúng tôi nhận thấy rằng các nước lớn và các tổ chức đa quốc gia đã nhận ra rõ ràng rằng sự phụ thuộc vào Trung Quốc là một chiến lược rủi ro cao. Và họ đang thực hiện các bước để di dời hầu hết các hệ thống sản xuất về nước hoặc sang các nước khác để đa dạng hóa nguồn cung, rút ngắn chuỗi cung ứng và giảm thiểu rủi ro. Đây là cơ hội lớn cho Việt Nam nói chung và FDI nói riêng.

Sự gia tăng chi phí sản xuất đã và sẽ tiếp tục tác động đến khả năng bán hàng của Việt Nam trên thị trường toàn cầu. lạm phát gia tăng và giá hàng hóa liên tục tăng, đặc biệt đối với nguyên liệu nhập khẩu, làm tăng chi phí sản xuất và có tác động trực tiếp và bất lợi đến lợi nhuận kinh doanh.

Chi phí lao động tăng cũng tiếp tục trực tiếp làm tăng chi phí sản xuất. Nhu cầu tiền lương cao hơn cần được chuyển cho khách hàng, làm tăng giá.

Chuỗi cung ứng bị gián đoạn và chi phí hậu cần tăng cao đã làm tăng chi phí sản xuất. Sự gián đoạn đáng kể đối với chuỗi cung ứng, bao gồm sự chậm trễ tại cảng và tăng giá cước vận tải và các dịch vụ Hải quan đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các công ty trên thị trường quốc tế và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Sự gián đoạn nghiêm trọng đối với các dịch vụ giáo dục đã ảnh hưởng đến nhiều trường cao đẳng và đại học của Úc, với sự sụt giảm lớn về số lượng sinh viên Việt Nam theo học tại các trường đại học và trường học của Úc tại Việt Nam, và đặc biệt là sự sụt giảm lớn đối với những người muốn đi du học. Và chi phí gia tăng cũng đang ảnh hưởng đến việc sản xuất dược phẩm, làm giảm cơ hội cho các cộng đồng và gia đình nghèo tiếp cận với thuốc giá cả phải chăng cần thiết.

Cần tiếp tục miễn giảm thuế, hỗ trợ thuế cho doanh nghiệp FDI; để khuyến khích các mục nhập quốc tế mới, cũng như đảm bảo tính liên tục của các hoạt động kinh doanh hiện có.

Nhu cầu hồi sinh du lịch và kích hoạt lại lĩnh vực khách sạn là cần thiết để thu hút chỉ tiêu của khách du lịch và kích thích lĩnh vực du lịch đang phát triển. Hiện có 25 quốc gia miễn thị thực cho du lịch ngắn hạn khi nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh Việt Nam, thường là 15 ngày. Úc không được bao gồm trong danh sách này chẳng hạn. Chúng tôi kêu gọi chính phủ xem xét khả năng cấp miễn thị thực cho người mang hộ chiếu Úc phù hợp với 25 quốc gia đã được miễn thị thực.

Cám ơn vì sự quan tâm của bạn.

BÁO CÁO CỦA CÁC HIỆP HỘI THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

Người Úc được biết đến là những người sáng tạo, dễ thích nghi và kiên cường. Chắc chắn, những vấn đề mà các nhà đầu tư nước ngoài đến từ Úc tại Việt Nam phải đối mặt trong và sau đại dịch COVID 19 là đặc biệt khó khăn.

Trong năm 2022, chúng ta chứng kiến giá cước vận chuyển, giá nhiên liệu và chi phí vận chuyển cũng như chi phí sản xuất nói chung liên tục tăng. Và tất nhiên, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã buộc thị trường phải chuyển trọng tâm ra khỏi Đông Âu.

Để tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, bao gồm việc tiếp tục cải thiện về mặt hành chính, việc các thủ tục hành chính nói chung được tối ưu hóa về tốc độ và tính linh hoạt bằng cách loại bỏ các rào cản truyền thống giữa các bộ phận khác nhau là một yêu cầu cấp thiết. (Điều này sẽ thúc đẩy sự phối hợp giữa các bộ phận tốt hơn và cho phép các nhà lãnh đạo sắp xếp lại nhân sự hiệu quả hơn), và việc sử dụng cơ chế một cửa trong tất cả các dịch vụ của chính phủ là những vấn đề cần được quan tâm hơn nữa, không chỉ đối với người Úc, mà với tất cả các doanh nghiệp nước ngoài.

Chi phí vận hành có thể kể đến như chi phí sản xuất tăng do áp lực của lạm phát và chi phí nguyên vật liệu cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực sản xuất nói riêng.

Những khó khăn đáng kể trong và sau COVID đã được hầu hết các thành viên của Auscham đề cập tới và gần như tất cả các doanh nghiệp đều ít nhiều bị ảnh hưởng xấu. Tuy nhiên, trong vài tháng cuối năm 2022, đã có những dấu hiệu phục hồi đáng kể trong việc cải thiện logistics và chuỗi cung ứng, và sự trở lại của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đã mang đến cơ hội cho các ngành dịch vụ nói riêng.

Các vấn đề ngắn hạn

Sẽ rất hữu ích nếu chính phủ xem xét giảm hoặc loại bỏ thuế và phí nhiên liệu (vốn là một trong những chi phí lớn nhất trong lĩnh vực vận tải) cùng với các khoản khác để giảm chi phí vận tải đường bộ, chúng tôi cũng tìm kiếm sự hỗ trợ trực tiếp cho ngành hàng không.

Thủ tục thông quan cần được đẩy nhanh, và khả năng xếp dỡ hàng hóa cần được tăng cường bằng cách nâng cao năng lực nhân sự tại các cảng biển, cảng hàng không và tại các cửa khẩu chính. Chúng tôi tìm kiếm sự hỗ trợ của chính phủ cho các doanh nghiệp đầu ngành và doanh nghiệp FDI trong các lĩnh vực quan trọng như hàng không, vận tải, xây dựng và phân phối.

Tổ chức Lao động Quốc tế ước tính sẽ có sự gia tăng lớn về tỷ lệ thất nghiệp do hậu quả của đại dịch COVID. Tại Việt Nam, chính phủ cần tập trung giải quyết vấn đề việc làm bằng cách đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn cho các dự án trọng điểm.

Chúng tôi đề nghị chính phủ nên tăng cường đầu tư cho các dự án giao thông và cơ sở hạ tầng, phát triển các tuyến đường liên kết giữa các trung tâm dân cư lớn và cần ưu tiên các dự án liên quan đến biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và an ninh lương thực, chẳng hạn như xâm nhập mặn ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Các vấn đề trung hạn

COVID -19 đã chỉ ra rằng một nền kinh tế phụ thuộc quá nhiều vào chuỗi giá trị ở các quốc gia khác rất dễ bị ảnh hưởng một khi có sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng.

Auscham nhận thức được rằng các quốc gia lớn và các tổ chức đa quốc gia đã nhìn thấy rằng sự phụ thuộc vào Trung Quốc là một chiến lược rủi ro cao. Và họ đang từng bước thực hiện để di dời hầu

hết các hệ thống sản xuất về nước hoặc sang các nước khác để đa dạng hóa nguồn cung, rút ngắn chuỗi cung ứng và giảm thiểu rủi ro. Đây là cơ hội lớn cho Việt Nam nói chung và FDI nói riêng.

Nhận xét của thành viên về những ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

- Chi phí sản xuất tăng đã tác động và sẽ tiếp tục tác động đến khả năng bán hàng của Việt Nam trên thị trường toàn cầu.
- Lạm phát và giá cả hàng hóa liên tục tăng, đặc biệt là đối với nguyên vật liệu nhập khẩu, làm tăng chi phí sản xuất và gây ảnh hưởng bất lợi trực tiếp đến lợi nhuận kinh doanh.
- Chi phí nhân công tăng cũng trực tiếp làm chi phí sản xuất tăng cao. Nhu cầu được hưởng mức lương cao hơn của người lao động chuyên gánh nặng lại cho khách hàng do sản phẩm tăng giá.
- Chuỗi cung ứng bị gián đoạn và chi phí logistics tăng cũng làm chi phí sản xuất tăng thêm. Sự gián đoạn đáng kể đối với chuỗi cung ứng, bao gồm sự chậm trễ tại cảng, tăng giá cước vận tải và các dịch vụ hải quan đã ảnh hưởng xấu đến khả năng cạnh tranh của các công ty trên thị trường quốc tế và làm giảm khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Sự gián đoạn của các dịch vụ giáo dục đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều trường cao đẳng và đại học của Úc, với sự sụt giảm đáng kể về số lượng sinh viên Việt Nam theo học tại các trường đại học của Úc tại Úc và Việt Nam, và đặc biệt là giảm đáng kể những người có nhu cầu muốn đi du học.
- Chi phí gia tăng cũng đang ảnh hưởng đến việc sản xuất dược phẩm, làm giảm cơ hội của cộng đồng và các hộ nghèo được tiếp cận các loại thuốc thiết yếu với giá cả phải chăng.

Đề xuất giải pháp

- Việc miễn giảm thuế và hỗ trợ thuế từ phía chính phủ liên tục được yêu cầu bởi các doanh nghiệp FDI; để khuyến khích các nhà đầu tư quốc tế mới, cũng như đảm bảo tính liên tục của các hoạt động kinh doanh hiện tại.
- Chúng ta cần tiếp tục duy trì các chính sách và biện pháp thực tiễn của chính phủ trong lĩnh vực y tế và sức khỏe cộng đồng liên quan đến dịch bệnh COVID nhằm đảm bảo rằng tất cả mọi người sẽ được an toàn và khỏe mạnh, đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục và giảm thiểu gián đoạn.
- Chúng tôi muốn thấy một bộ luật lao động được xây dựng linh hoạt hơn bao gồm các thỏa thuận về công việc thời vụ và bán thời gian, thay vì các hợp đồng có thời hạn. Việc sắp xếp nhân sự linh hoạt cho phép các công ty phản ứng nhanh chóng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thay đổi của thị trường. Và tất nhiên, thủ tục xử lý thị thực lao động được cải thiện và nhanh chóng hơn sẽ giúp ích rất nhiều.
- Để cải thiện hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng cần có sự thêm hỗ trợ về thủ tục khai báo và thông quan hải quan. Cùng với việc tự động hóa nhiều hơn và cải thiện thời gian quay vòng khi xuất/nhập khẩu, bao gồm các thủ tục đăng ký dễ dàng hơn, đặc biệt là sử dụng cơ chế một cửa để nâng cao hiệu quả xử lý.
- Tất nhiên, Việt Nam sẽ thu hút được nhiều doanh nghiệp FDI hơn nếu cơ sở hạ tầng được cải thiện; hệ thống đường giao thông cho các phương tiện hạng nặng và đường cao tốc, cảng nước sâu, đầu tư vào các công trình công cộng and các tiện ích chung bao gồm điện và truy cập internet. Các ưu đãi thuận lợi hơn cho doanh nghiệp FDI sẽ giúp ích rất nhiều, bao gồm việc tiếp cận đất đai, quản lý khu công nghiệp, ưu đãi về đất đai và thuế.
- Nhu cầu hồi sinh ngành du lịch và kích hoạt lại lĩnh vực khách sạn là cần thiết để thu hút chi tiêu của khách du lịch và kích thích ngành du lịch đang kiệt quệ. Hiện có 25 quốc gia miễn thị thực cho du lịch ngắn hạn khi xuất/nhập cảnh và quá cảnh Việt Nam, thường là 15 ngày. Úc không bao gồm trong danh sách này. Chúng tôi kêu gọi chính phủ xem xét khả năng miễn thị thực cho người mang hộ chiếu Úc giống như 25 quốc gia đã được miễn thị thực.

**VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM
CỦA DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG VÀ NÂNG CAO
NĂNG LỰC CẠNH TRANH**

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG**TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ KỸ THUẬT**

A) NHÓM 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền nhnn: đã theo dõi/xử lý trong 2021, tiếp tục phối hợp xử lý trong năm 2022 và những vấn đề mới phát sinh 2022

A.1. Các vấn đề nhnn đã xử lý trong năm 2021 và tiếp tục theo dõi/xử lý trong 2022

A.2. Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2022

A.3. Các vấn đề mang tính hợp tác giữa hai bên, các vấn đề nhnn đã ghi nhận, sẽ nghiên cứu tiếp thu khi sửa đổi các thông tư, nghị định của nhnn

B) NHÓM 2: Các vấn đề cần sự phối hợp của nhnn và có liên quan thẩm quyền, trách nhiệm của các bộ, ngành khác

C) NHÓM 3: Các vấn đề đã xử lý dứt điểm trong 2022

STT	VẤN ĐỀ	TIẾN TRÌNH & NỘI DUNG CHI TIẾT	KẾT LUẬN
A) NHÓM 1: CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN NHNN: ĐÃ THEO DÕI/XỬ LÝ TRONG 2021, TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH 2022			
A.1. CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2021 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/XỬ LÝ TRONG 2022			
1.	(BWG Ban PCRT) Luật PCRT & Dự thảo các quy định (Nghị định, Thông tư về PCRT)	Sau các trao đổi trong năm 2020 và tại cuộc họp giữa BWG & Cục PCRT/NHNN ngày 15/1/2021, BWG tiếp tục phối hợp chặt chẽ và làm việc với Cục PCRT góp ý xây dựng Dự thảo luật PCRT qua văn bản và các cuộc họp kỹ thuật. Tại cuộc họp ngày 11/8/2022 với Cục PCRT, BWG kiến nghị tiếp tục trao đổi một số vấn đề quan trọng như sau: I. Nhóm vấn đề về Nhận biết Khách hàng CIP-KYC - Định nghĩa chủ sở hữu hưởng lợi (CSHHL) chưa bao gồm Khách hàng tổ chức và các tài liệu, dữ liệu liên quan đến CSHHL do chính Khách hàng phát hành có được chấp thuận hay không (Điều 3; Điều 12) - Giao dịch không thường xuyên; giao dịch giá trị lớn cần có quy định cụ thể hơn (Điều 9) - Thông tin nhận biết (CIP) và thông tin bổ sung cho việc hiểu Khách hàng (KYC) cần được phân biệt (Điều 10)	BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với CQTTGSNNH trong quá trình xây dựng, sửa đổi Luật PCRT và các quy định pháp luật liên quan.

		4. Cần quy định rõ người thành lập, đại diện PL của Khách hàng tổ chức có cần xác minh hay không và một số trường hợp đặc thù như Chi Nhánh/VP đại diện/VP điều hành của tổ chức nước ngoài (Điều 10 và 21) 5. Cho phép xác minh thông tin KH thông qua bên thứ 3 “Bên thứ ba không bao gồm các mối quan hệ đại lý và thuê ngoài”(Điều 14) 6. Phân loại rủi ro Khách hàng theo Điều 16 và áp dụng biện pháp nhận biết KH đơn giản 7. Xác minh nguồn gốc tài sản của Khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi là PEP (Điều 17) <i>II. Nhóm vấn đề về Giám sát giao dịch</i> 8. Quy trình xử lý sau báo cáo GD đáng ngờ (Điều 24) 9. Dấu hiệu đáng ngờ (Điều 26) (i) Doanh nghiệp nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được tiền; (ii) sử dụng tài khoản cá nhân để thực hiện giao dịch liên quan đến hoạt động công ty; (iii) Các giao dịch trực tuyến qua tài khoản liên tục thay đổi về thiết bị đăng nhập, địa chỉ giao thức Internet (địa chỉ IP) ở nước ngoài <i>III. Nhóm vấn đề về Báo cáo</i> 10. Định nghĩa về giao dịch chuyển tiền điện tử cần bổ sung thêm để làm rõ phạm vi; các thông tin của người khởi tạo là thông tin bắt buộc và chỉ báo cáo giao dịch đáng ngờ các giao dịch chuyển tiền điện tử mà ngân hàng có cơ sở hợp lý để nghi ngờ” (Điều 3, Điều 27) Tại cuộc họp ngày 11/8/2022, BWG đã nhận được giải đáp và hướng dẫn từ Cục PCRT để triển khai thích hợp. Một phần các đề xuất trọng yếu, phù hợp đã được Cục PCRT ghi nhận và cân nhắc sửa đổi ở Dự thảo Luật. Các đề xuất kỹ thuật khác sẽ tiếp tục được tiếp thu trong quá trình xây dựng các Nghị định, Thông tư liên quan. Các bên thống nhất việc các tổ chức báo cáo phải nỗ lực tuân thủ tối đa các quy định pháp luật phòng, chống rửa tiền hiện hành và sẽ tiếp tục hợp tác, phối hợp trao đổi thông tin, tháo gỡ vướng mắc.	
2.	(BWG Ban Pháp chế & Tuân thủ)	BWG đã gửi ý kiến đóng góp tới NHNN ngày 2/3/2021.	BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN.

	Chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng nêu tại Quyết định 1913/2002/QĐ-NHNN về chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng	3. Sửa đổi Quyết định 1913/2005/QĐ-NHNN về Chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng. Chúng tôi đề xuất văn bản này được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình mới, đặc biệt trong thời đại công nghệ 4.0 khi có nhiều văn bản đã được lưu trữ điện tử <u>Phản hồi của NHNN năm 2022:</u> <i>NHNN đã có Công văn số 4732/NHNN-TCKT ngày 28/06/2022 gửi Bộ Tài chính về thực trạng, vướng mắc của TCTD đối với các quy định về chứng từ kế toán và lưu trữ tài liệu kế toán liên quan đến Luật Kế toán. Trong thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính liên quan đến nội dung này.</i>	
3.	(BWG Ban Tài chính Tiêu dùng) Kiểm soát giao dịch thẻ dựa trên mã MCC và trách nhiệm của ngân hàng phát hành trong việc kiểm soát các đơn vị chấp nhận thẻ.	<u>2021:</u> BWG đã gửi công văn số 210615BWGVBF ngày 15/6/2021. Theo đó, BWG trình bày các khó khăn và các cảnh báo giả của các Ngân hàng phát hành thẻ (“NHPHT”) khi áp dụng các biện pháp kiểm soát, bao gồm việc chặn các giao dịch thanh toán không/ rút tiền mặt dựa trên một số mã MCC thường gặp (như 4900, 5411, 5499, 5541, 5542, 5172, 6300), kết hợp với các ngưỡng giá trị giao dịch cho phép. NHNN đã có một số văn bản hướng dẫn gửi BWG, theo đó, đã có ý kiến đối với các khuyến nghị tại Công văn 210615BWGVBF (Công văn số 5913/NHNN-TT ngày 17/8/2021 về một số vấn đề liên quan đến giám sát và báo cáo giao dịch thẻ tín dụng do Vụ Thanh toán đầu mối tham mưu; Công văn số 980/Cục V.1 ngày 04/10/2021 của Cục Phòng, chống rửa tiền đầu mối tham mưu). Riêng đối với vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống rửa tiền, NHNN ghi nhận những khó khăn, vướng mắc về quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền liên quan đến đối tượng báo cáo, thông tin báo cáo trong mối quan hệ “chủ thẻ - tổ chức phát hành thẻ - đơn vị chấp nhận thẻ - tổ chức thanh toán thẻ” mà BWG đã đề cập tại Công văn 210615BWGVBF nêu trên và sẽ được nghiên cứu, xem xét trong quá trình sửa đổi Luật Phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn, các quy định khác có liên quan BWG tiếp tục mở rộng vấn đề liên quan tới việc kiểm soát các giao dịch dịch trò chơi trực tuyến và đã trao đổi tích cực với NHNN và Bộ Thông tin – Truyền thông trong năm 2021.	Trong năm 2022, BWG & NHNN đã tích cực trao đổi, phản hồi và tiếp tục phối hợp, triển khai thực hiện trong năm 2023.

	<u>2022:</u> 1. Tại Công văn số 06062022BWGVBF ngày 06/06/2022 gửi NHNN (Vụ Thanh toán, Cục PCRT- CQTTGSNH) và VNBA, BWG đã: (i) báo cáo về tiến trình thực hiện, phối hợp - trao đổi tích cực cùng VNBA tuy nhiên vẫn chưa đạt kết quả do nguyên tắc của các NH Nước ngoài thành viên BWG về bảo mật thông tin đối với bên thứ ba không phải là NHNN hay Cơ quan có thẩm quyền, do đó (ii) BWG vẫn đang chủ động thu thập thông tin báo cáo dựa trên nguồn dữ liệu nội bộ có sẵn để kịp thời báo cáo giao dịch đáng ngờ. 2. BWG gửi Công văn số: 081122BWGVBF ngày 08/11/2022 - Đề xuất miễn báo cáo giao dịch đáng ngờ đối với giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ) như quy định tại Điều 8, Thông tư 19/2016/TT-NHNN – cụ thể là trường hợp khách hàng chỉ thực hiện duy nhất việc giao dịch không tại ĐVCNT mà không có các dấu hiệu của giao dịch đáng ngờ liên quan rửa tiền, điển hình như sau: a. Các giao dịch thanh toán - chi tiêu trên thẻ tín dụng với tổng số tiền trùng khớp hoặc gần trùng khớp được thực hiện trong thời gian ngắn (cùng ngày, hoặc trong một số ngày), tiếp diễn trong nhiều tháng (dấu hiệu điển hình). b. Số tiền thanh toán – chi tiêu trên thẻ tín dụng trong tháng tại các điểm chấp nhận thẻ có thể gần với hạn mức tín dụng của thẻ, diễn ra trong nhiều tháng liên tiếp và thường xuyên lặp lại. c. Giá trị của từng giao dịch hoặc tổng giá trị của các giao dịch tại các điểm chấp nhận thẻ trên phần lớn được thực hiện với số tiền chẵn tròn hoặc gần chẵn tròn (dấu hiệu không thường xuyên, không nhất thiết diễn ra đối với giao dịch thanh toán không). d. Các giao dịch này chỉ liên quan đến vài cá nhân đơn lẻ và không có dấu hiệu của nhóm/đối tượng thứ 3 nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản thanh toán tiền cho nhiều chủ thẻ tín dụng với mục đích giao dịch và quan hệ không rõ ràng. Đối với trường hợp này, Ngân Hàng không có đủ căn cứ, thông tin xác định các giao dịch này là nhằm mục đích hợp pháp hóa/che giấu nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có hay không; hoặc có cấu thành tội rửa tiền theo quy định tại Bộ Luật Hình sự 2015. BWG đề xuất được miễn báo cáo giao dịch đáng ngờ theo Điều 22 Luật phòng chống rửa tiền đối với các giao dịch không tại ĐVCNT có dấu hiệu trên. Thay vào đó, ngân hàng sẽ tiến hành cập nhật hồ sơ về thông tin thu nhập, nguồn tiền thanh toán ra/vào đối với các	
--	---	--

		khách hàng trên. Đồng thời, ngoài việc yêu cầu ngân hàng thanh toán thẻ thực hiện báo cáo các đơn vị chấp nhận thẻ có dấu hiệu đáng ngờ, Ngân hàng Nhà nước có thể cân nhắc yêu cầu ngân hàng phát hành thẻ thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động thẻ đối với việc sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định tại Điều 8 Thông tư 19. Các trường hợp thẻ thực hiện giao dịch không mà có các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ liên quan đến nguồn tiền hoặc nghi ngờ rửa tiền thì các ngân hàng vẫn tiếp tục báo cáo giao dịch đáng ngờ như yêu cầu. <u>Căn cứ pháp lý:</u> - Thông tư số 19/2016/TT-NHNN: Khoản 2, 6 - Điều 8, Khoản 1.e Điều 18, Khoản 1.a Điều 27 - Dự thảo Luật PCRT 2022: Điều 4, Điều 22 - Bộ luật Hình sự 2015: Điều 8, Điều 22, Điều 324.	
4.	(BWG Ban Tài chính Tiêu dùng) Thông tư 39/2016/ TT-NHNN	<u>2021:</u> BWG đã gửi công văn 210602BWGVBF ngày 2/6/2021 trình bày một số kiến nghị quan trọng tới Thông tư 39 như Đề xuất về điều chỉnh việc cho vay tiêu dùng/cho vay phục vụ nhu cầu đời sống qua công văn. - NHNN đã phản hồi CV 907- CSTT3 ngày 17/6/2021 gửi Vụ HTQT yêu cầu phối hợp BWG đóng góp ý kiến vào Dự thảo sửa đổi TT 39. - BWG đại diện cho các ngân hàng nước ngoài đóng góp một số ý kiến tại hội thảo chung với VNBA & NHNN về Thông tư 39. - Sau khi nhận được phản hồi từ phía NHNN theo CV số 907/CSTT3, BWG tổng hợp ý kiến các thành viên để gửi báo cáo, đề xuất NHNN về các vấn đề có liên quan đến Thông tư 39 vào 23/7/2021. <u>2022:</u> BWG và Vụ CSTT đã làm việc chặt chẽ qua công văn đóng góp ý kiến và các cuộc họp kỹ thuật liên quan tới Dự thảo Thông tư 39. Theo đó, một số vấn đề quan trọng đã được trao đổi kỹ càng tại cuộc họp vào tháng 7/2022 như sau: 1. Yêu cầu kiểm soát mục đích cho vay và Áp dụng cơ chế cho vay tái tài trợ đối với các khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống có thời hạn vay trung và dài hạn • Điều 24 TT 39.	BWG và NHNN tiếp tục phối hợp trong quá trình dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 39.

		• Điều 22.2 và Điều 32 TT 39, Khoản 6 Điều 8 Thông tư 39. • Đề xuất cho vay đối với các khoản vay tiêu dùng phục vụ nhu cầu đời sống có thời hạn vay trung và dài hạn, 2. Cho vay trên nền tảng số: Điều 9, Điều 17, Điều 23, Điều 32 TT 39 3. 1 số kiến nghị khác với Dự thảo TT 39: Điều 7; Khoản 5, 6, 8 Điều 8; Khoản 4 Điều 18; Khoản 2h Điều 22	
A.2. CÁC VẤN ĐỀ NHNN MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2022			
5.	(Ban Pháp chế - Tuân thủ, Ban CNTT) Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng	BWG đã đóng góp ý kiến và tổ chức các cuộc họp kỹ thuật trao đổi về Dự thảo Nghị định. BWG mong được cập nhật về tiến trình cho vấn đề này. Tại cuộc họp ngày 6/5/2022 giữa BWG và Vụ Thanh toán, Vụ Thanh toán đã giải đáp các thắc mắc và trao đổi các đề xuất liên quan, hướng tới xây dựng Nghị định phù hợp áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng.	BWG & NHNN tiếp tục phối hợp trong vấn đề này.
6.	(Ban Pháp chế - Tuân thủ, Ban Nhân sự) Làm việc từ xa - Phương thức làm việc trong tương lai	Trong thời gian tới, BWG sẽ gửi Công văn đến NHNN để chia sẻ một số thực tiễn, khuôn khổ pháp lý và kinh nghiệm quốc tế về phương thức làm việc trong tương lai trên thế giới để NHNN tham khảo.	BWG & NHNN tiếp tục phối hợp trong vấn đề này.
7.	(Ban Pháp chế - Tuân thủ và Ban Tài chính – kế toán) Công văn 6090/NHNN-TD (“Công văn 6090”) về Nghiệp vụ UPAS L/C	Phản hồi yêu cầu của NHNN tại Công văn 6090/NHNN-TD (“Công văn 6090”), BWG đã gửi Công văn số 260922BWGVBF đến NHNN, trình bày về một số vấn đề sau: I. BẢN CHẤT CỦA NGHIỆP VỤ UPAS LC VÀ THÔNG LỆ QUỐC TẾ 1. Bản chất của nghiệp vụ UPAS L/C là một loại L/C trả chậm, có điều khoản thanh toán ngay. Theo đó, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ngân hàng phát hành và khách hàng nhập khẩu đối với UPAS L/C (có phát sinh Ngân hàng hoàn trả) sẽ không thay đổi so với L/C trả chậm thông thường. Quy định pháp luật: Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể của NHNN về nghiệp vụ thư tín dụng và các nghiệp vụ liên quan như UPAS L/C, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nghiệp vụ UPAS L/C dựa trên cơ sở tập quán thương mại quốc tế do Phòng thương	BWG đề xuất tiếp tục phối hợp cùng và hỗ trợ NHNN trong vấn đề này.

	mại quốc tế ban hành (UCP 600, URR725) về nghiệp vụ thanh toán xuất nhập khẩu. Ngoài ra còn có định nghĩa liên quan về cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản tại Khoản 15 Điều 4 Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH về Luật các TCTD. 2. Phân tích, đánh giá rủi ro và lợi ích của NHPH và khách hàng trong trường hợp NHPH và NHHT là 02 chi nhánh thuộc cùng 01 hệ thống ngân hàng tại 01 quốc gia: <i>hầu như không có rủi ro.</i> 3. Ghi nhận các khoản UPAS L/C theo Thông lệ quốc tế - Tại Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan và Hàn Quốc: Một số ngân hàng lớn ghi nhận các khoản UPAS L/C như là một khoản theo dõi ngoại bảng tương tự như các khoản L/C trả chậm (không ghi nhận là cho vay hay cấp tín dụng). - Tại Singapore: Một ngân hàng phản hồi hạch toán khoản hoàn trả như một khoản cấp tín dụng khác. Một ngân hàng khác phản hồi hạch toán khoản hoàn trả như một khoản vay từ tổ chức tín dụng khác và khoản hoàn trả trước như là một khoản cho vay từ khách hàng. - Tại Úc, Newzealand: Hạch toán khoản hoàn trả trước như một khoản phải thu và phải trả TCTD. II. LỢI ÍCH KHI THANH TOÁN BẰNG UPAS L/C ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG - Các lợi ích thương mại, hỗ trợ thanh toán, tăng niềm tin giữa bên mua – bán. III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VỀ NGHIỆP VỤ UPAS L/C: 1. Đề xuất bản chất và cách hạch toán nghiệp vụ UPAS L/C: Dựa trên các điểm phân tích ở trên và theo Thông lệ quốc tế, chúng tôi xin được kiến nghị không coi quan hệ giữa NHPH và khách hàng là quan hệ cho vay. Thay vào đó, BWG xin đề xuất như sau: - Tại thời điểm NHHT thanh toán cho bên thụ hưởng: Đề xuất 1: Bản chất quan hệ giữa NHPH và khách hàng (bên đề nghị mở UPAS L/C) được xem là <i>quan hệ cấp tín dụng khác</i> (Tài khoản 275 – Cấp tín dụng khác) và bản chất quan hệ giữa Ngân hàng phát hành và Ngân hàng hoàn trả cũng được coi là <i>quan hệ cấp tín dụng khác</i> (Tài khoản 4199- Nhận cấp tín dụng khác) Đề xuất 2: Bản chất quan hệ giữa NHPH và khách hàng (bên đề nghị mở UPAS L/C): là <i>quan hệ cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán</i> (Tài khoản 3591 - Phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng), và bản chất quan hệ giữa Ngân hàng phát hành và Ngân hàng hoàn trả cũng sẽ được coi là <i>quan hệ trung gian thanh toán</i> (Tài khoản 4599 – Các	
--	---	--

		khoản chờ thanh toán khác). - Tại thời điểm đến hạn thanh toán L/C: Nếu Khách hàng không có khả năng thanh toán, thì NHPH một mặt thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho NHHT như cam kết, mặt khác được quyền yêu cầu khách hàng nhận nợ bắt buộc đối với số tiền mà NHPH đã thanh toán cho NHHT để quản lý, theo dõi và thu hồi nợ. Khách hàng có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ số tiền mà NHPH đã thanh toán cho NHHT và số tiền lãi, phí theo thỏa thuận giữa NHPH và khách hàng. 2. Ban hành hướng dẫn về nghiệp vụ UPAS L/C đầy đủ và rõ ràng Đối với 2 phương án trên thì NHNN chọn phương án nào, chúng tôi cũng sẽ tuân thủ đầy đủ hướng dẫn của NHNN. Tuy nhiên, khi NHNN ban hành hướng dẫn về nghiệp vụ UPAS L/C, chúng tôi rất mong muốn NHNN có thể nêu đầy đủ các khía cạnh sau của nghiệp vụ UPAS L/C để các Ngân hàng thực hiện một cách đầy đủ, chính xác và rõ ràng: - Nêu rõ bản chất của nghiệp vụ UPAS L/C, bao gồm cả UPAS cho L/C nhập khẩu và L/C trong nước. - Xem xét vướng mắc liên quan đến vay bằng ngoại tệ và sửa đổi các quy định liên quan nếu cần. - Quy định về tăng trưởng tín dụng và cách tính cụ thể nếu bao gồm UPAS L/C. - Quy định về cho vay bắt buộc khi khách hàng không trả được khoản L/C khi đến hạn. - Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro khi khoản UPAS L/C quá hạn. * Quy định chi tiết về Hạch toán kế toán cho từng giai đoạn: - Khi thanh toán cho Người thụ hưởng theo UPAS L/C: Tài khoản hạch toán của NHPH với khách hàng; NHPH với NH hoàn trả; NH hoàn trả với NHPH. - Khi đến hạn thanh toán L/C: Hạch toán trong trường hợp khách hàng thanh toán được khoản L/C và trường hợp khách hàng không thanh toán được khoản thanh toán L/C. Cách ghi nhận thu nhập và chi phí tương ứng của các khoản liên quan đến UPAS L/C. - Đến hạn tất toán hoàn toàn UPAS L/C: Bút toán hạch toán khi khách hàng hoàn thành xong nghĩa vụ UPAS L/C. Tại cuộc họp với NHNN ngày 18/11/2022, BWG đã cùng trao đổi với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế cùng các vụ, cục liên quan (Vụ CSTT, Vụ QLNH, CQTTGSNH..) thảo luận, giải đáp các thắc mắc và trao đổi các đề xuất liên quan tới việc phân loại nghiệp vụ	
--	--	--	--

		UPAS LC, hướng tới xây dựng quy định phù hợp áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng.	
8.	(Ban Pháp chế & Tuân thủ, Tài chính tiêu dùng) Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 12/2014/TT-NHNN về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	BWG đã gửi ý kiến đóng góp cho Dự thảo Thông tư đến NHNN vào ngày 7/7/2022 qua Công văn số 07072022BWGVBF. BWG & NHNN (Vụ Quản lý ngoại hối) đã tổ chức cuộc họp ngày 9/2/2023 để trao đổi các vấn đề kỹ thuật liên quan.	BWG tiếp tục phối hợp làm việc với NHNN trong quá trình xây dựng Dự thảo & ban hành Thông tư.
9.	(Ban Pháp chế & Tuân thủ) Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 07/2015/TT-NHNN và 13/2017/TT-NHNN	Phúc đáp công văn số 6786/NHNN-TD của NHNN, BWG đã đóng góp một số ý kiến đối với Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 07/2015/TT-NHNN và 13/2017/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng. Ngày 30/9/2022, NHNN đã ban hành Thông tư số 11/2022/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng (hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2023) thay thế Thông tư 07/2015/TT-NHNN và Thông tư 13/2017/TT-NHNN	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp làm việc với NHNN trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư.
10.	(BWG Ban PCRT) Công văn số 2685/TTGSNH5 ngày 06/8/2021 về Mẫu báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử	Tại Công văn số 02-2110222BWGVBF ngày 21/10/2022, BWG xin ý kiến hướng dẫn của Cục PCRT cho các nội dung về những khó khăn có ảnh hưởng chung đối với các tổ chức tín dụng trong việc triển khai quy định tại Thông tư 20/2019/TT-NHNN và Mẫu báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử. Cụ thể như sau: 1. Hiện nay có một số Giao dịch chuyển tiền quốc tế từ nước ngoài về VN nhưng Ngân hàng gửi (sender) có thể là các Ngân hàng trong nước đóng vai trò là Ngân hàng trung gian. Theo quy trình báo cáo hiện hành của Ngân hàng chúng tôi với vai trò là Ngân hàng thụ hưởng, nếu nhận thấy thông tin được thể hiện đầy đủ ở trường nội dung thanh toán (F70/72) bao gồm: /INS/ theo sau là Mã SWIFT của Ngân hàng nước ngoài, thì chúng tôi sẽ xác định đây là giao dịch chuyển tiền từ nước ngoài để ghi nhận trong Báo cáo EFT thay vì DWT. Kiến nghị: Kính đề nghị NHNN xem xét ban hành hướng dẫn chuẩn hóa về cách thức nhập thông tin để phân biệt giao dịch chuyển tiền quốc tế từ nước ngoài về khi giao dịch đi qua kênh của các Ngân hàng trong nước là Sender bank trên bề mặt lệnh chuyển tiền đến ngân	BWG đã nhận được phản hồi của NHNN như sau và tiếp tục phối hợp làm việc cùng NHNN trong quá trình xây dựng Thông tư hướng dẫn Luật PCRT. <i>Hiện nay, NHNN đang thực hiện xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn Luật PCRT 2022, dự kiến sẽ có hướng dẫn về nội dung giao dịch chuyển tiền điện tử. Do đó, NHNN sẽ phối hợp với BWG trong quá trình xây dựng dự thảo, lấy ý kiến</i>

		hàng của người thụ hưởng cuối cùng, tạo điều kiện cho các đối tượng báo cáo có thể tự động hóa phương thức xác định và chiết xuất đúng loại giao dịch chuyển tiền quốc tế. Ví dụ: - Tại trường 50 phải ghi rõ người phát lệnh chuyển tiền ở nước ngoài và địa chỉ người phát lệnh chuyển tiền ở nước ngoài. Tại trường 70/72 ghi rõ người phát lệnh chuyển tiền ở nước ngoài và /INS/ theo sau Mã SWIFT của Ngân hàng phục vụ người chuyển tiền ở nước ngoài. 2. Mã Ngân hàng chuyển tiền/thụ hưởng (trường số 28) – Mẫu báo cáo DWT ban hành kèm Công văn 2685/TTGSNH5 ngày 06/8/2021 Hiện nay theo chúng tôi nhận thấy trong quá trình xử lý giao dịch, trên một số Mẫu điện chuyển tiền trong các kênh chuyển tiền liên ngân hàng ngoài Citad (ví dụ như điện chuyển tiền từ VCB money), thông tin về Mã ngân hàng phát lệnh chuyển tiền không được thể hiện trên điện chuyển tiền mà chỉ có Tên Ngân hàng chuyển tiền nên dẫn đến khó khăn trong việc báo cáo thông tin về Mã ngân hàng. <u>Kiến nghị:</u> Chúng tôi kính đề nghị Quý cơ quan yêu cầu các Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán triển khai nâng cấp hệ thống dữ liệu để đảm bảo nội dung Mã ngân hàng phát lệnh chuyển tiền/nhận tiền phải được thể hiện đầy đủ trên lệnh chuyển tiền để đảm bảo công tác báo cáo được chính xác, đầy đủ	đối với Thông tư hướng dẫn Luật PCRT.
11.	(BWG Ban PCRT) Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 13/04/2018 (“Chỉ thị 02”) về các biện pháp tăng cường kiểm soát các giao dịch, hoạt động liên quan đến tiền ảo. Công văn số 06/Cuc V.3 ngày 06/01/2021 và Công văn số 1092/Cuc V.3 ngày 16/12/2021 về việc thông báo về đối tượng truy nã trong nước và quốc tế.	Tại Công văn số 03-2110222BWGVBF ngày 21/10/2022, BWG đã trình bày các vướng mắc và xin ý kiến góp ý của NHNN về các biện pháp tăng cường kiểm soát các giao dịch, hoạt động liên quan đến tiền ảo theo yêu cầu tại Chỉ thị số 02/CT-NHNN và Thông báo về đối tượng truy nã trong nước và quốc tế. 1. Liên quan đến Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 13/04/2018 (“Chỉ thị 02”) về các biện pháp tăng cường kiểm soát các giao dịch, hoạt động liên quan đến tiền ảo: BWG trình bày một số biện pháp kiểm soát đang được thực hiện tại Ngân hàng thành viên như: - Các kiểm soát mang tính phòng ngừa: (i) Đối với việc thiết lập quan hệ khách hàng (nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, ... của khách hàng cũng được xem xét giúp nhận diện các khách hàng có khả năng liên quan đến tiền ảo); (ii) Các bút toán ghi nợ thông qua thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng tại các đơn vị chấp nhận tiền ảo sẽ bị từ chối theo các logic được thiết lập bởi Hiệp hội thẻ quốc tế như là Visa/Master.	BWG tiếp tục phối hợp làm việc với NHNN, và các bộ ngành liên quan để tiếp tục nâng cao chất lượng danh sách đối tượng truy nã trong nước - quốc tế và tiền ảo.

	- Các kiểm soát mang tính giám sát, phát hiện: (i) xây dựng một danh sách rà soát nội bộ liên quan đến tiền ảo (“danh sách tiền ảo”) và tích hợp danh sách này vào các hệ thống thực hiện giao dịch nhằm có thể phát hiện kịp thời và từ chối thực hiện các giao dịch có khả năng liên quan đến tiền ảo. Danh sách này bao gồm tên các đồng tiền ảo, các đơn vị chấp nhận tiền ảo, các sàn giao dịch tiền ảo, các mục đích liên quan đến tiền ảo... (ii) Ngoài ra, bộ phận Điều tra của ngân hàng sẽ rà soát thêm về các giao dịch do khách hàng thực hiện, và trong trường hợp cần thiết sẽ thực hiện/đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp như báo cáo giao dịch đáng ngờ, gia tăng xếp hạng rủi ro về Phòng chống rửa tiền của khách hàng, ... (iii) Ngoài ra, đối với các giao dịch thương mại, cho vay, giao dịch chứng khoán..., các hồ sơ, tài liệu cơ sở, chứng minh cho giao dịch liên quan cũng được xem xét để đảm bảo mục đích thanh toán, cho vay phù hợp và không liên quan đến các mục đích tiền ảo. <u>Kiến nghị:</u> BWG kính mong nhận được hướng dẫn thêm từ Quý Cơ quan về nguồn dữ liệu cho việc rà soát để đảm bảo việc thực hiện được nhất quán, và cũng kính mong Quý Cơ quan có thể chia sẻ thêm về những định hướng sắp tới liên quan đến việc kiểm soát các giao dịch tiền ảo. 2. Liên quan đến Công văn số 06/Cục V.3 ngày 06/01/2021 và Công văn số 1092/Cục V.3 ngày 16/12/2021 về việc thông báo về đối tượng truy nã trong nước và quốc tế: BWG trình bày một số khó khăn về chất lượng thông tin của danh sách đối tượng truy nã trong nước và quốc tế như: - Danh sách đối tượng truy nã mới cập nhật mỗi kỳ không chỉ rõ đối tượng được bổ sung thêm, đối tượng loại bỏ khỏi danh sách, cùng việc trùng lặp thông tin của nhiều đối tượng truy nã. Ngân hàng phải thực hiện so sánh, đối chiếu một cách thủ công thông tin giữa danh sách cũ và danh sách mới, dẫn tới những sai sót, cũng như khối lượng công việc quá lớn trong việc so sánh, đối chiếu thông tin của từng đối tượng trùng. Để đảm bảo tính chính xác của thông tin cập nhật trên hệ thống Ngân hàng cũng như giảm thiểu các công tác thủ công cho Ngân hàng, BWG kính mong Quý Cơ quan làm việc với cơ quan có liên quan để nâng cao chất lượng Danh sách truy nã để việc cập nhật vào hệ thống rà soát được thực hiện kịp thời	
--	--	--

12.	(Ban PCRT) Rà soát giao dịch trong nước	BWG và Cục PCRT đã tổ chức cuộc họp trao đổi nhằm hướng tới cách thực hiện hiệu quả trong việc rà soát các giao dịch trong nước.	BWG tiếp tục phối hợp với Cục PCRT – NHNN trong việc nghiên cứu thực hiện.
A.3. CÁC VẤN ĐỀ MANG TÍNH HỢP TÁC GIỮA HAI BÊN, CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ GHI NHẬN, SẼ NGHIÊN CỨU TIẾP THU KHI SỬA ĐỔI CÁC THÔNG TƯ, NGHỊ ĐỊNH CỦA NHNN			
13.	Phát triển khung pháp lý cho sản phẩm quản lý dòng tiền (Vụ Chính sách Tiền tệ, Vụ Thanh toán, Vụ Pháp chế, Vụ TDCNKT, CQTGSNH)	BWG kiến nghị phát triển khung pháp lý và cho phép hình thức Kết chuyển hữu hình bằng tiền đồng, trong cùng nội bộ và cho các giao dịch trong nước. Kể từ thời điểm BWG đưa ra đề xuất này (tháng 10/2017), BWG và NHNN đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo trong năm 2018-2020 để trao đổi, lắng nghe về đặc tính sản phẩm và đề xuất của BWG. NHNN cũng ghi nhận rằng khung pháp lý hiện tại không cấm, tuy nhiên theo xu thế phát triển, các Ngân hàng đề xuất và rất cần sự hỗ trợ từ phía NHNN và Chính phủ để xây dựng, phát triển quy định pháp lý liên quan nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nói riêng cũng như nền kinh tế nói chung. Tại cuộc họp tháng 9/2021 với NHNN, BWG đã giải thích chi tiết về các tính năng của sản phẩm, quy trình đầy đủ & trả lời các câu hỏi cũng như các quan tâm của NHNN từ góc độ nhà quản lý và nêu lên thực tiễn, thông lệ tại Trung Quốc, đồng thời đưa ra các so sánh giữa những điểm tương đồng và khác biệt trong khung pháp lý của Việt Nam – Trung Quốc. NHNN ghi nhận và yêu cầu BWG đề xuất thêm về những vướng mắc trong khung pháp lý hiện hành ở Việt Nam và các giải pháp tương ứng. <u>2022:</u> Tiếp theo các trao đổi giữa NHNN và BWG, thông qua các cuộc họp kỹ thuật và các công văn, BWG đã tiếp tục phân tích kỹ hơn về cấu trúc sản phẩm cũng như phân tích hệ thống pháp lý tại Việt Nam và đưa đề xuất về phát triển khung pháp lý cho các giải pháp quản lý thanh khoản tại Việt Nam thông qua Công văn số 15072022BWGVBF ngày 15/07/2022. NHNN (Vụ Tín dụng các ngành Kinh tế, Vụ Chính sách Tiền tệ và Vụ Thanh toán) đã phối hợp phản hồi, cùng trao đổi với BWG về những vướng mắc về mặt pháp lý và thực tiễn.	BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN trong vấn đề này.

B) NHÓM 2: CÁC VẤN ĐỀ CẦN SỰ PHỐI HỢP CỦA NHNN VÀ CÁC LIÊN QUAN THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC		
14.	<u>(BWG Ban Pháp chế - Tuân thủ)</u> Về yêu cầu - phải có chữ ký kế toán trưởng trong điều hành sử dụng tài khoản ngân hàng, QĐ 1789/2005/QĐ-NHN ban hành về chế độ chứng từ kế toán	- Về vấn đề này, đã có một số buổi làm việc giữa BWG và Vụ Thanh toán - NHNN và Bộ Tài chính. Nguồn gốc của vấn đề này phát sinh từ Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 06/03/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, Luật kế toán và Quyết định 1789 của NHNN năm 2005. Trước đây, các NH không gặp nhiều khó khăn khi triển khai quyết định vì giao dịch được thực hiện trên giấy. Nhưng hiện nay hệ thống giao dịch trực tuyến đã rất phát triển, từ đó phát sinh 2 nhóm chữ kí: của người đại diện theo pháp luật & kế toán trưởng và người được ủy quyền thì các yêu cầu tại Quyết định này không thực tế cho hoạt động thanh toán của các NH. Nhưng do vướng mắc của Luật kế toán và Quyết định 1789 dẫn đến việc các NH chịu rủi ro về mặt tuân thủ, do khi các khách hàng sử dụng qua hệ thống thanh toán của NH thì họ và cả NH cũng không thể chứng minh được 2 nhóm chữ kí như trong quy định. Theo các trao đổi giữa BWG và Bộ Tài chính, Bộ Tài chính cũng đồng thuận rằng các quy định này được xây dựng trên quan điểm giao dịch giấy tờ và không còn phù hợp với giao dịch điện tử như hiện nay. - Kiến nghị: Với kinh nghiệm trong việc xây dựng hệ thống ngân hàng điện tử ở ngân hàng mẹ tại các nước phát triển, BWG đề xuất làm việc thêm với các cơ quan chức năng của NHNN và mong muốn được hỗ trợ NHNN trong quá trình NHNN soạn thảo, sửa chữa các luật liên quan, xây dựng hệ thống pháp lí để triển khai giao dịch điện tử tại Việt Nam - như sửa đổi Quyết định 1789 để phù hợp với tình hình phát triển của NH điện tử. - BWG đã nêu vấn đề tại diễn đàn giữa kỳ VBF 2019. NHNN phối hợp với Bộ Tài Chính trong việc sửa đổi Luật kế toán. - Theo công văn số 1488/NHNN-TCKT của NHNN, NHNN yêu cầu các TCTD báo cáo khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai QĐ 1789/2005/QĐ-NHN ban hành về chế độ chứng từ kế toán, đặc biệt là nội dung liên quan đến chứng từ điện tử và chữ ký số. BWG đã tổng hợp để báo cáo NHNN về nội dung này. - BWG đã trao đổi với Bộ Tài chính và nhận được phản hồi qua công văn 3016/BTC-QLKT ngày 25/3/2021. - 2021: Vụ Tài chính kế toán/ NHNN và BWG đã tổ chức cuộc họp ngày 13/5/2021. Đề xuất sửa đổi yêu cầu về trách nhiệm kiểm soát chữ ký trên lệnh thanh toán của

BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN (Vụ TCKT), Bộ Tài chính và các Bộ ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông) trong quá trình nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định liên quan như Luật Kế toán, Quyết định 1789, Quyết định 367.

		khách hàng thuộc về doanh nghiệp khi tham gia các kênh/ phương thức truyền lệnh (Host to Host/SWIFT) mà doanh nghiệp đã đăng ký với ngân hàng: Tại cuộc họp, Vụ TCKT ghi nhận các khó khăn và thay đổi cần thiết để phù hợp với xu hướng số hóa hiện tại, và các vướng mắc ở khung pháp lý hiện tại (Luật Kế toán). NHNN sẽ làm việc thêm với Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp trong việc sửa đổi các quy định phù hợp với xu hướng hơn. Yêu cầu về số tiền bằng chữ trên chứng từ: NHNN ghi nhận khó khăn và thực tiễn trên các hệ thống SWIFT và các app của các NH. NHNN sẽ tiến hành khảo sát thực tiễn trên Sở Giao dịch và tại các NH để nghiên cứu xem đây có phải vướng mắc chung cho ngành, để tiếp tục làm việc và đề xuất với Bộ Tài chính để xử lý vấn đề này. Lưu trữ chứng từ: NHNN ghi nhận sự không đồng nhất trong quy định về thời hạn lưu trữ đóng gói chứng từ theo Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN quy định về bảo quản lưu trữ chứng từ điện tử đã sử dụng để hạch toán và thanh toán vốn của các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, QĐ 1789, Nghị định 174/2016/NĐ-CP và Thông tư 43/2011/TT-NHNN (Điều 248) và sẽ rà soát các văn bản liên quan và đề xuất hủy các văn bản không còn phù hợp, cũng như sửa đổi các quy định hợp lý. 2022: Hiện nay, trên cơ sở báo cáo trả lời của các TCTD, NHNN đang tổng hợp ý kiến của các đơn vị và thời gian tới sẽ tiếp tục phối hợp với BWG, Bộ Tài chính và các Bộ ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông) để tháo gỡ dần các vướng mắc cho các TCTD. 2023: Trong thời gian tới, BWG dự kiến tổ chức hội thảo/ cuộc họp với Bộ Tài chính, NHNN và các đơn vị liên quan về vấn đề này.	
15.	(BWG Ban Pháp chế & Tuân thủ) Chữ ký điện tử	- Về chữ ký điện tử: Tiếp theo các trao đổi kỹ thuật vào ngày 13/11/2019 và cuộc họp cấp cao ngày 9/1/2020, BWG muốn xin hướng dẫn thêm từ Cục CNTT về tiêu chí của chữ ký điện tử/ chữ ký số. Theo thông lệ quốc tế ở các nước hiện hành, quy trình áp dụng chữ ký điện tử luôn tuân theo quy trình cơ bản/ Hướng dẫn cụ thể của cơ quan chức năng (Standard electronic signature - SEF). BWG & NHNN (Vụ Pháp Chế, Cục CNTT, Vụ Thanh toán, Vụ HTQT) đã tổ chức	BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với VNBA, NHNN (Cục CNTT) và Bộ TT-TT trong quá trình sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chữ ký số để đảm bảo các

		cuộc họp để thảo luận vào ngày 13/11/2019. BWG & NHNN đã tổ chức 1 buổi làm việc vào ngày 30/9/2020 về chữ ký điện tử (e-signature- với Cục CNTT, Vụ Pháp chế, Vụ Thanh toán) để thảo luận chi tiết hơn về các vướng mắc và thông tư/quy định liên quan. - Năm 2021, Bộ Thông tin và Truyền thông đang xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 và dự kiến ban hành trong năm 2022. BWG đề xuất phối hợp làm việc với Bộ TT-TT và NHNN trong vấn đề này. - Ngày 6/7/2022, BWG đã có cuộc họp với Cục CNTT – NHNN trao đổi những điểm trọng yếu trong Dự thảo số 3 Luật GDĐT như: (i) chuyển đổi hình thức văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu, địa điểm gửi thông điệp dữ liệu, (ii) 3 mức độ tin cậy 1, 2 và 3; giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và sử dụng chữ ký điện tử đối với cơ quan nhà nước, chữ ký điện tử nước ngoài và Hệ thống thông tin áp dụng, (iii) Yêu cầu chữ ký phải được chứng thực bởi một tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn..vv.. - Ngày 27/7/2022, BWG phối hợp với VNBA tổ chức hội thảo tham vấn ý kiến dự thảo số 4 Luật GDĐT, với sự tham gia của NHNN, Bộ Thông tin – Truyền thông, Văn phòng Chính phủ. - Tháng 10/2022 và tháng 3/2023, BWG tiếp tục gửi ý kiến đóng góp cho dự thảo 5 và 6 Luật GDĐT tới Văn phòng Chính phủ và Bộ TT-TT, NHNN.	quy định phù hợp với hoạt động của ngành Ngân hàng
16.	<u>(BWG Ban Tài chính – Kế toán)</u> Truy thu hồi tổ thuế GTGT đối với phí Thu tín dụng (L/C)	Đề xuất không áp dụng truy thu hồi tổ thuế GTGT đối với phí L / C có tính chất tín dụng. <u>2020:</u> - BWG đã gửi thư cho Thủ tướng, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 755/VPCP-KTTH phản hồi công văn và giao NHNN nhiệm vụ làm việc với Bộ Tài chính; NHNN đã gửi CV số 5496/NHNN-TD ngày 30/07/2020 cho Bộ Tài chính. - BWG đã và đang hợp tác với NHNN, VNBA trong vấn đề này. <u>2021:</u> Trong năm 2021, BWG đã có nhiều trao đổi với NHNN qua: - các trao đổi bên lề với NHNN, cung cấp các tài liệu, kinh nghiệm, thông lệ quốc tế v.v. - mỗi ngân hàng thành viên BWG phản hồi chính thức trả lời công văn số 1116 của NHNN yêu cầu các Ngân hàng báo cáo về hoạt động L/C,	BWG tiếp tục phối hợp với NHNN và tiếp tục trao đổi với Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế về vấn đề này.

		- NHNN ban hành công văn số 2032/NHNN-TD gửi tới Bộ Tài chính nêu rõ quan điểm của NHNN rằng “L/C vừa là dịch vụ thanh toán, vừa là hoạt động cấp tín dụng”, nêu các thông lệ quốc tế và tiếp tục khẳng định đề xuất không áp dụng truy thu hồi tố thuế VAT. - BWG tham gia phát biểu ý kiến tại Hội thảo đồng tổ chức tới VNBA, VCCI với sự tham dự của NHNN, Bộ Tài chính ngày 11/5/2021 về những khó khăn thực tiễn khi áp dụng thu hồi tố VAT đối với phí L/C có tính chất tín dụng. - NHNN đã gửi CV số 7390/NHNN-TD ngày 18/10/2021 tới Bộ Tài chính nêu rõ quan điểm về việc phân loại các khoản phí thu từ dịch vụ L/C, cơ sở pháp lý của việc phân loại; cung cấp số liệu về các khoản phí L/C của TCTD đã thu từ khách hàng trong giai đoạn 2011-2020 và khẳng định quan điểm về vấn đề truy thu hồi tố thuế GTGT trong giai đoạn 10 năm là không phù hợp. <u>2022:</u> Ngày 12/10/2022, BWG đã gửi Công văn số 12102022BWGVBF đến Thủ tướng & Văn phòng Chính phủ và NHNN: “Đến nay Bộ Tài Chính vẫn chưa có văn bản hướng dẫn việc áp dụng thuế GTGT đối với dịch vụ thư tín dụng. Ngoài ra, trong nhiều cuộc thanh tra thuế tại nhiều ngân hàng và TCTD trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài, các Đoàn Thanh tra của Tổng cục Thuế và Cục Thuế các tỉnh, thành phố vẫn đang áp dụng hướng xử lý thuế theo tinh thần của Công văn 1606/TCT-DNL. Theo đó, khoản tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thư tín dụng bị xử lý truy thu, xử phạt vi phạm hành chính và tính tiền chậm nộp từ 2018 đến nay hoặc ghi nhận lại trên Biên bản thanh tra để chờ hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế. Việc này gây ra nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các ngân hàng và TCTD. BWG mong muốn nhận được sự hỗ trợ và xem xét giải quyết thấu đáo của Ngài Thủ tướng và các Bộ ngành liên quan trong việc ban hành quy định hướng dẫn chi tiết trong thời gian sớm nhất cho việc áp dụng thuế GTGT đối với dịch vụ thư tín dụng trên cơ sở không hồi tố, không truy thu thuế, không điều chỉnh lại, chỉ áp dụng tính thuế GTGT từ ngày Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) có văn bản chính thức hướng dẫn.”	
--	--	---	--

		<u>2022 - Phản hồi của Vụ TDCNKT - NHNN:</u> Ngày 24/12/2021, Bộ Tài chính có Công văn số 14694/BTC-TCT gửi NHNN đề nghị có ý kiến đối với dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ theo hướng: (1) Chấp thuận phương án xử lý việc nộp thuế đối với L/C như sau: (i) Đối với L/C mang tính chất tín dụng thì không phải nộp thuế GTGT, đối với L/C mang tính chất thanh toán thì phải nộp thuế GTGT. Tuy nhiên, NHNN Việt Nam cần phải sửa đổi Thông tư của NHNN (Thông tư số 23/2014/TT-NHNN và Thông tư số 22/2019/TT-NHNN) đối với nội dung hướng dẫn về thư tín dụng L/C để nêu rõ quy định này, làm cơ sở cho việc áp dụng chính sách thuế, có điều khoản hồi tố áp dụng từ 01/01/2011; (ii) Các TCTD khai thuế và nộp thuế theo chế độ quy định và chịu trách nhiệm về việc phân loại L/C, đảm bảo thu đúng, đủ theo chế độ quy định; (iii) Do chính sách hướng dẫn chuyên ngành có sự thay đổi nên Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ cho phép không áp dụng tiền chậm nộp. (2) Giao NHNN sửa đổi Thông tư quy định dịch vụ L/C nào là “dịch vụ cấp tín dụng”, dịch vụ L/C nào là “dịch vụ thanh toán qua tài khoản” và quy định thời gian hồi tố áp dụng từ 01/01/2011, trên cơ sở đó, các TCTD thống nhất thực hiện, cơ quan quản lý thuế có căn cứ để thu thuế.	
17.	(BWG Ban PCRT) Vấn đề kiểm soát giao dịch liên quan đến trò chơi trực tuyến chưa được cấp phép	1. BWG đã có CV số 210719BWGVBF gửi Bộ TT&TT và NHNN trình bày những khó khăn trong việc triển khai và xin ý kiến chỉ đạo chung về các trò chơi trực tuyến không có giấy phép như sau: 1.1. Đối với yêu cầu của công văn số 585/NHNN-TT ngày 10/8/2020 yêu cầu các ngân hàng từ chối không xử lý các giao dịch liên quan đến trò chơi trực tuyến chưa được cấp phép: NHNN đã gửi công văn số 998/TT4/NHNN-TT ngày 4/9/2020 hướng dẫn BWG về việc kết nối thanh toán. 1.2. Việc đưa những trò chơi có từ khóa ngắn, ít ký tự như K8, M88, G88, GDW (Công văn 830/TTGSNH11); R88, Long ho, B24 (Công văn 551/TTGSNH5) và chuỗi ký tự viết bằng tiếng Trung Quốc, những cá nhân phát hành trò chơi không có thông tin định danh (Công văn 585/TTGSNH5) vào danh sách rà soát có thể dẫn đến số lượng rất lớn các cảnh báo chưa thật chính xác, gây khó khăn cho việc xác định những cảnh báo này có thực sự liên quan đến trò chơi trực tuyến đó hay không. Vì vậy, BWG kiến nghị NHNN làm rõ và hướng dẫn thêm. 1.3. Trong việc kiểm soát các giao dịch liên quan đến khách hàng trong lĩnh vực khách sạn, quán bar, câu lạc bộ, khu du lịch, mã MCC 5813, 7011.. BWG gặp khó khăn khi xác định các cơ sở được cấp phép để từ đó xác định liệu các giao dịch với các cơ sở này là	BWG đề xuất tiếp tục phối hợp với Bộ TT&TT và cập nhật cho NHNN về vấn đề này trong thời gian tới

	hợp pháp hay không. Rất mong nhận được hướng dẫn của NHNN về danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đánh bạc được cấp phép tại Việt Nam. Để đảm bảo biện pháp kiểm soát chặn các giao dịch đến các đơn vị chấp nhận thẻ có mã MCC liên quan được thực hiện một cách hiệu quả, nhất quán và toàn diện bởi tất cả các ngân hàng, chúng tôi mong muốn nhận được hướng dẫn của NHNN trong việc tìm hiểu danh sách các MCC liên quan đến các giao dịch bị cấm theo luật định. 1.4. Quy định pháp lý liên quan: NĐ 03/2017/NĐ-CP, Thông tư 102/2017/TT-BTC về kinh doanh casino có quy định thí điểm 3 năm cho phép người Việt Nam đủ 21 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự được chơi tại điểm kinh doanh casino được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Hiện BWG không có cách nào để xác định các doanh nghiệp nào nằm trong danh sách được phép thí điểm, cũng như liệu các doanh nghiệp đã hoàn thành việc thí điểm và được cấp phép chính thức để cho phép người Việt Nam vào chơi. Rất mong nhận được hướng dẫn thêm của NHNN để giúp cho việc báo cáo giao dịch của chúng tôi được chính xác và đầy đủ hơn. 2. BWG đã gửi CV số 01-141021BWGVBF ngày 14/10/2021: trong đó, tiếp tục trình bày các vấn đề sau: 2.1. Đề nghị NHNN có ý kiến thêm với Hiệp hội Ngân hàng (VNBA) và các TCTTT nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện và thúc đẩy nhanh việc kết nối, chia sẻ thông tin nêu trên cũng như có thêm chỉ đạo về việc phối hợp toàn ngành trong công tác phòng chống các vi phạm trong hoạt động thẻ. 2.2. Về tiêu chuẩn báo cáo: Do hiện tại chưa xác định được kênh cũng như quy tắc liên lạc hay thời gian phản hồi rõ ràng, đồng thuận giữa TCPHT và TCTTT, BWG đã/ sẽ tiến hành báo cáo giao dịch đáng ngờ với nỗ lực cao nhất, cung cấp nhiều nhất các thông tin theo yêu cầu. BWG đề xuất báo cáo giao dịch đáng ngờ trên cơ sở tập hợp theo nhóm dựa trên các điểm chung về mặt thông tin thu thập được trên giao dịch thẻ của khách hàng trong quá trình điều tra – một bảng tham khảo riêng chi tiết cho từng TCTTT theo phương thức này được đính kèm với mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ sẽ giúp báo cáo thông tin một cách ngắn gọn, nhất quán, súc tích.	
--	---	--

	2021 - BWG đã nhận được phản hồi như sau: - Bộ TTTT (Công văn số 1631/PTTH& TTĐT) phản hồi CV số 210719BWGVBF: Bên cạnh các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp phép, có rất nhiều trò chơi đang phát hành không phép và thu phí người chơi thông qua đơn vị hỗ trợ thanh toán trong nước, phần lớn là trò chơi được cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam thông qua kho ứng dụng Apple & Google. Bộ TT&TT đề nghị BWG hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị hỗ trợ thanh toán tuân thủ quy định tại Khoản 1, Điều 9 TT24/2014/TT-BTTTT. Về danh sách trò chơi trên mạng hợp pháp/ đã được cấp phép được Bộ TTTT cập nhật định kỳ 01 tháng/lần tại website: www.gameportal.gov.vn, www.abei.vn; www.mic.gov.vn. Đề nghị BWG chủ động truy cập, tra cứu các trò chơi phát hành hợp pháp đã được cập nhật. Khoản 2 Điều 31 NĐ 72/2013/NĐ-CP quy định trước khi xem xét, kết nối thanh toán cho từng trò chơi, doanh nghiệp hỗ trợ thanh toán có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng cung cấp các giấy tờ quy định, để đủ căn cứ kết nối hoặc chủ động từ chối, tạm ngưng kết nối. Trong trường hợp cần, BWG có thể gửi tới Bộ TTTT danh sách các trò chơi dự kiến sẽ kết nối thanh toán để được cung cấp thông tin. - NHNN (Công văn 7069/NHNN-TTGSNH) phản hồi CV số 210719BWGVBF: Các TCPHT, TCTTT căn cứ vào trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành để triển khai thực hiện nhiệm vụ trong việc giám sát, phát hiện các giao dịch thẻ đáng ngờ và biện pháp xử lý các trường hợp này. Ngoài ra, TCPHT và TCTTT có thể phối hợp trao đổi thông tin với nhau và với TCTQT để ngăn chặn các giao dịch thẻ trái quy định pháp luật. Khi TCPHT phát hiện dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến chủ thẻ (là khách hàng) hoặc phát hiện những dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến ĐVCNT, TCPHT cần tìm hiểu, thu thập thông tin về khách hàng của mình và về ĐVCNT (thông qua việc phối hợp với TCTTT), TCPHT và TCTTT thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ (trong đó bao gồm việc cung cấp những thông tin về ĐVCNT mà TCPHT có được). NHNN ghi nhận khó khăn vướng mắc liên quan trong pháp luật PCRT và sẽ nghiên cứu xem xét trong quá trình sửa đổi Luật PCRT.	
--	---	--

	2. NHNN (Công văn 980/NHNN-CucV.1) ngày 14/11/2021 phản hồi CV số 01-141021BWGVBF ngày 14/10/2021: 2.1. NHNN ủng hộ đề xuất này của BWG và kiến nghị Hiệp hội N VNBA triển khai các biện pháp cần thiết để tăng cường việc trao đổi, chia sẻ, nắm bắt cá thông tin về các đối tượng, ĐVCNT có lịch sử nghi ngờ phạm pháp luật giữa các NH, cũng như tham mưu văn bản chỉ đạo toàn ngành trong công tác phòng chống vi phạm hoạt động thẻ trong thời gian tới. 2.2. Về tiêu chuẩn báo cáo: Theo hướng dẫn tại CV số 5913, TCPHT phát hiện dấu hiệu nghi ngờ, cần tìm hiểu, thu thập thông tin từ khách hàng và ĐVCNT (thông qua việc phối hợp với TCTTT), thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ (bao gồm việc cung cấp thông tin về ĐVCNT mà TCPHT có được). Theo hướng dẫn trên, khi xác lập nghi ngờ liên quan đến ĐVCNT, TCPHT trao đổi, thu thập thêm thông tin từ TCTTT liên quan đến ĐVCNT, TCPHT trao đổi, thu thập thêm thông tin từ TCTTT liên quan đến ĐVCNT (nếu có). Trong trường hợp không nhận được phản hồi từ TCTTT hoặc phản hồi muộn không kịp xử lý theo quy định về thời hạn báo cáo, TCPHT gửi STR cho Cục PCRT bao gồm thông tin chi tiết về ĐVCNT do ngân hàng chủ động thu thập được trên cơ sở dữ liệu nội bộ, và sau đó, gửi bổ sung thông tin do TCTTT cung cấp (nếu có). Báo cáo STR thực hiện theo biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo TT 35/2013/TT-NHNN, bao gồm các thông tin về (i) cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch, (ii) cá nhân, tổ chức liên quan đến giao dịch, (iii) lý do nghi ngờ giao dịch và những công việc đã thực hiện, (iv) tài liệu đính kèm. Trường hợp Ngân hàng qua rà soát phát hiện nhóm khách hàng có liên quan tới nhau cùng thực hiện giao dịch thẻ đáng ngờ, ngân hàng có thể trình bày thông tin của các cá nhân thực hiện giao dịch, cá nhân, tổ chức liên quan đến giao dịch theo các phụ lục đính kèm theo báo cáo STR; ngân hàng cũng có thể lập bảng kê chi tiết thông tin về giao dịch thẻ đáng ngờ (bao gồm thông tin về ĐVCNT và TCTTT) và đính kèm mẫu báo cáo STR. 3. BWG phối hợp cùng NHNN tổ chức cuộc họp trực tuyến với Bộ TTTT/ Cục PT, TH và TTĐT liên quan tới vấn đề ngày vào ngày 21/12/2021: BWG và NHNN đã trình bày các quy định liên quan, quy trình kiểm soát và sàng lọc giao dịch tại các ngân hàng và đề xuất như sau: 3.1. Chúng tôi hiểu rằng yêu cầu tại công văn 585 chỉ áp dụng đối với trường hợp các ngân hàng thực hiện “kết nối thanh toán” cho các trò chơi điện tử trên mạng và	
--	--	--

		không áp dụng cho các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng khác (nếu có). 3.2. Trong trường hợp các ngân hàng có thực hiện “kết nối thanh toán cho các trò chơi điện tử trên mạng”, các ngân hàng sẽ thực hiện theo đúng hướng dẫn tại điều 9; khoản 5đ, điều 14 và khoản 5đ, điều 23 của Thông tư 24/2014/TT-BTTTT quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng. 3.3. Trong trường hợp các ngân hàng có thực hiện mở tài khoản cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử thì từng ngân hàng đều có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu về nhận biết khách hàng đối với khách hàng là tổ chức phù hợp với quy định pháp luật về PCRT, bao gồm việc kiểm tra về giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1, G2, G3, G4 như quy định tại Thông tư 24/2014/TT-BTTTT. Do vậy việc thanh toán liên quan đến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử sẽ là trách nhiệm của từng ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản. Ngoài ra, các hình thức thanh toán khác nêu tại CV585 như sử dụng thẻ cào viễn thông, thẻ game, ví điện tử không thuộc phạm vi sản phẩm, dịch vụ do ngân hàng cung cấp. 3.4. Trong trường hợp việc thực hiện rà soát giao dịch phải dựa trên danh sách cụ thể như đã cung cấp trong các công văn của NHNN, chúng tôi mong muốn thường xuyên được cập nhật và nhận được đầy đủ thông tin về các trò chơi bất hợp pháp/chưa được cấp phép này để có thể tiến hành sàng lọc một cách chính xác và hiệu quả nhất. Đề xuất NHNN và Bộ TTTT xem xét để thiết lập cơ chế phối hợp cung cấp và cập nhật thông tin định kỳ thường xuyên và có thông báo để các ngân hàng được biết tạo điều kiện cho việc rà soát được hiệu quả và đúng quy định. BWG, NHNN và Bộ TT&TT thống nhất tại cuộc họp rằng: Bộ TT&TT nghiên cứu và làm việc với các bên liên quan (Bộ CA, NHNN) xem xét ban hành danh sách bất hợp pháp để NHNN và các NH tiếp tục phối hợp kiểm soát giao dịch, kể cả với giao dịch mà NH đóng vai trò trung gian như thanh toán giữa Visa/MasterCard và nhà cung cấp game (bao gồm cả trò chơi được cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam thông qua kho ứng dụng Apple & Google.) Bộ TT&TT ghi nhận các ý kiến của BWG và NHNN để xem xét trong quá trình sửa đổi ND 72/2013/NĐ-CP trong thời gian tới.	
--	--	---	--

18.	(BWG Ban Pháp chế - Tuân thủ) Dự thảo ND về thanh toán không dùng tiền mặt	BWG đã đóng góp ý kiến, tham gia Hội đồng thẩm định và làm việc với NHNN và Bộ Tư pháp trong quá trình dự thảo & xây dựng Nghị định. 2022 – Phản hồi của Vụ Thanh toán: Ngày 27/5/2021, NHNN đã trình Chính phủ Hồ sơ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt. Do dự thảo Nghị định có nhiều nội dung mới, phức tạp, NHNN đã có văn bản báo cáo Chính phủ và được Chính phủ đồng ý cho phép trình dự thảo trong Quý II/2022.	BWG tiếp tục phối hợp với NHNN (Vụ Thanh toán), Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan trong vấn đề này.
19.	(Ban Pháp chế & Tuân thủ và Công nghệ Thông tin) Dự thảo ND về Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Một số vấn đề trọng yếu trong Dự thảo Nghị định đề xuất thảo luận: (i) Xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm: Liên quan đến việc xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm của khối ngân hàng (liên quan tới các Điều 2, 20, 21, 24.4 và điều khoản khác của Dự thảo Nghị định), (ii) Điều 8: Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu đối với dữ liệu cá nhân (iii) Điểm c) và g) Khoản 2 Điều 17 về thống kê các hoạt động liên quan tới dữ liệu cá nhân (iv) Khoản 1 Điều 21 - Liên quan tới việc yêu cầu dữ liệu gốc được lưu trữ tại Việt Nam: (v) Khoản 3 Điều 4 và Khoản 3 Điều 22 về mức phạt tiền tối đa 5% tổng doanh thu của Bên xử lý vi phạm dữ liệu cá nhân tại Việt Nam đối với một số hành vi. (vi) Điều 29. Hiệu lực thi hành 2022 – Phản hồi của các Vụ, cục thuộc NHNN: NHNN gửi góp ý tới Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ: - Công văn số 2100/NHNN-PC ngày 31/3/2021 gửi Bộ Công an góp ý dự thảo Nghị định. - Công văn số 9141/NHNN-PC ngày 27/12/2021 gửi Văn phòng Chính phủ ghi ý kiến của Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định. Tại dự thảo mới, đã có một số nội dung đã thay đổi so với bản dự thảo liệt kê tại Bảng tổng kết (ví dụ, bỏ quy định về mức phạt tiền tối đa 5% tổng doanh thu của Bên xử lý vi	BWG sẽ phối hợp làm việc với NHNN & Bộ Công an trong quá trình dự thảo và xây dựng Thông tư, với mục đích triển khai quy định phù hợp cho ngành Ngân hàng.

		phạm dữ liệu cá nhân). NHNN nhất trí với đề xuất của BWG: sẽ tiếp tục phối hợp với BWG, Bộ Công an trong quá trình sửa đổi, xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân cho phù hợp với ngành Ngân hàng.	
20.	(Ban Pháp chế & Tuân thủ, Tài chính tiêu dùng) Công văn số 2937/NHNN-TT ngày 04/05/2022 về quản lý dịch vụ truyền hình xuyên biên giới	Công văn 2937 cũng như công văn đính kèm theo Công văn 2937 (Công văn 948/BTTTT- PTTT&TTĐT ngày 16/03/2022) có đề cập đến dịch vụ truyền hình trả tiền trên mạng internet (“OTT TV”) của doanh nghiệp nước ngoài xuyên biên giới chưa tuân thủ về quản lý nội dung và dịch vụ của Việt Nam và phương thức thu cước chủ yếu thông qua hệ thống thanh toán của ngân hàng. Tuy nhiên, ngân hàng thương mại chưa rõ trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong việc phối hợp với vụ Thông tin Truyền Thông về quản lý nội dung và dịch vụ truyền hình cũng như các yêu cầu cụ thể đối với hoạt động thanh toán cho loại hình dịch vụ này, cũng như trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong việc kiểm tra tính hợp pháp và phù hợp pháp luật về quản lý ngoại hối của các khoản thanh toán cho đơn vị cung cấp OTT TV trong tình trạng tuân thủ về quản lý nội dung và dịch vụ của các đơn vị này. Do vậy, chúng tôi mong nhận được hướng dẫn cụ thể từ NHNN để có thể thực hiện Công văn 2937 và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. <u>BWG đã nhận được phản hồi của NHNN qua công văn 7270/NHNN-TT vào ngày 17/10/2022</u> Nhận thấy khó khăn của các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (“TCCUDVTT”) trong việc thực hiện đề nghị của Bộ TT&TT tại CV 948, cùng với việc gửi văn bản chỉ đạo các TCCUDVTT, NHNN (Vụ Thanh toán) cũng đã gửi văn bản cho Bộ TTTT. Trong đó, nêu những khó khăn của ngành ngân hàng trong quá trình thực hiện; làm rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc quản lý hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đề nghị Bộ TTTT: (i) nghiên cứu, hoàn thiện quy định quản lý dịch vụ OTT TV xuyên biên giới trên nền tảng Internet; (ii) có biện pháp ngăn chặn, gỡ bỏ các sản phẩm, dịch vụ không phù hợp với quy định; (iii) cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết để các TCCUDVTT có cơ sở thực hiện. Trường hợp các TCCUDVTT có khó khăn trong quá trình thực hiện đề nghị của Bộ TTTT, các TCCUDVTT có thể trực tiếp có ý kiến với Bộ TTTT (Cục phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).	BWG tiếp tục phối hợp làm việc với NHNN & Bộ TT&TT trong vấn đề này.

21.	(BWG ban Thị trường tài chính) Bù trừ trong giao dịch phái sinh	BWG kiến nghị cho phép Bù trừ trong giao dịch phái sinh. - 2021: BWG và NHNN đã trao đổi và phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng Dự thảo sửa đổi Thông tư 01/2015/TT-NHNN, thông qua hình thức đóng góp ý kiến cho Dự thảo và tổ chức 2 cuộc họp kỹ thuật để trao đổi các vướng mắc, đề xuất sửa đổi trong TT 01. Thông tư 25/2021/TT-NHNN sửa đổi bổ sung Thông tư 01 đã quy định NHTM, chi nhánh NHNNg được thực hiện thanh toán ròng (bù trừ) trong giao dịch phái sinh lãi suất.	Do vấn đề bù trừ trong giao dịch phái sinh còn liên quan tới Luật Phá sản, BWG đề xuất tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN, Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân Tối cao trong quá trình sửa đổi Luật Phá sản và các quy định liên quan.
22.	(Ban Pháp chế - Tuân thủ và Công nghệ Thông tin) Nghị định 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật An ninh mạng	- Tháng 9/2022, BWG phối hợp cùng VBF gửi công văn tới Bộ Công an, NHNN, Bộ KH&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 53. Trong thời gian tới, BWG đề xuất NHNN hỗ trợ cùng kiến nghị trao đổi với Bộ Công an về cách hiểu và áp dụng một số điều khoản liên quan như sau: <i>1. Đối tượng điều chỉnh của Điều 26, 27 Nghị định 53:</i> <i>Khoản 11 Điều 2 Nghị định 53 về định nghĩa “Doanh nghiệp trong nước”</i> <i>- Khoản 12, Điều 2 Nghị định 53.</i> <i>2. Các dịch vụ/lĩnh vực liên quan:</i> Điều 26, Khoản 3, tiết a - một số lĩnh vực chưa có định nghĩa trong các quy định pháp luật Việt Nam liên quan hoặc có cách hiểu khác nhau trong từng lĩnh vực. Đề nghị làm rõ. <i>3. Yêu cầu về việc lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam:</i> <i>Điều 26, Khoản 5 quy định: 5. Hình thức lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam do doanh nghiệp quyết định.</i> <i>4. Loại dữ liệu phải lưu trữ tại Việt Nam: Điều 26, Khoản 1</i> - Ngày 22/12/2022, Bộ Công an đã phối hợp với Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam VBF tổ chức Hội thảo phổ biến ND 53 tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên vẫn còn nhiều điều cần làm rõ hơn để triển khai phù hợp quy định liên quan trong ngành Ngân hàng.	BWG mong muốn phối hợp cùng NHNN cùng kiến nghị trao đổi với Bộ Công an về cách hiểu và áp dụng một số điều khoản liên quan trong ngành Ngân hàng.

C) NHÓM 3: CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ DỨT ĐIỂM TRONG 2022

23.	BWG Ban PCRT (AML) Công văn 830/TTGSNH11 ngày 27 tháng 05 năm 2019 Công văn số 1080/NHNN-TT ngày 21 tháng 02 năm 2020 Công văn số 233/NHNN-QLNH ngày 26 tháng 03 năm 2020 Công văn số 551/TTGSNH5 ngày 14 tháng 05 năm 2020 Công văn số 585/NHNN-TT ngày 10 tháng 08 năm 2020	<u>Trích dẫn từ Công văn: 200824BWGVBF ngày 24 tháng 8 năm 2020:</u> Các công văn nêu trên đã cung cấp một số danh sách với khoảng 330 trang websites được cảnh báo là cung cấp dịch vụ đánh bạc/cá độ trực tuyến có dấu hiệu vi phạm pháp luật và trò chơi điện tử chưa được cấp phép. Các website này có thể đang hoạt động và/hoặc ngừng hoạt động và/hoặc chỉ hoạt động tại một số thời điểm nào đó. Các ngân hàng được yêu cầu: 1. Tăng cường rà soát, giám sát, ngăn chặn các giao dịch bất hợp pháp; 2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật các danh sách websites, ứng dụng có dấu hiệu vi phạm nêu tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 tại các websites của Bộ Thông tin và truyền thông là https://www.mic.gov.vn/; và 3. Báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như Cục Phòng chống rửa tiền; Cơ quan công an Quận /Huyện hoặc Tỉnh, Thành phố trên địa bàn). I. Khó khăn trong việc thực hiện yêu cầu theo các công văn: 1. Thiếu thông tin của người thụ hưởng, đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) 2. Không thể kiểm soát giao dịch dựa vào nội dung thanh toán 3. Không có hướng dẫn cụ thể tại trang điện tử của Bộ thông tin và truyền thông <u>4. Kiến nghị:</u> - Đối với các ngân hàng không cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ trên mạng hoặc cung cấp máy chấp nhận thẻ (máy POS), Ngân hàng chỉ thực hiện kiểm tra một lần để đảm bảo không mở tài khoản cho các cá nhân, tổ chức mà có đầy đủ các thông tin định danh được liệt kê trong các công văn nêu trên. Đối với các website không có thông tin định danh đầy đủ của các cá nhân hoặc tổ chức thụ hưởng hoặc điều hành, chúng tôi sẽ không thể kiểm tra do thiếu thông tin. - Đối với các ngân hàng có cung cấp các dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ trên mạng hoặc cung cấp máy chấp nhận thẻ (máy POS), chúng tôi sẽ yêu cầu khách hàng cam kết không cung cấp dịch vụ cho các đối tượng vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì một số công văn được ghi nhận cấp độ Mật nên chúng tôi không thể cung cấp chi tiết thông tin chi tiết.	ĐÃ XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp làm việc với Bộ Thông tin - Truyền thông và cập nhật cho NHNN (nếu cần thiết).
-----	--	---	--

		II. Cần hướng dẫn thêm về việc ngăn chặn giao dịch bất hợp pháp khác BWG cũng mong muốn được NHNN tư vấn và hỗ trợ trong việc phát hiện và ngăn chặn không chỉ hành vi đánh bạc, cá cược mà còn cả các giao dịch bất hợp pháp khác trong lĩnh vực thanh toán thẻ (kinh doanh tiền điện tử, đầu kéo hư cấu, cờ bạc và kinh doanh ngoại hối, v.v.) Chúng tôi muốn nhấn mạnh vai trò quan trọng của NHNN cũng như hệ thống Mạng Thanh toán trong cuộc chiến chống tội phạm này. - BWG đã nhận được phản hồi của NHNN vào ngày 28/9/2020 BWG tiếp tục mở rộng vấn đề liên quan tới việc kiểm soát các giao dịch dịch trò chơi trực tuyến và đã trao đổi tích cực với NHNN và Bộ Thông tin – Truyền thông trong năm 2021. <i>(Vui lòng tham khảo chi tiết tại điểm 17 - Kiểm soát các giao dịch liên quan tới trò chơi trực tuyến chưa được cấp phép)</i>	
24.	(BWG Ban Thị trường tài chính) Phương án thay thế cho các lãi suất tham chiếu IBOR	BWG hỗ trợ NHNN trong việc triển khai áp dụng việc chuyển đổi lãi suất LIBOR. BWG & Vụ CSTT - NHNN đã phối hợp chặt chẽ trong việc trao đổi, cung cấp thông tin thị trường, thực tiễn triển khai.	ĐÃ XỬ LÝ
25.	(BWG Ban Thị trường tài chính & Ban Pháp chế - Tuân thủ) Nghị định về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	BWG đã đóng góp ý kiến vào Dự thảo Nghị định. Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Điều 2. Đối tượng áp dụng - Dự thảo Nghị định -Ngân hàng kiến nghị bổ sung “hoạt động cho vay của chi nhánh ngân hàng nước ngoài “ vào Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, và “chi nhánh ngân hàng nước ngoài” vào Điều 2. Đối tượng áp dụng của Dự thảo Nghị định để đảm bảo thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Bổ sung “chi nhánh ngân hàng nước ngoài” vào các nội dung tương ứng liên quan trong Dự thảo Nghị định và Dự thảo Thông tư để đảm bảo thống nhất về mặt quy định.	ĐÃ XỬ LÝ
26.	(BWG Ban Thị trường tài chính, Ban Tài chính – kế toán)	BWG đã gửi công văn số 01-310822BWGVBF ngày 31/08/2022, 02-310822BWGVBF ngày 31/08/2022 nêu ra Một số khó khăn trong triển khai yêu cầu tại Công văn	ĐÃ XỬ LÝ

	& Ban Pháp chế - Tuân thủ) Công văn 5994/NHNN-CSTT về việc báo cáo mua, bán ngoại tệ của TCTD với khách hàng	5994/NHNN-CSTT về việc báo cáo mua, bán ngoại tệ của TCTD với khách hàng, các Ngân hàng nước ngoài thành viên. Tại Công văn số 150922BWGVBF, BWG đã cập nhật và báo cáo với NHNN về thực tiễn thực hiện và cách tiếp cận chung của các thành viên BWG như trong quá trình các ngân hàng đang nỗ lực nghiên cứu và triển khai theo yêu cầu của NHNN. BWG đã tiếp tục trao đổi và nhận được sự hỗ trợ tích cực từ Vụ CSTT - NHNN trong việc triển khai phù hợp.	
27.	(Ban Pháp chế - Tuân thủ & Ban Tài chính Tiêu dùng) Giao dịch thẻ cho mục đích đóng góp vào quỹ từ thiện, tổ chức tôn giáo	<u>Trích dẫn Công văn số. 100522BWGVBF của BWG gửi NHNN vào ngày 10/05/2022</u> Theo quy định tại Tiết đ Khoản 3 Điều 17 Thông tư 19/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2019/TT-NHNN về nguyên tắc sử dụng thẻ, phạm vi sử dụng thẻ ngân hàng: Trên thực tế, một số khách hàng của các ngân hàng thành viên BWG phát sinh nhu cầu giao dịch thẻ cho mục đích đóng góp vào quỹ từ thiện và các tổ chức tôn giáo có trụ sở tại Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Các loại giao dịch này được phân loại vào nhóm Mã danh mục đơn vị chấp nhận thẻ (MCC) 8398, 5931, 8661. Dựa vào định nghĩa về MCC của Tổ chức Thẻ Quốc Tế (TCTQT) (Visa/ MasterCard), BWG được biết định nghĩa của các MCC này như sau: - MCC 8398 là mã ngành của tổ chức cung ứng dịch vụ xã hội và từ thiện, bao gồm cơ sở khám chữa bệnh y tế, nhà thuốc, quỹ từ thiện, v.v... - MCC 5931 là mã ngành của cơ sở bán hàng gia dụng, phụ kiện, quần áo, sách vở, nhạc cụ, xe đạp, v.v... kể cả hàng đã qua sử dụng được đóng góp gây quỹ từ thiện. - MCC 8661 là mã ngành của tổ chức tôn giáo, đền chùa, nhà thờ, thiền viện, tu viện... có chức năng tổ chức nghi lễ tôn giáo, các khóa tu tập, thiền định, tu học, v.v... Theo cách phân loại của 3 mã MCC này, TCTQT dùng chung MCC cho hoạt động thương mại hàng hóa, cung ứng dịch vụ và gây quỹ từ thiện, gây quỹ cho các tổ chức tôn giáo. Cách thiết lập quản lý mã MCC như vậy dẫn đến một số khó khăn nhất định cho TCPHT trong việc quản lý và giám sát các giao dịch thẻ tại các MCC này. Hiện nay, BWG nhận thấy pháp luật Việt Nam không cấm hoạt động đóng góp vào quỹ từ thiện hoặc cho tổ chức tôn giáo và nhu cầu giao dịch thẻ cho mục đích đóng góp vào quỹ từ thiện và các tổ chức tôn giáo của khách hàng tăng cao. Để làm rõ thêm về phạm vi sử dụng thẻ cho các giao dịch thẻ với mục đích trên, BWG kính mong Quý NHNN hướng dẫn nhằm phục vụ nhu cầu khách hàng và kiểm soát hoạt	ĐÃ XỬ LÝ

		động thẻ một cách thực tiễn, đảm bảo thực hiện theo các quy định của pháp luật. - BWG đã nhận được công văn số 5667/NHNN-TT phản hồi của NHNN vào ngày 16/08/2022	
28.	(BWG BWG Ban Tài chính Tiêu dùng) Điều 24.2 Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng	- BWG đã gửi tới NHNN Công văn số 210414BWGVBF ngày 14/4/2021 để cập nhật về quá trình chấp hành quy định tại Điều 24.2 Thông tư 19/2016/TT-NHNN. - BWG đã nhận được công văn hướng dẫn và tiếp tục trao đổi với NHNN để thực hiện triển khai phù hợp.	ĐÃ XỬ LÝ
29.	(BWG Ban Pháp chế & Tuân thủ) Quyết định 2182/QĐ-TTg năm 2020 về Danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực Ngân hàng	BWG đã gửi ý kiến đóng góp tới NHNN ngày 2/3/2021. 1. Định nghĩa về các thông tin thuộc các danh mục bí mật nhà nước Chúng tôi nhận thấy các BMNN được quy định tại Quyết định 2182 chỉ bao gồm các thông tin, tài liệu do NHNN hoặc các cơ quan khác tạo ra hoặc ban hành, không bao gồm các thông tin, tài liệu tạo bởi TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do vậy, chúng tôi hiểu là chỉ các tài liệu nêu tại Quyết định 2182 phải được bảo quản theo các quy định về bảo vệ BMNN. Đối với các tài liệu hay thông tin tạo ra bởi TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và được yêu cầu bảo quản theo chế độ khác nhưng không thuộc danh mục BMNN tại Quyết định 2182 thì cần được bảo quản trên cơ sở an toàn, bảo mật phù hợp với quy định nội bộ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng không phải thực hiện bảo quản theo các quy định về bảo vệ BMNN. 2. Sửa đổi các quy định về lưu trữ tài liệu trong ngành Ngân hàng Thông tư 43/2011/TT-NHNN quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ trong ngành ngân hàng và Quyết định 1913/2005/QĐ-NHNN về Chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng. Chúng tôi đề xuất hai văn bản này được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình mới, đặc biệt trong thời đại công nghệ 4.0 khi có nhiều văn bản đã được lưu trữ điện tử.	ĐÃ XỬ LÝ

		<u>2021:</u> NHNN đã gửi BWG email phản hồi các khuyến nghị của BWG ngày 11/05/2021. <u>2022:</u> 2. Về sửa đổi các quy định về lưu trữ tài liệu trong ngành Ngân hàng - Về đề nghị sửa đổi Thông tư thay thế Thông tư 43/2011/TT-NHNN: Ngày 29/12/2021, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư 22/2021/TT-NHNN quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2022 thay thế Thông tư 43/2011/TT-NHNN quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ trong ngành ngân hàng. - Về đề nghị sửa đổi Quyết định 1913/2005/QĐ-NHNN về Chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng: Hiện nay NHNN đã có kế hoạch sửa đổi, bổ sung Quyết định 1913/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, đề nghị BWG có ý kiến cụ thể về những vướng mắc thực tế phát sinh khi áp dụng Quyết định 1913 nói riêng cũng như việc lưu trữ tài liệu kế toán nói chung. NHNN sẽ nghiên cứu, tiếp thu các vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của NHNN trong quá trình sửa đổi, ban hành văn bản. Đối với những vướng mắc liên quan đến Luật, Nghị định, thông tư không thuộc thẩm quyền, NHNN sẽ phối hợp với nhóm công tác ngân hàng trong việc tham vấn ý kiến của các Bộ, ban ngành khác.	
30.	(BWG Ban PCRT) Về việc Thực hiện các lệnh cấm giao dịch liên quan đến Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (VRB)	BWG đã gửi Công văn số 21032022BWGVBF ngày 21/3/2022 tới Cục PCRT (NHNN) với nội dung như sau: Nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến các biện pháp trừng phạt, Nhóm công tác ngân hàng xin thông báo với Cục PCRT rằng tất cả các tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên của VBF sẽ không được phép thực hiện các giao dịch liên quan đến thanh toán VRB qua các kênh thanh toán, bao gồm nhưng không giới hạn: Hệ thống thanh toán liên ngân hàng (CITAD) của NHNN, Dịch vụ Chuyển tiền Liên ngân hàng 24/7 của Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) và Dịch vụ chuyển mạch thẻ NAPAS. Với những lý do nêu trên, BWG kiến nghị NHNN hiểu được phương thức tiếp cận trên cơ sở rủi ro và hỗ trợ cho các thành viên của BWG để áp dụng các biện pháp hạn chế theo yêu cầu tuân thủ đảm bảo rằng khách hàng của chúng tôi không giao dịch với tổ chức nằm trong danh sách bị chỉ định cấm vận. BWG cũng gửi Công văn tới Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) đề nghị NAPAS tạm thời ngắt kết nối giữa VRB với các ngân hàng nước ngoài theo như	ĐÃ XỬ LÝ

		danh sách các thành viên BWG là thành viên NAPAS. - Tại Công văn số 495/2022/CV-NAPAS.PTKD ngày 27/6/2022, NAPAS đã <i>xác nhận không thể hỗ trợ yêu cầu của BWG</i> và sẽ tiếp tục làm việc với BWG cho đến khi có chỉ đạo mới từ các Bộ ban ngành có liên quan.	
31.	(BWG Ban Tài chính – Kế toán) Hóa đơn điện tử	2020: - BWG gửi công văn số 200918BWGVBF tới Bộ Tài chính xin hướng dẫn cho một số vấn đề sau đây: - Thời điểm bắt buộc triển khai hóa đơn điện tử - Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp đến cơ quan thuế - Thời điểm lập hóa đơn điện tử - Doanh Nghiệp Áp Dụng Phát Hành Hóa Đơn Điện Tử Trong Thời Gian Kể Từ Ngày Nghị Định 123/2020 Ban Hành Đến Ngày 30/6/2022 Thì Áp Dụng Quy Định Tại Nghị Định Nào - Hướng dẫn cụ thể về phát hành hóa đơn cho các sản phẩm đặc thù của ngân hàng - BWG đã họp với Bộ Tài chính về vấn đề (d) trên vào ngày 25/11/2020. Bộ Tài chính phản hồi như sau: “Ban hành, áp dụng, hiệu lực Nghị Định 123: Theo quy định tại Thông tư 88/2020/TT-BTC ngày 30/10/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử vẫn đang tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Nghị Định 51/2010/NĐ-CP, Nghị Định 04/2014/NĐ-CP và Thông Tư 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính và Quyết định 1209/2015/QĐ-BTC năm 2015 của Bộ Tài chính áp dụng thí điểm. Các văn bản đang thực hiện vẫn tiếp tục thực hiện. Nếu doanh nghiệp có điều kiện áp dụng trước hóa đơn điện tử theo Nghị Định 123/2020/NĐ-CP thì có thể được phép áp dụng nhưng phải viết Công văn và được sự chấp thuận của Cơ quan thuế địa phương. Tiến trình áp dụng Nghị Định 123/2020/NĐ-CP khác với quá trình hiện hành. Hóa đơn điện tử là hệ thống giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế: cơ sở vật chất, hạ tầng giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp. Tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP và thông Tư 88/2020/TT- BTC đã nêu rõ hiệu lực thi hành.	ĐÃ XỬ LÝ

	Về thủ tục hành chính và hóa đơn, Nghị Định 123/2020/NĐ-CP có mẫu đăng ký thành lập doanh nghiệp mới, đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử. Nếu doanh nghiệp mới thành lập thì áp dụng theo quy định hiện hành. Nếu chọn hóa đơn điện tử thì áp dụng Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP và Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Tại thời điểm hiện tại đã có đủ cơ sở xác định hiệu lực bằng văn bản. Trường hợp cụ thể thì kiến nghị lên cơ quan thuế để giải quyết vướng mắc. BWG gửi công văn số 02-141021BWGVBF ngày 14/10/2021 tới Bộ Tài Chính và Tổng cục Thuế đóng góp ý kiến và nêu lại một số điểm cần các hướng dẫn chính thức của BTC và TCT cho một số vấn đề sau đây: 1) Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp đến cơ quan thuế 2) Thời điểm lập hóa đơn điện tử 3) Hướng dẫn cụ thể về phát hành hóa đơn cho các sản phẩm đặc thù của ngân hàng. <u>2021 – Phản hồi của Bộ Tài chính:</u> TCT đã có Công văn số 10/TCT-CS ngày 5/1/2022 trả lời công văn số 02-141021BWGVBF về vấn đề này. <u>2022– Phản hồi của Bộ Tài chính:</u> Ngày 21/3/2022, BWG gửi Công văn số 210322BWGVBF tới Bộ Tài Chính và Tổng cục Thuế đưa ra đề xuất hướng dẫn về Hóa đơn điện tử. Trong đó, BWG trình bày thực tiễn triển khai yêu cầu nâng cấp hệ thống hóa đơn điện tử và một số khó khăn trong quá trình thực hiện Quyết định 206. Qua đó, BWG kính đề nghị Tổng Cục thuế hiểu và chia sẻ những khó khăn, vướng mắc trong giai đoạn vừa qua và chấp thuận cho các ngân hàng thành viên BWG áp dụng thời gian chuyển đổi hóa đơn điện tử và truyền dữ liệu tới Tổng Cục thuế từ ngày 01/07/2022 như quy định tại Nghị Định 123 và Thông Tư 78, thay vì thời gian áp dụng từ tháng 4 năm 2022 như yêu cầu tại Quyết định 206. TCT đã có Công văn số 1648/TCT-CS ngày 10/5/2022 trả lời Công văn số 210322BWGVBF về vấn đề này. <u>2022 - Phản hồi của NHNN:</u> Theo quy định hiện hành, việc hướng dẫn hóa đơn điện tử vẫn đang áp dụng theo quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP và Thông tư 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính và Quyết định 1209/2015/QĐ-BTC năm 2015 của	
--	---	--

		Bộ Tài chính áp dụng thí điểm. Kể từ ngày 01/7/2022, các tổ chức, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị Định 123/2020/NĐ-CP và Thông tư 88/2020/TT-BTC ngày 30/10/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn điện tử. Vấn đề này đã được Bộ Tài chính trả lời BWG tại cuộc họp ngày 25/11/2020 theo báo cáo của BWG, trong đó, Bộ Tài chính đã nêu rõ nếu có vướng mắc thì kiến nghị Cơ quan Thuế để được giải quyết. Do vậy, vấn đề này Cơ quan Thuế (Bộ Tài chính) là đơn vị giải đáp tồn tại, vướng mắc của BWG, NHNN là đơn vị cập nhật thông tin để biết, theo dõi.	
32.	(BWG Ban Tài chính – Kế toán) Lộ trình chuyển đổi áp dụng IFRS tại Việt Nam	Ngày 16/3/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam gồm 3 giai đoạn: chuẩn bị (2020-2021), thí điểm (2022-2025), áp dụng (từ sau 2025). Việc áp dụng IFRS trong lĩnh vực ngân hàng: Bộ Tài chính đã ban hành quy định về áp dụng IFRS và đã đến lúc các ngân hàng phải áp dụng tiêu chuẩn mới này. Khối các Ngân hàng mong muốn nhận được các hướng dẫn thêm từ NHNN trong việc triển khai áp dụng IFRS cho ngành ngân hàng đặc thù. Quá trình áp dụng dự kiến sẽ phức tạp và đòi hỏi nhiều nguồn lực (nhân lực và chi phí để thu hút các chuyên gia tư vấn bên ngoài) cũng như tác động dự kiến đáng kể tới hoạt động của các ngân hàng. BWG mong muốn biết được lộ trình chi tiết, kỳ vọng của NHNN để sẵn sàng chuẩn bị triển khai. <u>2022 – Phản hồi của Vụ Tài chính- Kế toán, NHNN:</u> Căn cứ quy định tại Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam, NHNN đã có Quyết định số 1701/QĐ-NHNN ngày 29/10/2021 phê duyệt “Đề án Xây dựng giải pháp và lộ trình áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế đối với hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam” vào Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp Bộ năm 2021 nhằm xác định đối tượng, lộ trình, phương án áp dụng IFRS cho các TCTD phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn. Tại điểm a khoản 2.1.1 Điều 2 Quyết định số 345/QĐ-BTC quy định giai đoạn chuẩn bị (2020-2021) cho lộ trình áp dụng IFRS như sau: “- Xây dựng và ban hành Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam. Thời gian thực hiện: Đến trước tháng 3/2020.	ĐÃ XỬ LÝ BWG tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính và cập nhật, phối hợp cùng NHNN để sẵn sàng chuẩn bị triển khai phù hợp.

		- Thành lập Ban dịch thuật và soát xét, hoàn thành bản dịch IFRS sang tiếng Việt. Thời gian thực hiện: Đến trước tháng 12/2020. - Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp công bố bản dịch IFRS sang tiếng Việt. Thời gian thực hiện: Đến trước tháng 3/2021. - Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cách thức áp dụng IFRS; Bổ sung, sửa đổi và ban hành mới một số cơ chế tài chính liên quan đến việc áp dụng IFRS. Thời gian thực hiện: Đến trước 15/11/2021. - Đào tạo nguồn nhân lực, quy trình triển khai cho các doanh nghiệp.” Tuy nhiên, hiện nay Bộ Tài chính vẫn chưa công bố bản dịch IFRS sang tiếng Việt cũng như chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cách thức áp dụng IFRS; Bổ sung, sửa đổi và ban hành mới một số cơ chế tài chính liên quan đến việc áp dụng IFRS như trong lộ trình quy định. Thực tế hiện nay, nhận thức rõ những lợi ích cũng như những thách thức khi triển khai áp dụng IFRS, trên cơ sở nền tảng và kinh nghiệm triển khai của ngân hàng mẹ tại các quốc gia đã áp dụng IFRS, hầu hết các ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và một số ngân hàng thương mại cổ phần trong nước đã tự nguyện lập báo cáo tài chính theo IFRS. Theo đó, liên quan đến lộ trình áp dụng IFRS nói chung, IFRS 9 nói riêng, về nguyên tắc, các TCTD Việt Nam sẽ thực hiện theo lộ trình chung cho các doanh nghiệp thuộc các loại hình kinh tế khác quy định tại Quyết định số 345/QĐ-BTC. Tuy nhiên, để triển khai áp dụng IFRS nói chung, IFRS 9 nói riêng, các TCTD cần xem xét, xác định dữ liệu để phát triển mô hình và tính toán tổn thất tín dụng dự kiến (ECL) trên cơ sở sử dụng cả dữ liệu lịch sử về tổn thất tín dụng và các biến số kinh tế vĩ mô; đồng thời, phải bổ sung, sửa đổi các chính sách và quy trình liên quan đến phát triển sản phẩm, đầu tư, khóa sổ và lập BCTC, đánh giá và trình bày kết quả đánh giá mô hình kinh doanh, đánh giá rủi ro tín dụng riêng lẻ, quản trị mô hình... Do đó, việc xây dựng lộ trình áp dụng IFRS cần có thời gian để xem xét tổng thể. Trong thời gian qua, được sự chấp thuận của Phó Thống đốc Đào Minh Tú, Vụ TCKT đã phối hợp với Trường Bồi dưỡng cán bộ Ngân hàng và Công ty Kiểm toán KPMG tổ chức chương trình bồi dưỡng về Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế cho cán bộ một số đơn	
--	--	---	--

		vị Vụ, Cục có liên quan đến việc xây dựng và triển khai lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam (Vụ TCKT, Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Pháp chế, Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính). Trong thời gian tới, Vụ TCKT sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện khảo sát nhu cầu, khả năng áp dụng IFRS tại các TCTD và đánh giá tác động của việc áp dụng IFRS để làm cơ sở đưa ra lộ trình cụ thể.	
33.	(BWG Ban Tài chính Tiêu dùng) Nghị định 91/2020/NĐ-CP chống tin nhắn rác, thư điện tử, cuộc gọi rác	- BWG đã gửi CV số 210407BWGVBF tới Bộ TTTT, NHNN ngày 7/4/2021: nêu rõ vấn đề và khó khăn của các Ngân hàng hiện chưa đáp ứng được yêu cầu từ chối nhận email tiếp thị của khách hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định 91/2020 ngay lập tức. NĐ-CP về phòng chống tin nhắn rác, email rác và cuộc gọi rác. Các ngân hàng nước ngoài thường mất 2-4 ngày làm việc để thông báo nội bộ, thực hiện các thủ tục thay đổi trên hệ thống toàn cầu. - Đề xuất: Bộ TTTT phối hợp với NHNN xem xét đưa ra hướng dẫn và chấp nhận các phương pháp thực hiện phù hợp từ các Ngân hàng để đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu và các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm tránh lãng phí nguồn lực, thời gian, chi phí và giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh trong các dịch vụ tài chính. - Bộ TTTT có CV số 2634/BTTTT-QHQT ngày 19/7/2021 phúc đáp CV của BWG như sau: “Việc chấm dứt thư điện tử, tin nhắn quảng cáo, gọi điện quảng cáo quy định tại khoản 4, Điều 13 và khoản 3, Điều 20 của Nghị định 91 là quan trọng để đảm bảo quyền lợi của người dung trước vấn nạn thư điện tử, tin nhắn, cuộc gọi rác. Các biện pháp này cần được triển khai tự động, đồng bộ, dựa vào các công cụ, phần mềm. Khoản 1, Điều 13; Khoản 1 Điều 11 của Nghị định 91 quy định về nguyên tắc gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo, gọi điện quảng cáo. Bộ TT&TT yêu cầu trước khi gửi tin nhắn quảng cáo, gọi điện quảng cáo tới khách hàng, các Ngân hàng cần phải kiểm tra kỹ, đảm bảo khách hàng đó không nằm trong danh sách DNC (Danh sách không quảng cáo). Ngoài ra, hiện nay việc kết nối đến Danh sách DNC được thực hiện dễ dàng và Bộ TTTT (Cục An toàn Thông tin) có hướng dẫn chi tiết tại website ais.gov.vn. Đề nghị các ngân hàng truy cập để thực hiện theo hướng dẫn.”	ĐÃ XỬ LÝ BWG sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và cập nhật tới NHNN trong quá trình sửa đổi và xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện về phòng chống tin nhắn rác, email rác và cuộc gọi rác.
34.	(Ban Tài chính Kế toán & Ban Công nghệ Thông tin & An ninh mạng)	Trong công văn số: 01072022BWGVBF ngày 01/07/2022 gửi Bộ Tài Chính và Tổng cục Thuế, BWG đã nêu một số thách thức và vấn đề cần được hướng dẫn và cân nhắc hỗ trợ đối với việc thực hiện yêu cầu tại công văn số 1305/TCT-KK. Cụ thể là: (1.a) hệ thống ngân hàng lõi – core banking và trung tâm dữ liệu của các TCTD nước ngoài không đặt ở	ĐÃ XỬ LÝ.

Công văn số 1305/TCT-KK của Tổng cục Thuế về việc triển khai cung cấp thông tin tài khoản của người nộp thuế	Việt Nam; (1.b) quy trình phát triển – sửa đổi hệ thống nghiêm ngặt và tốn nhiều thời gian để áp dụng một hệ thống đồng nhất trên toàn thế giới; (1.c) yêu cầu trùng lặp về việc cung cấp cùng loại thông tin về tài khoản Doanh nghiệp với các định dạng khác nhau gửi tới TCT và các Cơ quan Thuế địa phương; (1.d) xin hướng dẫn của TCT về việc ngân hàng gửi trực tiếp dữ liệu đó đến TCT mà không cần đối chiếu dữ liệu, nếu các ngân hàng đảm bảo rằng dữ liệu của họ đáp ứng các yêu cầu về thông tin dữ liệu của TCT. Kiến nghị: (i) Kính đề nghị TCT - BTC xem xét lùi quy định ngày nộp báo cáo lần đầu tiên vào 01/01/2023. (ii) Chúng tôi hiểu rằng các quy định được ban hành chính thức từ phía Tổng cục Thuế sẽ có hiệu lực thay thế các thông tin dữ liệu & yêu cầu được ban hành bởi các Cục thuế địa phương. Kính đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu của chúng tôi. Kính đề nghị TCT – BTC xác nhận cách hiểu của chúng tôi tại điểm 1.d trong công văn này về lựa chọn của Ngân hàng liên quan tới việc đối chiếu dữ liệu và đăng ký tiếp nhận dữ liệu mã số thuế của người nộp thuế với TCT TCT đã trả lời một số thắc mắc và khuyến nghị của BWG như sau: (i) Về yêu cầu gia hạn ngày nộp báo cáo đầu tiên vào ngày 1 tháng 1 năm 2023, TCT chủ trương không đồng ý với đề xuất này của BWG. Thay vào đó, TCT sẽ hỗ trợ từng ngân hàng theo kênh làm việc riêng của TCT. TCT khuyến nghị các ngân hàng nếu gặp khó khăn sẽ liên hệ trực tiếp với bộ phận có trách nhiệm của TCT để giải quyết từng trường hợp cụ thể và không đưa ra giải pháp chung cho toàn BWG. (ii) Về dữ liệu & yêu cầu do Cục thuế địa phương cấp: Đối với yêu cầu cung cấp thông tin chi tiết giao dịch, Cục thuế địa phương sẽ gửi văn bản chính thức (không phải dạng điện tử) đến ngân hàng. Các ngân hàng có trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu này. (iii) TCT – BTC xác nhận hiểu của BWG tại điểm 1.d là đúng.	
--	---	--

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KINH TẾ SỐ

MỞ ĐẦU

Sau khi thế giới thay đổi cách sinh hoạt để thích nghi với giãn cách xã hội và làm việc từ xa, các doanh nghiệp và cá nhân ngày đang chuyển sang sử dụng các nền tảng và dịch vụ số để thực hiện các hoạt động xoay quanh cuộc sống hàng ngày. Đại dịch đã đẩy nhanh quá trình chuyển đổi của nền kinh tế sang nền kinh tế số và chứng minh sự cần thiết của các chính sách và quy định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực này. Nền kinh tế số được coi là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm, đóng góp vào việc phục hồi kinh tế sau đại dịch. Tuy nhiên, chính phủ cần đảm bảo mọi người dân đều có thể truy cập các công cụ và dịch vụ số là cần thiết nhằm tạo ra sự công bằng trong thời gian chuyển dịch này.

Trong tài liệu này, chúng ta sẽ xem xét những cách thức mà nền kinh tế số có thể hỗ trợ phục hồi kinh tế sau COVID và những thách thức cần giải quyết để đảm bảo rằng nền kinh tế số công bằng, toàn diện và bền vững. Bên cạnh đó, chúng ta sẽ xem xét các vấn đề khác nhau cần được giải quyết trong nền kinh tế số, bao gồm an ninh mạng, quyền riêng tư cá nhân trong không gian mạng, quyền truy cập của người dân, các quy định về nền tảng số, việc làm và tự động hóa trong thời đại số, thuế, quản trị dữ liệu và quyền sở hữu trí tuệ. Chúng tôi cũng sẽ đưa ra khuyến nghị về vai trò của các Chính phủ trong việc giải quyết những vấn đề này và đề xuất các giải pháp để đảm bảo rằng nền kinh tế số mang lại lợi ích cho tất cả mọi người.

Nền kinh tế số ngày càng trở nên quan trọng trong đại dịch COVID-19 và để khắc phục hậu quả sau COVID là sự suy thoái kinh tế, Chính phủ có vai trò quan trọng trong việc giải quyết điều phối và đưa ra giải pháp để vượt qua các thách thức trong giai đoạn này. Chính phủ có thể thiết lập các quy định và chính sách để bảo vệ cơ sở hạ tầng quan trọng và các thông tin nhạy cảm khỏi các cuộc tấn công mạng, đưa ra chính sách và luật để bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư dữ liệu, tạo ra các chính sách và chương trình để đảm bảo rằng mọi công dân đều có quyền truy cập vào nền kinh tế số và các kỹ năng cần thiết để tham gia vào nó, tạo ra các quy định để ngăn chặn sự tập trung quyền lực vào một số công ty công nghệ lớn và thúc đẩy cạnh tranh trong nền kinh tế số, tạo ra các chính sách và chương trình để hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi tự động hóa, xây dựng luật và quy định để đảm bảo các doanh nghiệp số đóng thuế hợp lý, thiết lập các quy định và chính sách để đảm bảo việc sử dụng và quản lý có trách nhiệm dữ liệu do các nền tảng và dịch vụ số tạo ra cũng như bảo đảm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều quan trọng là Chính phủ cần hiểu tầm quan trọng của nền kinh tế số trong thời kỳ hiện tại và hậu COVID để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm, đồng thời thực hiện các biện pháp thích hợp để giải quyết các thách thức và vấn đề trong lĩnh vực này nhằm đảm bảo lợi ích của nền kinh tế số là toàn diện cho tất cả mọi người.

I. XÂY DỰNG NĂNG LỰC SỐ CỦA VIỆT NAM TẠI CHÂU Á

1. Xây dựng năng lực cốt lõi xoay quanh Sáu công nghệ số

Xây dựng năng lực cốt lõi trên "Sáu công nghệ số" là điều cần thiết để đảm bảo rằng một quốc gia có khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế số toàn cầu. Những công nghệ này bao gồm Trí tuệ nhân tạo, Dữ liệu lớn, Điện toán đám mây, Internet vạn vật, 5G và Chuỗi khối. Làm chủ các công nghệ này sẽ cho phép các quốc gia phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo ra nhiều việc làm mới.

Việt Nam đã chứng minh tiềm năng của mình trong ngành blockchain, đặc biệt là qua việc có một số lượng đáng kể các công ty phát triển blockchain và một số công ty khởi nghiệp thành công trong lĩnh vực này. Mặc dù chưa thể nói Việt Nam là một trong những quốc gia dẫn đầu toàn cầu về công nghệ blockchain, nhưng Chính phủ đã chủ động thực hiện các bước để phát triển công nghệ, ưu tiên đầu tư và nghiên cứu bằng việc thành lập các cơ sở nghiên cứu để khám phá các ứng dụng tiềm năng trong lĩnh vực tài chính, logistics cùng các lĩnh vực khác.

Khi tham gia vào thị trường cạnh tranh toàn cầu trong lĩnh vực công nghệ, các thách thức cần được giải quyết để xây dựng năng lực cốt lõi về các công nghệ này:

- Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu và phát triển: Chính phủ nên ưu tiên nguồn lực hoặc kinh phí để đầu tư cho nghiên cứu và phát triển các công nghệ này.
- Phát triển đội ngũ nhân tài số: Thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài số là những hoạt động cốt lõi để xây dựng năng lực cốt lõi.
- Mở cửa tiếp cận thị trường toàn cầu: Kinh tế số là một sân chơi rộng mở, Việt Nam càng sớm tham gia và chấp nhận quy luật thị trường càng có lợi thế.
- Phát triển cơ sở hạ tầng số: xương sống của nền kinh tế số là cơ sở hạ tầng số để hỗ trợ triển khai và sử dụng các công nghệ này.

Để giải quyết những thách thức này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp:

- Khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và phát triển: Chính phủ có thể cung cấp các ưu đãi về thuế và tài trợ cho nghiên cứu và phát triển để khuyến khích các công ty và tổ chức đầu tư vào các công nghệ này.
- Thúc đẩy nguồn nhân tài số: Chính phủ có thể đầu tư vào các chương trình giáo dục và đào tạo để phát triển nguồn nhân tài số cho các công ty.
- Thúc đẩy thương mại quốc tế: Chính phủ có thể cung cấp hỗ trợ và nguồn lực để giúp các công ty và tổ chức tiếp cận thị trường toàn cầu và mở rộng phạm vi hoạt động.
- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng số: Chính phủ có thể đầu tư vào cơ sở hạ tầng số như internet tốc độ cao, trung tâm dữ liệu và cơ sở điện toán đám mây để hỗ trợ triển khai và sử dụng các công nghệ này.
- Khuyến khích hợp tác công tư: Chính phủ có thể thúc đẩy sự hợp tác giữa khu vực công tư để chia sẻ chuyên môn, nguồn lực và kiến thức.

2. Ưu tiên xây dựng các công nghệ nền tảng (AI, Data, Cloud, SW)

Trong tương lai, các công nghệ tiên tiến như Trí tuệ nhân tạo, Dữ liệu lớn, Điện toán đám mây và Phát triển phần mềm sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Những công nghệ này sẽ cách mạng hóa các ngành công nghiệp, tạo ra những cơ hội mới và đồng thời giải quyết các thách thức cấp bách nhất hiện nay.

Trước khi ưu tiên phát triển các công nghệ này, chúng ta cũng phải nhận thức được những rủi ro và thách thức tiềm ẩn mà chúng mang lại. Ví dụ, khi sử dụng và khai thác sức mạnh của trí tuệ nhân tạo, cần đảm bảo rằng việc này sẽ không tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội hoặc làm ảnh hưởng tới việc làm. Cũng như khi thu thập và sử dụng dữ liệu, chúng ta cũng phải đảm bảo về bảo vệ quyền riêng tư và bảo mật của các cá nhân.

Để giải quyết những thách thức này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp.

Đầu tiên, chúng ta phải đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để đảm bảo rằng Việt Nam luôn cập nhật tiến bộ công nghệ. Điều này có nghĩa là cung cấp kinh phí cho các trường đại học và công ty tiến hành nghiên cứu trong các lĩnh vực này và tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào các công nghệ tiên tiến.

Thứ hai, Chính phủ cần ưu tiên tạo ra và trang bị nguồn lực để làm việc với những công nghệ này. Điều này có nghĩa là đầu tư vào các chương trình đào tạo và giáo dục cung cấp cho người lao động những kỹ năng cần thiết để thành công trong nền kinh tế số, đặc biệt là trong các lĩnh vực AI, dữ liệu, đám mây và phát triển phần mềm.

Thứ ba, Chính phủ cần tạo ra các quy định đảm bảo rằng những công nghệ này được phát triển và sử dụng một cách có đạo đức và có trách nhiệm. Điều này đồng nghĩa với việc thiết lập các hướng dẫn sử dụng AI, dữ liệu, đám mây và phần mềm, đồng thời tạo cơ chế giám sát để đảm bảo rằng các công nghệ này không bị lạm dụng.

Cuối cùng, chúng ta phải làm việc để đảm bảo rằng lợi ích của những công nghệ này được chia sẻ bởi tất cả mọi người, bất kể vị thế của họ trong xã hội, đảm bảo công nghệ sẽ tạo cơ hội và giải quyết các vấn đề cấp bách, thay vì làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng hiện có.

3. Xây dựng hệ thống mạng nhanh hơn, an toàn hơn

Thế giới đang phát triển xung quanh công nghệ kết nối, điều này càng đẩy mạnh tầm quan trọng của hệ thống mạng ổn định và an toàn. Trong mọi hoàn cảnh, dù đó là vì công việc, giáo dục hay giữ liên lạc với gia đình, hệ thống mạng an toàn, nhanh là nền tảng để thực hiện các công việc này. Chính phủ cần nhận thức được những rủi ro và thách thức đi kèm với việc xây dựng hệ thống mạng nhanh hơn và đáng tin cậy. Ví dụ, khi Việt Nam muốn triển khai công nghệ 5G, Chính phủ và ngành viễn thông cũng phải đảm bảo rằng công nghệ mới này sẽ không tạo ra các lỗ hổng mới hoặc tăng khả năng sinh ra các cuộc tấn công mạng.

Để giải quyết những thách thức này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp.

Đầu tiên, chúng ta phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng cần thiết để xây dựng và duy trì một mạng nhanh hơn và an toàn hơn. Điều này có nghĩa là nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện có và xây dựng mạng lưới mới, đặc biệt là ở những khu vực chưa có dịch vụ.

Thứ hai, lĩnh vực viễn thông phải ưu tiên vào sự bảo mật của hệ thống mạng. Điều này đồng nghĩa với việc đầu tư vào các biện pháp an ninh mạng để bảo vệ chống lại các cuộc tấn công mạng và đảm bảo rằng các mạng của chúng ta có khả năng phục hồi trước các mối đe dọa tiềm tàng.

Thứ ba, Chính phủ cũng phải tạo ra các quy định đảm bảo rằng các nhà cung cấp mạng phải chịu trách nhiệm về tính bảo mật và độ tin cậy của mạng mà họ cung cấp. Điều này có nghĩa là thiết lập các nguyên tắc để các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tuân theo và tạo cơ chế giám sát để đảm bảo việc tuân thủ các hướng dẫn.

Thứ tư, Chính phủ phải làm việc để đảm bảo rằng lợi ích của những công nghệ này được chia sẻ bởi tất cả mọi người. Các chính sách mới cần đảm bảo rằng tất cả mọi người đều có thể tiếp cận những công nghệ này, bất kể họ là ai và trong hoàn cảnh như thế nào.

4. Xây dựng nguồn lực cho phát triển nền tảng số

Mục tiêu cuối cùng của Việt Nam trong lĩnh vực số là xây dựng một nền kinh tế số mạnh mẽ và bền vững, rõ ràng việc có một lực lượng lao động tài năng và lành nghề là điều cần thiết. Để cạnh tranh trên thị trường toàn cầu, điều quan trọng là phải ươm tạo nguồn lực công nghệ cao có thể làm nền tảng cho sự đổi mới và tăng trưởng trong tương lai.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này, có những thách thức và vấn đề tiềm ẩn cần được giải quyết. Ví dụ, đảm bảo rằng mọi công dân đều được tiếp cận với giáo dục và đào tạo cần thiết, bất kể tình trạng kinh tế xã hội của họ, để đảm bảo người dân đều được tiếp cận các kỹ năng cần thiết cho nền kinh tế số. Ngoài ra, với tốc độ thay đổi công nghệ nhanh chóng như hiện nay, một lượng lớn lực lượng lao động có nguy cơ tụt hậu, do đó cần phải đào tạo lại và nâng cao kỹ năng liên tục.

Do đó, đề xuất của chúng tôi là:

- Đầu tiên, Chính phủ phải đầu tư vào các chương trình giáo dục và đào tạo nhằm cung cấp cho công dân những kỹ năng cần thiết để thành công trong nền kinh tế số. Điều này có nghĩa là cung cấp kinh phí cho các trường đại học và cao đẳng tiến hành nghiên cứu trong các lĩnh vực này và tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào đào tạo và giáo dục.
- Thứ hai, ưu tiên tạo ra một lực lượng lao động hùng hậu được trang bị để làm việc với những công nghệ này. Điều này có nghĩa là đầu tư vào các chương trình đào tạo lại cho người lao động bị ảnh hưởng bởi tự động hóa và đảm bảo rằng họ có những kỹ năng cần thiết để thành công trong nền kinh tế số.
- Thứ ba, xây dựng các quy định để đảm bảo rằng các công nghệ này được phát triển và sử dụng một cách có đạo đức và có trách nhiệm. Điều này có nghĩa là thiết lập các hướng dẫn sử dụng AI, dữ liệu, đám mây và phần mềm, đồng thời tạo cơ chế giám sát để đảm bảo rằng các công nghệ này không bị lạm dụng.
- Cuối cùng, Chính phủ và cơ quan đại diện của họ phải làm việc để đảm bảo rằng lợi ích của những công nghệ này được chia sẻ bởi tất cả mọi người. Chúng ta phải tạo ra các chính sách đảm bảo rằng tất cả mọi người đều có thể tiếp cận những công nghệ này, bất kể tình trạng kinh tế xã hội của họ, và chúng được sử dụng để tạo cơ hội và giải quyết các vấn đề cấp bách thay vì làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng hiện có.

5. Thúc đẩy ngành công nghiệp nền tảng số không giới hạn

Khi thế giới trở nên kết nối hơn, chúng ta cần phải thúc đẩy một ngành công nghiệp nền tảng số không giới hạn bằng cách phá vỡ các rào cản để thúc đẩy giao tiếp và tương tác nhằm giúp Việt Nam có thể mở ra những cơ hội mới để tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, các vấn đề chính hiện nay còn gây trở ngại với điều này:

- Đầu tiên, Chính phủ cần đảm bảo rằng các nền tảng số là mở và tất cả mọi người đều có thể truy cập được bằng cách loại bỏ các rào cản gia nhập và tạo cơ hội cho các nhóm thiểu số tham gia vào nền kinh tế số.
- Thứ hai, Chính phủ cần giải quyết vấn đề bảo mật và riêng tư dữ liệu. Với lượng thông tin cá nhân được chia sẻ trên các nền tảng số ngày càng tăng, điều quan trọng là Việt Nam phải có biện pháp bảo vệ mạnh mẽ để giữ cho thông tin này an toàn và bảo mật.

- Thứ ba, Việt Nam cần đưa ra chính sách về vấn đề độc quyền số. Khi một số công ty lớn thống trị ngành nền tảng số, Chính phủ Việt Nam và các cơ quan cần thúc đẩy cạnh tranh và ngăn chặn sự tập trung quyền lực vào một số ít công ty.

Để giải quyết những vấn đề này, chúng tôi đề xuất các giải pháp sau.

- Đầu tiên, Chính phủ phải tạo ra các chính sách và chương trình thúc đẩy hòa nhập số và loại bỏ các rào cản gia nhập với mọi người.
- Thứ hai, Chính phủ phải đầu tư vào các biện pháp an ninh mạng để bảo vệ thông tin cá nhân và ngăn chặn vi phạm dữ liệu.
- Thứ ba, Chính phủ phải tạo ra các quy định để thúc đẩy cạnh tranh trong ngành nền tảng số và ngăn chặn sự tập trung quyền lực vào một số ít công ty.
- Cuối cùng, Chính phủ phải đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để đảm bảo Việt Nam luôn cập nhật tiến bộ công nghệ trong nền tảng số. Điều này có nghĩa là cung cấp kinh phí cho các trường đại học và công ty tiến hành nghiên cứu trong các lĩnh vực này và tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào các công nghệ mới và sáng tạo. Bằng cách thúc đẩy ngành công nghiệp nền tảng số không giới hạn và giải quyết các vấn đề chính như tính toàn diện, quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu cũng như tính độc quyền, chúng ta có thể tạo ra một nền kinh tế số công bằng, toàn diện và bền vững cho tất cả mọi người.

II. SỰ MỞ RỘNG CỦA NỀN KINH TẾ SỐ TỚI CÁC NGÀNH DẠC

Thế giới ngày càng kết nối và được thúc đẩy bởi công nghệ, Chính phủ cần tăng cường năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ cũng như ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất và động lực tăng trưởng mới cho nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản. Điều này rất quan trọng để duy trì tính cạnh tranh trên thị trường toàn cầu, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm trong các lĩnh vực này.

- Một vấn đề là thiếu lực lượng lao động lành nghề. Thực tế là việc áp dụng công cụ trên nền tảng số không đồng đều giữa các ngành, để sử dụng công cụ này, các ngành cần phải có lực lượng lao động được đào tạo và có tay nghề cao, có thể cung cấp dịch vụ chất lượng cao và áp dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất, nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản – đây là những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Điều này có nghĩa là đầu tư vào các chương trình giáo dục và đào tạo cung cấp cho công dân những kỹ năng họ cần để thành công trong các lĩnh vực này.
- Một vấn đề khác là thiếu khả năng tiếp cận các công nghệ và công cụ số mới. Việc được tiếp cận, sử dụng và áp dụng các công cụ này rất cần thiết để các doanh nghiệp duy trì tính cạnh tranh và điều quan trọng là họ phải tiếp cận với các công nghệ mới nhất để cải thiện dịch vụ của mình cũng như tăng năng suất và hiệu quả trong các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản.
- Vấn đề thứ ba là thiếu sự hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp này là xương sống của ngành dịch vụ, sản xuất và các ngành nông nghiệp này, do đó cần đẩy mạnh khả năng hỗ trợ cần thiết để các ngành này phát triển.

Để giải quyết những vấn đề này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp.

- Đầu tiên, Chính phủ phải đầu tư vào các chương trình giáo dục và đào tạo để cung cấp cho người dân những kỹ năng cần thiết để họ thành công trong ngành dịch vụ, sản xuất, thậm chí cả nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản.
- Thứ hai, Chính phủ cũng phải tập trung vào việc tạo ra một lực lượng lao động mạnh mẽ được trang bị để làm việc với các công nghệ và công cụ số mới. Điều này có nghĩa là đầu tư vào các

chương trình đào tạo lại cho người lao động bị ảnh hưởng bởi tự động hóa và đảm bảo rằng họ có những kỹ năng cần thiết để thành công trong các lĩnh vực này.

- Thứ ba, Chính phủ cũng phải tạo ra các quy định đảm bảo rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ có quyền tiếp cận các nguồn lực và cơ hội giống như các công ty lớn hơn trong ngành dịch vụ, sản xuất, nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản. Điều này có thể bao gồm cung cấp các ưu đãi về thuế, cung cấp các khoản vay cho doanh nghiệp nhỏ và tạo các chương trình cung cấp hỗ trợ để giúp các doanh nghiệp này phát triển.
- Thứ tư, Chính phủ cũng phải nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, tạo hệ sinh thái thuận lợi cho các lĩnh vực này phát triển. Điều này có thể bao gồm cung cấp cơ sở hạ tầng, giám quan liêu, cung cấp khả năng tiếp cận tài chính và tạo môi trường kinh tế và chính trị ổn định.
- Cuối cùng, Chính phủ cũng phải tập trung thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới và công cụ số trong ngành dịch vụ, sản xuất, nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản. Điều này có thể bao gồm cung cấp kinh phí cho nghiên cứu và phát triển và tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ mới.

III. XÂY DỰNG XÃ HỘI SỐ CÓ TÍNH BAO TRÙM

1. Xây dựng không gian số an toàn cho mọi người dân

Điều quan trọng nhất trên nền tảng số là Chính phủ phải tập trung vào việc tạo ra một môi trường an toàn cho mọi công dân và đảm bảo rằng mọi người đều có quyền truy cập và sử dụng lợi ích của thế giới số.

- Đầu tiên là quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số. Điều này bao gồm khả năng truy cập internet tốc độ cao, thiết bị số và kỹ năng số. Đây là các yếu tố có thể hạn chế khả năng của người dân trong việc tham gia đầy đủ vào nền kinh tế số và tiếp cận các dịch vụ quan trọng như chăm sóc sức khỏe và giáo dục.
- Một vấn đề khác là nguy cơ tội phạm mạng và vi phạm dữ liệu. Khi nhiều thông tin cá nhân được chia sẻ trực tuyến, Chính phủ cần phải đảm bảo rằng thông tin cá nhân của công dân được giữ an toàn và bảo mật.
- Vấn đề thứ ba là tác động của công nghệ đối với sức khỏe tinh thần và hạnh phúc của người dân. Chính phủ phải đảm bảo công dân đang sử dụng nền tảng số một cách có trách nhiệm và lành mạnh.

Để giải quyết những vấn đề này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp.

- Đầu tiên, chúng ta phải đầu tư vào các chương trình và cơ sở hạ tầng cung cấp quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số cho mọi công dân, bất kể tình trạng kinh tế xã hội của họ.
- Thứ hai, Chính phủ phải đầu tư vào các biện pháp an ninh mạng để bảo vệ và ngăn chặn vi phạm dữ liệu thông tin cá nhân.
- Thứ ba, Chính phủ phải tạo ra các quy định và chính sách đảm bảo việc sử dụng có trách nhiệm công nghệ số và thúc đẩy các thói quen lành mạnh.
- Thứ tư, Chính phủ cũng phải đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để hiểu tác động của công nghệ số đối với sức khỏe tinh thần và hạnh phúc của người dân, đồng thời phát triển các giải pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực, đồng thời đảm bảo rằng lợi ích của công nghệ số được chia sẻ cho tất cả mọi người, không một ai bị bỏ lại phía sau trong thời đại số.

2. Chuẩn bị cho cộng đồng số mới hình thành

Xây dựng cộng đồng số có nghĩa là xây dựng cơ sở hạ tầng số, cung cấp kiến thức số và khả năng tiếp cận các công cụ và dịch vụ số, đồng thời tận dụng công nghệ số để tạo cơ hội mới cho người

dân. Chính phủ và các công ty có trách nhiệm tạo ra một cộng đồng nơi công dân có thể tham gia đầy đủ vào nền kinh tế số và tiếp cận các dịch vụ quan trọng như chăm sóc sức khỏe và giáo dục, bất kể tình trạng kinh tế xã hội của họ. Thuật ngữ "sinh ra trong thời đại số" dùng để chỉ những cá nhân lớn lên trong một thế giới phụ thuộc nhiều vào công nghệ số và việc tăng khả năng tiếp cận các công cụ và dịch vụ số khiến người dân cảm thấy thoải mái khi sử dụng chúng. Bằng cách đảm bảo rằng mọi công dân đều có quyền truy cập vào công nghệ số và có kỹ năng sử dụng nó, Việt Nam có thể tạo ra một cộng đồng nơi mọi người đều có thể tham gia vào nền kinh tế số và tiếp cận những lợi ích mà nó mang lại, bất kể họ có phải là người "sinh ra trong thời đại số" hay không.

Nếu không được quản lý tốt, khoảng cách giữa nhóm có quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số và nhóm không có, có thể gây ra một số vấn đề như:

- **Bất lợi về kinh tế:** Các cá nhân không được tiếp cận với các công cụ và dịch vụ số có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm và xin việc, tiếp cận các cơ hội giáo dục và đào tạo cũng như tham gia vào nền kinh tế số, dẫn đến bất lợi về kinh tế.
- **Cách ly xã hội:** Những cá nhân không có quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số có thể gặp khó khăn trong việc kết nối với bạn bè và gia đình, tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ quan trọng khác cũng như tham gia các hoạt động cộng đồng, dẫn đến việc bị cô lập về mặt xã hội.
- **Khoảng cách số:** Khoảng cách về khả năng tiếp cận các công cụ và dịch vụ số có thể dẫn đến sự phân chia số, trong đó các cá nhân có quyền truy cập vào công nghệ số có lợi thế hơn những người không có quyền truy cập.
- **Bất lợi về giáo dục:** Học sinh không có quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số có thể gặp khó khăn trong việc hoàn thành bài tập về nhà, truy cập tài nguyên trực tuyến và tham gia học tập trực tuyến, dẫn đến bất lợi về giáo dục.
- **Bất lợi về sức khỏe:** Những cá nhân không có quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số có thể gặp khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dẫn đến bất lợi về sức khỏe.
- **Hạn chế cơ hội:** Những người không có quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số có thể có ít cơ hội tiếp cận thông tin, giáo dục, dịch vụ y tế và các lợi ích khác mà các công cụ và dịch vụ số có thể mang lại.
- **Tội phạm mạng và vi phạm dữ liệu:** Các cá nhân không có quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số có thể dễ bị tội phạm mạng và vi phạm dữ liệu hơn, điều này có thể dẫn đến tổn thất tài chính và tổn hại đến danh tiếng cá nhân.
- **Thiếu sự hiện diện:** Những người không thể tham gia vào thế giới số có thể không thể bày tỏ ý kiến, tham gia vào các quá trình chính trị và được đại diện trong quá trình ra quyết định, dẫn đến thiếu sự hiện diện trong thế giới số.

Những vấn đề này có thể có tác động đáng kể đến chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của cá nhân và có thể hạn chế khả năng tham gia đầy đủ vào xã hội của họ. Do đó, điều quan trọng là cần giải quyết khoảng cách giữa nhóm được tiếp cận với các công cụ và dịch vụ số và nhóm không được tiếp cận, để đảm bảo rằng mọi công dân đều được tiếp cận với những lợi ích của thế giới số và có cơ hội tham gia đầy đủ vào xã hội.

Có một số cách để đảm bảo rằng mọi công dân đều được chia sẻ lợi ích của thế giới số, đồng thời giảm khoảng cách giữa những người được tiếp cận với công nghệ số và những người không được tiếp cận bao gồm:

- **Cung cấp quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số:** Đầu tư vào các chương trình và cơ sở hạ tầng cung cấp quyền truy cập vào các công cụ và dịch vụ số, chẳng hạn như internet tốc độ cao và các thiết bị số, cho mọi công dân, bất kể tình trạng kinh tế xã hội của họ có thể giúp giảm thiểu phân chia và đảm bảo rằng mọi người đều có quyền truy cập vào những lợi ích của thế giới số.

- Các chương trình kiến thức số: Đầu tư vào các chương trình kiến thức số dạy công dân cách sử dụng các công cụ và dịch vụ số có thể giúp thu hẹp khoảng cách số và đảm bảo rằng mọi người đều có thể tham gia vào nền kinh tế số và tiếp cận những lợi ích mà nó mang lại.
- Thu hẹp khoảng cách số: Tạo ra các chính sách và chương trình thu hẹp khoảng cách số, chẳng hạn như cung cấp trợ cấp cho truy cập internet hoặc thiết bị số, có thể giúp đảm bảo rằng mọi công dân đều có quyền truy cập vào công nghệ số và có kỹ năng sử dụng nó.
- Sự tham gia của cộng đồng: Sự tham gia của công dân trong quá trình tạo ra các cộng đồng tái sinh số và tạo cơ hội cho công dân cung cấp thông tin đầu vào và phản hồi, có thể giúp đảm bảo rằng tất cả công dân đều có thể tham gia vào nền kinh tế số và tiếp cận những lợi ích mà nó mang lại.
- Đổi mới số và khởi nghiệp: Tạo cơ hội cho đổi mới số và khởi nghiệp, chẳng hạn như cung cấp kinh phí cho nghiên cứu và phát triển, có thể giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm trong các cộng đồng này, đồng thời đảm bảo rằng mọi công dân đều có thể tham gia vào nền kinh tế số và truy cập vào những lợi ích nó đã cung cấp.
- Quy định toàn diện: Việc tạo ra các quy định thúc đẩy cạnh tranh và ngăn chặn sự tập trung quyền lực vào một số công ty công nghệ lớn có thể giúp đảm bảo rằng lợi ích của nền kinh tế số được chia sẻ bởi mọi công dân, bất kể tình trạng kinh tế xã hội của họ.
- Cung cấp hỗ trợ có mục tiêu: Chính phủ có thể cung cấp hỗ trợ có mục tiêu cho các nhóm cụ thể như hộ gia đình có thu nhập thấp, khu vực nông thôn, người già và người khuyết tật để đảm bảo rằng họ không bị bỏ lại phía sau trong thời đại số.
- Hợp tác công-tư: Chính phủ và khu vực tư nhân có thể hợp tác để phát triển các chương trình đào tạo kỹ năng số, cung cấp các lớp xóa mù chữ số và các sáng kiến khác có thể giúp thu hẹp khoảng cách số.
- Đo lường và giám sát khoảng cách: Thường xuyên đo lường và giám sát khoảng cách số có thể giúp xác định các khu vực cần hỗ trợ thêm và theo dõi tiến trình giảm khoảng cách.
- Hợp tác với xã hội dân sự: Chính phủ nên hợp tác với các tổ chức xã hội dân sự như tổ chức phi lợi nhuận, nhóm cộng đồng và doanh nghiệp xã hội để tiếp cận và hỗ trợ các nhóm yếu thế, những người ít có khả năng tiếp cận với các công cụ và dịch vụ số.

IV. ĐỔI MỚI VĂN HÓA SỐ

1. Xây dựng văn hoá đổi mới sáng tạo thời đại số do khu vực tư nhân dẫn đầu

Việc xây dựng một nền văn hóa đổi mới sáng tạo số do khu vực tư nhân dẫn đầu là rất quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và khả năng cạnh tranh trong thời đại số. Một nền văn hóa đổi mới khuyến khích và hỗ trợ sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ mới, tạo ra việc làm mới và sự phát triển của các ngành công nghiệp mới. Tuy nhiên, những thách thức và xung đột pháp lý có thể cản trở sự đổi mới và kìm hãm tăng trưởng kinh tế.

Một trong những vấn đề chính cần được giải quyết là sự thiếu rõ ràng và nhất quán trong quy định. Điều này có thể tạo ra sự nhầm lẫn và không chắc chắn cho các công ty, khiến họ gặp khó khăn trong việc đổi mới và đầu tư vào công nghệ mới. Ngoài ra, xung đột giữa các cấp chính quyền khác nhau có thể tạo ra sự nhầm lẫn và không nhất quán trong các quy định, gây khó khăn cho các công ty trong việc định hướng môi trường pháp lý.

Để giải quyết những thách thức này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp:

- Xây dựng khung pháp lý rõ ràng và nhất quán: Chính phủ có thể nỗ lực xây dựng khung pháp lý rõ ràng và nhất quán mang lại sự chắc chắn cho các công ty và giúp thúc đẩy đổi mới.

- Khuyến khích đổi mới pháp lý: Chính phủ có thể khuyến khích đổi mới pháp lý bằng cách tạo ra một môi trường pháp lý linh hoạt cho phép thử nghiệm và thích ứng khi công nghệ phát triển.
- Giải quyết xung đột giữa các cấp chính quyền khác nhau: Chính phủ có thể giải quyết xung đột giữa các cấp chính quyền khác nhau bằng cách xây dựng cách tiếp cận quy định pháp luật thống nhất và có tính phối hợp.
- Khuyến khích hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân: Chính phủ có thể phối hợp với khu vực tư nhân để chia sẻ kiến thức chuyên môn và xây dựng các quy định thúc đẩy đổi mới đồng thời bảo vệ lợi ích công.
- Thiết lập quy trình rà soát quy định: Chính phủ có thể thiết lập quy trình rà soát thường xuyên để đánh giá và cập nhật các quy định nhằm đảm bảo chúng luôn phù hợp và hiệu quả.

Bằng cách thực hiện các giải pháp này, Chính phủ có thể giúp thiết lập văn hóa đổi mới do khu vực tư nhân dẫn đầu đồng thời giải quyết các thách thức và xung đột pháp lý có thể cản trở đổi mới và tăng trưởng kinh tế. Một khung pháp lý rõ ràng và nhất quán cùng với văn hóa đổi mới sáng tạo có thể tạo ra môi trường màu mỡ cho khu vực tư nhân phát triển, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và khả năng cạnh tranh.

Hơn nữa, Chính phủ có thể đóng vai trò là chất xúc tác để thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới số, thúc đẩy sự phát triển của văn hóa đổi mới sáng tạo. Bằng cách tạo ra các điều kiện kinh tế thuận lợi như giảm thuế, trợ cấp và hỗ trợ tài chính khác, các công ty Việt Nam và FDI có thể được khuyến khích đầu tư vào công nghệ và nghiên cứu mới, mang lại sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, tạo ra việc làm mới và mở rộng các ngành công nghiệp mới nổi. Điều này đặc biệt quan trọng trong thế giới hiện đại của chúng ta, nơi công nghệ đang thay đổi bản chất công việc và giải phóng thời gian cũng như nguồn lực của con người để khám phá những chân trời mới.

2. Xây dựng luật và quy định cho nền kinh tế và xã hội số

Việc soạn thảo hệ thống pháp luật cơ bản cho nền kinh tế và xã hội số là điều cần thiết để đảm bảo rằng mọi công dân đều chia sẻ lợi ích của thế giới số và nền kinh tế số hoạt động một cách công bằng, toàn diện và bền vững. Nếu không có luật pháp phù hợp, rất khó để giải quyết các vấn đề như an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, hòa nhập thời đại số và cạnh tranh trong nền kinh tế số.

Một trong những vấn đề chính cần được giải quyết là cần có luật pháp rõ ràng và toàn diện bao trùm nhiều vấn đề số. Điều này bao gồm các luật và quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân, ngăn chặn tội phạm mạng và đảm bảo rằng mọi công dân đều có thể truy cập các nền tảng và dịch vụ số.

Để giải quyết những thách thức này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp:

- Xây dựng khung pháp lý toàn diện: Chính phủ có thể hợp tác để xây dựng khung pháp lý toàn diện bao trùm nhiều vấn đề số, bao gồm an ninh mạng, quyền riêng tư dữ liệu, hòa nhập số và cạnh tranh trong nền kinh tế số.
- Tạo ra các luật và quy định cụ thể: Chính phủ có thể tạo ra các luật và quy định cụ thể để giải quyết các vấn đề số cụ thể, chẳng hạn như bảo vệ dữ liệu, hòa nhập thời đại số và các quyền liên quan đến kỹ thuật số.
- Thúc đẩy hợp tác quốc tế: Chính phủ có thể thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc xây dựng hệ thống pháp luật số để đảm bảo rằng các quy định nhất quán xuyên biên giới và các vấn đề số toàn cầu được giải quyết một cách hiệu quả.
- Khuyến khích tham vấn cộng đồng: Chính phủ có thể khuyến khích tham vấn cộng đồng và tham gia xây dựng hệ thống pháp luật số để đảm bảo rằng nhu cầu của mọi công dân đều được cân nhắc.

- Thiết lập quy trình đánh giá: Chính phủ có thể thiết lập quy trình đánh giá thường xuyên để đánh giá và cập nhật hệ thống pháp luật số nhằm đảm bảo rằng sự phù hợp và hiệu quả.

Bằng cách thực hiện các giải pháp này, Chính phủ có thể đảm bảo nền kinh tế số hoạt động một cách công bằng, toàn diện và bền vững, đồng thời đảm bảo mọi công dân đều được chia sẻ lợi ích của thế giới số. Pháp luật rõ ràng và toàn diện bao trùm nhiều vấn đề số là rất quan trọng để giải quyết các thách thức và vấn đề nảy sinh trong nền kinh tế và xã hội số. Nếu Chính phủ không hành động để chuẩn bị luật pháp cơ bản cho nền kinh tế và xã hội số, nó có thể dẫn đến một số vấn đề như:

- Thiếu quyền riêng tư và bảo mật khiến các cá nhân có thể gặp rủi ro bị xâm phạm dữ liệu và thông tin cá nhân của họ và các công ty có thể không có sẵn các quy định cần thiết để bảo vệ chống lại tội phạm mạng.
- Bảo vệ người tiêu dùng không đầy đủ dẫn đến người tiêu dùng có thể có nguy cơ bị các nền tảng và dịch vụ số lợi dụng và có thể không được bảo vệ đầy đủ trước gian lận và các hình thức lừa gạt khác.
- Hòa nhập trong thời đại số bị hạn chế: Các cá nhân và cộng đồng chưa được kết nối với thế giới số có thể bị bỏ lại phía sau và không thể tham gia đầy đủ vào nền kinh tế số.
- Tập trung thị trường: Nếu không có luật phù hợp, các nền tảng và dịch vụ số có thể trở nên áp đảo, dẫn đến thiếu sự cạnh tranh trên thị trường, từ đó người tiêu dùng phải chịu giá cả cao hơn và đổi mới sáng tạo bị cản trở.
- Tăng trưởng kinh tế hạn chế: Nền kinh tế số cần có quy định để có thể phát huy hết tiềm năng, dẫn đến tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm hạn chế.
- Thiếu sự hiện diện: Nếu không có luật phù hợp, một số nhóm nhất định có thể không được hiện diện trong nền kinh tế và xã hội số, dẫn đến thiếu vắng sự hiện diện của họ trong quá trình ra quyết định. Khả năng tiếp cận các dịch vụ thông tin, giáo dục và y tế bị hạn chế: Nếu không có luật pháp phù hợp, một số nhóm nhất định có thể không được tiếp cận với các dịch vụ thông tin, giáo dục và y tế ở cùng mức độ như những nhóm khác, dẫn đến sự bất bình đẳng và chênh lệch.

Điều quan trọng là Chính phủ phải hành động để đưa ra hệ thống luật cơ bản cho nền kinh tế và xã hội số để giải quyết những vấn đề này và đảm bảo rằng nền kinh tế số hoạt động một cách công bằng, toàn diện và bền vững cho mọi người dân.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG

CHUẨN BỊ SẴN SÀNG CHO QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG

Nhóm Công tác Điện và Năng lượng của VBF (PEWG) hoan nghênh những kết quả tích cực mà ngành điện Việt Nam đã đạt được trong năm 2022, có thể kể đến việc sớm đưa vào vận hành nhiều công trình lưới điện giải tỏa công suất các nguồn năng lượng tái tạo và đảm bảo cung cấp đủ điện an toàn, tin cậy cho sinh hoạt và nhu cầu sản xuất tăng cao sau thời kỳ dịch bệnh. Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn Chính phủ Việt Nam đã sẵn sàng xem xét các ý kiến đóng góp và thảo luận cùng PEWG cũng như các đơn vị thuộc khối tư nhân trong lĩnh vực điện và năng lượng trong quá trình xây dựng Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Năm 2022, GDP của Việt Nam tăng 8,02% so với mức tăng chỉ 2,58% vào năm 2021. Đây là mức tăng trưởng hàng năm cao nhất kể từ năm 1997, một kết quả ấn tượng trong bối cảnh toàn cầu còn nhiều bất ổn và biến động. Tuy nhiên, những sự kiện và diễn biến trên toàn cầu trong năm qua càng cho thấy nhu cầu cấp bách cần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch năng lượng. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế ấy. Quá trình chuyển dịch năng lượng ở Việt Nam đi song hành với sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Chúng tôi nhận thấy mong muốn đẩy nhanh chuyển dịch năng lượng, sao cho vẫn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và đạt được mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045 của lãnh đạo Chính phủ Việt Nam. Chuyển dịch năng lượng sẽ mang lại cơ hội việc làm và xu hướng này sẽ ngày càng nhân rộng, tạo ra điều kiện cần thiết cho sự phát triển của năng lượng tái tạo.

Năm 2021, Việt Nam xếp thứ 65 trong số 115 quốc gia về mức độ sẵn sàng chuyển dịch năng lượng theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế Thế giới với số điểm 54 - mức trung bình toàn cầu. Điều này cho thấy Việt Nam đang còn cơ hội và không gian để đẩy mạnh quá trình chuyển dịch năng lượng. Lộ trình chuyển dịch theo hướng phát triển xanh và bền vững của Việt Nam không chỉ cần bảo đảm an ninh năng lượng mà còn phải đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các quy hoạch tổng thể ngành. Tuy nhiên, quá trình này cần có sự hỗ trợ từ các nước phát triển, thông qua hỗ trợ tài chính và kỹ thuật.

Tiếp nối các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, việc ký kết thỏa thuận Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) giữa Nhóm Đối tác Quốc tế và Việt Nam vào tháng 12 năm 2022 sẽ hỗ trợ cho các mục tiêu khí hậu đầy tham vọng của Việt Nam và sự tăng đáng kể của năng lượng tái tạo từ nay đến năm 2030. Điều này nhấn mạnh rằng Chính phủ, các tổ chức đa phương, khu vực tư nhân, ngân hàng, và những tổ chức lớn có tham gia vào lĩnh vực năng lượng đều đồng ý rằng lợi ích kinh tế ngắn hạn không thể bù đắp lại những tác động tiêu cực đến môi trường và có đủ các giải pháp thay thế bền vững hơn để theo đuổi những mục tiêu. Chúng tôi cũng nhận thấy những cam kết về phát thải và phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam trong JETP đã được phản ánh trong dự thảo Quy hoạch điện VIII vào tháng 12 năm 2022. Quy hoạch này còn ước tính chi phí đầu tư là 142 tỷ USD (126 tỷ USD cho phát điện và 16 tỷ USD cho lưới truyền tải điện) trong giai đoạn 2021-2030, phần lớn nguồn vốn đầu tư này phải đến từ khu vực tư nhân. Chúng tôi cho rằng việc sửa đổi Luật Điện lực gần đây sẽ tạo ra khuôn khổ thu hút thêm nguồn vốn từ khu vực tư nhân để hỗ trợ quá trình chuyển dịch năng lượng. Nhóm Công tác về Môi trường đã đề cập đến việc cải thiện khả năng tiếp cận tài chính khí hậu trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế trong bài phát biểu của họ nên chúng tôi sẽ không đi sâu vào chi tiết vấn đề này.

Đối với ngành điện, Việt Nam sẽ cần các dự án năng lượng khả thi về mặt kinh tế và tài chính. Tuy nhiên, để đảm bảo ổn định và tăng trưởng lưới điện, Việt Nam cũng phải đảm bảo phụ tải nền đủ để giảm phụ thuộc vào than. Chúng ta có thể làm được việc này bằng cách dùng điện khí/LNG linh hoạt và dần dần chuyển sang hydrogen để làm phụ tải nền, khuyến khích các giải pháp năng lượng tái tạo quy mô lớn độc lập không nối lưới và phát triển chương trình sử dụng năng lượng

hiệu quả, trong khi chuyển đổi sang dùng năng lượng tái tạo, hydrogen, điện gió và điện mặt trời có thể lưu trữ được.

Biểu giá điện hỗ trợ (FiT) cho các dự án năng lượng mặt trời và năng lượng gió là bằng chứng cho thấy chính sách có thể khuyến khích đầu tư vào năng lượng tái tạo như thế nào. Tuy nhiên, hàng nghìn MW công suất của những dự án này đang phải chờ xác định giá bán điện phù hợp cho cả nhà đầu tư và EVN theo khuôn khổ pháp lý hiện hành, do dự án không đáp ứng được thời hạn Ngày vận hành thương mại (COD) để được hưởng giá FiT ưu đãi. Mới đây Bộ Công Thương cũng vừa ban hành cách xác định khung giá cho các dự án chuyển tiếp này, tuy nhiên, vẫn cần thêm thời gian để EVN và các nhà đầu tư thống nhất giá bán cụ thể cho từng nhà máy điện. Một lần nữa, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng những dự án này là nguồn năng lượng sạch, và một số dự án đã sẵn sàng đi vào hoạt động. Chính vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, việc kịp thời có giải pháp cho những dự án chuyển tiếp này là cần thiết hơn bao giờ hết, trong khi chờ chính sách mới về giá bán điện cho các dự án năng lượng tái tạo.

Các dự án điện không nổi lưới, đặc biệt là hệ thống năng lượng mặt trời áp mái dưới hình thức hợp đồng mua bán điện PPA tại chỗ và hình thức tự đầu tư sẽ tiếp tục phát triển. Các dự án không nổi lưới này đã chỉ ra rằng bên phát điện và bên tiêu thụ điện có thể cùng nhau xây dựng các thỏa thuận mua bán điện dài hạn bền vững và những thỏa thuận này cần được cân nhắc và xét đến để EVN có thể xác định giá khi kết nối vào lưới điện quốc gia.

Trong bối cảnh Việt Nam ký kết JETP, từ đó mở ra nguồn tài chính quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu phát thải ròng bằng “0” của Việt Nam, các thành viên PEWG rất mong muốn thí điểm cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn (DPPA) sẽ sớm được phê duyệt. Chúng tôi cho rằng chương trình thí điểm này là một cơ chế quan trọng để thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư tư nhân, không chỉ trong lĩnh vực năng lượng mà còn trong các lĩnh vực khác, nơi các công ty đang tìm kiếm nguồn năng lượng xanh giá cả phải chăng khi họ đưa ra quyết định đầu tư. Không còn nhiều thời gian để các thành viên của chúng tôi thực hiện những cam kết và mục tiêu mà họ đã đặt ra trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Do đó, chúng tôi hy vọng có được sự hỗ trợ của Chính phủ trong việc trình duyệt chương trình thí điểm DPPA để chương trình này có thể được triển khai trong quý đầu tiên của năm mới 2023.

Nhóm Công tác Điện và Năng lượng ghi nhận điện gió ngoài khơi có tiềm năng lớn ở Việt Nam và trong tương lai có thể trở thành một phần của phụ tải cơ sở cho lưới điện quốc gia. Chúng tôi rất phấn khởi khi được trở thành thành viên của Nhóm Công tác về điện gió ngoài khơi nhằm chia sẻ kinh nghiệm và thực hành tốt ở các nước để hỗ trợ triển khai 4 GW điện gió đầu tiên. Gần đây, nhiều nhà đầu tư nước ngoài đang quan tâm đến việc phát triển trang trại điện gió lớn ngoài khơi tại Việt Nam. Tuy nhiên, để phát triển một dự án có cơ sở hạ tầng lớn như các trang trại gió ngoài khơi, Việt Nam cần đưa ra cơ chế và chính sách tạo sự ổn định và rõ ràng cho nhà đầu tư. Chúng tôi hy vọng các báo cáo của Nhóm Công tác về điện gió ngoài khơi sẽ cung cấp thêm thông tin tham khảo, đặc biệt là về việc sử dụng các vùng biển theo Luật Biển 2012 và Nghị định 11/2021. Chúng tôi cũng kính mong có được chỉ đạo của Chính phủ để các hoạt động khảo sát, phát triển các dự án điện gió ngoài khơi sớm được triển khai, để các dự án điện gió sớm được xây dựng và phát điện. Nếu có khung pháp lý phù hợp cho điện gió ngoài khơi thì Việt Nam có thể thu hút hàng tỷ đô la nguồn vốn đầu tư vào các dự án và hoạt động cung ứng vật tư thiết bị cho các dự án này, tạo ra hàng nghìn việc làm và tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế trong những năm tới.

Chúng tôi tin rằng pin dự trữ năng lượng có thể giúp giải quyết các thách thức trong quá trình tích hợp năng lượng tái tạo vào lưới điện, đảm bảo ổn định lưới điện và đóng vai trò then chốt trong việc đạt được mục tiêu trung hòa carbon của Việt Nam vào năm 2050. Vì vậy, chúng tôi hy vọng rằng Chính phủ sẽ sớm xây dựng khung pháp lý, cơ chế thị trường và các hướng dẫn liên quan để phát triển pin dự trữ năng lượng sạch, bền vững tại Việt Nam. Chúng tôi cho rằng về lâu dài, Việt

Nam còn có tiềm năng về pin lỏng sản xuất trong nước (làm từ sắt và nước muối) và có nguồn đất hiếm an toàn với môi trường, giá cả cạnh tranh để sản xuất pin và cuối cùng dùng vào sản xuất điện.

Hydrogen cũng đóng vai trò không nhỏ trong câu chuyện giải pháp dài hạn. Mặc dù chi phí sản xuất hydrogen hiện nay còn cao, nhưng khi sử dụng hydrogen cho công nghiệp và nông nghiệp thì cũng đem lại những ưu thế nhất định về chi phí. Những nghiên cứu và đầu tư quốc tế vào hydrogen sẽ giúp giá cả hydrogen phải chăng hơn trong tương lai. Do đó, các dự án điện gió ngoài khơi và LNG sắp được xây dựng cũng cần cân nhắc đến hydrogen.

Trong năm nay, Nhóm Công tác Điện và Năng lượng sẽ soạn thảo báo cáo Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam - ấn bản số 3, trong đó xoay quanh cách khu vực tư nhân có thể hỗ trợ thực hiện Quy hoạch điện VIII như thế nào, đặc biệt là trong việc thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân, cũng như hỗ trợ trong việc lập kế hoạch, vận hành, nâng cao năng lực, và chia sẻ những thực hành tốt để phát triển bền vững ngành điện. Kết quả thu được khi chúng tôi thực hiện khảo sát với khu vực tư nhân càng tái khẳng định rằng doanh nghiệp cần chính sách có tính dự đoán và lâu dài, bền vững trong dài hạn, cũng như sự minh bạch và nhất quán trong quá trình thực thi chính sách này khi đưa ra cân nhắc quyết định đầu tư. Trong đó, việc thực thi chính sách của chính quyền địa phương có thể được cải thiện hơn nữa, đặc biệt trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều phối giữa các Sở, Ban, Ngành trong quá trình thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư. Khu vực tư nhân cũng cho rằng Việt Nam sẽ còn cần đến nhiên liệu hóa thạch trong hơn 10 năm nữa trong quá trình chuyển dịch năng lượng nhằm đáp ứng mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Quá trình chuyển dịch này sẽ cần đến các nguồn tài chính từ quốc tế, do các ngân hàng và nhà đầu tư trong nước vẫn chưa sẵn sàng để cấp vốn cho các dự án quy mô lớn trong lĩnh vực điện mặt trời, điện gió ngoài khơi và hydrogen. Với những kết quả khảo sát sơ bộ này, PEWG sẽ thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, từ đó, cho thấy những nỗ lực, hỗ trợ của khu vực tư nhân đối với Việt Nam trong việc thực hiện JETP và trong quá trình chuyển đổi năng lượng để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

Xin chân thành cảm ơn,

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG

GIẢM PHÁT THẢI NGÀNH TÀI CHÍNH

Thay mặt Nhóm Công tác Môi trường, chúng tôi xin chúc mừng Chính phủ Việt Nam đã cam kết giảm lượng phát thải các-bon xuống mức 0% vào năm 2050. Nhóm Công tác Môi trường của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam mong muốn được tiếp tục hợp tác với Chính phủ để phát triển các khuôn khổ cần thiết nhằm thu hút khoảng 368 tỷ USD cần thiết để giảm phát thải nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng và giúp Việt Nam chuyển đổi thành quốc gia có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Trong vài năm tới, Việt Nam có cơ hội huy động nguồn vốn toàn cầu để tài trợ cho quá trình chuyển đổi. Trong năm 2022, NCT Môi trường đã ủy thác nghiên cứu về nguồn tài chính cho các nỗ lực giảm phát thải của Việt Nam. Trong tài liệu này, chúng tôi xin báo cáo về kết quả của nghiên cứu đó.

Việc giảm phát thải các-bon sẽ đòi hỏi nguồn tài chính khổng lồ từ khu vực tư nhân

Tăng trưởng kinh tế dài hạn, có khả năng chống chịu và giảm phát thải đòi hỏi chi phí đầu tư rất lớn. Sẽ ít tốn kém hơn và hiệu quả hơn nếu Việt Nam có thể huy động tài chính dự án thông qua các ngân hàng nước ngoài, cơ quan tín dụng xuất khẩu, quỹ hưu trí, quỹ cổ phần tư nhân và quỹ đầu tư khu vực nhà nước. Hiện tại, vốn ngoại đang sẵn sàng chờ để vào Việt Nam chứ chưa hiện diện ở các dự án hiện hữu. Cụ thể là thị trường tài chính trong nước đã cung cấp gần như toàn bộ vốn cho phát triển năng lượng mặt trời ở Việt Nam trong vài năm qua. Yếu tố then chốt để nhận được tài trợ cho các dự án này là khả năng tận dụng các mối quan hệ ngân hàng hiện có và tình hình tài sản, tài chính như được thể hiện qua bảng cân đối kế toán của công ty. Một số doanh nghiệp hiện đang có tình hình tài chính rất căng thẳng. Do đó, tài chính bảng cân đối kế toán có rất ít khả năng đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ cho quá trình chuyển đổi ngày càng tăng của Việt Nam, hiện được ước tính là 114 tỷ USD NPV đến năm 2040.¹ Việt Nam nên nhắm đến nguồn lực của khu vực tài chính nước ngoài, những lĩnh vực sử dụng nợ không truy đòi cho phép tăng trưởng cao hơn do không phụ thuộc vào bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp. Việc giảm thiểu và loại bỏ các rủi ro pháp lý, đồng thời phân bổ các rủi ro khác một cách hiệu quả sẽ giúp cho việc tài trợ trở nên khả thi với chi phí thấp hơn.

Không có lộ trình rõ ràng dẫn đến kết quả thị trường trong việc thu hồi dự án

Chúng tôi xin lấy ví dụ về việc các rào cản pháp lý đang tạo ra rủi ro, tăng chi phí vốn và dẫn đến mất cơ hội cho Việt Nam như thế nào trong lĩnh vực điện gió ngoài khơi.

Việc xây dựng một dự án điện gió ngoài khơi phải tuân theo 6 Luật, 10 Nghị định và Quyết định, cùng 7 Thông tư Hướng dẫn do VPCP, Bộ Công Thương, Bộ TN&MT, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Bộ KH&ĐT và Bộ NN&PTNT ban hành. Ủy ban nhân dân và các Sở ban ngành tương tự chịu trách nhiệm giám sát quy định ở cấp tỉnh. Mặc dù vậy, quy trình thủ tục cấp phép và xây dựng một dự án điện gió ngoài khơi vẫn chưa hoàn thiện, dẫn đến các cuộc đàm phán kéo dài và phải đưa ra quyết định cho từng trường hợp cụ thể.²

Các chủ đầu tư phát triển dự án điện gió ngoài khơi ước tính chi phí đầu tư ban đầu vào khoảng 100-150 triệu USD. Đây là khoản nợ có rủi ro cao trên bảng cân đối kế toán, trong đó lộ trình và thời gian đưa ra thị trường là những chỉ số chính về tính khả thi. Tiềm năng to lớn đối với Điện gió ngoài khơi đã thu hút các chủ đầu tư đến với Việt Nam, nhưng nếu lộ trình đưa ra thị trường không rõ ràng hoặc quá xa vời, họ sẽ rời đi. Trong trường hợp đó, họ cũng sẽ từ bỏ luôn lời hứa

¹ <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/37618> Ngân hàng Thế giới ước tính rằng Việt Nam sẽ cần khoảng 254 tỷ USD để thích ứng và 114 tỷ USD để giảm phát thải các-bon.

² <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0308597X22001270>

về phát triển chuỗi cung ứng trong nước và đào tạo kỹ năng, cũng như cung cấp các nguồn năng lượng điện tái tạo. Đó là tình huống mà chúng ta đang phải đối mặt khi không có các quy trình thủ tục hỗ trợ đầu tư vào điện gió ngoài khơi, và không có cơ chế nào để sửa đổi những quy trình hiện hành một cách có hệ thống. Tuy nhiên, nếu thủ tục được quy định rõ ràng và thời gian đưa ra thị trường hợp lý, việc đầu tư ban đầu sẽ có thể được thực hiện, các điều khoản về vốn xây dựng sẽ phản ánh rủi ro thấp hơn, phát triển kỹ năng và chuỗi cung ứng cũng như hạ giá thành cho người tiêu dùng điện.

Việc tăng giá điện có thể khuyến khích áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng

Biểu giá điện thấp cho lĩnh vực sản xuất là rào cản khác đối với đầu tư. Nhóm Công tác Điện và Năng lượng của VBF, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Tập đoàn Tài chính Quốc tế và nhiều tổ chức tài chính phát triển khác đã kêu gọi cải cách giá năng lượng, chỉ ra rằng cơ cấu biểu giá hiện tại khuyến khích lãng phí, dẫn đến nhu cầu bổ sung các nguồn năng lượng và không dẫn đến tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các cơ quan quản lý về năng lượng tại Bộ Công Thương và EVN đều hiểu rõ điều này. Chúng tôi hiểu rằng, đối với Chính phủ, giá điện là vấn đề chính sách gắn liền với khả năng chi trả của người tiêu dùng có thu nhập thấp và là một phần trong chính sách phát triển công nghiệp của Việt Nam, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước. Tuy vậy, chúng ta vẫn cần có lộ trình tăng giá điện cho lĩnh vực sản xuất, vừa là phương tiện để tăng hiệu quả vừa là cách để giảm dần khoảng cách giữa nguồn thu và chi phí của EVN.

Thuế các-bon hợp lý có thể tạo nguồn tài chính cho Quỹ Tài chính xanh của khu vực nhà nước

Tương tự, chúng tôi tin rằng thuế các-bon khiêm tốn, với nguồn thu được sử dụng cho quá trình giảm phát thải, có thể mang lại hiệu quả cao cùng với việc tăng giá. Ngân hàng Thế giới đã đề xuất mức thuế khởi điểm ban đầu là \$12 USD/tấn khí thải CO₂ tương đương. 12 USD/tấn là mức trung bình có trọng số của Thuế bảo vệ môi trường hiện hành đối với than, dầu diesel và xăng. Đây là những loại thuế đã được thanh toán, vì vậy sẽ không tạo ra gánh nặng giảm phát đối với nền kinh tế. Ngân hàng Thế giới đã đề xuất tăng mức thuế này lên 90 USD trong ba thập kỷ tới. Đây sẽ không phải là loại thuế đối với hàng cấm, giống như thuế thuốc lá. Thay vào đó, thuế các-bon, kết hợp với hạn mức phát thải theo Hệ thống mua bán phát thải dự kiến của Việt Nam, có thể mang lại nguồn thu để sử dụng cho Quỹ Tài chính xanh quốc gia được sử dụng nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch của khu vực sản xuất sang nền kinh tế các-bon thấp hơn. Theo cách này, thuế các-bon sẽ đóng vai trò chuyển giao giữa các công ty không có khả năng hoặc không sẵn sàng giảm lượng phát thải sang các công ty sẵn sàng giảm phát thải, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước hiện đang được hưởng lợi từ mức thuế thấp hơn.

Thuế các-bon và Tín chỉ bù đắp có thể tài trợ cho quá trình giảm phát thải các-bon trong nông nghiệp

Cuối cùng, chúng tôi cũng nhận thấy có nhiều khả năng khuyến khích giảm lượng khí thải trong nông nghiệp. Nông nghiệp đóng góp khoảng 1/3 tổng lượng phát thải khí nhà kính ở Việt Nam, chủ yếu ở dạng khí mê-tan (CH₃). Sản xuất lúa gạo là nguồn phát thải khí mê-tan chính từ nông nghiệp. Tưới nước ngập khô xen kẽ là một biện pháp giảm phát thải khí mê-tan trong đất từ canh tác lúa. Nghiên cứu được thực hiện ở tỉnh An Giang cho thấy nông dân tưới nước ngập khô xen kẽ có thể giúp giảm phát thải khí mê-tan với việc sử dụng ít hơn phân bón và hạt giống mà không làm giảm năng suất đáng kể. Một số tổ chức phi chính phủ đã phát triển các hệ thống để thực hiện tưới nước ngập khô xen kẽ tại Việt Nam. Tuy vậy, các biện pháp này chưa có nhiều tác động đến lượng phát thải. Nông dân cần được khuyến khích để áp dụng những thay đổi mới và tiềm ẩn rủi ro trong phương thức sản xuất.

Chúng tôi biết rằng các công ty trong nước đã phát triển hệ thống cảm biến và máy bơm có thể tự động hóa quá trình làm tưới ngập và để khô để đạt được năng suất tối ưu. Các hệ thống này rất tốn kém đối với hầu hết nông dân, và do đó, chúng tôi xin nhắc lại đề xuất kết chuyển nguồn thu từ thuế các-bon để tạo quỹ khí hậu xanh của khu vực nhà nước. Các khoản vay ưu đãi được cung cấp thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam có thể là một biện pháp khuyến khích áp dụng phương thức tưới nước ngập khô xen kẽ. Chúng tôi cũng nhận thấy cơ hội tạo doanh thu từ việc giảm phát thải thông qua việc bán tín chỉ bù đắp. Tín chỉ bù đắp có thể được sử dụng để giảm thêm chi phí đầu tư ban đầu và cung cấp cho nông dân một khoản thanh toán nhỏ hàng năm để tiếp tục sử dụng phương thức tưới nước ngập khô xen kẽ trên thực tế. Trong ngắn hạn, một chương trình bù đắp như vậy cần phải được thiết lập ở nước ngoài, nhưng về lâu dài, có thể được đưa vào các cam kết giảm phát thải của Việt Nam.

Kết luận

Có những vấn đề khác mà chúng tôi đã xem xét nhưng không thể trình bày trong bản khuyến nghị ngắn gọn này. Chúng tôi mong được tiếp tục phối hợp với Bộ TN&MT, Bộ CT và Bộ TC trong việc giải quyết những vấn đề nêu trên và tạo cơ hội lớn hơn để thu hút đầu tư của khu vực tư nhân vào quá trình giảm phát thải tại Việt Nam.

KHUNG THU HÚT ĐẦU TƯ CỦA KHU VỰC TƯ NHÂN VÀO VIỆC GIẢM PHÁT THẢI CARBON CHO NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

TÓM TẮT

Trong một báo cáo gần đây của một nhóm các nhà khoa học nổi tiếng đã kết luận rằng CO₂ có sẵn trong khí quyển sẽ tạo ra 1 nhiệt độ là 7-10 độ Cⁱ. Các nước phát triển chịu trách nhiệm cho khoảng một nửa CO₂ trong khí quyển hiện nay. Tuy nhiên, lượng khí thải từ các quốc gia này đang ổn định hoặc giảm, trong khi lượng khí thải từ các nước đang phát triển như Trung Quốc và Ấn Độ đang gia tăng một cách nhanh chóngⁱⁱ. Đây là lý do phần lớn nỗ lực giảm phát thải tập trung vào các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là ở Châu Á, nơi các nguồn phát thải đang gia tăng. Nồng độ CO₂ hiện tại trong khí quyển đạt mức trung bình là 412 phần triệu, cao hơn khoảng 40% so với thời kỳ tiền công nghiệp và tăng nhanh nhất trong giai đoạn tăng trưởng và tiêu dùng sau Thế chiến thứ 2.

Lượng phát thải khí nhà kính của Việt Nam chỉ chiếm khoảng 0.8% lượng phát thải toàn cầu, tương đối nhỏ nhưng đang tăng lên. Ba mươi năm trước, tổng lượng khí thải CO₂ của Việt Nam là khoảng 22,500 tấn, tương đương khoảng 300kg mỗi người. Đến năm 2022, tổng lượng khí thải đã tăng lên 321,400 tấn, tương đương khoảng 3,5 tấn mỗi người.

Ngành điện Việt Nam chiếm khoảng một nửa lượng khí thải CO₂ này. Theo sau là lĩnh vực công nghiệp với khoảng 30%, vận tải ở mức 16% và xây dựng là 6%. Nông nghiệp chỉ đóng góp 1% lượng khí thải carbon nhưng là nguồn chính tạo ra khí mê-tan và nitơ điôxít, cả hai đều tác động mạnh mẽ vào sự nóng lên toàn cầu trong thời gian ngắn. Nông nghiệp chiếm khoảng một phần ba tổng lượng khí thải nhà kính.

Ngân hàng Thế giới ước tính rằng *chỉ riêng* tác động của việc tăng nhiệt độ có thể khiến Việt Nam thiệt hại tổng cộng 12-14,5% GDP, hoặc chi phí tích lũy từ 400-523 tỷ USD vào năm 2050. Việc giảm những chi phí đó thông qua việc thích ứng và giảm thiểu sẽ đòi hỏi khoảng 368 tỷ USD trong 18 năm tới. Con số này bao gồm khoảng 254 tỷ đô la để thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm 219 tỷ đô la để nâng cấp tài sản tư nhân và cơ sở hạ tầng công cộng và 35 tỷ đô la cho các chương trình xã hội, và 114 tỷ đô la, bao gồm 64 tỷ đô la để giải quyết nhu cầu năng lượng tức thời, 17 tỷ đô la để giảm phát thải cacbon trong công nghiệp, giao thông vận tải và nông nghiệp, và 33 tỷ đô la cho các chương trình xã hội hỗ trợ để giảm phát thải và đạt mục tiêu phát thải ròng bằng không của Việt Nam.

Do đó, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để huy động đầu tư vào quá trình giảm thải cacbon có thể giảm chi phí dài hạn liên quan đến biến đổi khí hậu và đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng không của Việt Nam. Trên toàn cầu, một loạt các công cụ tài chính đang nổi lên. Bao gồm tái chế doanh thu thông qua định giá carbon và thị trường carbon; trái phiếu xanh và quỹ tài chính xanh; liên doanh đầu tư vào cơ sở hạ tầng xanh quy mô lớn; quỹ đổi mới xanh; các công ty dịch vụ năng lượng tái tạo, đơn vị phân loại đầu tư xanh, và nhiều công ty khác. Thật không may, các quy định, tiêu chuẩn và cơ chế tài chính để thực hiện các khoản đầu tư này vào quá trình giảm thải cacbon của Việt Nam chưa đầy đủ hoặc còn thiếu. Trong vài năm tới, Việt Nam có cơ hội huy động vốn toàn cầu để tài trợ cho quá trình chuyển đổi của mình, nhưng để làm được điều đó đòi hỏi sự phát triển nhanh chóng của cơ sở hạ tầng tài chính và pháp lý. Chúng tôi hy vọng tài liệu ngắn gọn này là một bản tóm tắt hữu ích về những hoạt động dự đoán đó.

GIỚI THIỆU

Chính phủ Việt Nam đã cam kết thực hiện một thách thức kép là giảm lượng khí thải carbon xuống mức 0 vào năm 2050, đồng thời đạt được vị thế nền kinh tế có thu nhập cao vào năm 2045. Để đạt tham vọng của đất nước vào viễn cảnh đạt được vị thế thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam đang cố gắng thực hiện trong hai mươi năm điều mà Hàn Quốc đã mất hơn 40 năm để làm... nhưng không có sự trợ giúp của nhiên liệu hóa thạch và công nghệ sử dụng nhiều carbon. Bất chấp những thách thức dường như không thể vượt qua, đặc biệt là khi đi kèm với tác động bất ổn tiềm tàng của biến đổi khí hậu, Việt Nam có thể đạt được những mục tiêu này. Tuy nhiên, để làm được điều đó, chính phủ Việt Nam sẽ cần đảm bảo quá trình giảm thải cacbon (và chuẩn bị ứng phó với biến đổi khí hậu nói chung) vẫn được đặt lên hàng đầu trong chương trình nghị sự chính sách của quốc gia.

Để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng không và tình trạng thu nhập trung bình tiên tiến đòi hỏi sự đóng góp đáng kể về tài chính, đổi mới và công nghệ từ khu vực tư nhân. Báo cáo nghiên cứu này, được soạn thảo bởi các thành viên của Nhóm Công tác Môi trường của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam ('EWG'), phác thảo cơ sở lý luận và chiến lược để đạt được những mục tiêu này. Tóm lại, VBF-EWG nhận thấy ba thách thức lớn:

- 1) Tăng khả năng tiếp cận tài chính khí hậu;
- 2) Khuyến khích áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng; và
- 3) Khuyến khích thực hành nông nghiệp giảm thải cacbon
- 4) Phát triển thị trường carbon tích hợp toàn cầu.

THÁCH THỨC

Tại Hội nghị biến đổi khí hậu của Liên Hiệp Quốc (COP26) vào tháng 11 năm ngoái, Thủ tướng Chính phủ đã công bố một mục tiêu đầy tham vọng là giảm lượng khí thải carbon của Việt Nam xuống mức ròng bằng 0 vào năm 2050. Bản chất đầy tham vọng của mục tiêu này được nâng cao bởi cam kết của Việt Nam trở thành một nền kinh tế có thu nhập trung bình tiên tiến vào năm 2045. Với số lượng và chất lượng đầu tư của khu vực tư nhân đang tìm kiếm cơ hội trong việc giảm thải cacbon của nền kinh tế Việt Nam, những mục tiêu này có thể được điều chỉnh phù hợp. Tuy nhiên, chính phủ sẽ có những hành động táo bạo để giải ngân khoản đầu tư hơn 300 tỷ USD cần thiết cho khu vực tư nhân để đạt được những mục tiêu đó.

Giải quyết thách thức kép về giảm thải cacbon trong nền kinh tế mà không kìm hãm tăng trưởng kinh tế xã hội sẽ đòi hỏi Việt Nam phải trở thành một nền kinh tế sáng tạo hơn, áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, đồng thời tạo ra và bảo vệ các công ty trong nước có năng lực kỹ thuật và cạnh tranh quốc tế. Khi so sánh với các nước phát triển hơn, Việt Nam đang có lợi thế ở chỗ không có chi phí cao trong công nghệ và cơ sở hạ tầng dựa trên nhiên liệu hóa thạch và do đó có thể vượt qua các nước phát triển trong việc áp dụng sản xuất điện và năng lượng tiên tiến.

Tầm quan trọng của việc sắp xếp các mục tiêu này không chỉ là mở khóa tăng trưởng kinh tế nhanh được hỗ trợ bởi các nguồn năng lượng giảm thải cacbon. Đó cũng là việc chuẩn bị cho Việt Nam đối phó với tác động tàn khốc của biến đổi khí hậu. Một bài báo gần đây của Giáo sư James Hansen - Đại học Columbia và những người khác đã kết luận rằng CO₂ đã có trong khí quyển sẽ tạo ra 7-10C nhiệt.¹ Nếu giáo sư Hansen nói đúng, mức độ nóng lên này sẽ làm cho các khu vực rộng lớn trên hành tinh không thể ở được, dẫn đến sự tuyệt chủng của các loài động thực vật, đồng thời tạo ra thời tiết khắc

¹ <https://arxiv.org/pdf/2212.04474.pdf>

nghiệt và nước biển dâng. Đây không phải là những dự đoán về tương lai xa. Ngân hàng Thế giới đã dự đoán rằng ²*chỉ riêng* nhiệt độ tăng có thể khiến Việt Nam thiệt hại tổng cộng 12-14,5% GDP, hoặc chi phí tích lũy từ 400-523 tỷ USD vào năm 2050. Là một trong những quốc gia rất dễ bị tổn thương trên thế giới, Việt Nam hiện chưa chuẩn bị tốt cho mức độ tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra. Hơn nữa, như kinh nghiệm về Covid của Việt Nam đã chứng minh, trong một thế giới kết nối toàn cầu, các sự kiện xảy ra bên ngoài Việt Nam vẫn có thể có tác động sâu rộng ở đây. Hãy xem xét Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của EU. Nếu được thực hiện đầy đủ vào năm 2023, CBAM sẽ đánh thuế khoảng 1 tỷ USD hàng xuất khẩu từ Việt Nam. Khi điều chỉnh các chính sách khí hậu nội bộ của mình, Việt Nam cũng phải nhìn ra bên ngoài biên giới của mình để biết cả các biến đổi khí hậu và các chính sách nhằm ứng phó với chúng.

Tại hội nghị thượng đỉnh COP 26 năm 2021, Thủ tướng Phạm Văn Chính đã cam kết đến năm 2050, quốc gia sẽ trung hoà carbon. Kể từ thời điểm đó, cam kết của ông đã được tích hợp vào tất cả các kế hoạch cấp bộ có liên quan. Tuy nhiên, ngành điện lại tụt hậu hàng đầu. Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022, một Nhóm Đối tác Quốc tế bao gồm EU, Anh, Mỹ, Nhật Bản, Đức, Pháp, Ý, Canada, Đan Mạch và Na Uy đã ký thỏa thuận Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Bình đẳng trị giá 15,5 tỷ USD với Việt Nam, gần như tất cả đều dưới dạng nợ, sẽ tài trợ đáng kể cho việc phát triển công suất năng lượng tái tạo của Việt Nam. Các cuộc kêu gọi đã được thực hiện để xin tài trợ cho dự án. Nhưng lưới điện của Việt Nam còn thiếu sót, và các quy định, tiêu chuẩn và cơ chế tài chính cần thiết để chuyển các nguồn vốn này thành các dự án khả thi còn hạn chế hoặc thiếu. Với mốc thời gian từ ba đến năm năm để thực hiện, liệu Việt Nam có thể tạo ra môi trường thuận lợi cần thiết để hấp thụ nguồn tài trợ này và đáp ứng nhu cầu liên tục về các nguồn điện mới không? Không thể phủ nhận tính cấp thiết mà Việt Nam cần giải quyết lượng khí thải của chính mình đồng thời dẫn đầu các nỗ lực của khu vực và quốc tế nhằm giảm phát thải trên toàn cầu.

Giảm thải cacbon, tăng trưởng kinh tế nhanh chóng sẽ đòi hỏi Việt Nam phải đầu tư đáng kể vào các lĩnh vực phát thải carbon chính của mình.

Ngân hàng Thế giới ước tính khoảng 254 tỷ USD, bao gồm 219 tỷ USD để nâng cấp tài sản tư nhân và cơ sở hạ tầng công cộng và 35 tỷ USD cho các chương trình xã hội, cần thiết để thích ứng với biến đổi khí hậu trong 18 năm tới. Con số này không bao gồm khoảng 64 tỷ đô la cần thiết để giải quyết những thiếu sót về năng lượng trước mắt của Việt Nam. Nó cũng không bao gồm khoảng 17 tỷ đô la để giảm thải carbon trong công nghiệp, giao thông vận tải và nông nghiệp và 33 tỷ đô la cho các chương trình xã hội hỗ trợ. Rất may, khung pháp lý cần thiết để giảm thải carbon cho nền kinh tế Việt Nam cũng giống như khung pháp lý cần thiết để thu hút sự hỗ trợ cho khu vực tư nhân nhằm chuẩn bị cho đất nước trước biến đổi khí hậu.³

Nếu Việt Nam muốn thu hút đầu tư của khu vực tư nhân vào một nền kinh tế carbon thấp hơn, Việt Nam sẽ cần ưu tiên xây dựng khung pháp lý để tạo điều kiện cân bằng lợi ích trong nước và quốc tế, hạ thấp rào cản gia nhập cho các doanh nghiệp mới phát triển các giải pháp giảm thiểu carbon và hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng nhiên liệu hóa thạch rút lui bằng cách phát triển các công cụ và cơ chế tài chính để tài trợ cho quá trình chuyển đổi.

³ Ngân hàng Thế giới ước tính rằng tổng nhu cầu tài chính gia tăng của Việt Nam để nâng cấp tài sản của đất nước, trang bị thêm và nâng cấp cơ sở hạ tầng công cộng hiện có và tài trợ cho trợ cấp xã hội có thể đạt 342-411 tỷ đô la trong giai đoạn 2022-2050 theo giá trị hiện tại ròng, tương đương khoảng 4,5-5,4% GDP mỗi năm.

Mặc dù điều này là khó khăn ngắn hạn, nhưng nó sẽ dẫn đến một nền kinh tế linh hoạt và năng động hơn nhiều trong dài hạn và đưa Việt Nam vào trung tâm chiến lược của cuộc cách mạng công nghệ sạch.

Trên toàn cầu, một loạt các công cụ tài chính như tái chế doanh thu thông qua định giá carbon và thị trường carbon, đang nổi lên. Chúng tôi lưu ý rằng Việt Nam đã có Thuế Bảo vệ Môi trường đối với nhiên liệu, bao gồm nhiên liệu lỏng như dầu diesel và nhiên liệu rắn như than đá, có thể được sử dụng cho mục đích này và đã lên kế hoạch áp dụng hệ thống mua bán khí thải vào năm 2025. Thủ tướng Chính phủ cũng đã yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu tính khả thi của thuế carbon mới. Ngân hàng Thế giới ước tính rằng thuế carbon là 12 đô la cho mỗi tCO₂e là mức trung bình của tỷ lệ EPT hiện tại đối với than, dầu diesel và xăng. Nếu bắt đầu vào năm 2023 ở mức 12 USD/tấn và tăng lên 90 USD/tCO₂e vào năm 2040, sự kết hợp giữa đầu tư theo ngành và thuế carbon sẽ giảm 42,8% lượng khí thải so với kịch bản BAU vào năm 2030 và 73,6% vào năm 2040.⁴

VIỆT NAM VÀ CARBON

Với 0,8% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu, đóng góp của Việt Nam vào biến đổi khí hậu vẫn còn khá nhỏ, đặc biệt là khi so sánh với Trung Quốc và Mỹ. Tuy nhiên, vì tác động của khí thải carbon là tích lũy, sự gia tăng cận biên là vô cùng quan trọng. Đây là lý do tại sao sự gia tăng nhanh chóng lượng khí thải từ Trung Quốc đã trở thành mối quan tâm toàn cầu và tại sao các nước đang phát triển như Việt Nam có thể có tác động lớn đến khí hậu. Đối với Việt Nam, lượng khí thải carbon cũng đang nhanh chóng trở thành vấn đề sức khỏe đáng lo ngại. Việt Nam bị thiệt hại kinh tế ước tính từ 10,8 đến 13,2 tỷ USD do ô nhiễm không khí mỗi năm, tương đương với 2.5% tổng sản phẩm quốc nội. Liên minh Toàn cầu về Sức khỏe và Ô nhiễm ước tính Việt Nam có 50.232 ca tử vong do ô nhiễm không khí trong năm 2017, và con số này đang tăng lên. Bị ảnh hưởng nhiều nhất là trẻ em, những người đang mắc hen suyễn liên quan đến ô nhiễm và những người trên 60 tuổi, những người có nguy cơ đau tim và đột quỵ khi mức độ ô nhiễm đáng báo động.⁵ Cuối cùng, biến đổi khí hậu là toàn cầu và do đó các sự kiện cực đoan như hạn hán, lũ lụt và bão; cháy rừng; hoặc mất quần thể cá thương phẩm do nhiệt độ đại dương thay đổi, sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam. Kết quả nhìn thấy được trong sự chuyển dịch của các quỹ tài trợ sang các quốc gia và khu vực đang có nhu cầu cấp thiết, giá thực phẩm, năng lượng và các nguồn lực khác tăng lên, và các chính sách hạn chế lượng khí thải carbon áp đặt bên ngoài Việt Nam. Ví dụ, hãy xem xét tác động tiềm ẩn của thuế carbon đối với vận tải hàng không khởi hành từ và đến Liên minh châu Âu? Loại phản ứng này đối với cuộc khủng hoảng khí hậu không còn xa trong tương lai. EU đã đề xuất áp đặt cơ chế điều chỉnh biên giới carbon sẽ tác động đến kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm sắt thép trị giá 1 tỷ Euro của Việt Nam. Khi kết hợp với nhu cầu ngày càng tăng từ các tập đoàn đa quốc gia về các nguồn năng lượng carbon thấp, một phần để tránh các loại thuế biên giới này, lợi ích quốc gia của Việt Nam là tạo thêm nhiều động lực cho khu vực tư nhân đầu tư vào quá trình giảm thải carbon cho nền kinh tế.

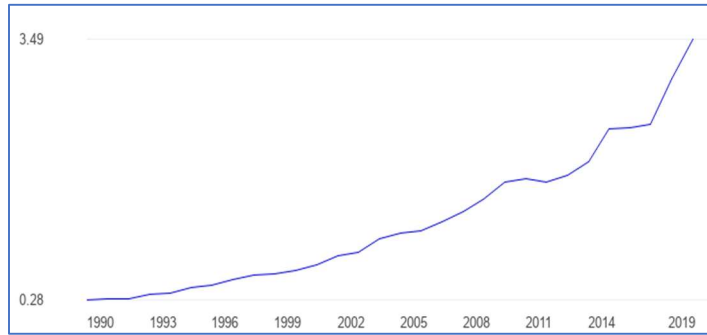
Phần lớn lượng khí thải CO₂ của Việt Nam là do ngành điện tạo ra. Năm 2019, ngành điện chiếm một nửa lượng phát thải khí nhà kính của cả nước. Lĩnh vực công nghiệp (trừ sản xuất điện) theo sau với khoảng 30% lượng khí thải, sau đó giao thông vận tải ở mức 16% và xây dựng là 6%. Nông nghiệp chỉ đóng góp 1% lượng khí thải carbon nhưng là nguồn cung cấp khí mê-tan và nitơ điôxít chính. Do đó, khi tất cả các loại khí nhà kính được xem xét, *6 nông nghiệp chiếm 33% tổng lượng khí thải*. Mặc

⁴ <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/brief/key-highlights-country-climate-and-development-report-for-vietnam>

⁵ <https://asia.nikkei.com/Spotlight/The-Big-Story/Air-pollution-Asia-s-deadliest-public-health-crisis-isn-t-COVID>

⁶ <https://www.climate-transparency.org/wp-content/uploads/2021/11/Vietnam-CP2020.pdf>

dù chúng có tác động mạnh mẽ đến sự nóng lên toàn cầu trong thời gian ngắn và là chất gây ô nhiễm không khí, nhưng khí thải CO₂ từ năng lượng là dạng phát thải phát triển nhanh nhất và là hình thức gây ra thiệt hại lâu dài nhất.⁷



Hình 1. Lượng khí thải carbon bình quân đầu người của Việt Nam

https://www.theglobaleconomy.com/Vietnam/Carbon_dioxide

nhất theo tiêu chuẩn toàn cầu, khiến ngành điện, vốn chiếm 88 triệu tấn than tiêu thụ tại Việt Nam, trở thành một trong những ngành phát thải CO₂ lớn nhất. Lượng khí thải bình quân đầu người đã tăng từ khoảng 280kg/ người vào năm 1990 lên 3,5 tấn bình quân đầu người vào năm 2019.

Để đạt được mục tiêu trở thành nước có thu nhập cao (được định nghĩa là thu nhập bình quân đầu người là 12.695 USD), Việt Nam sẽ cần phải vượt quá tốc độ tăng trưởng trong 30 năm qua. Điều này sẽ dẫn đến sự gia tăng nhu cầu năng lượng từ 6 đến 7 phần trăm hàng năm, điều này sẽ đòi hỏi nguồn cung cấp điện phải tăng gấp đôi sau mỗi 10 năm để đáp ứng cả phụ tải cơ sở và phụ tải cao điểm, trong khi vẫn duy trì đủ mức dự trữ.

SỰ CẦN THIẾT CỦA MỘT KHUNG PHÁP LÝ

Việt Nam đã đạt được những bước tiến to lớn và đáng khen ngợi trong việc xây dựng cơ cấu pháp lý giúp củng cố nền kinh tế, đồng thời chuẩn bị tốt hơn cho đất nước đối mặt với thách thức của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, tổng nguồn tài chính cần thiết để thực sự chuẩn bị cho biến đổi khí hậu, bao gồm cả hỗ trợ trợ cho xã hội, ước tính đạt 342 - 411 tỷ đô la (tương đương khoảng 4.5-5.4% GDP mỗi năm) trong 28 năm cho đến năm 2050.⁸

Do hoạt động kinh tế gần đây, Việt Nam có một cơ hội duy nhất mà nó có thể thu hút nguồn vốn này. Điều này sẽ đòi hỏi chính phủ phải tạo ra một điểm đến hấp dẫn hơn cho vốn khí hậu. Nó cũng sẽ đòi hỏi phải cải thiện cách thức quản lý tài nguyên của Việt Nam, không chỉ để tăng cường bảo tồn mà còn thúc đẩy sự đổi mới trong quá trình giảm thải carbon.

Rất may, một khuôn khổ đã được thiết kế để thúc đẩy đầu tư vào quá trình giảm thải carbon của nền kinh tế, cũng là điều cần thiết tương tự để tạo điều kiện đầu tư vào thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, phát triển một chương trình đầu tư tích hợp khả năng phục hồi ven biển cho các trung tâm đô thị chính và tài trợ cho các phản ứng thích ứng nhanh chóng và toàn diện cho người có thu nhập thấp và bảo vệ thêm 400.000 đến 1 triệu công dân khỏi tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2030.

⁷ <https://www.jircas.go.jp/en/program/proc/blog/20220216>

⁸ <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/37618>

CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA KHUNG PHÁP LÝ

Với cam kết của chính phủ trong việc tăng cường sự thịnh vượng đồng thời giảm thải carbon cho nền kinh tế của, một khuôn khổ chính sách để thu hút nguồn tài trợ cần thiết để giảm thải carbon cho nền kinh tế cuối cùng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi kinh tế thích ứng với khí hậu và một thị trường carbon sáng tạo và kết nối toàn cầu, đồng thời đảm bảo rằng các biện pháp này để giải quyết được biến đổi khí hậu diễn ra nhanh chóng, bình đẳng và công bằng.

Để có được điều này, chính phủ sẽ cần tạo ra một môi trường đầu tư đạt được ba điều sau:

1. Một quá trình chuyển đổi nhanh chóng sẽ đòi hỏi đầu tư quốc tế quy mô lớn vào cơ sở hạ tầng năng lượng của Việt Nam,
2. Một quá trình chuyển đổi công bằng sẽ đòi hỏi các nhà đầu tư trong và ngoài nước có quy mô nhỏ hơn, cũng như các hộ gia đình dân cư và nông dân, có cơ hội trên tất cả các lĩnh vực tham gia vào quá trình giảm thiểu carbon của Việt Nam, và
3. Một quá trình chuyển đổi công bằng sẽ đòi hỏi các chính sách không ưu tiên đầu tư vào giảm thải carbon với cái giá phải trả là các cộng đồng nghèo, nông thôn và dễ bị tổn thương hoặc làm tổn hại thêm đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học của Việt Nam

Các chính sách sẽ cần tập trung vào bốn lĩnh vực chính mà các quy định, tiêu chuẩn và cơ chế tài chính còn hạn chế hoặc thiếu sót. Bao gồm:

1. Tiếp cận tài chính khí hậu trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là điện, giao thông vận tải và sản xuất,
2. Khuyến khích áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng, bao gồm định giá carbon và tăng giá điện năng
3. Phát triển thị trường carbon tích hợp toàn cầu
4. Khuyến khích giảm thải carbon sản xuất nông nghiệp

TĂNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÀI CHÍNH KHÍ HẬU

Tăng trưởng kinh tế lâu dài, có khả năng phục hồi và giảm thải carbon cuối cùng sẽ được củng cố bởi khả năng cung cấp năng lượng sạch, đáng tin cậy, giá cả phải chăng của Việt Nam. Cách duy nhất để có thể đạt được mục tiêu trở thành một nền kinh tế Thu nhập Trung bình cao trong 20 năm mà không làm tăng thêm lượng khí thải carbon toàn cầu hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe và năng suất của người dân, là giảm sự phụ thuộc vào than đá. Điều này sẽ đòi hỏi Việt Nam phải huy động hàng tỷ USD đầu tư từ khu vực tư nhân để tài trợ cho quá trình chuyển đổi năng lượng quy mô lớn. Và trong khi một tỷ lệ đáng kể của quá trình chuyển đổi này có thể được tài trợ trong nước, phần lớn trong số đó sẽ cần phải đến dưới hình thức tài trợ dự án được tài trợ bởi các ngân hàng nước ngoài, cơ quan tín dụng xuất khẩu và quỹ đầu tư toàn cầu.

Cho đến nay, đầu tư nước ngoài đã được chứng minh là một nguồn tài chính đáng kể cho các dự án lớn, vì các nhà cho vay trong nước và các nhà đầu tư vốn cổ phần có nguồn vốn hạn chế hơn. *Nhu cầu đầu tư quốc tế sẽ chỉ tăng lên khi Việt Nam chuyển đổi khỏi đầu tư của chính phủ vào sản xuất điện. Tuy nhiên, để mở đường cho việc tài trợ cho các dự án năng lượng giảm thải carbon quy mô lớn (và từ đó chuẩn bị ứng phó với biến đổi khí hậu), Việt Nam sẽ cần phải tăng đáng kể sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh về chi phí của đất nước đối với tài chính dự án.*

Ở mô hình hiện tại, các quy định quản lý tài chính dự án của Việt Nam khiến quốc gia này trở thành điểm đến có rủi ro cao cho các dự án quốc tế tài trợ lớn. Điều này chủ yếu là do các vấn đề xung quanh rủi ro chủ quyền, nợ rõ ràng và dòng vốn chủ sở hữu dự án và thiếu một khung hợp đồng rõ ràng, bao

gồm cả trọng tài tranh chấp. Hiện tại, Việt Nam chưa có một bộ quy định rõ ràng để quản lý tài chính dự án. Tài chính dự án phải tuân theo nhiều luật và quy định, bao gồm các luật và quy định về cấp phép và vận hành dự án, quy định về thuế, kiểm soát ngoại hối, bảo vệ và ưu đãi đầu tư, cấu trúc cho vay và tài sản thế chấp. Ngoài ra, bản án hoặc quyết định của Tòa án nước ngoài sẽ không được công nhận tại Việt Nam. Do đó, phán quyết, quyết định của Trọng tài nước ngoài không thể được thi hành trực tiếp mà phải trải qua quá trình công nhận của Tòa án Việt Nam. Các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác coi đây là rủi ro, và do đó làm tăng chi phí vốn của họ, làm giảm khả năng tài trợ cho quá trình giảm thải carbon của đất nước.

Nhóm Công tác Ngân hàng trong khuôn khổ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF-BWG) đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) yêu cầu làm đầu mối thu thập ý kiến về các vấn đề ngân hàng từ các nhóm công tác của VBF và các Phòng Thương mại thành viên. Tài chính khí hậu là mối quan tâm lớn của các thành viên VBF. VBF-BWG đang làm việc với NHNN để tổ chức các cuộc họp với các nhóm công tác khác, bao gồm Nhóm Công tác Môi trường và Nhóm Công tác Điện và Năng lượng, để giải quyết chi tiết hơn một số vấn đề nêu trên. Điều này bao gồm việc tạo và quản lý một quỹ đầu tư xanh, thiết lập phân loại xanh có thể được sử dụng để xác định các khoản đầu tư xanh, đào tạo nhân viên chính phủ và khu vực tư nhân để đánh giá các dự án xanh, đặc biệt là trong các lĩnh vực then chốt như năng lượng và giao thông, và tạo ra các kênh để thực hiện hiệu quả cung cấp tài chính nước ngoài vào quá trình giảm thải carbon.

GIẢI THỂ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐỂ TĂNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CARBON

Chúng tôi lưu ý ở đây rằng các nhà đầu tư nước ngoài thường dựa trên cơ sở khoản đầu tư của họ bên ngoài Việt Nam để tránh các hạn chế về quy định tại Việt Nam. Một trong những vấn đề quan trọng trong nước là "trung gian". Trung gian là một tổ chức đóng vai trò trung gian giữa các bên khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch tài chính. Trong bối cảnh tài chính khí hậu, các trung gian tài chính thường đề cập đến các trung gian của khu vực tư nhân, chẳng hạn như ngân hàng, công ty tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, công ty cho thuê, quỹ bảo hiểm và quỹ hưu trí. Ngày càng có nhiều các tổ chức tài chính quốc tế, như Ngân hàng Thế giới, cung cấp tài trợ thông qua các công ty trong lĩnh vực tài chính, thay vì trực tiếp tài trợ cho chính các dự án.

Khả năng cạnh tranh của Việt Nam trong nền kinh tế carbon toàn cầu đang phát triển nhanh chóng, cũng như khả năng tạo ra một tương lai có khả năng chống chịu với khí hậu và giảm thải carbon sẽ phụ thuộc nhiều vào chất lượng đổi mới mà Việt Nam có thể thúc đẩy. Do tốc độ đổi mới sáng tạo có mối tương quan chặt chẽ với khả năng tiếp cận vốn, Việt Nam sẽ phải khai thác thêm các nguồn tài chính xanh. Như hiện tại, ngành tài chính xanh trong nước của Việt Nam, đặc biệt là các nguồn tài chính giai đoạn đầu, bị hạn chế rất nhiều bởi trung gian. Theo cơ cấu pháp lý của Việt Nam, các nhà đầu tư trong và ngoài nước có khả năng tiếp cận các nguồn tài chính nước ngoài phải hợp tác với một ngân hàng địa phương. Do đó, chi phí cho các quỹ nước ngoài muốn đầu tư và hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế các-bon thấp của Việt Nam được tăng lên, đôi khi đến mức trở nên phi kinh tế. Nếu Việt Nam muốn tạo ra một nền kinh tế carbon sáng tạo hơn, Việt Nam sẽ phải tăng khả năng tiếp cận các quỹ khí hậu quốc tế đối với các tài sản và dự án trong nước mà không yêu cầu họ hợp tác với một ngân hàng hoặc quỹ địa phương.

Bằng cách mở rộng khả năng tiếp cận nguồn tài chính phát triển để đầu tư/cho vay trực tiếp vào các dự án và tài sản (và do đó giảm chi phí vốn khí hậu), Việt Nam sẽ thúc đẩy đáng kể sự đổi mới trong nền kinh tế carbon của mình. Hiện nay, các quỹ đầu tư mạo hiểm xanh và quỹ xã hội có chi phí vốn và ngân sách phát triển thị trường thấp nhất gần như không thể đầu tư trực tiếp vào các dự án. Thay

vào đó, họ phải trải qua một quá trình phê duyệt dài và phức tạp, sau đó hợp tác với các ngân hàng hoặc tổ chức tài chính để đầu tư vào trong nước. Điều này không chỉ làm tăng chi phí đầu tư mà còn hạn chế sự đổi mới và đầu tư giai đoạn đầu. Do đó, *những dự án lớn được tài trợ hoàn toàn ở nước ngoài, điều này cuối cùng đã hạn chế sự phát triển của lĩnh vực tài chính khí hậu thực sự ở Việt Nam.* Thế giới hiện đang tràn ngập tiền bạc khi tìm cách đầu tư vào các dự án và công ty giảm thải carbon có khả năng được tài trợ. Tuy nhiên, ngành khí hậu của Việt Nam gặp khó khăn về khả năng tiếp cận các quỹ này. Lĩnh vực tài chính khí hậu của Việt Nam sẽ vẫn còn bị hạn chế cho đến khi Việt Nam cho phép loại bỏ trung gian.

TĂNG CƯỜNG SỰ RÕ RÀNG VỀ QUY ĐỊNH ĐỂ KÍCH THÍCH TÀI CHÍNH KHÍ HẬU

Tăng cường sự rõ ràng về quy định cũng được yêu cầu để kích thích tài chính khí hậu. Mặc dù chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam khuyến khích tài chính xanh, nhưng không có quy định cụ thể nào cho phép hỗ trợ tăng trưởng và phát triển. Chúng tôi hiểu rằng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang nghiên cứu phân loại xanh để xác định và cung cấp các ví dụ về các dự án xanh, giống như Thái Lan, ASEAN và EU đã thực hiện, nhưng điều này sẽ chỉ giải quyết được một vấn đề, xác định ý nghĩa của "xanh". Không có quy định nào từ NHNN hoặc Bộ Tài chính để hỗ trợ lĩnh vực tài chính xanh, cho dù thông qua việc tái chế thuế carbon, hạn chế mức phát thải, thuế bảo vệ môi trường hoặc các nguồn thu ngân sách khác; hoặc thông qua việc hình thành các quỹ tài chính xanh, chẳng hạn như quỹ lỗ đầu tiên được sử dụng để bảo lãnh cho công ty khởi nghiệp có rủi ro cao ban đầu của các dự án lớn. Hơn nữa, hiện tại vẫn chưa rõ bộ hoặc cơ quan nào sẽ giám sát một quỹ như vậy hoặc tài trợ cho một dự án xanh. Các doanh nghiệp muốn đầu tư giảm thải cacbon trong tương lai của Việt Nam có cần phải xin ý kiến chấp thuận của NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường không?

Sự thiếu rõ ràng ở Việt Nam thường được khu vực tư nhân hiểu là thiếu sự chấp thuận. Việc ra một bộ chính sách quản lý đầu tư xanh được coi là một bước quan trọng để giải phóng tài chính khí hậu.

KHUYẾN KHÍCH ÁP DỤNG CÁC CÔNG NGHỆ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế toàn diện của chính phủ Việt Nam đòi hỏi phải tiếp cận với năng lượng giá cả hợp lý cho gần 100 triệu người dân. Đồng thời, nó rất cần chuyển đổi khỏi một nguồn năng lượng phụ thuộc nhiều nhất là than đá, để cải thiện sức khỏe và năng suất của người dân. Với mức độ ô nhiễm hiện tại ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, việc tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi này là rất quan trọng.

Tuy nhiên, việc tài trợ và ban hành các quy định cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi này sẽ không diễn ra trong một sớm một chiều, mà là trong nhiều năm. Trong khi đó, *một thay đổi ngay lập tức và có tác động mà Việt Nam có thể làm để giảm sử dụng tiêu thụ than, thúc đẩy đổi mới và giảm phát thải là xem xét lại cách định giá năng lượng.*

Một trong những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt là giá năng lượng được trợ cấp ở mức thấp ($\leq 400\text{kwh/tháng}$) và trong lĩnh vực sản xuất. Mặc dù rất khó để giảm trợ cấp ở phân khúc thấp hơn trong môi trường lạm phát hiện nay, nhưng cần lưu ý rằng Việt Nam có cơ hội khởi động lĩnh vực công nghệ tiết kiệm năng lượng trong nước bằng cách giảm trợ cấp cho lĩnh vực sản xuất. Điều này cũng sẽ giảm áp lực cho tầng lớp trung lưu, những người, trên thực tế, đang trả tiền cho các khoản trợ cấp này với mức giá cao hơn.

Nhằm mục tiêu tăng hiệu quả sử dụng năng lượng trong lĩnh vực sản xuất cũng sẽ làm giảm tính dễ bị tổn thương trước sự gián đoạn chuỗi cung ứng bằng cách giảm nhu cầu nhập khẩu năng lượng. Nghị quyết 55 đã kêu gọi giảm từ 420 đến 460 kgOE (kilôgam dầu tương đương) trên 1.000 USD GDP vào năm 2030. Ở giới hạn trên của mục tiêu này, mức này sẽ thể hiện mức cường độ năng lượng là 5,35, tương đương 5.350 kwh/1.000 USD GDP. Năm 2018, cường độ năng lượng của Việt Nam là 5,94, thấp hơn Trung Quốc (6,69), nhưng cao hơn nhiều so với các nước ASEAN khác như Malaysia (4,68), Indonesia (3,53) và Philippines (3,12). Điều này có nghĩa là *Việt Nam đang sử dụng nhiều năng lượng hơn trên một đơn vị sản lượng kinh tế so với các nước khác trong khu vực*. Tăng trưởng tiêu thụ năng lượng đã gấp 1,5 đến 2,0 lần mức tăng trưởng GDP trong thập kỷ qua và cường độ sử dụng năng lượng đã cao hơn nhiều so với các nước đang phát triển nhanh chóng khác.

Theo chỉ ra của L. V. Phu (2019) và P.D. Hien (2019), nguyên nhân chính khiến cường độ năng lượng của Việt Nam tăng cao là do biểu giá điện thấp trong lĩnh vực sản xuất. Tiến sĩ Hiền đã chỉ ra rằng đây là kết quả của các chính sách công nghiệp hóa theo định hướng xuất khẩu đã khuyến khích sự phát triển của các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng. Nhưng, đồng thời, ông chỉ ra rằng từ năm 1994 đến năm 2014, ngành công nghiệp Việt Nam tiêu thụ điện năng gấp mười lần so với ngành⁹ dịch vụ nhưng tạo ra giá trị gia tăng GDP ít hơn (Hiền 2019). Phu (2019) cũng đã chỉ ra rằng chi phí điện thấp đã khuyến khích thay thế năng lượng bằng các khoản đầu tư vốn vào hiệu quả năng lượng. Đó là *chi phí năng lượng thấp khuyến khích các nhà sản xuất giữ lại thiết bị ít hiệu quả năng lượng hơn hoặc quy trình sản xuất kém tiết kiệm năng lượng hơn thay vì mua thiết bị mới tiết kiệm năng lượng hơn hoặc phát triển các quy trình hiệu quả hơn*.

Tại thời điểm này, vấn đề không phải là giảm trợ cấp. Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Tập đoàn Tài chính Quốc tế và nhiều tổ chức tài chính phát triển khác đã kêu gọi cải cách định giá năng lượng, chỉ ra rằng trợ cấp điện khuyến khích lãng phí, dẫn đến nhu cầu về các nguồn năng lượng bổ sung và không dẫn đến tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài. Điều này được các nhà hoạch định năng lượng trong Bộ Công Thương và EVN hiểu rõ.

Sau đó, điều gì là giải pháp thay thế cho việc tăng biểu giá điện trong lĩnh vực sản xuất? Chúng tôi đã lưu ý rằng thuế cacbon sẽ cung cấp các động lực để giảm sử dụng năng lượng cũng như các quỹ có thể được tái chế thành các khoản tài trợ và cho vay để thúc đẩy hiệu quả năng lượng. Ngân hàng Thế giới đã đề xuất mức phát thải CO₂e ban đầu là 12 USD / tấn làm mức bắt đầu. 12 USD mỗi tấn là mức trung bình có trọng số của Thuế Bảo vệ Môi trường hiện hành đối với than, dầu diesel và xăng. Ngân hàng Thế giới đã đề xuất rằng mức tăng thuế này lên 90 USD trong ba thập kỷ tới. Kết hợp với các khoản tín dụng thuế và các chương trình tài chính để áp dụng hiệu quả năng lượng tại chỗ và đầu tư năng lượng tái tạo, thuế carbon sẽ đẩy nhanh quá trình chuyển đổi của lĩnh vực sản xuất sang nền kinh tế carbon thấp hơn.

Thuế carbon cũng sẽ thúc đẩy sự đổi mới vào công nghệ hiệu quả năng lượng như lưu trữ năng lượng pin, công nghệ chuyển tải, áp dụng năng lượng mặt trời trên mái nhà, thỏa thuận mua bán điện trực tiếp, công nghệ đo lường tiên tiến, v.v. Điều này, kết hợp với việc tăng khả năng tiếp cận tài chính xanh, sẽ dẫn đến sự đổi mới ngày càng tăng trong công nghệ khí hậu và giảm tiêu thụ than.

⁹ <https://doi.org/10.1007/s10018-020-00267-6>

KHUYẾN KHÍCH THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP GIẢM THẢI CACBON

Canh tác lúa mê-tan thấp

Ngành nông nghiệp là ngành phát thải khí nhà kính lớn thứ hai ở Việt Nam, với gạo là ngành lớn nhất và phát thải khí mê-tan lớn nhất. Việt Nam hiện là nước xuất khẩu gạo toàn cầu lớn thứ 2, một ngành công nghiệp thải ra từ 500 đến 800 triệu tấn CO₂ tương đương mỗi năm mỗi năm, tương đương ~ 1% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu. Mặc dù lượng khí thải CO₂ của Việt Nam là nhỏ so với Mỹ và Trung Quốc, nhưng các khí thải tương đương CO₂ từ việc trồng lúa là một nguyên nhân đáng kể gây ra biến đổi khí hậu.

Lý do chính cho canh tác lúa công nghiệp là một nguồn phát thải khí mê-tan lớn như vậy là do các cánh đồng lúa bị ngập nước định kỳ, tạo ra vi khuẩn phát ra khí mê-tan. Các rào cản đối với việc áp dụng rộng rãi các kỹ thuật quản lý nước phản ánh việc áp dụng các phương pháp canh tác hữu cơ ở các nơi khác trên thế giới. Hầu hết các lý do đều liên quan đến tác động nhận thức khi chuyển sang các kỹ thuật quản lý nước tốt hơn sẽ có đối với chi phí hoạt động và doanh thu của nông dân. Trong mắt của hộ nông dân nhỏ, rủi ro đối với việc chuyển đổi là không rõ và cao. Tuy nhiên, các hình thức canh tác lúa bền vững và có thể mở rộng hơn đang nổi lên. *Thực hành quản lý lúa khô và tưới xen kẽ (AWD) đã được sử dụng để giảm sử dụng nước lên đến 30% và phát thải khí mê-tan xuống 48% mà không ảnh hưởng đến năng suất.* Lượng khí thải có thể được giảm hơn nữa thông qua việc sử dụng nitơ hiệu quả và ứng dụng các chất đầu vào hữu cơ vào đất khô. Phương pháp Hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI) cũng đã được chứng minh là làm giảm lượng khí thải metan trong khi tăng năng suất.

Thật không may, không có "viên đạn bạc" khi nói đến việc giảm phát thải khí mê-tan cho sản xuất lúa gạo ở Việt Nam. Nông dân có khả năng kỹ thuật hạn chế để thoát nước trên cánh đồng của họ trong mùa mưa, vì vậy AWD toàn diện có lẽ là không khả thi. Trong mùa khô, những người nông dân phụ thuộc vào hệ thống tưới bề mặt có xu hướng miễn cưỡng làm gián đoạn việc tưới tiêu khi có nước vì nghi ngờ rằng nước sẽ có sẵn sau này khi cần để bổ sung lại cho cánh đồng. Ở một số địa điểm trong số này, gieo hạt khô có thể là một phương tiện hiệu quả để giảm lượng khí thải metan và ở những địa điểm khác, một lần rút bỏ duy nhất vẫn có thể khả thi, nhưng các cơ hội kỹ thuật nhìn chung vẫn chưa được khám phá.

Tuy nhiên, không phải thiếu một giải pháp đơn giản đang kìm hãm những tiến bộ trong lĩnh vực này. Đó là sự vắng mặt của cơ sở hạ tầng tài chính cần thiết để tiếp cận vốn mà nông dân và doanh nghiệp nông nghiệp cần để thực hiện chuyển đổi sang giảm lượng khí thải trong các trang trại và trong chuỗi giá trị của họ. Và trong khi khu vực tư nhân và các nhà tài chính có thể được hỗ trợ thông qua các nền tảng tăng tốc được thiết kế để chỉ đạo các chiến lược tìm nguồn cung ứng và ký hợp đồng của họ đối với tác động khí hậu, thì canh tác ở Việt Nam chủ yếu được thực hiện chủ yếu là những người nắm giữ đất đai nhỏ. Để tiếp cận hàng triệu trang trại chủ sở hữu nhỏ đòi hỏi các nguồn tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật lớn, chuyên dụng. Các khoản tín dụng bù đắp tự nguyện đã được đề xuất như một phương tiện tiền tệ hoá từ việc giảm lượng khí thải từ SRI nhằm tạo động lực tài chính cho nông dân.

KẾT LUẬN

Việt Nam chưa bao giờ ở một vị trí tốt hơn để thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân và hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang một tương lai giảm thiểu phát thải cacbon. Tuy nhiên, trong khi Việt Nam đang đi đúng hướng trong việc thực hiện một cơ cấu pháp lý nhằm ngăn chặn sự gia tăng carbon hóa và suy thoái môi trường, Việt Nam sẽ cần phải tăng đáng kể sự thuận tiện mà khu vực tư nhân có thể đầu tư, phát triển và tiếp cận các tài sản, các dự án và sáng kiến đang chuẩn bị cho đất nước trở thành một quốc gia giảm thiểu phát thải cacbon và có khả năng phục hồi môi trường.

Bởi vì đây không phải là vấn đề riêng của Việt Nam, chính phủ sẽ cần phải hành động nhanh chóng để không bị bỏ lại phía sau. Nếu Việt Nam không bắt đầu ban hành các chính sách tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các quỹ khí hậu toàn cầu đầu tư vào Việt Nam và cho khu vực tư nhân phát triển các dự án chuẩn bị cho đất nước ứng phó với biến đổi khí hậu, các quỹ và nỗ lực này sẽ chuyển sang các quốc gia nơi chúng có thể được triển khai dễ dàng hơn. Sổ séc của thế giới có hạn, và cánh cửa cơ hội để Việt Nam tiếp cận nó đang đóng lại.

ⁱ <http://www.columbia.edu/~jeh1/mailings/2022/EarthEnergyImbalance.22December2022.pdf>

ⁱⁱ <https://www.nytimes.com/interactive/2021/11/12/climate/cop26-emissions-compensation.html>

PHỤ LỤC

**DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN
PHIÊN CẤP CAO**

Hà Nội ngày 21 tháng 02 năm 2022

**PHỤC HỒI KINH TẾ & PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG
TRONG BỐI CẢNH BÌNH THƯỜNG MỚI**

TÓM TẮT

KHAI MẠC

Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Năm 2021 đã đánh dấu một cột mốc quan trọng khi là năm đầu tiên Việt Nam thực hiện nghị quyết đại hội lần thứ 13 của Đảng, cũng như chiến lược phát triển Kinh tế- Xã hội 10 năm 2021-2030 và các kế hoạch 5 năm của giai đoạn 21-25 và cũng là năm đầu tiên của một Chính phủ nhiệm kỳ 21-26 trong bối cảnh đất nước ta đang còn gặp nhiều khó khăn và thách thức.

Trên thế giới, đại dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp. Kinh tế toàn cầu thì bị ảnh hưởng nặng nề và tăng trưởng thiếu vững chắc. Trong nước thì đợt bùng phát dịch COVID-19 với sự xuất hiện của các biến chủng mới, lây lan nhanh và nguy hiểm đã xảy ra tại nhiều địa phương. Một số trung tâm kinh tế, đô thị lớn, vùng kinh tế trọng điểm đã bị ảnh hưởng nặng và tác động nghiêm trọng đến các hoạt động xã hội, sản xuất, kinh doanh, sinh kế và đời sống của người dân.

Trước bối cảnh đó, để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, bên cạnh nhiệm vụ ưu tiên số 1 là phòng chống dịch, bảo vệ sức khỏe và tính mạng của người dân thì Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định chuyển hướng chiến lược ứng phó với dịch bệnh COVID-19 theo hướng thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19. Chính phủ đã ban hành và triển khai kịp thời nhiều giải pháp phù hợp như: quy định duy trì sản xuất kết hợp với các biện pháp phòng chống dịch của các doanh nghiệp; lưu thông hàng hóa, giải quyết các vấn đề về thủ tục xuất nhập khẩu để hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động nhằm duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh, chống đứt gãy chuỗi cung ứng và lao động. Đồng thời cũng ban hành nhiều chính sách về gia hạn miễn giảm một số thuế phí, lệ phí, tiền thuê đất, hỗ trợ an sinh xã hội, tháo gỡ những khó khăn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp duy trì và phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ người sử dụng lao động và lao động, tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm thiểu thiệt hại, vượt qua khó khăn, duy trì sản xuất, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Nhờ đó thì năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, so với các năm trước thì Việt Nam vẫn đạt được kết quả hết sức tích cực, đáng ghi nhận trên các lĩnh vực. Nền kinh tế tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng ở mức 2.58% - đạt và vượt 7/12 chỉ tiêu chủ yếu. Kinh tế vĩ mô thì ổn định. Các cân đối lớn thì được đảm bảo. Lạm phát được kiểm soát và cơ cấu kinh tế lớn tiếp tục có những chuyển dịch tích cực. Các ngành, lĩnh vực phát triển ổn định. Thu ngân sách nhà nước vượt 16.4% dự toán. Tổng kim ngạch, xuất nhập khẩu tăng 22.6% - đạt 668.5 tỷ đô la Mỹ cao nhất từ trước đến nay. Xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt trên 48.6 tỷ đô la Mỹ. Công nghiệp chế biến chế tạo thì tăng 6.37% và tiếp tục là động lực tăng trưởng thương mại, dịch vụ, phục hồi tích cực. Các công cụ về chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ và đảm bảo thanh khoản cho nền kinh tế. Thị trường chứng khoán phát triển nhanh. Quy mô vốn hóa thì tăng trên 46% so với năm 2020 và trở thành

kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế. Môi trường đầu kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Năm 2021 có gần 160,000 doanh nghiệp mới và quay trở lại hoạt động. Tổng số vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội ước đạt trên 2.89 triệu tỷ đồng, tăng 3.2% so với năm 2020. Tuy đây là mức tăng thấp hơn so với nhiều năm qua nhưng cũng là một kết quả khá là khả quan trong bối cảnh COVID-19 diễn biến hết sức phức tạp và có những tác động tiêu cực tới trong nước và trên thế giới. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phục hồi và tổng vốn đăng ký đạt trên 31 tỷ đô la Mỹ, tăng 9.2% so với năm 2020. Điều này cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tin tưởng vào kết quả phòng chống dịch COVID-19 của Chính phủ cũng như môi trường đầu tư kinh doanh tại VN. Về đổi mới sáng tạo, thương mại điện tử, công nghiệp số, công nghiệp văn hóa, các mô hình hoạt động kinh doanh mới thì ngày càng được kinh doanh đầu tư, phát triển mạnh mẽ và sâu rộng.

Để đạt được kết quả đáng khích lệ này, có phần đóng góp không nhỏ của doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đây là tiền đề quan trọng để chúng ta vững tin vào năm 2022, năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo nền tảng để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025, trong bối cảnh dự báo tình hình kinh tế trong nước đang có những cơ hội thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn và thách thức vẫn nhiều hơn.

Cũng ngay trong tháng đầu tiên của năm 2022, với tinh thần làm việc quyết liệt, không ngừng nghỉ, vào ngày 30/1 (28 Tết Nguyên đán), Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị quyết số 11 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và triển khai nghị quyết 43 của Quốc hội về các chính sách tài khóa tiền tệ để hỗ trợ cho chương trình. Nghị quyết này được đánh giá là văn bản quan trọng trong chỉ đạo điều hành để cụ thể hóa nghị quyết số 43 của Quốc hội được tập trung 2 năm là 2022 và 2023. Do vậy, với chủ đề “Phục hồi kinh tế và Phát triển chuỗi cung ứng trong bối cảnh bình thường mới” thì hội nghị sẽ là cơ hội để cộng đồng doanh nghiệp đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nhằm triển khai Nghị quyết 11 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; đồng thời, xác định chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững tại Việt Nam, thể hiện sự đồng hành của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định và phục hồi phát triển kinh doanh.

Bà Amy N. Luinstra, Quyền Giám đốc Quốc gia Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC tại Việt Nam

Dù trong hoàn cảnh khó khăn của đại dịch, Việt Nam vẫn thu về lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) kỷ lục vào năm 2021 vượt hơn 31 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu tăng trưởng ở mức hai chữ số với thặng dư thương mại hơn 4 tỷ USD. Hơn nữa, môi trường kinh doanh trong nước đã kiểm soát được lạm phát, quản lý chặt chẽ tăng trưởng tín dụng và tỷ giá hối đoái, cũng như giữ được mức dự trữ kỷ lục. Đây là những thành tựu ấn tượng đối với bất kỳ quốc gia nào ở mọi thời điểm, thậm chí còn mang nhiều ý nghĩa hơn nữa trong bối cảnh toàn cầu diễn biến phức tạp mà chúng ta đang phải đối mặt. Những thành tựu này cũng thể hiện rõ nét khả năng thích ứng của Việt Nam.

Tuy nhiên, bước sang năm 2022, Việt Nam phải đối mặt với những thách thức chưa từng có do đại dịch khiến tăng trưởng năng suất ở mức thấp, gián đoạn chuỗi công nghệ và cung ứng nhanh, biến đổi khí hậu và nợ xấu ngày càng gia tăng; những vấn đề này có thể đe dọa mô hình tăng trưởng của đất nước và cần được quan tâm giải quyết. Thay đổi chiến lược hướng tới một nền kinh tế sáng tạo, bao trùm, xanh hơn và có giá trị cao là rất cấp thiết để giúp tình hình trong nước phục hồi tốt hơn.

Hôm nay, chúng tôi có mặt tại đây để thảo luận về cách mở rộng quy mô liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước nhằm tăng cường chuỗi cung ứng và giúp các công ty Việt Nam tiến lên chuỗi giá trị toàn cầu. Để thay đổi chiến lược, chúng ta cần có ít nhất ba trụ cột.

- Thứ nhất là đổi mới sáng tạo. Mô hình tăng trưởng được thúc đẩy bởi đổi mới sáng tạo có thể là một thách thức lớn, nhưng khu vực tư nhân đã và đang ứng phó với mô hình này để thích ứng với điều kiện bình thường mới. Để tăng tốc quá trình đổi mới sáng tạo, Việt Nam phải áp dụng số hóa liên ngành và phát triển kỹ năng kỹ thuật, kỹ thuật số và quản lý cho những lao động hiện có kỹ năng thấp và phát triển đồng đều cho cả nam và nữ.
- Trụ cột thứ hai là phát triển hòa nhập. Kinh nghiệm trên thế giới cho thấy rõ rằng việc thu hẹp khoảng cách giới làm tăng năng suất bằng cách cân bằng sự tham gia của nam và nữ trong nền kinh tế. Việt Nam có thể đạt được khoảng 40 tỷ đô la vào năm 2025, theo ước tính trước khi bùng phát đại dịch COVID-19. Khoảng cách giới trong việc tham gia lực lượng lao động và hưởng lương đã trở nên trầm trọng hơn do đại dịch, điều này đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ thu hẹp khoảng cách này, thậm chí chúng ta phải hành động mạnh mẽ hơn và khẩn trương hơn.
- Cuối cùng, trụ cột thứ ba trong chuyển dịch chiến lược tập trung vào khả năng hiện thực hóa tăng trưởng xanh có sức ảnh hưởng của Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ đã nhiều lần thể hiện cam kết phục hồi xanh và kinh tế xanh. Việt Nam phải đẩy nhanh nỗ lực giảm phát thải cacbon để đáp ứng mục tiêu Đóng góp do Quốc gia xác định (NDC) và cam kết trung hòa cacbon vào năm 2050 tại COP 26, đồng thời cải thiện khả năng tiếp cận thị trường của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Tăng trưởng xanh mạnh mẽ sẽ tạo ra cơ hội hợp tác giữa khu vực tư nhân trong nước và các doanh nghiệp FDI để thu hút năng lực chuyên môn, công nghệ tiên tiến và tài chính cho nền kinh tế xanh của Việt Nam, dù đại dịch đã gây ra những tổn thất nặng nề về mặt tài chính. Để đối phó với những trở ngại trong việc tiếp cận thị trường tài chính, cần loại bỏ các nguồn tài trợ quốc tế cạnh tranh và tăng cường hệ thống xử lý nợ xấu thông qua phát triển thị trường nợ chức năng và gỡ bỏ các vướng mắc đối cho các nhà đầu tư tham gia thị trường nợ xấu. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp khôi phục nhanh hơn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các nhà lãnh đạo chính phủ mới của Việt Nam sẽ tiếp tục thể hiện khả năng phục hồi đáng kể và lấy lại đà tăng trưởng cao, xanh hơn, đổi mới hơn và bao trùm hơn. Chúng tôi nhận ra Việt Nam có khát vọng trở thành quốc gia có thu nhập cao và dẫn đầu khu vực. IFC cùng với Ngân hàng Thế giới tự hào được hợp tác với chính phủ và VBF để hỗ trợ Việt Nam thực hiện những khát vọng này.

Ông Phạm Tấn Công, Đồng Chủ tịch, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

Chỉ cách đây 5 tháng, các doanh nghiệp chúng ta còn vô cùng lo lắng về tình hình hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, với việc hàng loạt nhà máy phải đóng cửa, chuỗi cung ứng đứt gãy. Thủ tướng Chính phủ liên tục có các cuộc gặp làm việc với cộng đồng doanh nghiệp, Thủ tướng đi khảo sát thực tế, đi kiểm tra đột xuất tại tâm dịch, triển khai các tổ công tác đặc biệt để tháo dỡ các khó khăn cho doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tại Việt Nam trong các tháng tâm điểm 8, 9, 10. Đặc biệt, ngày 26/9/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì hội nghị trực tuyến toàn quốc với cộng đồng doanh nghiệp cả nước do VCCI tổ chức về các giải pháp tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh dịch COVID-19. Ngày 11/10/2021 Chính Phủ đã ban hành Nghị Quyết số 128 về “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid 19*”, chuyển từ chiến lược Zero Covid sang chung sống lâu dài với Covid 19. Nghị quyết 128 cùng các giải pháp quyết liệt, kịp thời, đúng đắn của Chính Phủ đã giúp các doanh nghiệp kịp thời thoát khỏi những khó khăn, bế tắc trong Đại dịch Covid 19. Cùng với đó, việc Chính Phủ cho triển khai chính sách sớm cho các

chuyên gia nước ngoài và gia đình đang công tác tại Việt Nam, đồng thời thực hiện thành công việc tiêm phủ vaccine rộng rãi cho cả nước, đưa Việt Nam trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới về tiêm chủng đã tạo sự an tâm, tin tưởng của cộng đồng doanh nghiệp quốc tế cũng như trong nước trong đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.

Sự chỉ đạo, điều hành hiệu quả và kịp thời của Chính phủ, sự chủ động của cộng đồng doanh nghiệp đã kịp thời thay đổi trạng thái của nền kinh tế. Kết quả là tăng trưởng GDP cả năm 2021 ước đạt 2.58%, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2021 đạt mức kỷ lục trên 668.5 tỉ USD, thị trường tiền tệ, tín dụng, tỉ giá đều ổn định. Thực tế Việt Nam là một trong những nước có độ phủ vắc-xin COVID-19 cao nhất thế giới, cũng là tiền đề cho kinh tế Việt Nam mở cửa và hợp tác trong trạng thái bình thường mới với thế giới.

Qua đây thay mặt cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn tới Đảng, Quốc hội, Chính phủ, đặc biệt là tới Thủ tướng chính phủ đã có những quyết sách và chỉ đạo kịp thời, quyết liệt giúp cho nền kinh tế hồi phục mạnh mẽ. Tôi cũng cảm ơn cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam đã rất cố gắng, rất kiên cường vượt qua những khó khăn do đại dịch gây ra, góp sức cùng cả nước ứng phó thành công với đại dịch và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù đã đạt được một số kết quả đầy khích lệ nhưng tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, với biến chủng Omicron đã xâm nhập vào nước ta; những tuần gần đây số ca nhiễm Covid trên cả nước tăng mạnh. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo: “Chúng ta tuyệt đối không được lơ là, chủ quan, mất cảnh giác”.

Để thực hiện khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045. Năm 2022 này mục tiêu của chúng ta đầy thách thức, với chỉ tiêu tăng trưởng GDP đặt ra từ 6% - 6,5% năm. Ngày 30/01/2022 tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ đã ban hành Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Một loạt chuyển động chính sách quan trọng đã diễn ra trên thực tế, như giảm thuế VAT cho hầu hết các mặt hàng từ 10% xuống 8%, mở cửa lại các đường bay quốc tế từ ngày 15/2/2022.

Với chủ đề của diễn đàn VBF năm nay đó là “Phục hồi và Phát triển chuỗi cung ứng trong bối cảnh bình thường mới”, chuỗi cung ứng quốc tế và trong nước đang đối mặt nguy cơ đứt gãy do dịch bệnh Covid 19 và những biến động khó lường của xung đột thương mại, thiên tai, ... Việc phục hồi chuỗi cung ứng là yếu tố nền tảng cho phục hồi hoạt động của các doanh nghiệp, từ đó quyết định thành công của chương trình phục hồi kinh tế của Việt Nam, nhìn từ góc độ khác, đây cũng là cơ hội hiếm có cho các doanh nghiệp tại Việt Nam nâng cao vị thế, vai trò trong chuỗi cung ứng trong nước cũng như quốc tế.

Cũng tại diễn đàn này, các đại biểu sẽ cùng trao đổi về các giải pháp cho việc giải quyết các vấn đề trung và dài hạn, bao gồm: nâng cao năng lực ngành sản xuất, công nghiệp hỗ trợ trong nước; phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước; cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng; phát triển kinh tế bền vững trên nền tảng công nghệ số, kinh tế số và chính phủ số; cũng như việc thực hiện cam kết của Việt Nam đạt mức phát thải ròng bằng không vào năm 2050 tại Hội nghị COP 26 vừa qua. Diễn đàn hôm nay cũng có sự tham gia thảo luận của các chuyên gia OECD về chủ đề rất quan trọng, đó là vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong phát triển chuỗi giá trị toàn cầu ổn định, bền vững. Chúng tôi tin rằng những thảo luận tích cực, xây dựng ngày hôm nay từ phía cộng đồng doanh nghiệp và các chuyên gia sẽ cung cấp thông tin đầu vào hữu ích để hỗ trợ Chính phủ thực hiện thành công chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - XH Việt Nam trong thời gian tới.

Với mong muốn và mục tiêu đó, thay mặt Liên minh Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, tôi xin tuyên bố khai mạc Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam năm 2021 với chủ đề “Phục hồi và phát triển chuỗi cung ứng trong bối cảnh bình thường mới”

Ông Tetsu Funayama, Đồng Chủ tịch, Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam

Báo cáo tóm tắt Phiên họp kỹ thuật ngày 18/02/2022, dưới sự chủ trì của bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thứ trưởng bộ Kế hoạch & Đầu tư cùng sự tham gia của các bộ ngành liên quan và 11 nhóm công tác của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam VBF.

Đây là phiên họp thực sự chuyên sâu dưới sự chủ trì của bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cùng sự tham gia của đại diện các Bộ ngành liên quan. 11 Nhóm công tác, cụ thể là nhóm Nông nghiệp, Cơ sở hạ tầng, Điện & Năng lượng, Khai khoáng, Kinh tế số, Đầu tư & Thương mại, Thuế & Hải quan, Nguồn nhân lực, Giáo dục & Đào tạo, Du lịch, Môi trường đã đưa ra báo cáo, tạo cơ sở cho Chính phủ và các Bộ, ngành của Việt Nam xem xét tích cực đối với việc thay đổi một số chính sách, cải thiện việc thực thi luật và quy định, đồng thời nhận thấy sự cần thiết của việc trao đổi sâu hơn nhằm thu hút hơn nữa nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Đại diện của các Bộ, ngành liên quan cũng đã có phản hồi riêng về các vấn đề được các Nhóm công tác đề cập.

Theo thông điệp của Ngài Thủ tướng Phạm Minh Chính gửi tới cộng đồng doanh nghiệp tại Tokyo tháng 11 năm ngoái, Ngài Thủ tướng đã khẳng định rằng “trong bối cảnh phát triển kinh tế khi COVID-19 vẫn đang tồn tại, hướng tới năm 2026, đất nước sẽ phát triển với ba đột phá chiến lược là: 1) cải cách thể chế; 2) Phát triển nguồn nhân lực; 3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, cả về hạ tầng cứng, hạ tầng mềm, hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Cá nhân tôi tin rằng tất cả các lĩnh vực 11 nhóm công tác đã trình bày vào thứ Sáu tuần trước, cũng như các mục tiêu đạt được về lâu dài chắc chắn sẽ phù hợp với 3 “đột phá” này của Chính phủ. Vì vậy, tôi thực sự hy vọng những nội dung tóm tắt của mình ngày hôm nay sẽ thu hút được sự quan tâm tích cực từ tất cả các Quý vị.

Trong giai đoạn mới của COVID-19, việc tổ chức phiên họp Kỹ thuật là một bước tiến lớn để khôi phục lại cơ chế hoạt động thông thường của VBF, đồng thời chuẩn bị cho những thách thức và cơ hội sắp tới nhằm khôi phục nền kinh tế và phát triển chuỗi cung ứng trong “trạng thái bình thường mới”. Thông qua phát biểu khai mạc của Thứ trưởng Nguyễn Thị Bích Ngọc, chúng tôi hiểu được rằng để đối phó với tình hình do COVID-19 gây ra, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 11 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và Chính phủ đang hành động để “Triển khai và thực hiện hiệu quả chương trình này”. Với định hướng đó, cả hai bên đều tập trung vào những mục tiêu chung, đó là huy động vốn đầu tư nước ngoài để duy trì những thành công của Việt Nam trong những năm gần đây và thực sự tận dụng được các cơ hội mới khi hệ thống thương mại toàn cầu có những cách thức mới để đẩy mạnh phục hồi trong chuỗi cung ứng quốc tế.

Sau đây là một vài ví dụ: Nhóm công tác Điện và Năng lượng đề cao tầm quan trọng của việc thúc đẩy các dự án điện gió mới ngoài khơi như một phần của chương trình tổng thể COP-26 của Việt Nam để đạt được phát thải ròng bằng không năm 2050. Nhóm công tác Nông nghiệp đề xuất phát triển nông nghiệp “THÔNG MINH” ở Việt Nam về lâu dài thông qua việc sử dụng hệ thống quan trắc từ xa để quản lý mùa màng, quản lý tưới tiêu và chất thải tốt hơn, thực hiện các chính sách nhằm giảm

nhẹ tác động và thích nghi với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, và những biện pháp cần thiết khác nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và nâng cao giá trị thực phẩm, nâng cao chất lượng cuộc sống một cách bền vững.

Sau nhiều thảo luận giữa hai bên, Thứ trưởng Nguyễn Thị Bích Ngọc kết luận lại 3 nhóm vấn đề chính của Phiên họp kỹ thuật cần được đánh giá và trao đổi thêm. Đó là:

- (1) Một là, còn một số tồn tại, hạn chế trong khâu thực thi chính sách pháp luật và việc triển khai chính sách pháp luật của một số nơi còn quá cứng nhắc và thiếu thống nhất ở cấp làm việc tại cả Trung ương và địa phương khiến các doanh nghiệp nước ngoài gặp khó khăn.
- (2) Hai là, một số luật và quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn, đặc biệt là đối với một số nội dung mới như kinh tế số, môi trường, những lĩnh vực này cần khuôn khổ pháp lý linh hoạt hơn để các doanh nghiệp nước ngoài có thể phát triển mạnh mẽ
- (3) Ba là, một số sáng kiến, giải pháp mới trong việc thực hiện các công việc, thủ tục hành chính được đề xuất và cần được xem xét sớm trong bối cảnh doanh nghiệp trong nước và nước ngoài phải đối mặt với nhiều thách thức mới do COVID-19

Đối với nhóm vấn đề thứ nhất, Nhóm công tác Đầu tư và Thương mại ghi nhận sự cải thiện lớn trong việc cấp phép qua mạng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tuy nhiên cũng nêu vấn đề “giấy phép con” cản trở kinh doanh, bao gồm điều kiện “kiểm tra nhu cầu kinh tế” trong lĩnh vực bán lẻ, “giấy phép thương mại” và các giấy phép con khác về kỹ thuật, môi trường v.v. Mỗi giấy phép đều có một lý do riêng nhưng chúng tôi tin rằng mỗi giấy phép có một sự thay thế hiệu quả hơn mà doanh nghiệp sẽ không bị chậm trễ hàng tháng để có thể tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong lĩnh vực du lịch, ngoài hỗ trợ tài chính đã được đề xuất cho các khách sạn và cơ sở dịch vụ ăn uống bị ảnh hưởng nặng nề, việc hiện đại hóa những yêu cầu về bằng cấp nhằm có thể huy động nhân lực từ nước ngoài vào để khởi động lại ngành cũng quan trọng không kém việc thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia ngành này. Vấn đề này cần sự hỗ trợ ở cấp địa phương đối với giấy phép lao động và những yêu cầu khác.

Đối với nhóm vấn đề thứ hai, Luật Môi trường và số lượng lớn các Nghị định, Thông tư đi kèm cần nỗ lực rất lớn để thực thi. Việc này đòi hỏi cấp Trung ương có hướng dẫn chỉ đạo địa phương làm đúng kèm theo sự minh bạch và trao đổi thông tin tốt với các doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực hải quan, cơ chế một cửa quốc gia (NSW) đầy hứa hẹn mang tới một cơ hội tuyệt vời cho Chính phủ bảo đảm quy định chặt chẽ giữa chính quyền trung ương và địa phương và giữa các Bộ khi nó cung cấp tất cả các thông tin liên quan tại một cửa, bảo đảm tất cả các bên tiếp cận cùng một thông tin và thủ tục, giảm đi những xung đột về quy định giữa nhiều Bộ. Tuy nhiên, để cơ chế này thực sự hiệu quả, các Bộ cần nhất quán cập nhật thường xuyên sự thay đổi các quy định. Một Nghị định mới yêu cầu các Bộ liên quan cập nhật thường xuyên các quy định có thể nâng cao hiệu quả của Cơ chế một cửa quốc gia theo đúng mục đích của nó.

Nhóm vấn đề thứ ba không chỉ liên quan đến sự phục hồi từ dịch bệnh COVID-19 mà còn liên quan đến sự phục hồi tổng thể của nền kinh tế. Một ví dụ quan trọng là quy định pháp luật và dự thảo các biện pháp về thương mại điện tử, sử dụng Internet, địa phương hóa dữ liệu v.v. vẫn còn khoảng cách đáng kể trong cách tiếp cận liên quan đến quy định và thuế.

Một đề xuất khác từ Nhóm công tác du lịch là khi thực hiện hoãn, giảm thuế được đưa ra trong hai năm qua theo cách không xử phạt những doanh nghiệp không cố ý, ví dụ như việc tỷ lệ thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm trên một hóa đơn có sự khác biệt (như rượu là 10% và đồ ăn là 8%).

PHIÊN 1 – ĐÓNG GÓP CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VÀO SỰ PHỤC HỒI CỦA NỀN KINH TẾ

Bà Trần Thị Lan Anh, Tổng Thư ký, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam ủng hộ và thống nhất cao các trọng tâm điều hành chính sách của Chính phủ trong năm 2022. Để góp phần hiện thực hóa mục tiêu và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp mà Chính phủ đã đặt ra, thay mặt cộng đồng doanh nghiệp, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có mười đề xuất như sau:

(1) Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin chính sách, quy định hỗ trợ doanh nghiệp: Các cơ quan nhà nước cần nâng cao hiệu quả công tác phổ biến các chính sách, quy định để các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, nhỏ), HTX và hộ kinh doanh dễ dàng tiếp cận thông tin.

(2) Tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tiếp cận vốn để phục hồi sản xuất kinh doanh: Trong đó, cần nhanh chóng triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất tính dụng 2% đối với các khoản vay thương mại trong chương trình hỗ trợ phục hồi theo Nghị quyết 11, ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

(3) Đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh, đi lại cho lao động, chuyên gia: Đối với chuyên gia nước ngoài: Đề nghị Bộ, ngành rà soát quy trình đối với thủ tục nhập cảnh của chuyên gia nước ngoài theo hướng: áp dụng giải quyết thủ tục trực tuyến, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục... Chính sách đối với chuyên gia nước ngoài cần thống nhất thực hiện giữa các địa phương trên toàn quốc.

(4) Nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ đào tạo cho người lao động bị thôi việc, mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người lao động; thực hiện có hiệu quả các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động; nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hoạt động sàn giao dịch việc làm của các trung tâm dịch vụ việc làm. Giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động;

(5) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin với các thủ tục hành chính, tiến tới giải quyết hoàn toàn thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Tiếp tục phát triển và nâng cấp các cổng thông tin một cửa quốc gia, cổng dịch vụ công quốc gia... Cần đẩy nhanh triển khai dịch vụ công cấp độ 4 ở hầu hết các thủ tục hành chính. Tiến tới mục tiêu giải quyết hoàn toàn các thủ tục hành chính với doanh nghiệp và người dân trên môi trường mạng.

(6) Nâng cao hiệu quả thực thi của bộ máy chính quyền: Cần có giải pháp kiểm tra quá trình triển khai thực hiện, quan tâm nâng cao hiệu quả thực thi của các bộ, ngành và Chính quyền các địa phương. Đề cao trách nhiệm cá nhân của những người đứng đầu. Kịp thời động viên, khen thưởng những người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; chủ động đổi mới, sáng tạo linh hoạt trong việc thực hiện

các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Kết hợp tháo gỡ các điểm nghẽn, cản trở sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

(7) *Nâng cao khả năng tận dụng ưu đãi thuế quan FTA, khơi thông các chính sách liên quan đến quy tắc xuất xứ.* Việt Nam hiện đang có 15 FTA đang có hiệu lực trong đó có nhiều thị trường lợi thế do các đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam chưa có FTA. Đề nghị cần có chương trình hành động cụ thể nhằm nâng cao khả năng tận dụng ưu đãi thuế quan FTA để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và xử lý các vướng mắc về chính sách liên quan đến quy tắc xuất xứ trong các FTA.

(8) *Xác định phát triển kinh tế số là động lực tăng trưởng của nền kinh tế, tạo cơ chế thúc đẩy thương mại điện tử; hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; tăng cường triển khai các chương trình đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, marketing số...*

(9) *Thúc đẩy phát triển thị trường nội địa, thị trường nội ngành thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và phong trào “Hàng Việt Nam chinh phục người Việt”, đẩy mạnh liên kết giữa các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng trong việc phối hợp tiêu thụ sản phẩm của nhau để đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ đầu ra, giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường quốc tế.*

(10) *Tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, với trọng tâm là cải cách về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.* Tập trung cải cách một số lĩnh vực TTHC còn nhiều phiền hà theo phản ánh từ các doanh nghiệp, đó là các lĩnh vực TTHC về đất đai, thuế, bảo hiểm xã hội, xây dựng, quản lý thị trường, giao thông, phòng cháy, môi trường, kho bạc và lao động...

Ông Funayama Tetsu, đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam

Chúng ta đã chứng kiến sự cải thiện đáng kể dưới sự lãnh đạo mạnh mẽ của Ngài Thủ tướng. Sau năm tháng vừa qua, chúng tôi mong muốn được đề xuất ba điểm sau để đóng góp thêm cho chủ đề “*Phục hồi kinh tế và Phát triển chuỗi cung ứng trong bối cảnh bình thường mới*” tại Việt Nam trong thời kỳ hậu COVID.

Trước hết, xin vui lòng xem xét vận hành hệ thống linh hoạt như cho vay ngoại tệ của các tổ chức tài chính trong Việt Nam để các công ty trong nước và các công ty liên kết nước ngoài có thể dễ dàng sử dụng các nguồn vốn trung và dài hạn chất lượng cao ở nước ngoài. Hơn nữa, chúng tôi đặc biệt khuyến nghị việc triển khai các hoạt động kế toán cho ngân hàng để cải thiện tài chính và dòng tiền của các công ty tư nhân, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động thuế và hải quan không chỉ ở các thành phố lớn mà còn ở mỗi địa phương.

Thứ hai đó là sự phát triển của cơ sở hạ tầng năng lượng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế cao ở Việt Nam. VBF và JCCI đã đề xuất với Bộ trưởng Bộ Công thương về dự thảo tổng sơ đồ phát triển điện VIII PDP8. Trong đó, chúng tôi mong muốn hợp tác thông qua xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm công tác điện ổn định và chuyển đổi năng lượng thực tế. Chúng tôi rất mong muốn sớm nhận được thông báo chính thức về PDP8.

Thứ ba, để tăng cường chuỗi cung ứng cần tích cực cải thiện cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải; bao gồm: điện, đường và cảng; từ quan điểm chung đến dài hạn. Về sự phát triển này, chúng tôi mong

muốn rằng cả khu vực nhà nước và tư nhân đều chia sẻ rủi ro theo cơ chế đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP. Tài chính được thiết lập kịp thời và đầu tư được thực hiện.

JCCI tuân thủ luật PPP, có hiệu lực vào tháng 1/2021 và tham gia sâu hơn vào đầu tư theo phương thức PPP. Tuy nhiên, cần phải làm rõ vấn đề bảo lãnh Chính phủ và chi tiết của hợp đồng mua bán điện (đối với các dự án điện) để đảm bảo khả năng ngân hàng PPP và các pháp lệnh liên quan để cơ cấu tài chính suôn sẻ từ cơ quan tín dụng, xuất khẩu và các ngân hàng thương mại. Chúng tôi chân thành đề nghị Ngài Thủ tướng hết sức hỗ trợ hiện thực hóa môi trường đầu tư tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển thuận lợi.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng mong muốn Ngài Thủ tướng lưu tâm đến tầm quan trọng của chuyển đổi số và bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp. Chuyển đổi số là chìa khóa để đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa của Việt Nam. Chúng tôi rất vui được hợp tác với Việt Nam để xây dựng khuôn khổ chính sách hợp lý theo hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP. Về vấn đề này, chúng tôi mong Ngài Thủ tướng giúp đỡ và xem xét các đề xuất của JCCI và các nhà đầu tư nước ngoài khác đối với nghị định dự thảo về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Nhiều công ty Nhật Bản phải tạm ngừng hoặc xem xét lại việc sản xuất của mình do COVID-19. Tầm quan trọng của Việt Nam lại được một nữa được nhấn mạnh trong năm 2022 sẽ là giai đoạn quan trọng để Việt Nam trở thành nước phát triển và có thu nhập cao vào năm 2045. Dưới sự lãnh đạo mạnh mẽ của Ngài Thủ tướng, chúng tôi rất mong muốn được chứng kiến sự tiếp tục của chính sách “Sống chung với COVID-19” và bước ngoặt quan trọng trong thời kỳ hậu COVID-19.

Ông Nitin Kapoor, đại diện Hiệp hội doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam

Trải qua những thời điểm khó khăn chưa từng có hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đã được công nhận là một điển hình hàng đầu trên toàn cầu về cuộc chiến chống đại dịch. BritCham muốn nhân dịp này kỷ niệm một năm Hiệp định Thương mại Tự do được ký kết. Hiệp định này đã mang lại mức tăng trưởng hơn 16% trong thương mại giữa hai quốc gia chúng ta, dù thế giới đang phải hứng chịu đại dịch. Chúng tôi cũng rất vui mừng được nhắc lại cam kết trong chuyến thăm rất thành công vừa qua của VBF tới Vương quốc Anh vào ngày 26/10 về hỗ trợ liên tục để phát triển quan hệ thương mại và chính trị giữa hai nước chúng ta.

Khi Việt Nam đang dần vượt qua những thách thức của đại dịch COVID, chúng tôi nhận thấy triển vọng của cộng đồng doanh nghiệp Anh tại Việt Nam là rất đáng kỳ vọng và lạc quan. BritCham xin chúc mừng Chính phủ Việt Nam về thành công của đất nước, nhờ các chính sách và hỗ trợ về y tế, tiền tệ đúng đắn đã tạo ra sự thống nhất, các công ty và rộng hơn là nền kinh tế có thể nhanh chóng lấy lại mức tăng trưởng và phát triển trước thời kỳ COVID. Yếu tố chính của quá trình khôi phục này sẽ là việc mở cửa lại biên giới tạo điều kiện an toàn cho doanh nhân và khách du lịch quay lại Việt Nam làm việc và trải nghiệm, cùng với việc hạn chế và loại bỏ các yêu cầu kiểm dịch và các quy định chính sách chung trong cả nước. Những điều này sẽ hỗ trợ các nhà khai thác du lịch và kinh doanh cả trong và ngoài nước. Chúng tôi rất khuyến khích nhìn nhận những hành động quyết liệt của chính phủ trên cả hai lĩnh vực trên.

Cùng với quá trình dần phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, lạm phát sẽ là một vấn đề quan trọng cần được giải quyết. BritCham tin rằng chính sách kinh tế quốc gia chú trọng vào vấn đề lạm phát sẽ đòi hỏi sự quan tâm thường xuyên để giúp Việt Nam tránh được một giai đoạn bong bóng tài sản và lạm phát tăng cao khác như đã trải qua trong năm 2010 và 2012, từ đó giúp ổn định nền kinh tế đang đi

xuống được tiếp tục tăng trưởng. BritCham cũng cho rằng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần điều chỉnh thanh khoản và giới hạn cho vay lớn hơn để tăng trưởng kinh tế, và đây là những yếu tố then chốt cho năm 2022 và trong trung hạn. Sắp tới, các công ty sẽ bắt đầu chu kỳ đầu tư vốn vào doanh nghiệp của họ. Một số ngân hàng của Anh như Standard Chartered, HSBC đã hoạt động tích cực trên thị trường FDI. Việt Nam rất cần các ngân hàng nước ngoài có thể cho vay hiệu quả đối với các công ty đa quốc gia hoạt động trong nước để tận dụng tối đa tiềm năng của tất cả các Hiệp định Thương mại Tự do đã ký và đang thương lượng.

Việt Nam chỉ có thể hiện thực hóa tốc độ tăng trưởng tiềm năng khi không bị thanh khoản hạn chế kìm hãm. Chi phí cho vay được điều chỉnh linh hoạt về tính bền vững. Các cam kết trung hòa các-bon gần đây của chính phủ rất đáng hoan nghênh. BritCham tin rằng đây là bước đầu của quá trình và luôn quan tâm giúp đỡ chính phủ về các chính sách và quy định đã được đưa ra để đạt được mục tiêu này. Với nhu cầu đầu tư cần thiết trong lĩnh vực này, chúng tôi cho rằng những điều trên cũng cần được nhấn mạnh để đạt được cam kết táo bạo và đáng hoan nghênh này khi mức vay hiện nay đang tăng trong khu vực tư nhân và các nhà đầu tư. Những tham vọng phát triển kinh tế bền vững cao hơn càng làm nổi bật lên tầm quan trọng của phát triển kỹ năng và ngôn ngữ. Đại dịch đã cho thấy nhu cầu lớn về giáo dục quốc tế ở các cấp cho mọi lứa tuổi để giúp nhân tài của Việt Nam cống hiến và thực hiện được các mục tiêu đề ra. Các doanh nghiệp và chính phủ Anh mong muốn mở rộng liên kết trong lĩnh vực này để hiện thực hóa tham vọng của Việt Nam.

Trong bối cảnh đại dịch hiện nay, đầu tư vào y tế đổi mới là quan trọng hơn bao giờ hết, không chỉ từ góc độ chăm sóc sức khỏe mà còn từ góc độ kinh tế xã hội, vì y tế có ảnh hưởng đến mọi mặt của xã hội. Ngành này có chung một mong muốn với chính phủ là phát triển Việt Nam thành một điểm đến được ưu thích để đầu tư giá trị gia tăng cao trong lĩnh vực dược phẩm. Ngành y tế mong muốn đầu tư vào R&D, chuyển giao công nghệ, y tế số, cơ sở hạ tầng phù hợp với lộ trình chiến lược của chính phủ. Chúng tôi rất vui mừng vì Nghị quyết số 12 mang tính chất cấp thiết trong thời điểm quan trọng này của Quốc hội đã được ban hành gần đây nhằm tránh rủi ro cung ứng hơn 12.000 loại thuốc. Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định 1661 kịp thời và hữu ích, trong đó loại bỏ các thủ tục gia hạn giấy lưu hành thuốc để đảm bảo nguồn cung liên tục và giảm đáng kể gánh nặng quản lý cho Bộ Y tế cũng như cho ngành.

Kết lại, các doanh nghiệp Anh sẽ ngày càng đóng góp nhiều hơn cho Việt Nam và nền kinh tế Việt Nam với triển vọng tích cực sẽ tiếp tục khôi phục và tăng trưởng trên tất cả các lĩnh vực. Chìa khóa để tối đa hóa thành công là hoạch định chính sách mạnh mẽ và nhất quán, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tăng trưởng và tự tin phát triển. Cần lưu ý rằng chúng ta cũng phải dự đoán và chấp nhận rằng quá trình phục hồi sẽ không luôn luôn suôn sẻ, mà phải xác định việc đưa ra các chính sách và quy định thậm chí còn quan trọng hơn. Hãy yên tâm rằng chúng tôi rất vui và sẵn lòng hỗ trợ các bước tiếp theo từ giai đoạn bình thường mới trở lại trạng thái ban đầu.

Ông Alain Cany, Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam

Việt Nam đang dần mở cửa trở lại nhờ có chiến dịch tiêm chủng thần tốc và đầy tham vọng của Chính phủ, cùng với các nhân viên y tế tuyến đầu kiên cường làm việc không quản mệt mỏi. Lãnh đạo các doanh nghiệp châu Âu tỏ ra tin tưởng vào môi trường thương mại và đầu tư của Việt Nam trong trạng thái “bình thường mới”, với Chỉ số Môi trường Kinh doanh (BCI) trong báo cáo thường kỳ của EuroCham tăng 42 điểm lên 61 vào tháng 1 năm 2022.

Trong bối cảnh đó, năm 2021 cũng đánh dấu tròn một năm thực hiện EVFTA. Hiệp định tự do thể hệ mới này cuối cùng sẽ loại bỏ gần như 99% số dòng thuế. Ngay cả trong đại dịch toàn cầu diễn biến phức tạp, EVFTA vẫn được thực hiện đúng theo cam kết. Năm 2021, giá trị thương mại giữa EU và Việt Nam tăng 14,8%, đạt khoảng 64 tỷ USD.

Giờ đây khi COVID-19 đã được kiểm soát trở lại, với EVFTA đã có hiệu lực và EVIPA sớm được thực hiện, Việt Nam có cơ hội thu hút một làn sóng FDI mới từ các nhà đầu tư châu Âu đang tìm kiếm một điểm đến đầu tư thịnh vượng, an toàn và cạnh tranh. Do đó, chúng tôi hoan nghênh nỗ lực của chính phủ trong việc ban hành, sửa đổi và đơn giản hóa một số quy định để phù hợp với các điều khoản của EVFTA.

Trong diễn đàn doanh nghiệp quan trọng này, chúng tôi muốn nhấn mạnh năm thách thức chính sau đây cần được giải quyết đối với mục đích **“Khôi phục và phát triển chuỗi cung ứng trong trạng thái bình thường mới”**.

1. Điện và Năng lượng cho Tương lai của Việt Nam sau Hội nghị COP26

Chúng tôi xin bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với sự lãnh đạo của Chính phủ Việt Nam tại COP26, với cam kết trung hòa các-bon vào năm 2050 và dừng sử dụng điện than. Tôi may mắn được tham dự Hội nghị tại Glasgow với tư cách là thành viên của phái đoàn Việt Nam. Tôi thực sự cảm thấy tự hào khi là người Việt Nam có mặt tại đây. Những ý kiến này đã được Chủ tịch COP26 Alok Sharma và Phó Chủ tịch điều hành Ủy ban châu Âu Frans Timmermans hoan nghênh trong tuần trước trong cuộc thảo luận với Thủ tướng Phạm Minh Chính. Tuy vậy, Quy hoạch điện VIII vẫn đặt ra nhu cầu nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch ở mức cao, trong khi lượng công suất điện gió ngoài khơi còn khiêm tốn. Mục tiêu chưa thể hiện được quyết tâm này có thể làm tăng chi phí sản xuất điện năng cao không cần thiết. Do đó, chúng tôi đặc biệt khuyến nghị chính phủ:

- Dừng phê duyệt dự án nhà máy điện than mới trong Dự thảo Quy hoạch Điện VIII.
- Cho phép người tiêu dùng điện tiếp cận năng lượng sạch bằng cách thực hiện thí điểm các hợp đồng mua bán điện trực tiếp và gỡ bỏ các rào cản quy định đầu mối đối với việc sản xuất điện nhà máy từ năng lượng sạch. Khuyến khích sử dụng gió ngoài khơi.

Những năm trước, chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh Mô hình Kinh tế Tuần hoàn đã được áp dụng ở EU trong nhiều năm, như một điểm tham chiếu mới cho sản xuất và tiêu dùng trong tương lai. Do đó, chúng tôi rất vui mừng khi Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường được ban hành vào ngày 8/1 mới đây có đề cập đến Kinh tế tuần hoàn.

Để tiếp tục hướng tới và đạt được những mục tiêu chính phủ Việt Nam đã đặt ra, doanh nghiệp Việt Nam cần phải hợp tác với các đối tác Châu Âu và quốc tế. Hướng tới thực hiện mục tiêu này, EuroCham sẽ tổ chức Diễn đàn Kinh tế Xanh và Triển lãm Quốc tế (GEFE) vào cuối năm 2022. Sự kiện này sẽ đóng vai trò là một kênh đối thoại trong cộng đồng doanh nghiệp cũng như giữa doanh nghiệp và chính phủ, để chúng ta có thể cùng nhau tìm ra các giải pháp sạch, thông minh và bền vững.

2. Y tế

Chúng tôi rất trân trọng sự hỗ trợ không ngừng của Chính phủ trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các công ty dược phẩm và đảm bảo nguồn cung thuốc ổn định cho Việt Nam. Trên hết, EuroCham và cộng đồng doanh nghiệp châu Âu đánh giá cao Nghị quyết số 12/2021/UBTVQH15 ban hành ngày 30/12/2021 cho phép tiếp tục sử dụng Giấy đăng ký lưu hành thuốc dự kiến hết hạn trước cuối năm 2022.

Về các giải pháp bền vững, chúng tôi đánh giá cao Quyết định 1661/QĐ-TTg gần đây, trong đó bãi bỏ thủ tục gia hạn Giấy đăng ký lưu hành thuốc. Chúng tôi mong chờ các quy định liên quan, bao gồm cả Luật Dược sửa đổi hướng dẫn thực hiện việc loại bỏ hoàn toàn thủ tục gia hạn Giấy đăng ký lưu hành thuốc vào năm 2022.

Cuối cùng, chúng tôi hoan nghênh Bộ Y tế đang nỗ lực sửa đổi Thông tư 32/2018/TT-BYT quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc, trong đó sửa đổi các yêu cầu về Giấy chứng nhận sản phẩm dược phẩm (CPP) như đã được thể hiện trong dự thảo ngày 24/11.

3. Số hóa

Các thủ tục hành chính hiện đại trên tuyến đầu cung cấp dịch vụ không được xảy ra lãng phí, do đó cần tiếp cận nhanh chóng các công nghệ đơn giản hóa quy trình, giảm chi phí và tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo. Điện toán đám mây có thể đóng vai trò quan trọng để mang đến các dịch vụ công tốt hơn và tạo điều kiện cho các cơ quan hợp tác thuận lợi. Chúng tôi khuyến nghị hình thức hợp tác công tư để xây dựng điện toán đám mây cho các cơ quan chính phủ, áp dụng các chính sách ưu tiên điện toán đám mây thông minh và giảm chi phí bằng cách áp dụng các cơ chế công nhận, tuân thủ và bảo mật trên đám mây được quốc tế công nhận. Ngoài ra, Việt Nam cũng nên thúc đẩy các quy trình số hóa hiệu quả để trao đổi hàng hóa và dịch vụ ở quy mô quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam cần tạo điều kiện cho sự phát triển của các doanh nghiệp số châu Âu và toàn cầu và thúc đẩy họ hòa nhập vào nền kinh tế số của Việt Nam thông qua luật pháp, quy định và tiêu chuẩn ngành cho phép lưu chuyển và trao đổi dữ liệu tự do. Các quy định này phải tuân thủ các thông lệ kinh doanh số quốc tế, trong đó bãi bỏ các yêu cầu về Việt Nam hóa dữ liệu. Chúng tôi hoan nghênh chính phủ đã tham khảo ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp quốc tế về Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân và chúng tôi luôn sẵn sàng tham vấn thêm để đảm bảo Nghị định này phù hợp với Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) và các luật bảo mật quốc tế khác.

4. Quy định nhập cảnh cho người nước ngoài cư trú tại Việt Nam

Chúng tôi cũng như cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam rất vui mừng với quyết định giảm thời gian cách ly bắt buộc xuống còn 3 ngày cũng như loại bỏ các thủ tục phê duyệt đối với người nước ngoài có thể cư trú, thị thực và giấy miễn thị thực hợp lệ.

Việc nhanh chóng đưa các quy định về thị thực trước đại dịch áp dụng trở lại là cần thiết để đưa vốn FDI vào Việt Nam và đảm bảo rằng hàng nghìn doanh nghiệp quốc tế tại Việt Nam có thể tiếp tục đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của đất nước trong những năm tới.

5. Du lịch

Chúng tôi có cùng quan điểm của chính phủ trong chiến lược phát triển du lịch: phải đảm bảo an toàn mới nối lại các hoạt động du lịch. Các thành viên của EuroCham vui mừng được biết ngày 8/2 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 01/CT-TTg chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố lộ trình mở cửa trở lại của ngành du lịch.

Tôi xin kết thúc bài phát biểu với sự lạc quan. Việt Nam đang ở một vị thế mạnh mẽ hơn hầu hết các nước khác để hướng tới thịnh vượng trong thời kỳ hậu đại dịch này. Các yếu tố cơ bản làm nền tảng trong ba thập kỷ tăng trưởng kinh tế gần như không bị gián đoạn mà vẫn vững mạnh. Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng VBF đã, đang và sẽ tiếp tục là một kênh tuyệt vời để chia sẻ quan điểm của cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài với chính phủ, đảm bảo cho Việt Nam tiếp tục tiến bộ trong quan hệ đối tác với các doanh nghiệp châu Âu.

Ông John Rockhold, Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam

Theo quan điểm của Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ về khôi phục và phát triển chuỗi cung ứng trong trạng thái bình thường mới, Chia khóa để thúc đẩy phục hồi tốt và chung sống an toàn với virus là mở cửa lại biên giới. AmCham đã áp dụng các quyết định gần đây để tạo điều kiện thuận lợi cho di chuyển xuyên biên giới và tiếp tục du lịch quốc tế. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng những du khách là doanh nghiệp ngắn hạn vẫn gặp khó khăn trong việc xin phép nhập cảnh vào Việt Nam. Chúng tôi hy vọng các thủ tục này sẽ được nói lỏng đối với các nhà đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật.

Yếu tố quan trọng nhất để có được môi trường đầu tư thuận lợi và duy trì, tăng trưởng chuỗi cung ứng sản xuất là một môi trường pháp lý công bằng, minh bạch, có thể dự đoán và tinh gọn, coi trọng đổi mới sáng tạo không chỉ để thu hút đầu tư mới mà còn để duy trì và tăng trưởng đầu tư đã có. Chúng tôi khuyến khích cải cách ngành tài chính để nâng hạng thị trường Việt Nam từ cận biên lên mới nổi, cũng như đạt được xếp hạng tín nhiệm quốc gia lên mức Đầu tư. Đây đều là những bước quan trọng để thu hút dòng vốn phục vụ cho tăng trưởng kinh tế.

Tính minh bạch và khả năng dự báo cao hơn của hệ thống thuế Việt Nam sẽ củng cố môi trường đầu tư, đặc biệt là tránh được các phán quyết và đánh giá có hiệu lực hồi tố. Nhu cầu về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) là rất quan trọng vì đầu vào chuỗi cung ứng có thể đi qua nhiều quốc gia. Chúng tôi cũng khuyến khích Việt Nam đạt được việc ban hành và thực hiện chung hiệp định thuế song phương với Hoa Kỳ và tôn trọng cam kết tránh đánh thuế hai lần trong thời gian tạm thời, mặc dù đã duy trì được tăng trưởng kinh tế dương trong thời kỳ đại dịch. Trong nhiều ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất như du lịch, khách sạn, nhà hàng và vận tải, các doanh nghiệp đã phải thu hẹp quy mô hoặc tạm ngừng hoạt động. Chúng tôi kêu gọi chính phủ ổn định chính sách thuế trong những năm tới để giúp các doanh nghiệp phục hồi và phát triển bền vững. Bây giờ không phải là thời điểm thích hợp để tăng hoặc mở rộng nguồn doanh thu thuế. Hiện nay trên thế giới, quá trình chuyển đổi số giúp giảm đáng kể chi phí, cung cấp được sản phẩm và dịch vụ cho nhiều người tiêu dùng hơn và tạo điều kiện tiếp cận các thị trường mới và có quy mô lớn hơn. Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực Thương mại điện tử, FinTech, công nghệ giáo dục và nền kinh tế sáng tạo. Để phát huy tối đa tiềm năng, Việt Nam cần đảm bảo một môi trường pháp lý thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế khi nhu cầu lưu chuyển quốc tế ngày càng tăng đối với các dịch vụ và dữ liệu tốt. AmCham tiếp tục đối thoại với Chính phủ, các Bộ để đảm bảo các quy định mới khuyến khích các chính sách cởi mở, minh bạch và nhất quán trên toàn cầu về quyền riêng tư của dữ liệu thông tin, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và an ninh mạng và thương mại công bằng trong các dịch vụ số phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu ở cả các công ty nước ngoài và trong nước. Các chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng đòi hỏi nguồn năng lượng sạch để hoạt động. Tiến trình chuyển đổi năng lượng của Việt Nam sẽ tạo ra lợi ích cho nền kinh tế rộng lớn hơn và giúp thực hiện những cam kết của Việt Nam tại hội nghị khí hậu toàn cầu ở Glasgow. Để chúng ta có thể thảo luận sâu hơn trong các phiên tiếp theo, chính sách năng lượng sạch và Quy hoạch điện VIII cần phản ánh trọn vẹn cách tiếp cận của chính phủ và xem xét tăng trưởng năng lượng từ các góc độ chính: tiếp cận tài chính, chính sách thuế, hiệu quả sử dụng, giáo dục công, phát thải carbon, truyền tải, lưu trữ và đổi mới sáng tạo. Các kế hoạch phải áp dụng những ý tưởng sáng tạo mới như khả năng lưu trữ hydro và các loại năng lượng tái tạo khác. Đại dịch cũng đã làm nhấn mạnh thêm tầm quan trọng của các cơ sở hạ tầng khác bao gồm sân bay cầu, đường và cầu. Các dự án cơ sở hạ tầng góp phần tạo ra không khí sạch, nước sạch và môi trường sạch và mang lại lợi ích cho các hoạt động đầu tư, thương mại và du lịch trong tương lai. AmCham đề nghị bổ sung thêm các biện pháp tinh giản hóa thủ tục hải quan và các dịch vụ logistics khác tại cảng.

Nguồn nhân lực cũng rất quan trọng. Các thành viên của AmCham cam kết hỗ trợ phát triển lực lượng lao động cạnh tranh toàn cầu. Chúng tôi ủng hộ việc cải tiến chương trình đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu lao động. AmCham cũng khuyến khích Chính phủ tinh giản các yêu cầu về giấy phép lao động, loại bỏ giấy phép nhập cảnh đối với các chuyên gia để giúp Việt Nam thu hút và giữ chân nhân tài hàng đầu.

Chúng tôi cho rằng đầu tư vào y tế là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bao gồm hợp lý hóa việc chuyên giao công nghệ đối với thuốc và giảm bớt gánh nặng pháp lý nhằm cung cấp các sản phẩm y tế quan trọng và hỗ trợ tăng cường đầu tư vào phát triển lĩnh vực dược phẩm năng động.

Các công ty thành viên AmCham có những nhận định rất lạc quan về tương lai tại Việt Nam. Chúng tôi tin rằng những tiến bộ thực chất trong các vấn đề nêu trên sẽ tạo điều kiện phục hồi có khả năng thích ứng và bền vững và hỗ trợ Việt Nam trong tham vọng vươn lên khu vực cạnh tranh kinh tế tiếp theo. Chúng tôi cũng rất coi trọng việc tham gia với chính phủ.

Ông Kim Han Yong, Chủ tịch, Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam

- **Về thuế**

Việt Nam đang đạt được những thành tựu quan trọng trong quá trình lấy lại đà tăng trưởng nhờ kim ngạch thương mại tăng và kinh tế phục hồi nhanh chóng bất chấp hoàn cảnh khó khăn do đại dịch gây ra trong nước và trên thế giới.

Để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và phục hồi đầu tư, cần phải tạo ra một môi trường đáp ứng được các tiêu chuẩn toàn cầu, trong đó các công ty có thể đầu tư và nhanh chóng ứng phó trong hoàn cảnh thay đổi.

Gần đây, một số quy định trong Luật Quản lý thuế sửa đổi và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã được sửa đổi. Về vấn đề này, tôi kính đề nghị Chính phủ có hướng dẫn rõ ràng để đảm bảo áp dụng nhất quán các quy định này trên toàn quốc, đồng thời tổ chức thêm các cuộc hội thảo để phổ biến những thay đổi này tới các doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam.

Chúng tôi hy vọng VBF lần này sẽ là cơ hội để Việt Nam phục hồi và trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn hơn nữa thông qua việc đánh giá tổng thể hệ thống thuế quan cũng như môi trường đầu tư của các doanh nghiệp liên quan, đồng thời rà soát và thực hiện các biện pháp cải thiện.

- **Về năng lượng**

Kể từ Hội nghị về biến đổi khí hậu của LHQ COP26 năm ngoái, Việt Nam đã tích cực tổ chức các cuộc thảo luận về phát triển năng lượng bền vững và thân thiện với môi trường. Tôi được biết rằng Việt Nam cũng đang tạo ra nhiều khả năng sử dụng và sản xuất năng lượng mới và tái tạo, LNG, hydro và các lò phản ứng nhỏ, bên cạnh các nhà máy nhiệt điện hiện có. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp năng lượng của Hàn Quốc đang xúc tiến xây dựng các nhà máy điện LNG ở nhiều khu vực trên khắp ba miền, trong đó có Quảng Trị ở miền Trung. Hơn nữa, Hàn Quốc đã ban hành “luật kinh tế hydro” đầu tiên trên thế giới và sở hữu công nghệ năng lượng hydro tốt nhất thế giới. Việt Nam hiện cũng đang cân nhắc đầu tư vào các lĩnh vực như sử dụng các cơ sở sản xuất LNG để sản xuất hydro và đầu

tư vào các dự án phát điện bằng khí hydro. Chúng tôi hy vọng đây sẽ là cơ hội hợp tác giúp hai nước cùng phát triển trong lĩnh vực năng lượng.

- **Về thương mại**

Bước sang năm 2022, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) chính thức có hiệu lực. Hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới này bao gồm Việt Nam và Hàn Quốc. Sau khi RCEP có hiệu lực, Việt Nam sẽ vươn lên trở thành trung tâm của thương mại khu vực Đông Nam Á và Châu Đại Dương. Cùng với đó, Hàn Quốc sẽ tăng cường hơn nữa quan hệ thương mại với Việt Nam, một đối tác kinh tế quan trọng của chúng tôi trong thời gian tới.

Tuy nhiên, thật không may là các công ty không thể áp dụng RCEP có hiệu lực từ ngày 1/1 năm nay. Chúng tôi hy vọng rằng các thủ tục thiết thực như mẫu giấy chứng nhận xuất xứ, phương thức cấp, thủ tục áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu RCEP sẽ sớm được thực hiện.

Cuối cùng, Hàn Quốc đã chính thức bắt đầu quá trình chuẩn bị gia nhập CPTPP vào tháng 12 năm ngoái và đang xem xét các thông tin chi tiết. Chúng tôi mong muốn sẽ nhận được sự hỗ trợ tích cực từ các nước thành viên có mặt tại đây hôm nay, trong đó có Việt Nam, để Hàn Quốc có thể chính thức tham gia CPTPP.

Ông Seck Yee Chung, đại diện các hiệp hội thành viên liên kết VBF

1. Hỗ trợ doanh nghiệp và Khuyến khích đầu tư

Chúng tôi đánh giá cao những chính sách và quy định đã giúp giảm nhẹ tác động do dịch bệnh lên nền kinh tế, đồng thời khuyến khích đầu tư theo mong muốn (ví dụ: đầu tư quy mô lớn hoặc công nghệ cao).

Ví dụ:

- **Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg** ngày 25/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm 30% tiền thuê đất đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch.
- **Nghị quyết số 116/2021/NQ-CP** ngày 24/09/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) ("**Nghị quyết 116**").

Tuy nhiên, điều không kém phần quan trọng đó là đảm bảo những chính sách hỗ trợ và ưu đãi đó được triển khai trên thực tế. Có trường hợp nhà đầu tư nước ngoài xin cấp ưu đãi đầu tư nhưng các cơ quan hữu quan lại chần chừ không cấp vì quá thận trọng. Có những doanh nghiệp FIE đã đăng ký gói vay theo Nghị quyết 68, nhưng được yêu cầu cung cấp thêm nhiều giấy tờ, nếu không thì Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ không chấp thuận cho vay.

Một lần nữa, chúng tôi yêu cầu áp dụng các quy định này một cách minh bạch và tinh giản.

2. Đăng ký sáp nhập

Các quy định về đăng ký sáp nhập của Việt Nam hiện nay đã toàn diện hơn và ngày càng có nhiều giao dịch cần được cơ quan cạnh tranh phê duyệt đăng ký sáp nhập. Đây là một quá trình tốn nhiều thời gian, có thể mất từ nhiều tháng, đặc biệt là khi cơ quan cạnh tranh có quyền quyết định rộng rãi có xử lý đơn đăng ký hay không và cách thức xử lý như thế nào.

Chúng tôi yêu cầu cần phải có sự minh bạch và chắc chắn hơn về quy trình và thời gian.

3. Bất động sản

Tiếp tục quan tâm đến lĩnh vực bất động sản từ bất động sản thương mại, dân dụng, đến dịch vụ logistic và khu công nghiệp.

Kho bãi/logistic

Do sự phát triển của thương mại điện tử và sự chuyển dịch sản xuất sang Việt Nam, các khoản đầu tư vào kho bãi và trung tâm hoàn thiện đơn hàng đang tăng lên để hỗ trợ các ngành này. Một trong những thách thức là phải tìm ra địa điểm thích hợp cho các doanh nghiệp này do việc phân vùng không rõ ràng hoặc không phù hợp. Chúng tôi đề nghị cần có quy định chắc chắn hơn rằng việc đầu tư kho bãi và logistics có thể được thực hiện trong các khu công nghiệp.

Kinh doanh bất động sản

Nghị định mới 02/2022/NĐ-CP ngày 6/1/2022 (sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1/3/2022) (" **Nghị định 02** ") đã đưa ra những hướng dẫn hữu ích về một số yêu cầu pháp lý áp dụng cho hoạt động kinh doanh bất động sản.

Tuy nhiên, vẫn cần quy định rõ ràng hơn để giải quyết một số thách thức nhất định, ví dụ:

- điều kiện, thủ tục để nhà đầu tư nhận đất từ Nhà nước hoặc thuê đất của chủ sở hữu đất tại địa phương;
- những thách thức của chủ đầu tư trong thủ tục đền bù đất đai;
- thiếu khung pháp lý cho thị trường nhà nghỉ dưỡng.

Chúng tôi hy vọng sẽ có hướng dẫn thêm về vấn đề này.

4. Kinh tế số/Chính phủ điện tử

Chính phủ nên đang tập trung vào nền kinh tế số, thành phố thông minh và Cách mạng công nghiệp 4.0. Về thủ tục hành chính, chúng tôi ủng hộ chủ trương tiếp tục sử dụng các phương thức nộp trực tuyến, giảm sử dụng giấy tờ, công nhận chữ ký điện tử và sử dụng thư điện tử giữa các cơ quan chức năng, nhằm mang lại hiệu quả các nhà đầu tư và vốn mới.

Chúng tôi khuyến khích chính phủ hỗ trợ hơn nữa:

- các mô hình kinh doanh fintech, để áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và đảm bảo mở rộng lĩnh vực này cho đầu tư nước ngoài và trong nước.
- các mô hình y tế số, tạo điều kiện khám bệnh từ xa, điều trị từ xa, nhà thuốc điện tử và xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ bệnh nhân quốc gia với các phương pháp bảo vệ dữ liệu và cho phép tất cả các cơ sở y tế truy cập, bất kể là nhà nước hay tư nhân, hoặc trong nước hoặc nước ngoài đầu tư.

5. Thuế suất GTGT 0% đối với dịch vụ xuất khẩu

Xuất khẩu các sản phẩm từ Việt Nam là động lực kinh tế chủ chốt trong nhiều thập kỷ. Xuất khẩu dịch vụ cũng có thể làm được điều tương tự và chúng tôi ủng hộ việc áp dụng 0% thuế GTGT đối với dịch vụ xuất khẩu (nghĩa là dịch vụ cho khách hàng nước ngoài và thanh toán từ nước ngoài). Điều này sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho các nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam (và lực lượng lao động ngày càng có trình độ học vấn cao) trên thị trường quốc tế.

6. Giao thông vận tải

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, chúng tôi khuyến khích Chính phủ tiếp tục đưa ra các biện pháp cải cách cho phép khách du lịch quốc tế cũng như khách công vụ quay trở lại Việt Nam đồng thời vẫn đảm bảo an toàn trong bối cảnh dịch bệnh. Chúng tôi cũng khuyến khích Chính phủ tiếp tục hỗ trợ việc lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới một cách an toàn và đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu. Con người hay dữ liệu đều cần được tự do lưu chuyển để mang lại giá trị cho nền kinh tế. Các thành viên của chúng tôi cam kết phát triển nền kinh tế Việt Nam và lực lượng lao động trong nước. Chúng tôi tin rằng những đề xuất này sẽ giúp Việt Nam thành công hơn nữa trong bối cảnh bình thường mới.

PHIÊN 2 – VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU ỔN ĐỊNH & BỀN VỮNG

Ông Yoshiki Takeuchi, Phó Tổng Thư ký OECD

Trong hơn hai thập kỷ qua, mức độ hội nhập của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu đã mở rộng theo cấp số nhân, minh chứng là Việt Nam đã tham gia vào các hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt khoảng 286 tỷ USD, tăng gấp 50 lần trong vòng 20 năm qua. Chiến lược tăng trưởng dựa vào xuất khẩu đã giúp kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng đáng kể, mang đến nhiều cơ hội hơn cho người lao động Việt Nam, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, và giúp xây dựng một hệ sinh thái kinh doanh năng động. Ưu thế của chiến lược tăng trưởng của Việt Nam cũng được thể hiện trong cuộc khủng hoảng COVID-19 hiện nay. Mặc dù nằm trong số những quốc gia đầu tiên chịu ảnh hưởng của đại dịch, nền kinh tế Việt Nam đã cho thấy khả năng thích ứng đáng kinh ngạc. Việt Nam là một trong số ít nền kinh tế trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương năm 2020. Năm 2020, Việt Nam cũng đạt thặng dư thương mại cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 543 tỷ USD. Tuy nhiên, với Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới, đại dịch COVID-19 đã cho chúng ta thấy rằng tính kết nối và phụ thuộc lẫn nhau của nền kinh tế thế giới khiến chuỗi giá trị toàn cầu của chúng ta bị gián đoạn. Hiện nay, khoảng 30% giao dịch thương mại quốc tế liên quan đến các chuỗi giá trị toàn cầu. Các chuỗi giá trị này, với sự kết hợp của các dịch vụ, nguyên liệu thô, phụ tùng và linh kiện, có vai trò rất quan trọng trong phân phối các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt trong các cuộc khủng hoảng như đại dịch COVID-19. Chúng sẽ được vận chuyển xuyên biên giới qua nhiều quốc gia trước khi được sử dụng để tạo ra thành phẩm và chuyển đến tay người tiêu dùng trên toàn thế giới. Điều này cho thấy, sự gián đoạn ở một quốc gia có thể có tác động toàn cầu. Việt Nam không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của những tác động này. Ví dụ: việc hủy đơn hàng đột ngột, mất khả năng thực hiện hợp đồng, chậm chi trả lương cho người lao động và đóng cửa nhà máy đã làm đứt gãy các chuỗi giá trị toàn cầu, đôi khi dẫn đến nhiều hệ lụy cho người lao động và người tiêu dùng.

Thưa quý vị, trong khi đại dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp trên toàn cầu, chúng ta đã bước đến một thời khắc quan trọng. Sau các giải pháp ứng phó khủng hoảng trong ngắn hạn, chúng ta nên có những chính sách chủ động, toàn diện và định hướng tương lai để nền kinh tế của chúng ta tăng trưởng và thích ứng nhanh hơn với các cuộc khủng hoảng trong tương lai. Việc thiết kế và, trong một số trường hợp, xây dựng lại chuỗi giá trị toàn cầu là một phần quan trọng trong nỗ lực này. Hoạt động này phải lồng ghép hiệu quả yêu cầu về Ứng xử kinh doanh có trách nhiệm, hay RBC, trong các chuỗi giá trị toàn cầu. Các công cụ RBC có thể nâng cao khả năng thích ứng trong các chuỗi giá trị toàn cầu bằng cách tăng cường quản lý rủi ro và chiến lược thẩm định doanh nghiệp và bằng cách nâng cao nhận thức, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng vận hành linh hoạt. Dựa trên các công cụ như hướng dẫn của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia và hướng dẫn của OECD về thẩm

định RBC, doanh nghiệp có thể xây dựng hệ thống giúp họ vượt qua khủng hoảng, đồng thời đảm bảo khả năng thích ứng lâu dài của hoạt động kinh doanh và chuỗi cung ứng doanh nghiệp. Quan trọng là, với sự kiện ngày hôm nay, các dẫn chiếu về RBC trong các điều khoản về thương mại và phát triển bền vững của Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU (EVFTA) mới ký kết gần đây mang đến cơ hội để cùng nhau thực hiện yêu cầu RBC nhằm xây dựng một tương lai tốt hơn. Với Việt Nam, điều này có thể thúc đẩy những nỗ lực không ngừng để Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045 theo Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2121-2030. Thúc đẩy các chuỗi giá trị toàn cầu bền vững và có trách nhiệm sẽ thu hút đầu tư, thúc đẩy phục hồi công bằng và bền vững, cải thiện cuộc sống của người dân và thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững.

OECD coi trọng việc tăng cường và phát triển hơn nữa mối quan hệ hợp tác với Chính phủ Việt Nam, bao gồm tham gia chặt chẽ thực hiện Chương trình khu vực Đông Nam Á của OECD. Biên bản ghi nhớ hợp tác mà Việt Nam - OECD ký kết gần đây là một dấu mốc quan trọng khác, vì mục đích hợp tác hai bên cùng có lợi. Trong đó, xây dựng các chuỗi giá trị toàn cầu có khả năng thích ứng là một lĩnh vực hợp tác ưu tiên. Và trên cương vị cá nhân, tôi đã có vinh dự làm việc chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Việt Nam khi tôi còn đang công tác tại Bộ Tài chính Nhật Bản. Và tôi rất vui được tiếp tục hợp tác với quý vị trong vai trò là Phó Tổng Thư ký OECD. OECD sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam trong việc thiết kế, xây dựng và điều chỉnh chính sách vì một Việt Nam thịnh vượng. Tôi xin chúc sự kiện hôm nay thành công tốt đẹp. Cảm ơn quý vị!

PHIÊN 3 –

ĐỊNH VỊ DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

Tài chính cần thiết cho phát triển cụm công nghiệp và chuỗi cung ứng

Ông Dominic Scriven, Trưởng Nhóm Công tác Thị trường Vốn VBF

2020 và 2021 là hai năm mà chúng ta đã chứng kiến rất nhiều biến động trong lịch sử nước Việt Nam hiện đại. Tuy nhiên, với sự lãnh đạo vững vàng, sự cam kết bền chặt và sự đoàn kết mạnh mẽ của toàn thể nhân dân và các đồng chí lãnh đạo Việt Nam, chúng ta đã khiến cả thế giới thán phục và kinh ngạc. Tính đến ngày hôm nay, thị trường vốn của Việt Nam đã có sự phát triển và thành công vượt bậc. Tôi xin phép được điểm qua như sau:

1. Tổng vốn hóa của thị trường chứng khoán của Việt Nam khoảng 340 tỉ USD, chiếm 95,6% GDP, vượt mục tiêu đặt ra cho Việt Nam vào năm 2025.
2. Tổng quy mô thị trường trái phiếu của Chính phủ Việt Nam là xấp xỉ 60 tỉ USD, và lợi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam ở một vài kỳ hạn còn thấp hơn lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ.
3. Trong năm 2021, số lượng tài khoản chứng khoán mới tăng hơn 56%, (tức 1,5 triệu nhà đầu tư mới). Ngày càng có nhiều người bắt đầu đầu tư vào thị trường chứng khoán và coi đây như một kênh để tích lũy tài sản, hướng tới một nền kinh tế cổ phiếu.
4. Trong năm 2021, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày của thị trường đã tăng gấp 3,6 lần, đạt 1,1 tỉ USD (đối với thị trường chứng khoán) và 0,5 tỉ USD (đối với thị trường nợ).

5. Tổng vốn huy động qua thị trường chứng khoán và thị trường nợ ước tính đạt 29 tỉ USD, tương đương với khoảng 45% tổng dư nợ tăng thêm trong năm 2021 (ngang với tổng vốn FDI).
6. Chỉ trong vòng 10 năm, số lượng công ty niêm yết có định giá trên 1 tỷ đô la Mỹ đã tăng từ 5 lên 62 công ty.
7. Thị trường chứng khoán Việt Nam có tỷ suất sinh lợi tốt nhất trong vòng 10 năm so với các thị trường lớn trên thế giới.

Fig. 1: Total Returns (USD Adjusted) – December 31, 2011 to December 31, 2021

Indices	Total Return	10Y CAGR
1 VNINDEX (Vietnam)	425.7%	18.0%
2 S&P 500 (US)	362.1%	16.5%
3 TAIEX (Taiwan)	300.4%	14.9%
4 TPF (class A)	285.2%	14.4%
5 NZX 50 (New Zealand)	249.5%	13.3%
6 NSE 500 (India)	242.3%	13.1%
7 Nikkei 225 (Japan)	174.6%	10.6%
8 CAC 40 (France)	172.9%	10.5%
9 CSI 300 (China)	158.5%	10.0%
10 DAX (Germany)	135.1%	8.9%
11 ASX 200 (Australia)	127.0%	8.5%
12 SET (Thailand)	110.2%	7.7%
13 KSE 100 (Pakistan)	99.8%	7.2%
14 MOEX (Russia)	97.8%	7.1%
15 KOSPI (South Korea)	86.1%	6.4%
16 HSI (Hong Kong)	79.3%	6.0%
17 PCOMP (Philippines)	69.7%	5.4%
18 FTSE 100 (UK)	69.3%	5.4%
19 JALSH (South Africa)	61.1%	4.9%
20 STI (Singapore)	60.3%	4.8%
21 JCI (Indonesia)	36.9%	3.2%
22 KLCI (Malaysia)	8.4%	0.8%
23 IBOVESPA (Brazil)	-38.0%	-4.7%

Chúng tôi tin rằng thị trường vốn sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam trong tương lai, đặc biệt đối với chủ đề của Diễn đàn hôm nay: *Phục hồi kinh tế & Phát triển chuỗi cung ứng trong bối cảnh bình thường mới*, với sự chú trọng vào khối kinh tế tư nhân trong nước:

1. **Tài chính công:** Chính phủ có thể quản lý nguồn thu và chi của ngân sách Nhà nước thông qua thị trường trái phiếu Chính phủ. Đây chính là công cụ tài chính để Chính phủ huy động nguồn vốn cho các dự án phát triển hạ tầng và giải quyết các nhu cầu ngân sách khác. Hơn thế nữa, trái phiếu Chính phủ đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thiết lập các chính sách tiền tệ và là cơ sở cho lãi suất phi rủi ro, vốn là một yếu tố nền tảng trong việc xác định giá vốn trên cả nước.
2. **Nguồn vốn trung và dài hạn:** các ngân hàng đang cần kiểm soát việc sử dụng các nguồn vốn ngắn hạn (chủ yếu là tiền gửi) để cho vay trung-dài hạn (chủ yếu là khoản vay cho doanh nghiệp, hộ gia đình) và có kế hoạch điều tiết tăng hoặc giảm hạn mức tín dụng qua các năm. Do đó, thị trường vốn sẽ là kênh huy động các khoản vay thay thế bên cạnh các ngân hàng thương mại cổ phần.

NCT Ngân hàng có 2 khuyến nghị sau:

Thứ nhất, mong nhận được phản hồi và chỉ đạo từ Chính phủ, Bộ Tài chính và NHNN trong vấn đề Truy thu hồi tố thuế GTGT đối với phí Thụ tín dụng (L/C). Chúng tôi ủng hộ quan điểm của NHNN và đề xuất không truy thu hồi tố thuế GTGT trong giai đoạn 10 năm để tháo gỡ các khó khăn, gánh nặng thuế.

Thứ hai, đề nghị NHNN xem xét nới room tín dụng để các ngân hàng có thể có nhiều dư địa cho vay, hỗ trợ các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) khi cần thiết.

3. **Khối kinh tế tư nhân:** Thị trường vốn là nguồn tài chính chủ lực cho sự phát triển của các công ty trong khối kinh tế tư nhân. Các công ty có thể tiếp cận các đối tác chiến lược thông qua các giao dịch trên thị trường vốn, đồng thời tìm ra mức định giá phù hợp cho doanh nghiệp của mình, bao gồm cả giá trị thương hiệu và các giá trị vô hình khác. Ngoài ra, thị trường vốn là một kênh sàng lọc – nơi chúng ta có thể xác nhận được chất lượng của các doanh nghiệp. Hơn thế nữa, thông qua việc niêm yết trên thị trường chứng khoán, các công ty sẽ xây dựng được cơ chế để giữ chân nhân tài và lập kế hoạch kế nhiệm, phát triển thương hiệu và triển khai việc mua bán sáp nhập. Minh chứng cho vai trò của thị trường vốn với sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, chính là sự gia tăng gấp 10 lần số lượng công ty có định giá trên 1 tỷ đô la Mỹ trong 10 năm qua.
4. **Chi phí huy động vốn:** Thị trường vốn có cơ chế xử lý và đánh giá thông tin liên tục, thông suốt và luôn là một nguồn tin cậy để đánh giá và xác định mức độ rủi ro. Chúng ta có thể thông qua thị trường vốn để xác định được chi phí huy động vốn cho mỗi doanh nghiệp.
5. **Tính minh bạch trong quản lý doanh nghiệp:** Thông qua các quy định về công bố thông tin và lợi ích của người có liên quan, nộp các báo cáo tài chính định kỳ, quản trị doanh nghiệp, v.v, thị trường vốn đã và đang thúc đẩy tính minh bạch trong hoạt động của các doanh nghiệp.
6. **Sản phẩm tiết kiệm và đầu tư dài hạn cho các cá nhân trong nước:** Ở các quốc gia phát triển, các cá nhân có thể đầu tư vào thị trường chứng khoán và thị trường nợ thông qua quỹ hưu trí và có những khoản đầu tư, tiết kiệm dài hạn cho tuổi già của mình. Phát triển các sản phẩm đầu tư trên thị trường vốn dành cho người dân sẽ giúp giảm gánh nặng an sinh xã hội cho Nhà nước và tạo điều kiện cho mỗi người dân chăm lo cho tương lai của mình.
7. **Cải cách doanh nghiệp Nhà nước:** Thị trường vốn hiện có các cơ chế giúp đẩy nhanh việc cải cách doanh nghiệp Nhà nước, như các quy định về minh bạch hoá thông tin, định giá giá trị doanh nghiệp, thoái vốn Nhà nước và sự tham gia của các đối tác chiến lược.
8. **Tài chính xanh:** Để thực hiện các cam kết hạn chế phát thải CO₂ của Việt Nam, chúng ta có thể dựa vào thị trường vốn như một công cụ để tài trợ cho các dự án đầu tư phát triển bền vững và định giá việc phát thải carbon.

NCT Ngân hàng kiến nghị:

Một là, Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cần sớm hoàn thiện khung chính sách tài chính nhằm phát triển thị trường vốn xanh và các sản phẩm tài chính xanh, thu hút vốn đầu tư cho phát triển xanh. Ngân hàng nhà nước cũng cần sớm ban hành các văn bản, quy định về

tín dụng xanh theo hướng cụ thể và tăng cường các yếu tố tạo động lực cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khi cung cấp tín dụng xanh.

Hai là, đề nghị cho phép phát triển các giải pháp tài trợ thương mại bền vững mới của ngân hàng nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai, ứng dụng các phương thức hoạt động bền vững hơn trong toàn bộ hệ sinh thái của họ cũng như xây dựng chuỗi cung ứng hiệu quả hơn, khuyến khích khách hàng cải thiện tính minh bạch trong công bố thông tin, báo cáo và cách sử dụng các nguồn tài nguyên, đồng thời đáp ứng các mục tiêu về Môi trường, Xã hội và Quản trị “ESG”.

Để phát huy tối đa vai trò của thị trường vốn, chúng ta cần phải có:

- 1. Sự hợp tác chặt chẽ và liên thông giữa các cơ quan ban ngành** gồm Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán. Mỗi cơ quan đều có vai trò rất quan trọng trong việc quản lý và phát triển thị trường vốn, nhưng đã đến lúc Việt Nam hướng tới một cơ quan có thẩm quyền quản lý tập trung và chuyên biệt cho thị trường vốn hay không?
- 2. Cơ sở hạ tầng hoàn thiện:** Thị trường vốn cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng cứng và cả cơ sở hạ tầng mềm. Việt Nam có hệ thống pháp luật vững chắc nhưng vẫn cần phải hoàn thiện thêm để đảm bảo tính thống nhất của các quy định pháp luật áp dụng cho thị trường nợ, thị trường chứng khoán, v.v. Ngoài ra, chúng ta cần triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán hiệu quả và đáng tin cậy, xây dựng cơ chế đối tác bù trừ thanh toán trung tâm, thành lập các tổ chức xếp hạng tín nhiệm và trên hết là đào tạo cán bộ quản lý có đầy đủ kinh nghiệm và quyền hạn thực thi.
- 3. Nhận thức niềm tin và bảo vệ nhà đầu tư:** Ở góc độ nào đó thị trường vốn mang tính phi vật chất, do đó, sự phát triển của thị trường vốn phụ thuộc rất nhiều vào niềm tin của nhà đầu tư – điều này chỉ được gây dựng thông qua việc nâng cao tính minh bạch và công bằng của thị trường, áp dụng biện pháp trừng phạt thoả đáng với các hành vi vi phạm và thực thi các cơ chế bảo vệ nhà đầu tư, đặc biệt là tại thị trường Việt Nam hiện có sự tham gia đông đảo của các nhà đầu tư cá nhân chiếm 93% tổng số giao dịch hàng ngày trên thị trường.
- 4. Thể chế hoá và đa dạng hoá đối tượng tham gia thị trường vốn:** Giống như bất kỳ hệ sinh thái nào, thị trường vốn phát triển mạnh mẽ nhờ sự đa dạng của các đối tượng tham gia, mức độ quan tâm, loại hình giao dịch, v.v. Thị trường vốn của Việt Nam hiện nay còn bị giới hạn, khi thị trường nợ phụ thuộc vào các ngân hàng thương mại và thị trường chứng khoán phụ thuộc vào các nhà đầu tư cá nhân. Chúng ta nên phát triển và kêu gọi sự tham gia của các đối tượng khác, như khuyến khích các quỹ hưu trí, các công ty bảo hiểm và các loại hình nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư chuyên nghiệp khác.
- 5. Mở rộng và liên thông với quốc tế:** Mặc dù Việt Nam có một nền kinh tế mở đáng kể, tuy nhiên sự tham gia của nhà đầu tư quốc tế vào thị trường vốn của Việt Nam còn khá thấp so với mức mà Việt Nam xứng đáng đạt được. Giải quyết tất cả các vấn đề để thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài có thể không đơn giản, nhưng nếu chúng ta nỗ lực phối hợp thì có thể mang lại kết quả ấn tượng hơn.
- 6. Đổi mới sáng tạo:** Chúng ta đã nghe nhiều đến cách mạng công nghiệp 4.0, tuy nhiên, cần có cơ sở pháp lý hấp dẫn và thuyết phục hơn để phát triển mảng công nghệ tài chính (fintech) và tạo ra cơ chế hỗ trợ vốn khởi nghiệp.

NCT Ngân hàng kiến nghị:

- (1) Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu sửa đổi Luật Giao dịch điện tử mới, ban hành Nghị định về định danh và xác thực điện tử, ban hành Nghị định hướng dẫn Luật An ninh mạng để đưa ra những chỉ dẫn phù hợp, cụ thể hơn.
 - (2) Ban hành Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng, nghiên cứu khung pháp lý cho phép áp dụng các sản phẩm quản lý dòng tiền – kết chuyển tiền mặt hữu hình tại Việt Nam.
 - (3) Chỉ đạo Bộ Công an hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, có cơ chế phân cấp chia sẻ thông tin, cho phép ngành Ngân hàng được kết nối và khai thác thông tin trực tuyến từ cơ sở dữ liệu này để phục vụ việc đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết khách hàng bằng phương thức điện tử.
7. **Quản trị rủi ro:** Cùng với việc phát triển thị trường vốn trong nước, các nhà hoạch định chính sách nên nghiên cứu các rủi ro ngoài biên giới Việt Nam, bao gồm: sự gia tăng không ngừng các khoản nợ trong hầu hết các nền kinh tế toàn cầu; sự tồn tại khó hiểu của lãi suất âm; lạm phát gia tăng và bất bình đẳng thu nhập trong các nước; sự thiếu vắng kế hoạch chuyển tiếp để giảm phát thải carbon; và biến động giá năng lượng toàn cầu; dân số già và nhu cầu chăm sóc an sinh xã hội ngày càng tăng.

Điện và năng lượng cho phát triển bền vững

Ông Michael R. DiGregorio, Trưởng Nhóm Công tác Môi trường VBF

COP26 cho thấy thế giới đã cam kết bắt đầu giảm phát triển nhiệt điện than. Chính phủ các nước, các tổ chức đa phương, khu vực tư nhân, ngân hàng, tất cả các tổ chức lớn tham gia lĩnh vực năng lượng đều đồng ý rằng các tác động tiêu cực đến môi trường lớn hơn rất nhiều so với các lợi ích kinh tế ngắn hạn.

Ngoài ra, nhập khẩu than để sản xuất nhiệt điện sẽ dẫn đến rủi ro về chuỗi cung ứng. Trong năm vừa qua, giá nguyên liệu than và dầu khí đều tăng cao do nhu cầu sau đại dịch và nguồn cung hạn chế, tạo ra áp lực lạm phát trong lĩnh vực sản xuất điện, vận tải, hóa chất, phân bón và thép.

Để thu hút nguồn vốn cần thiết để giảm, tiến tới dừng phát triển nhiệt điện than, Việt Nam sẽ cần thực hiện các dự án năng lượng khả thi, có tiềm năng huy động vốn và lượng phát thải thấp hơn. Tuy nhiên, để duy trì ổn định và phát triển lưới điện, Việt Nam cũng phải đảm bảo nguồn điện phụ tải đủ để thay thế nhiệt điện than. Điều này có nghĩa là quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, bao gồm thủy điện, điện gió và điện mặt trời, sẽ đòi hỏi lộ trình bao gồm lưu trữ năng lượng và khí hoặc năng lượng LNG linh hoạt. Các dự án này có thể được thiết kế ngay bây giờ để đưa hydro vào làm nguồn nhiên liệu sạch, tái tạo để đảm bảo nguồn điện phụ tải trong tương lai gần.

Tôi nghĩ hầu hết chúng ta đều hiểu rằng, nhiều công ty dầu khí lớn hiện đang đầu tư vào nguyên liệu hydro sau khi bỏ qua các cơ hội phát triển năng lượng tái tạo, bao gồm sản xuất hydro và phát triển chuỗi cung ứng. Những doanh nghiệp này kỳ vọng hydro sẽ được sử dụng trước tiên trong lĩnh vực sản xuất ô tô và giao thông, trước khi được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực cung ứng điện. Các doanh nghiệp hội viên của chúng tôi mong chờ kết quả thảo luận với các cơ quan chức năng Việt Nam trong

quá trình nghiên cứu xây dựng khuôn khổ pháp lý cho các dự án năng lượng chất lượng cao để tiếp cận nguồn vốn và các thị trường tài chính quốc tế. Biểu ưu đãi giá điện đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút nhà đầu tư và doanh nghiệp sản xuất năng lượng tái tạo, đưa Việt Nam trở thành quốc gia đi đầu về năng lực năng lượng tái tạo trong khu vực Đông Nam Á.

Năng lượng tái tạo phải là một phần trong tương lai năng lượng của Việt Nam. Tuy nhiên, EVN không thể tiếp tục bù giá với số lượng lớn và chịu lỗ trong quá trình bán điện. Điều kiện tiên quyết cho phát triển điện bền vững là EVN phải có đủ tiềm lực tài chính. Chúng tôi hoàn toàn hiểu rằng, các doanh nghiệp sản xuất, cơ sở lưu trữ và doanh nghiệp bán lẻ cần được hỗ trợ thông qua biểu ưu đãi giá điện khi chúng ta xây dựng lại chuỗi cung ứng thời hậu COVID. Tuy nhiên về dài hạn, mức giá quốc tế không bao gồm hỗ trợ đối với điện từ năng lượng tái tạo, LNG và các nguồn khác phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá điện của Việt Nam và giúp tuân thủ các thỏa thuận quốc tế về khí hậu.

Ngoài ra, năng lực tài chính của EVN và các PPA có khả năng huy động vốn sẽ giúp các nhà đầu tư tư nhân có thể tiếp cận nguồn tài chính xanh với chi phí thấp hơn và giảm lượng phát thải CO₂. Nhóm Công tác Điện & Năng lượng cũng như Nhóm Công tác Môi trường của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam chân thành cảm ơn cơ hội được tiếp tục đóng góp ý kiến thiết thực cho quá trình đối thoại chính sách về phát triển ngành năng lượng của Việt Nam. Lãnh đạo các cơ quan Chính phủ, doanh nghiệp, tài chính và kỹ thuật tham dự diễn đàn hôm nay đã và đang tích cực phối hợp để đảm bảo rằng nguồn điện sạch là lựa chọn hấp dẫn nhất trong lĩnh vực phát điện mới cho Việt Nam. Bên cạnh đó để thể hiện sự ủng hộ đối với mục tiêu không phát thải các-bon vào năm 2050, chúng tôi cũng đang xây dựng một liên minh bao gồm các ngân hàng, tổ chức tài chính, nhà đầu tư, quy hoạch, phát triển, cung cấp thiết bị và dịch vụ để cùng phối hợp trong quá trình hiện thực hóa các mục tiêu này. Các đơn vị này sẽ đóng góp chuyên môn kỹ thuật, xã hội/môi trường và tài chính tốt nhất cộng với hiểu biết bối cảnh địa phương và tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở mức cao nhất. Chúng tôi cũng hiểu rõ những thay đổi trong môi trường địa chính trị liên quan đến biến đổi khí hậu trong vài năm qua. Giờ đây, ngay cả những quốc gia thờ ơ nhất cũng đã nhận thức được tác động của biến đổi khí hậu đối với an ninh, ổn định chính trị, hệ sinh thái và nền kinh tế của họ. Đặc biệt, EU đã giải quyết những vấn đề này thông qua “thỏa thuận xanh”, bao gồm đề xuất về Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon. Theo dự thảo quy định được trình lên Nghị viện EU, các nhà nhập khẩu sẽ phải mua hạn ngạch phát thải đối với lượng các-bon có trong 30 ngành hàng, với mức giá bằng giá trung bình hàng tuần của các hạn ngạch phát thải tương tự áp dụng tại EU. Chúng tôi tin rằng việc điều chỉnh biên giới các-bon sẽ đóng vai trò ngày càng lớn trong chuỗi cung ứng không chỉ với EU mà còn với các đối tác thương mại khác của Việt Nam. Khi doanh nghiệp và các quốc gia cố gắng giảm lượng khí thải carbon, tại thời điểm này, chỉ hoạt động nhập khẩu sắt thép, nhôm, phân bón và xi măng sẽ được đưa vào CBAM (Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon) đề xuất. Tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang EU đối với các nhóm hàng hóa này cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 6 năm 2021 là khoảng 1 tỷ Euro. Chúng tôi chưa rõ mức phí cấp giấy phép phát thải mà EU sẽ áp dụng là bao nhiêu khi các doanh nghiệp nhập khẩu bắt đầu chi trả vào năm 2026. Tuy nhiên, với mức phí cấp giấy phép phát thải của EU và tỷ lệ xuất khẩu như hiện tại, chỉ riêng các doanh nghiệp nhập khẩu sắt thép sẽ phải mua 1,7 triệu chứng chỉ với chi phí 137 triệu Euro. Đây là cơ hội để Việt Nam thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang các công nghệ của thế kỷ 21 giúp giảm lượng phát thải các-bon và sẽ khuyến khích Chính phủ “thận trọng chấp nhận” đề xuất của EU. Trong vài năm tới, Việt Nam có thể phối hợp với EU xây dựng khung thời gian thực hiện, hỗ trợ xây dựng, thực hiện hệ thống buôn bán phát thải của Việt Nam và hỗ trợ chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực và cải cách chính sách để chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp hơn.

Vào năm 2020, Nhóm Công tác Điện & Năng lượng của VBF đã xây dựng Kế hoạch năng lượng sản xuất tại Việt Nam 2.0 (MVEP 2.0) nhằm xác định lộ trình đảm bảo cung ứng điện an toàn, tin cậy và đảm bảo cho Việt Nam. Kế hoạch đó đã tập trung vào các nguồn năng lượng của chính Việt Nam. Trong năm 2022, Nhóm Công tác Điện & Năng lượng sẽ xây dựng kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam (MVEP 3.0), trong đó tập trung hỗ trợ khu vực tư nhân thực hiện QHĐ 8, đặc biệt liên quan đến huy động vốn từ khu vực tư nhân, lập kế hoạch, đầu tư, phát triển và vận hành trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực và đưa ra khuyến nghị về tiêu chuẩn kỹ thuật cho quy hoạch phát triển điện bền vững.

Kinh tế số là chìa khóa cho sự tăng trưởng

Bà Hà Nguyễn, Đồng Trưởng Nhóm Kinh tế số VBF

Đại dịch COVID-19 đã đẩy nhanh ứng dụng công nghệ và sự cần thiết của dịch vụ dữ liệu hơn bao giờ hết. Các tổ chức nắm bắt được công nghệ số có thể nhanh chóng thích ứng trong bối cảnh gián đoạn do đại dịch, tận dụng tính linh hoạt của công nghệ để mở rộng hoặc thu hẹp quy mô dịch vụ, tiết kiệm chi phí và tối ưu hóa tài nguyên. Đổi mới sáng tạo và các công nghệ mới tiếp tục phát triển mạnh mẽ đặt ra yêu cầu hợp tác công - tư hiệu quả để hỗ trợ chung tay giải quyết những thách thức sắp tới, cùng nhau đổi mới sáng tạo, thử nghiệm các ý tưởng mới cũng như trao đổi kiến thức chuyên môn, đem lại giá trị lớn khi tạo ra môi trường chính sách thuận lợi hơn. Chính phủ Việt Nam có nhiều cơ hội hơn để tìm hiểu về các công nghệ mới, từ đó có thể định hướng xây dựng các chính sách hiệu quả hơn và phù hợp hơn với mục đích, để bắt kịp tốc độ hoặc thậm chí là đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

Chính phủ với vai trò tiên phong trong chuyển đổi số

Chiến lược quan trọng nhất mà Chính phủ có thể áp dụng để đẩy nhanh quá trình phục hồi kinh tế - xã hội là tiên phong chuyển đổi số và khuyến khích quá trình chuyển đổi. Ngoài những nỗ lực trong ngắn hạn, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ Việt Nam quan tâm tới những lợi ích lâu dài của chuyển đổi số và hỗ trợ tối đa cho những bước tiến sắp tới. Ví dụ: như chúng ta đã thấy từ đại dịch, dịch vụ điện toán đám mây đã giúp nhiều chính phủ và tổ chức thích ứng và duy trì hoạt động trong những thời điểm gián đoạn nhờ khả năng tiết kiệm chi phí, mở rộng quy mô, hạ tầng tin cậy và bảo mật. Để tăng cường khả năng phục hồi bền vững, Chính phủ Việt Nam có thể đưa ra các Chính sách Ưu tiên sử dụng điện toán đám mây với định hướng khuyến khích các cơ quan chính phủ và các tổ chức khác áp dụng dịch vụ điện toán đám mây thương mại. Với vai trò tiên phong trong hành động, Chính phủ có thể thấy được cách thức cải thiện tính minh bạch, cung cấp các dịch vụ sáng tạo hơn cho người dân và giảm chi phí CNTT cho khu vực công khi sử dụng nền tảng điện toán đám mây; và từ đó sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa khuyến khích các doanh nghiệp và tổ chức khác. Các chính sách ưu tiên ứng dụng điện toán đám mây hiệu quả nhất thường qui định rõ vai trò và trách nhiệm của các tổ chức chính phủ và nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro để phân loại và sử dụng dữ liệu, để tuân thủ và công nhận các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời có cơ chế đấu thầu, mua sắm theo mô hình thanh toán dịch vụ theo lượng thực sử dụng dịch vụ. Khi khai thác lợi ích của điện toán đám mây, các cơ quan nhà nước, tổ chức khu vực công có thể tập trung vào nhiệm vụ cốt lõi là phục vụ người dân.

Chúng tôi rất vui mừng với những nỗ lực của Chính phủ trong việc triển khai hơn 1000 dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Để đạt được những bước tiến xa hơn nữa, việc công nhận các giấy tờ có chữ ký điện tử cấp cho cá nhân là rất quan trọng. Nền tảng của một thế giới số hóa là cung cấp các giải pháp điện tử thay thế cho chữ ký tay và nhận dạng cá nhân thủ công. Việc thống nhất các tiêu

chuẩn của Việt Nam với các tiêu chuẩn trong Quy định về Định danh Điện tử và Dịch vụ Tin cậy (eIDAS) sẽ là bước đầu tiên, từ đó đẩy nhanh các quy định về các tiêu chuẩn Chữ ký Điện tử và hướng tới một tiêu chuẩn hài hòa toàn cầu.

Tăng cường đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp (startups)

Trong quá trình phục hồi nền kinh tế sau đại dịch, Chính phủ Việt Nam có thể đầu tư và hỗ trợ cho các ý tưởng có khả năng khởi động lại nền kinh tế. Các startup và các doanh nghiệp vừa và nhỏ là trọng tâm của các giải pháp sáng tạo này và là động lực tăng trưởng quan trọng cho Việt Nam. Nhiều startup và DNNVV của Việt Nam đã được hưởng lợi từ hạ tầng công nghệ tiên tiến do các thành viên của chúng tôi cung cấp hỗ trợ các startup trong giai đoạn đầu xây dựng, ra mắt và phát triển các giải pháp về y tế, chính phủ số, thành phố thông minh, nông nghiệp Để giúp các doanh nghiệp Việt Nam có động lực tham gia đóng góp cho khu vực công, nhiều thành viên của chúng tôi cung cấp các thiết kế kỹ thuật và đánh giá về kiến trúc, tư vấn, cấp tín dụng và hỗ trợ kế hoạch tiếp cận thị trường để tìm ra các giải pháp đáp ứng các yêu cầu quy định nghiêm ngặt về bảo mật trong khu vực công.

Chính phủ Việt Nam có thể tiên phong ứng dụng công nghệ mới và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp bằng cách đầu tư vào chính sách, bao gồm cả những chính sách dành riêng cho từng ngành, giúp các startup tận dụng tốt nhất lợi ích của các công nghệ mới. Ví dụ: cho phép lưu chuyên dữ liệu xuyên biên giới giúp các startup và doanh nghiệp vừa và nhỏ mở rộng quy mô và đưa các doanh nghiệp sáng tạo ra thế giới. Việc khuyến khích lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới sẽ giúp cải thiện năng suất và hoạt động thương mại, đồng thời phát triển các chính sách thúc đẩy thương mại số trong khu vực có thể thúc đẩy căn bản nền kinh tế trong nước.

Số hóa và giảm phát thải cacbon

Các công nghệ mới đã giúp các nước châu Á đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, đồng thời mở đường cho việc giảm phát thải cacbon. Ví dụ, các công ty đã có thể giảm lượng phát thải carbon bằng cách áp dụng chữ ký số hoặc chuyển sang ứng dụng điện toán đám mây. Các công nghệ mới cho phép chúng ta sử dụng năng lượng hiệu quả hơn và chính sách của Chính phủ có thể hướng tới khuyến khích phát triển các công cụ và dịch vụ hỗ trợ các tổ chức thiết kế và đổi mới bền vững.

Đầu tư vào năng lượng tái tạo để góp phần thúc đẩy những nỗ lực sử dụng năng lượng hiệu quả trong các hoạt động cũng sẽ là chìa khóa giúp chúng ta đạt được những kết quả bền vững hơn cho Việt Nam. Nhiều thành viên Nhóm Công tác Kinh tế số của chúng tôi là những công ty mua năng lượng tái tạo lớn nhất thế giới và chúng tôi đang trên đường tiến tới vận hành các hoạt động của doanh nghiệp hoàn toàn dựa vào năng lượng tái tạo vào năm 2025. Chúng tôi sẽ tiếp tục hợp tác với các đối tác công - tư để hỗ trợ tạo ra nhiều lựa chọn đầu thầu năng lượng tái tạo hơn cho các doanh nghiệp trong khu vực. Việc Chính phủ trung ương cũng như chính quyền địa phương phát triển các chính sách phù hợp cho quá trình chuyển đổi song song giữa số hóa và giảm phát thải cacbon sẽ là yêu cầu cấp thiết để định hình tương lai kinh tế bền vững cho đất nước.

Hạ tầng số và dịch vụ công nghệ mới

Chúng tôi rất vui mừng với những công bố của Chính phủ khuyến khích các công ty công nghệ toàn cầu đầu tư vào hạ tầng số và các dịch vụ mới (như Internet Vạn vật, Hạ tầng như một dịch vụ, Trung tâm dữ liệu, v.v.). Những dịch vụ mới này có vai trò nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế số năng động và mạnh mẽ của Việt Nam. Các dịch vụ công nghệ mới sẽ thúc đẩy mục tiêu mở cửa nền

kinh tế số của Việt Nam và giúp các doanh nghiệp trong nước tiếp cận với thành tựu đổi mới toàn cầu, qua đó hỗ trợ và tăng cường chuyển đổi số. Chúng tôi khuyến nghị các luật và quy định mới về kinh tế số, công nghệ số nên loại bỏ chế độ cấp phép. Thay vào đó, Chính phủ có thể xem xét các chương trình khuyến khích ưu đãi đầu tư vào hạ tầng số và triển khai các dịch vụ công nghệ mới.

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xem xét các phương diện như sau trong quá trình xây dựng những quy định có thể ảnh hưởng đến hạ tầng số và các dịch vụ công nghệ mới, để khuyến khích việc phát triển các dịch vụ đổi mới sáng tạo.

- Tiếp cận chính sách phù hợp với mục đích đã được cân nhắc kỹ lưỡng các mô hình kinh doanh khác nhau hoạt động trên nhiều ngành và trên nhiều khu vực pháp lý, mỗi lĩnh vực lại có những mối quan tâm về rủi ro và kinh doanh khác nhau.
- Thống nhất các quy định với các tiêu chuẩn quốc tế để tối đa hóa giá trị trong các quy trình tuân thủ và để đảm bảo mọi yêu cầu trong nước vẫn phù hợp với chuẩn mực toàn cầu.
- Khuyến khích đổi mới sáng tạo và tạo ra sân chơi bình đẳng. Bất kỳ quy định mới nào cũng cần được thiết kế sao cho không hạn chế khả năng đổi mới của các nhà cung cấp dịch vụ công nghệ. Các quy định mới sẽ tạo ra một sân chơi bình đẳng cho tất cả bên và hỗ trợ đổi mới trong toàn ngành.
- Tránh việc quản lý can thiệp quá sâu và chồng chéo trong các qui định để không vô tình tác động đến tất cả các lĩnh vực cùng sử dụng chung các dịch vụ công nghệ mới (như viễn thông, dịch vụ tài chính, năng lượng, ô tô, y tế, hàng không vũ trụ và các lĩnh vực khác).

Lưu chuyển dữ liệu tự do xuyên biên giới một cách an toàn và phù hợp với chuẩn mực bảo mật quốc tế

Việc cho phép lưu chuyển dữ liệu tự do xuyên biên giới là vô cùng thiết yếu đối với các doanh nghiệp Việt Nam và các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam để phục vụ khách hàng trong nước và quốc tế. Tại những quốc gia không có hạn chế việc lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới, các doanh nghiệp dựa vào công nghệ có thể tận dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến nhất, mở rộng qui mô khi cần thiết hoạt động với chi phí hợp lý, đảm bảo an toàn và phân tán rủi ro cho dữ liệu cá nhân hoặc nhạy cảm được lưu trữ, giảm thiểu việc kẻ xấu tìm và truy cập dữ liệu.

Để thúc đẩy Việt Nam trở thành một trung tâm đầu tư công nghệ hấp dẫn, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ khuyến khích lưu chuyển tự do dữ liệu xuyên biên giới, đưa ra các hướng dẫn chuyển đổi dữ liệu an toàn và bảo mật, chẳng hạn như công nhận các chứng chỉ bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu, và các chứng chỉ quản lý thông tin của bên thứ ba có uy tín được quốc tế công nhận. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xem xét lại các yêu cầu lưu trữ dữ liệu trong nước hiện đang được đề xuất trong luật và các nghị định về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dịch vụ internet và trung tâm dữ liệu...), để giải quyết các những quan ngại liên quan đến lưu trữ dữ liệu mà cộng đồng doanh nghiệp quốc tế đã nêu lên, để đảm bảo người dân, các doanh nghiệp và các cơ quan chính phủ có thể tối đa hóa lợi ích kinh tế và xã hội to lớn của dữ liệu và công nghệ số.

Nâng cao năng lực và đào tạo lại kỹ năng số cho lực lượng lao động

Chúng tôi đề xuất Chiến lược số của Chính phủ tích cực ủng hộ các nỗ lực chuyển đổi số, chẳng hạn như đầu tư vào phát triển các kỹ năng số cho lực lượng lao động, ban hành các chính sách thuận lợi cho việc áp dụng và đổi mới công nghệ cũng như khuyến khích số hóa doanh nghiệp. Một bài học rút ra từ đại dịch Covid-19 là lực lượng lao động của chúng ta cần được trang bị các kỹ năng số cần thiết

để nắm bắt và thúc đẩy chuyển đổi. Để giải quyết nhu cầu ngày càng tăng này, nhiều thành viên của VBF đã tổ chức giáo dục và đào tạo cho sinh viên, các cơ sở giáo dục đại học, lực lượng lao động nói chung và những cá nhân mất hoặc thiếu việc làm. Việc thu hẹp khoảng cách kỹ năng sẽ cần có sự hợp tác công - tư sâu rộng hơn, và điều này có thể đạt được trên một số lĩnh vực khác nhau, với đối tượng hướng đến không chỉ là sinh viên và người lao động có tay nghề cao, mà còn cả những lao động hiện không có việc làm. Dưới đây là một số gợi ý chung:

- Xây dựng lộ trình đào tạo kỹ năng số để xác định các xu hướng và những kỹ năng còn thiếu hụt;
- Nuôi dưỡng năng lực số nền tảng cho học sinh, tập trung vào lĩnh vực STEM;
- Khuyến khích các nhà tuyển dụng, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và siêu nhỏ, đầu tư vào phát triển kỹ năng số cho người lao động; và
- Thúc đẩy các chương trình học tập suốt đời để không ngừng trau dồi kỹ năng.

Những gợi ý mang tính căn cơ này có thể là chỉ dẫn giúp các Chính phủ bắt đầu đánh giá những thách thức và ưu tiên về kỹ năng của từng nước. Đây là điều cần thiết để xây dựng các chương trình nâng cao kỹ năng hiệu quả và có sức ảnh hưởng. Chúng tôi mong muốn được hợp tác với Chính phủ Việt Nam để xây dựng các chương trình này.

Sản phẩm số Việt Nam vươn ra toàn cầu

Cộng đồng doanh nghiệp quốc tế ủng hộ khát vọng của Chính phủ Việt Nam đưa các sản phẩm và giải pháp số của doanh nghiệp Việt Nam ra thị trường thế giới. Nền kinh tế số của Việt Nam sẽ được kết nối với nền kinh tế số toàn cầu thông qua việc thúc đẩy các quan hệ đối tác và tiếp cận cơ hội quốc tế. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ tham gia các quan hệ đối tác và khuôn khổ toàn cầu xây dựng các chuẩn mực cho lĩnh vực kỹ thuật số, mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp kỹ thuật số và nền kinh tế số của Việt Nam. Các quốc gia trên khắp các châu lục đang đẩy mạnh hợp tác kinh tế số, từ đó mang lại lợi ích cho các nền kinh tế tham gia, hỗ trợ một nền kinh tế số toàn cầu có tính mở, đổi mới và hội nhập.

Việt Nam đã trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn kể từ khi tham gia nhiều hiệp định thương mại quốc tế và hội nhập thương mại toàn cầu. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ thực hiện các bước tiếp theo, tham gia các hiệp định kinh tế số toàn cầu để phát huy tiềm năng năng lực số, nhanh chóng đạt được tham vọng trở thành một nền kinh tế có thu nhập cao.

Hợp tác giữa Chính phủ, khu vực tư nhân quốc tế và trong nước để tiến xa hơn trên hành trình chuyển đổi số

Chuyển đổi số tất cả các ngành và toàn bộ nền kinh tế là một hành trình dài, cần rất nhiều nỗ lực của tất cả mọi người, và doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn rất nhiều việc phải làm để chuyển đổi hình thức kinh doanh. Các thành viên Nhóm Công tác Kinh tế số của VBF mong muốn tăng đầu tư vào Việt Nam trong các lĩnh vực như hạ tầng kỹ thuật số, dịch vụ, giải pháp, nguồn lực đối tác, nguồn lực đào tạo, nhằm hỗ trợ tối đa cho Chính phủ, các đối tác công nghệ và khách hàng Việt Nam trong hành trình này. Chúng tôi mong muốn được tham gia thảo luận để đạt được sự đồng thuận trong các chính sách kinh tế số.

PHẢN HỒI CỦA ĐẠI DIỆN CÁC BỘ, NGÀNH

Phản hồi của Ông Nguyễn Sinh Nhật Tân, Thứ trưởng Bộ Công thương

Về Quy hoạch Điện VIII, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương đang rà soát sát sao Quy hoạch Điện VII điều chỉnh để xây dựng Quy hoạch Điện VIII trên tinh thần tập trung chuyển sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh, sạch. Cụ thể, ưu tiên thúc đẩy dự án năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió, trong đó có điện gió ngoài khơi, chú trọng đến cân đối vùng miền các hệ thống đường truyền tải cũng như điện phụ tải, đảm bảo tính khả thi khi thực hiện quy hoạch.

Để thực hiện mục tiêu như tuyên bố của Thủ tướng Chính phủ tại COP 26, Bộ Công thương sẽ cố gắng hết sức trong việc khuyến khích, kêu gọi đầu tư về năng lượng sạch cũng như phát triển các ngành công nghiệp sạch mà trong đó sử dụng các năng lượng mới. Bộ Công thương cam kết sẽ tham khảo ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp đối với dự thảo mới nhất Quy hoạch điện VIII.

Phản hồi của Ông Nguyễn Đức Chí, Thứ trưởng Bộ Tài chính

Bộ Tài chính đã tham gia và phản hồi tích cực đối với các vấn đề của cộng đồng doanh nghiệp nêu tại Phiên họp Kỹ thuật. Bộ sẽ hoàn thiện báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ và sẽ có kế hoạch để giải quyết các vấn đề này.

Trong năm 2022, Bộ tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp. Bộ Tài chính nằm trong số nhóm đầu các cơ quan chính phủ về cải cách hành chính từ năm 2014 đến nay.

Trong năm qua, đối với các khuyến nghị của doanh nghiệp được tổng hợp bởi các hiệp hội doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã nghiên cứu và giải quyết kịp thời, góp phần tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp. Bộ Tài chính cũng thường xuyên thực hiện các buổi đối thoại với các hiệp hội doanh nghiệp, đặc biệt với các vấn đề thuế, hải quan. Trên cơ sở các buổi thảo luận này, Bộ đã kịp thời giải quyết phần lớn các vướng mắc của doanh nghiệp.

Bộ tiếp tục cải cách sâu rộng thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực thuế, hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các hoạt động của mình, đồng thời qua đó đơn giản hóa quá trình thanh tra, kiểm tra của Bộ Tài chính, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục thuế, hải quan.

Đối với thị trường vốn, Bộ Tài chính tiến hành xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo thị trường chứng khoán hoạt động công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư. Với sự ủng hộ của các thành viên thị trường, các nhà đầu tư và sự tham gia quản lý tích cực của các Bộ, ngành trong thời gian tới, chúng ta hy vọng thị trường vốn sẽ có sự phát triển vượt bậc, đáp ứng kỳ vọng của các nhà đầu tư cũng như NCT Thị trường Vốn.

Bộ Tài chính cam kết tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các hiệp hội doanh nghiệp trong khuôn khổ diễn đàn hôm nay để phối hợp giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Bộ Tài chính, đáp ứng kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp.

Phản hồi của Ông Lê Văn Thanh, Thứ trưởng, Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội:

Về chính sách lao động đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Theo quy định tại Bộ luật lao động có hiệu lực từ ngày 1/1/2021, đây không chỉ là chính sách quản lý lao động với mục đích đảm bảo việc làm với lao động trong nước mà còn đảm bảo chất lượng trình độ, chuyên môn kỹ thuật đối với lao động nước ngoài nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của khối doanh nghiệp, tổ chức.

Trong những năm qua, công tác triển khai chính sách của những lao động nước ngoài được thực hiện đồng bộ, kịp thời, có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành Lao động, Thương binh và Xã hội, Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Ngoại giao trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, chia sẻ thông tin, giải quyết vướng mắc phát sinh trong thực tế. Thực hiện tốt các chính sách về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam vừa có thể đảm bảo người lao động lao động nước ngoài luôn là lực lượng lao động có trình độ cao tại những vị trí quan trọng, hướng tới nâng cao chất lượng lao động, tạo tiền đề trong việc hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp lớn, đặc biệt là doanh nghiệp làm việc tập trung, tại các dự án, các công trình trọng điểm Quốc gia, dự án áp dụng công nghệ mới của các tập đoàn đa quốc gia. Đồng thời, chính sách quản lý lao động nước ngoài cũng góp phần hỗ trợ bảo vệ vị trí lao động việc làm cho lực lượng lao động trong nước, tạo ra thu nhập ổn định cuộc sống và góp phần tạo ra thị trường lao động lành mạnh.

Trên cơ sở đó, Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội (Bộ LĐ,TB&XH) đã tham mưu trình các cấp có thẩm quyền ban hành:

- Bộ luật lao động, điều 151 đến 157, quy định về quản lý lao động nước ngoài
- Nghị định 152, ngày 30/12/2020 của Chính Phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng quản lý lao động Việt Nam làm cho tổ chức cá nhân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Trong quá trình triển khai thực hiện, bên cạnh kết quả tích cực đạt được, còn có nhiều kiến nghị của một số tổ chức, doanh nghiệp. Để giải quyết, Bộ LĐ,TB&XH đã phối hợp với bộ ngành liên quan, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết 105, ngày 9/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh COVID-19. Trong đó, tại điểm a khoản 4 mục 3 của Nghị quyết, Chính phủ giao bộ LĐ,TB&XH chỉ đạo các địa phương thực hiện linh hoạt, nói lỏng một số quy định, điều kiện được cấp, gia hạn, xác nhận giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam phù hợp với bối cảnh mới nhưng tuyệt đối an toàn về phòng dịch COVID-19. Bộ LĐ,TB&XH cũng đã có công văn 3246 ngày 24/9/2021 gửi Ủy ban tỉnh, thành phố và Trung Ương hướng dẫn cho Nghị quyết trên. Cơ bản các khó khăn, vướng mắc của Nghị định 152 đã được tháo gỡ bởi Nghị quyết 105 của Chính phủ.

Về hỗ trợ, thu hút các lao động nước ngoài.

Bộ LĐ,TB&XH tham mưu trình các cấp có thẩm quyền ban hành ngày 9/9/2021 về thu hút, quản lý, sử dụng hiệu quả lao động nước ngoài tại Việt Nam. Trong đó, có nội dung yêu cầu đảm bảo thu hút có chọn lọc lao động nước ngoài là chuyên gia, nhà quản lý giỏi, lao động có trình độ, chuyên môn, kỹ thuật cao mà Việt Nam thực sự có nhu cầu và người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được.

Qua diễn đàn hôm nay, vẫn còn những phản ánh về việc quy định quá chặt chẽ trong việc cấp, gia hạn giấy phép lao động nước ngoài tại Việt Nam, chúng tôi xin ghi nhận và tiếp tục tham mưu sửa đổi và tạo điều kiện hơn nữa trong việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài tại Việt Nam.

Về phát triển nhân lực, nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động.

Đây là một trong ba đột phá chiến lược được Việt Nam ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2030. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực để tranh thủ thời cơ dân số vàng, hình thành nguồn nhân lực, trực tiếp, hiệp quả và kỹ năng nghề cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ LĐ, TB&XH khuyến khích nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động tương lai thông qua sự hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư nhân. Hoan nghênh việc thành lập nhóm tổ chức giáo dục Quốc tế với bộ Giáo dục & Đào tạo cũng như xem xét quy định về hỗ trợ số hóa cũng như quy định về tiếp cận nhiều hơn để cho phép học tập suốt đời và cũng hết sức chú trọng để việc nâng cao năng lực, đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động. Năm 2021, Bộ LĐ, TB&XH đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 1446 ngày 30/8/2021 phê duyệt chương trình đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nhằm mục tiêu xây dựng đào tạo nguồn nhân lực ở các trình độ, giáo dục nghề nghiệp để có kiến thức, kỹ năng phù hợp, để tiếp thu làm chủ khai thác, vận hành hiệu quả những tiến bộ công nghệ của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4, gắn kết đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và nguồn nhân lực, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh Quốc gia, sẵn sàng đón nhận làn đầu tư FDI mới dịch chuyển vào Việt Nam.

Về vấn đề tổ chức đại diện của người lao động tại cơ sở và công tác đảm bảo bình đẳng mới

Như đã trao đổi trong phiên Kỹ thuật ngày 18/2/2022, chúng tôi tiếp tục phối hợp các bộ ngành, chỉ đạo các Sở LĐ, TB&XH địa phương thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

PHÁT BIỂU BẾ MẠC CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH

- Việt Nam đã và đang thực hiện công cuộc Đổi mới được hơn 30 năm, tập trung vào 3 nội dung chính:
 - Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa để tập trung mọi nguồn lực phát triển kinh tế;
 - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng;
 - Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với ba nội dung chủ yếu: xóa bỏ quan liêu, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần và hội nhập kinh tế quốc tế.
- Kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 22,6% lên gần 670 tỷ USD - cao nhất từ trước đến nay, đưa Việt Nam trở thành một trong 20 quốc gia có giá trị thương mại lớn nhất thế giới. Thu hút vốn FDI năm 2021 tăng mạnh (9,2%).
- Về tiêm chủng vắc xin Covid-19, Việt Nam là 1 trong 6 nước có tỷ lệ bao phủ vắc xin cao nhất trên thế giới. Việt Nam đã chuyển trạng thái sang thích ứng an toàn và linh hoạt, kiểm soát hiệu quả đại dịch COVID-19 kể từ tháng 10/2021, tạo điều kiện cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam đánh giá cao vai trò và những đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp.
- Với phương châm người dân và doanh nghiệp là trung tâm, Chính phủ Việt Nam tiếp tục thực hiện 3 chiến lược trọng tâm bao gồm hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

Mục tiêu và định hướng đến năm 2022: Năm 2022 có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam, tạo đà cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng chiến lược đến năm 2030.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ trong bối cảnh “bình thường mới” cũng như thực hiện chương trình khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội với quy mô 350.000 tỷ đồng (khoảng trên 4% GDP), cùng với chương trình phòng, chống đại dịch trên cơ sở tích lũy kinh nghiệm trong 3 năm gần đây.
- Tập trung các giải pháp khôi phục chuỗi cung ứng, đảm bảo lưu thông hàng hóa, ổn định nguồn xăng dầu; duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, thông suốt. Trọng tâm là ưu tiên các giải pháp phòng chống dịch, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách thuế, tín dụng, nhân lực, hạ tầng và logistic. Đặc biệt là phát triển thị trường theo định hướng, cạnh tranh, hiệu quả và bền vững hơn trong các lĩnh vực sau: Vốn, đất đai, tài nguyên, khoa học công nghệ và trí tuệ.
- Tạo môi trường bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; khuyến khích đầu tư tư nhân và nước ngoài; đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp thông minh, bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo; xây dựng hạ tầng và các công trình phục vụ an sinh xã hội.
- Ưu tiên hơn cho đầu tư khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển
- Tận dụng cơ hội từ các hiệp định FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, v.v. để mở rộng thị trường, đa dạng hóa quan hệ đầu tư, kinh doanh, cân đối hài hòa với phát triển thị trường trong nước; thực hiện các biện pháp mạnh, hiệu quả để ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, tăng cường truy xuất nguồn gốc hàng hóa, v.v.
- Trên cơ sở coi nội lực (bao gồm con người, tài nguyên thiên nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa) là chiến lược cơ bản và lâu dài bên cạnh ngoại lực (hỗ trợ về thể chế, tài chính, công nghệ, quản trị và nguồn nhân lực) là những yếu tố quan trọng, mang tính đột phá, Việt Nam đang tập trung vào ba đột phá chiến lược về thể chế, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.
 - Về thể chế, Việt Nam sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, nhất là những vấn đề mới phát sinh cần điều chỉnh để tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.
 - Về cơ sở hạ tầng, Việt Nam sẽ tập trung vào hạ tầng chiến lược, đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật số, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, v.v.
 - Về đào tạo nguồn nhân lực, Việt Nam chuyển mạnh từ việc chỉ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.
 - Bên cạnh đó, Việt Nam cũng sẽ tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- Về chuyển đổi số, Thủ tướng nhấn mạnh Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện (hạ tầng số, chính phủ số, công dân số, kinh tế số)
- Về chuyển đổi xanh, trên tinh thần không đánh đổi môi trường, hướng tới phát triển bền vững, Thủ tướng mong nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ nhiều hơn nữa của cộng đồng quốc tế về hoàn thiện thể chế, đa dạng hóa nguồn vốn, công nghệ xanh, công nghệ sạch, quản trị và nguồn nhân lực.
- Thủ tướng Chính phủ giao các bộ liên quan tổng hợp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp để báo cáo Thủ tướng; giao các bộ nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; đặc biệt là hướng dẫn và giám sát việc thực hiện chính sách ở tất cả các cấp.

- Thủ tướng giao các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và cơ quan Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phản hồi kịp thời các kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp tại diễn đàn này; yêu cầu tăng cường tổ chức đối thoại chính sách với các hiệp hội doanh nghiệp trong và ngoài nước để giải quyết những tồn tại, hạn chế, tháo gỡ các rào cản về thể chế, pháp luật; thúc đẩy sự phát triển và phục hồi của chuỗi sản xuất.
- Thủ tướng cũng yêu cầu các Bộ liên quan xem xét tiếp thu các đề xuất, kiến nghị phù hợp tại Diễn đàn vào chương trình, kế hoạch hành động của các Bộ để thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 43 của Quốc hội về chính sách tài khóa và tiền tệ hỗ trợ chương trình.

Thủ tướng kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, Chính phủ và người dân thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 với kết quả cao./.

Hợp tác cùng



Tài trợ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên

Nhà tài trợ Bạch Kim



Nhà tài trợ Vàng



Nhà tài trợ Bạc



Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF)



Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ

Ban Thư ký Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF)

Tầng 3B, Tòa nhà Văn phòng Horizon, 40 Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 84-24 3715 2223

Fax: 84-24 3715 2218

Email: info@vbf.org.vn

Website: www.vbf.org.vn

LinkedIn: www.linkedin.com/company/vietnam-business-forum-consortium/

Cục Đầu tư Nước ngoài

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 84-804 8416

Fax: 84-24 3734 3769